

UNIVERSITY OF CA RIVERSIDE LIBRARY



3 1210 02015 8521

NGUYỄN TỰ
TÂN BIÊN
TRUYỀN KỶ
MẠN LỤC



TRUNG TÂM HỌC LIỆU XUẤT BẢN

TỦ SÁCH DỊCH-THUẬT

NGUYỄN TỰ

新編傳奇漫錄

TÂN-BIÊN

TRUYỀN-KỶ MẠN-LỤC

Dịch-giá :

Thứ Lang BÙI-XUÂN-TRANG

BỘ GIÁO - DỤC

TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU XUẤT-BẢN

1970

TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU BỘ GIÁO-DỤC

In lần thứ nhất 1962, 1963 : 1.000 cuốn

In lần thứ hai 1970, : 2.000 cuốn

Hội-đồng duyệt sách gồm có :

QUYỂN I QUYỂN II

Ô. Ô. NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM *Thuyết-Trình Viên*
PHẠM-NGỌC-KHUÊ *Hội-Viên*
TRẦN-TUẤN-KHAI *Hội-Viên*

QUYỂN III QUYỂN IV

Ô. NGUYỄN-TRỌNG-NHIỆM *Thuyết-Trình Viên*
VÕ-OANH *Hội-Viên*
BỬU-CÀM *Hội-Viên*

OCT 23 1947

TỰA

Người viết cuốn «Truyện-kỳ mạn-lục» này là Nguyễn-Tự 阮俟 tiên-sinh (1), người làng Gia-phúc 嘉福, đất Hồng-Châu 兗州 (nay là xã Tùng-Lâm, phủ Ninh-Giang, tỉnh Hải-Dương).

Tiên-sinh là con cả cụ Nguyễn-tường-Phiếu 阮翔錄. Cụ đỗ tiến-sĩ triều Lê, khoa bình-dần, niên-hiệu Hồng-Đức thứ 27 (1496), làm quan đến chức thượng-thư, nay còn có đền thờ và được phong thượng-đẳng-thần.

Thuở nhỏ, tiên-sinh rất chăm học, xem rộng nhớ nhiều, chỉ muốn đem văn-chương nổi nghiệp nhà.

Tiên-sinh thi đỗ hương-tiến (2), rồi được trúng cách vài khoa thi hội, kế đó được bổ huyện-tế (tri-huyện) huyện Thanh-toàn 清泉 (3). Tại nhiệm được một năm, tiên-sinh xin từ quan về nhà nuôi mẹ cho trọn đạo hiếu. Trải mấy năm trường, không bước chân ra ngoài thành thị.

Trong khi ở nhà, tiên-sinh viết cuốn «Truyện kỳ mạn-lục» này để gửi tâm trạng mình vào đó.

Văn tiên-sinh cũng tương-tự như lối văn của Cờ-tông-Cát 畢家吉 (4) mà có ngụ ý cảnh-giới, lại có khuôn-mẫu, quan hệ đến nền thế-giáo, như vậy há chẳng bổ-ích lắm ru ?

CHÚ - THÍCH

(1) — Nguyễn-Tự (có sách âm là Nguyễn-Dư, Nguyễn-Dữ hay Nguyễn-Dự), ở vào thời Lê-mạt cuối thế-kỷ thứ 15 sang đầu thế-kỷ thứ 16, không rõ sinh năm nào, mất năm nào.

(2) — Như cử-nhân.

(3) — Có lẽ là huyện Thanh-Thủy, tỉnh Phú-Thọ bây giờ.

(4) — Cờ-tông-Cát người Tàu, soạn-giả cuốn «Tiển đăng tân-thoại» (剪燈新話)

LỜI DỊCH - GIẢ

DO NGUYÊN-NHÂN NÀO CUỐN TRUYỀN-KỶ MẠN-LỤC RA ĐỜI

Thói đời, người ta coi rẻ những truyện thông-thường mà ưa-chuộng những điều kỳ-lạ.

Ngược dòng lịch-sử ta thấy những bậc thánh-tri đã từng diệu-dụng những truyện hoang-đường vào việc răn đời, trị nước.

Vua Đại-Vũ 大禹 nhà Hạ 夏 (2205 – 2198 trước công-nguyên) nhận dấu vết trên lưng một con rùa mà dựng ra chín quẻ (cửu-trù 九疇). Đến đời Chu Vũ-Vương 周武王 năm thứ 13 (1122 tr. C.N.), thiên Hồng-Phạm cửu-trù 洪範 九疇 (1) lại do ông Cơ-Tử 箕子 lập thành phép-tắc để trị dân.

(1) — Thiên Hồng-Phạm Cửu-Trù gồm chín khoản :

- 1.— Ngũ-hành (Kim, Mộc, Thủy, Hỏa, Thổ)
- 2.— Ngũ-sự (nét mặt, lời nói, mắt trông, tai nghe, bụng nghĩ)
- 3.— Bát-chính :

- a) **Thực** : dạy dân chăm nông-nghiệp ;
- b) **Hóa** : dạy dân biết tìm lấy thức dùng ;
- c) **Tự** : dạy dân kính-trọng quý-thần ;
- d) **Tư-không** : chức quan coi đất cát, nhà cửa của dân ;
- đ) **Tư-đồ** : dạy dân những điều lễ-nghĩa ;
- e) **Tư-khấu** : trị kẻ trộm cắp ;
- g) **Tân** : dạy tiếp khách, giao dịch ;
- h) **Sur** : đặt quân canh-phòng giặc-giã.

4.— Ngũ-Kỷ (năm, tháng, ngày, tinh-tú và lịch-số)

5.— Hoàng-Cục (đạo làm Thiên-tử)

6.— Tam-Đức (ngay-thẳng, cứng-rắn, mềm-dẻo)

7.— Kê-Nghi (bói-toán)

8.— Thử-Trung (chiếm-nghiệm hiện-tượng trời đất : mưa, gió, nắng, nóng, lạnh).

9.— Ngũ-Phúc và Lục-Cục (Ngũ-Phúc : sống lâu, giàu có, khỏe-mạnh, yên-đàn, không tai-nạn. — Lục-Cục : chết-yếu, tật-bệnh, lo-sợ, nghèo-khổ, xấu-xa, suy-nhuợc). (Thượng-thư : 尚書).

Đức Khổng-tử 孔子 (551 — 479 tr. C. N.) nhân chuyện con lân què xuất hiện mà suy ra việc hành đạo của mình không gặp thời nên làm kinh Xuân-Thu 春秋 để biên-chép và phê-bình mọi việc trong nước với chủ ý tôn nhà vua, mặt-sát loạn-thần, bênh-vực cương-thường đạo-lý.

Ở Việt-Nam, vua Lý-Thái-Tổ 李太祖 lên ngôi (1010) rồi, cũng đặt chuyện « rồng bay » để dời đô ra Thăng-Long 昇龍 (Hà-Nội);

Đức Bình-Định-Vương 平定王 Lê-Lợi (1418 — 1427) cũng bày chuyện đợc « gương thần » khi ra mở nước.

Sách Tân-biên Truyền-kỳ Mạn-lục ra đời hẳn cũng không ngoài mục-dịch lấy truyện hoang-đường để cải-thiện nhân tâm, duy-trì phong-hóa.

Hiện chưa tra-cứu đợc Ông NGUYỄN-TỰ 阮俔, tác-giả cuốn Tân-biên Truyền-kỳ Mạn-lục sinh năm nào, mất năm nào. Chỉ biết Ông là cao-đồ (học-trò giỏi) cu Nguyễn-Bình-Khiêm 阮東謙 (Trạng Trình: 1491 — 1585), đại khái là Ông sinh trưởng vào cuối thế-kỷ thứ 15 sang thế-kỷ 16, thời-kỳ mà nhà Lê 黎 đã lâm vào cảnh suy-vi loạn-lạc. Có lẽ vì thấy thế nước chông-chênh, cường-thần lấn-át, triều-cương đổ-nát, phong-hóa suy-đồi, nên Ông mới tại nhiệm đợc một năm đã cáo quan về quê phụng-dưỡng mẹ già, sống cuộc đời ẩn-dật, hàng bao nhiêu năm không bước chân ra tới thành-thị. Trong khi ở nhà, Ông lấy sách-vở, văn-chương làm bạn. Nhân thời bấy giờ, lòng tín ngưỡng thần-quyền còn rất thịnh-hành ở dân-gian. Ông ngồi nhàn nghĩ lại những câu truyện quái-dân, thấy lắm truyện lý-thú, khả dĩ đem làm những bài học

rắn đời. Thế rồi, với bộ óc chăm-biếm ý-nhị, với tấm lòng yêu nước thương nòi, với cây bút mẫn-tiếp, linh-động, Ông trở tài thêu-dệt lên mặt giấy, viết cuốn **Tân-biên Truyền-kỳ Mạn-lục** này.

Hai mươi câu truyện trong sách này phần nhiều phát-sinh từ nhà Trần 陳, còn một số ít về đời nhà Lý 李, nhà Hồ 胡 và khoảng đầu nhà Lê, tức là trong mấy thế-kỷ mà tục thượng-quý lên tới mực-độ rất cao trong lịch-sử nước nhà.

Xem thế đủ biết: hoàn-cảnh Quốc-gia lúc đương-thời là nguyên-động-lực, thêm vào đó yếu-tố thời-gian và không-gian đã thúc đẩy Ông NGUYỄN-TỰ viết cuốn **Tân-biên Truyền-kỳ Mạn-lục** với chủ-ý văn hồi nền phong-hóa cho dân-tộc.

Theo tài-liệu trích ở cuốn « Công-Dur-Tiếp-Ký » 公餘捷記 (những truyện chép nhanh trong khi rảnh việc quan) của Vũ-Phương-Đề 武芳堤, trong bài Bạch-Vân-Am Cư-Sĩ Nguyễn-Công Văn-Đạt Phồ-Ký 白雲庵居士阮公文達普記 thì cuốn **Tân-biên Truyền-kỳ Mạn-lục** soạn-thảo rồi lại được Ông Phùng-Khắc-Khoan 馮克寬 (Trạng Bùng) phủ-chính rất nhiều lúc hai ông (NGUYỄN-TỰ và PHÙNG-KHẮC-KHOAN) cùng ở ẩn với nhau tại vùng Thanh-Hóa 清化, cho nên cuốn **Tân-biên Truyền-kỳ Mạn-lục** mới thành cuốn **Thiên-cổ Kỳ-bút** 千古奇筆 để lại cho đời.

TÌM HIỆU VĂN-CHƯƠNG TƯ-TƯỚNG TRONG SÁCH TÂN-BIÊN TRUYỀN-KỶ MẠN-LỤC

Những truyện trong cuốn **Tân-biên Truyền-kỳ Mạn-lục** có giá-trị đặc-biệt về phương-diện văn-chương. Riêng phần tản-văn, tác-giả đã viết rất công-phu, chỗ thì

biện-luận hùng-hồn, chỗ thì tự-sự lâm-ly, chỗ lại chạm gọt tỉ-mĩ như pho tượng của nhà điêu-khắc trú-danh, chỗ thì tươi đẹp lộng-lẫy như bức tranh sơn thủy của nhà danh-họa. Nhiều đoạn văn đối nhau như đôi ngựa chạy song-song mà vang-dội như dòng suối chảy lô-xô, sầm-sập như trời đổ mưa rào, nhẹ-nhàng như gió qua cành lá. Hầu hết các truyện lại có xen vào những đoạn thi-ca, từ-khúc hay văn tứ-lục. Chữ nghĩa đã chọn lọc, ý tứ lại sâu xa ; diễn-cổ đã thâm-thúy, nhạc điệu lại du-dương. Trong một cuốn sách mà từ đầu đến cuối, từ miêu-tả cho đến biện-luận từ tản-văn cho đến thi-ca, chỗ nào cũng khúc-chiết, tế-nhị, khiến người xem phải say mê, đọc đi đọc lại vẫn còn thấy thú, thì thật là hiếm có vậy.

Ta lại tìm hiểu phần tư-tưởng của tác-giả :

Ông NGUYỄN-TỰ là một bậc dật-sĩ quân-tử, hết thấy các truyện trong cuốn Tân-biên Truyện-kỳ Mạnh-lục đều ngụ ý răn đời về mối cương-thường, về nền đạo-đức.

Ngoài sự thế-giáo, ta còn thấy ở tác-giả một tâm-hồn cứng-cỏi, một tư-tưởng mạnh-mẽ, một triết-ly cao-siêu, coi thường những truyện hoang-đường, nhất là có óc đả-phá dị-đoan, tà-đạo đến triệt-đề mà ta sẽ thấy ở những đoạn sau đây :

Trong truyện Chửc Phán-sự miêu Tân-Viên :

« Người ta thường nói rằng : Cứng quá thì gãy.
« Kẻ sĩ chỉ lo không cứng được thôi, còn gãy hay không
« là ở trời. Há nên cứ tiên-liệu là sẽ gãy mà đời cứng
« ra mềm ru ?

« *Vậy kẻ sĩ không nên kiêng sự cứng-cỏi* ».

Trong truyện Phạm-tử-Hư lên chơi Thiên-Tào :

« . . . *Trung tâm câu truyện là lấy sự trung-hậu theo*
« *thầy đem ra khuyến-khích ; lấy sự bạc-bẽo với thầy đem*
« *ra răn-dạy, có quan-hệ lớn đến luân-thường của người*
« *đời. Còn đoạn Phạm-Tử-Hư lên chơi thiên-tào, hoặc có*
« *hoặc không, hà-tất phải gạn-gùng cho đến mực* ».

Trong truyện Từ-Thứ lấy vợ Tiên :

« . . . *Nhưng có âm-công tất có dương-báo, cũng là*
« *lẽ thường. Các bậc quân-tử sau này nên đề mắt đến, hoặc*
« *thêm hoặc bớt, bỏ chỗ quái mà đề chỗ thường, phỏng*
« *có chi là hại ?* »

Trong truyện Đối tụng dưới Long-Cung :

« . . . *Có lý đầu hàm-hưởng việc phụng-tự của người*
« *mà lại gây tai-họa cho người. Thế mà cái tội của thần*
« *Thuồng-luồng chỉ phải đầy thời. . . Cho nên Địch-Nhân-*
« *Kiệt khi làm Tuần-Phủ Hà-Nam, tâu xin hủy một ngàn*
« *bảy trăm miếu thờ dân-thần là phải lắm* ».

Trong truyện Nghiệp-oan của Đào-Thị :

« *Theo về dị-đoan chỉ có hại mà thôi. Huống chi đã*
« *theo đạo mà không đúng phép của đạo thì mới hại còn*
« *nói sao cho xiết ? Gã Vô-Kỷ là kẻ mạnh, lại có tính gian-*
« *ngoan, mang thói tà-dục rông-cản, chẳng những đối*
« *người mà còn đối cả đến bậc gọi là đức Phật nữa, thì*
« *dù có đem khép vào điều luật của Ngụy-Vương tru-lục*
« *bọn sư-mô ngày xưa, cũng không oan-khuất chút nào !* »

Kẻ hầy còn nhiều, nhưng dẫn ra bấy nhiêu tướng cũng đủ chứng-tỏ Ông NGUYỄN-TỰ là người có óc bài-trừ dị-doan đến mức nào.

Đọc cuốn sách này ta còn nhận thấy tác-giả không hề oán trời, ghét người; gặp thời buổi không hợp với lòng mình thì về ở ẩn, viết sách dạy đời cũng lấy làm thú-vị, tự-hào, như trong những đoạn văn sau đây :

« Ta là kẻ dật-dân trốn đời, lão-già lánh bụi,
« gởi tính-mạng chốn lều tranh ngõ hẻm, tìm sinh-nhai
« nơi búa gió riu trắng ; ngày rồi lối làng say, cửa không
« chân khách tục ; bạn-bè cùng tóm cá hươu nai, đan-diu
« với phong hoa tuyết nguyệt. Ta chỉ biết hè đơn mà đông
« kếp, ngủ khời lại nằm mây ; bới núi mà ăn, múc khe
« mà uống. Có biết chi đến việc bên ngoài : Triều-đại
« nào ? Vua quan nào ? »

« . . . Kẻ sĩ mỗi người có một chí hướng, có phải
« như thế cả đâu. Thế nên, Nghiêm-Tử-Lãng không màng
« chức giám-nghị thành Đông-Đô mà phải xa cảnh yên-ba
« bến Đồng-Lại ; Khương-Bá-Hoài không nhận bức họa-đồ
« của Thiên-Tử mà bỏ thú vui non nước Bành-Thành ».

Những đoạn trên đây rút ở câu truyện *Đối-đáp của Lão Tiều núi Na*.

Tóm lại Ông NGUYỄN-TỰ thật đã xứng với câu trong sách *Mạnh-Tử* :

« Phú-quý bất năng dâm, bần-tiện bất năng di,
uy-vũ bất năng khuất. Thử chi vị đại-trượng-phu » : 富貴
不能淫, 貧賤不能移, 威武不能屈, 此之謂大丈夫.

... Nghĩa là : « giàu-sang không mê-dắm, nghèo hèn không lay-chuyển, quyền-thế không khuất-phục. Thế mới là bậc đại-trượng-phu ».

**SÁCH TÂN-BIÊN TRUYỀN-KỶ MẠN-LỤC DƯỚI CON MẮT
NHỮNG VĂN-GIA HIỆN-ĐẠI**

Truyền-Kỷ Mạn-Lục (chép rộng các truyện lạ truyền lại) của NGUYỄN-DU (tức NGUYỄN-TỰ) nhan là **Tân-Biên Truyền-Kỷ Mạn-Lục Tăng-Bồ Giải-Âm Tập-Chú**, có 4 quyển, mỗi quyển 5 truyện, đều là truyện thuộc cận kim thời-đại ; cũng có khi vai chủ-động trong truyện là một nhân-vật lịch-sử như Hồ-Tôn-Thốc, Trần Phế-Đế, Hồ-Quy-Ly, Lý-Hữu-Chi, tướng của vua Giản Định-Đế.

« ... Bộ sách kể trên tuy chép những truyện hoang-đường quái-đản, nhưng cũng là tài-liệu quý để ta khảo cứu về phong-tục và tín-ngưỡng của dân ta »

DƯƠNG-QUANG-HÀM.

« ... Cuốn này soạn theo như cuốn *Liều-Trai Chí-Dị* 聊齋誌異 của Tào, toàn chép những truyện lạ tai, lạ mắt. Cho nên câu văn cũng lắm điển-cổ ly-kỳ và lời phê-bình cũng giống như lời văn *Thánh-Thán*. Có thể gọi là một cuốn *Liều-Trai Chí-Dị* của Việt-Nam ta vậy »

Tố-Nam NGUYỄN-ĐÌNH-DIỆM.

Xem thế thì cuốn **Tân-biên Truyền-kỷ Mạn-lục** không những bổ-ích cho nền thế-giáo, bồi-đắp cho nền văn-hóa mà còn góp phần vào tài-liệu lịch-sử nước nhà vậy.

Được Nha Tu-Thư Bộ Quốc-Gia Giáo-Dục giao cho dịch cuốn Tân-biên Truyền-kỳ Mạn-lục, tôi đã cố gắng diễn ra tiếng Việt văn-chương và tư-tưởng của tác-giả bằng lối hành văn cùng lựa từ-ngữ cho hợp thời xưa. Đi sâu vào thể-tài cuốn sách này, bạn đọc sẽ thấy rõ công-trình kỹ-diệu của cô-nhân.

Đứng trước một áng văn-chương siêu-việt của hai nhà học-giả uyên-bác về thể-ký thứ 16 đầy điển-cổ, tôi chắc rằng sự thiên-cận của mình không khỏi còn có chỗ sai-lầm hoặc chưa diễn-tả được hết ý-kiến của tác-giả. Và lại, trong tay có hai bản chữ Hán đều do người sau chép lại, không phải bút-tích tác-giả, thấy có những điểm dị-đồng, thì tránh sao khỏi còn có chỗ tam sao thất bản.

Về phần nhân-danh và địa-danh nước nhà trong các truyện, tôi cũng chưa chú-thích được đầy đủ vì thiếu tài liệu chuẩn-xác.

Tôi kỳ-vọng ở các vị cao-minh chước-lượng và bồ-cứu cho những điểm khiếm-khuyết trên đây, ngõ-hầu từ sách nước nhà thêm được một cuốn dịch cổ-văn hoàn-bị.

Viết tại Sài-gòn, ngày cuối năm Tân-Sửu

THỨ-LANG Cần-chi

MỤC - LỤC

	<i>Trang</i>
Tựa	v
Lời dịch-giã	ix

QUYỂN I

<i>Hạng-Vương từ ký</i>	項王祠記	
Câu chuyện qua Miếu Hạng-Vương		1
<i>Khoái châu nghĩa phụ truyện</i>	快州義婦傳	
Truyện người Nghĩa-phụ ở Khoái-châu		19
<i>Mộc miên thụ truyện</i>	木綿樹傳	
Truyện Cây gạo		49
<i>Trà đồng giảng dân lục</i>	茶童降誕錄	
Truyện gã Trà-đồng giảng sinh		65
<i>Tây viên kỳ ngộ ký</i>	西園奇遇記	
Truyện Tây viên kỳ-ngộ		79

QUYỂN II

<i>Long-đình đối tụng lục</i>	龍庭對訟錄	
Truyện đối tụng dưới Long-Cung		115
<i>Đào-thị nghiệp-oan ký</i>	陶氏業冤記	
Truyện nghiệp-oan của Đào-Thị		141
<i>Tân-viên từ phán sự lục</i>	仝園祠判事錄	
Truyện chức Phán-sự miếu Tân-viên		181
<i>Từ-Thức tiên hôn lục</i>	徐式儂婚錄	
Truyện Từ-Thức lấy vợ tiên		191
<i>Phạm-tử-Hư du thiên-tào lục</i>	范子虛遊天曹錄	
Truyện Phạm-tử-Hư lên chơi Thiên-Tào		217

QUYỂN III

	<i>Trang</i>
<i>Xương-Giang yêu quái lục</i> 昌江妖怪錄	
Truyện yêu quái ở Xương-Giang	229
<i>Na-Sơn Tiều đối lục</i> 那山樵對錄	
Truyện đối đáp của Lão Tiều Núi Na	257
<i>Đông-Triều phế-tư lục</i> 東潮廢寺錄	
Truyện ngôi chùa hoang ở huyện Đông-Triều	287
<i>Thúy-Tiêu truyện</i> 翠綃傳	
Truyện nàng Thúy-Tiêu	297
<i>Đà-Giang dạ ẩm ký</i> 沱江夜飲記	
Truyện bữa tiệc đêm ở Sông Đà	331

QUYỂN IV

<i>Nam-Xương nữ-tử truyện</i> 南昌女子傳	
Truyện người con gái ở Nam-Xương	349
<i>Lý Tướng-Quân truyện</i> 李將軍傳	
Truyện Lý Tướng-Quân	365
<i>Lệ-Nương truyện</i> 麗娘傳	
Truyện Lệ-Nương	387
<i>Kim-Hoa thi-thoại truyện</i> 金華詩話傳	
Cuộc bình-luận thơ ở Kim-Hoa	427
<i>Dạ-Xoa Bộ-soái lục</i> 夜叉部帥錄	
Truyện tướng Dạ-Xoa	457

新編傳奇漫錄增補解音集註

TÂN-BIỆN TRUYỀN-KỶ MẠN-LỤC

TĂNG-BỔ GIẢI-ÂM TẬP-CHÚ

卷之一

QUYỂN THỨ NHẤT

項王祠記

HẠNG-VƯƠNG TỪ KÝ

CÂU CHUYỆN QUA MIẾU HẠNG-VƯƠNG

Quan Thừa-Chỉ Hồ-tôn-Thốc 胡宗鷲 (1) đã giỏi làm thơ lại có sở-trường về lối văn hài-hước mỉa đời.

Cuối đời nhà Trần 陳 (1225 - 1399), tiên-sinh phụng mệnh sang sứ Tàu, đi qua miếu Hạng-Vương có đề bài thơ rằng :

(1).— Sách Quốc-Sử chú : Hồ-tôn-Thốc người xã Thờ-Thành, 土城 phủ Diễn-Châu 演州, tỉnh Nghệ-An, 又安 tuổi trẻ đã đỗ đạt, nổi tiếng tài cao. Một hôm, gặp tiết Nguyên-Tiểu, Lê-Pháp-Quan 黎法官 mở tiệc mời các nhà văn lại chơi. Tôn-Thốc được thiếp, xin đề thơ trên bữa tiệc, viết luôn trăm bài. Mọi người thấy vậy, ai cũng thán-phục. Từ đó danh tiếng lừng lẫy chốn kinh-sư. Nhờ tài văn-học mà tiên-sinh rất được trọng-vọng. Đời Trần-Phế-Đế 陳廢帝 (1377 - 1387), tiên-sinh làm quan đến chức Hàn-Lâm Học-Sĩ Phụng-chỉ kiêm chức Thâm-Hình Viên-Sứ.

Nguyên văn :

1. 百二山河起戰烽，
携將子弟入關中。
2. 煙消函谷珠宮冷；
雪散鴻門五斗空。
3. 一敗有天亡澤左；
重來無地到江東。
4. 經營五載成何事？
銷得區區蓋魯公。

Phiên âm :

1. *Bách-nhị sơn-hà khởi chiến phong,*
Huê tương tử, đệ nhập Quan-Trung.
2. *Yên tiêu Hàm-Cốc, châu-cung lãnh ;*
Tuyết tán Hồng-Môn, ngọc-đầu không.
3. *Nhất bại hữu thiên vong Trạch-Tả ;*
Trùng lai vô địa đáo Giang-Đông.
4. *Kinh-doanh ngũ tải thành hà sự ?*
Tiêu đắc khu-khu táng Lỗ-Công,

Giải nghĩa :

1.— Cuộc chiến-tranh bùng nổ ở chốn non sông
« Hai người địch nổi trăm » (1).

Kéo đoàn tử-dệ (2) vào đất Quan-Trung (3).

2.— ải-Hàm-Cốc khói tan thì cung-diện bằng châu
ngọc cũng lạnh-lẽo. (4)

Cuộc hội-yến ở Hồng-Môn như tuyết rửa thì
chén ngọc cũng tan-tành (5).

3.— Thua trận bởi có trời xui chạy đường Trạch-
Tạ (6)

Quay về hết đất đến Giang-Đông 江東 (7)

4.— Năm năm ngang-dọc có nên được việc gì
không ? (8)

Lúc chết chỉ được táng theo lệ Lễ - Công
nhỏ-mọn (9).

(1) Điền-Khảng 田肯 mừng Hán Cao-Tổ 漢高祖 đóng đô ở Quan-Trung (206 trước công-nguyên) có câu : Tàn đắc bách-nhị yên 秦得百二焉 (trăm phần được hai) là ý nói đất Tần hiểm-trở, chỉ hai vạn quân cũng đủ chống lại trăm vạn quân từ ngoài đến. Từ đó câu « Bách-nhị sơn-hà » là đề chỉ giang-sơn nhà Tần.

(2) Hạng-Võ có tám ngàn quân lựa chọn trong đám con em, gia-nhân, thân-thuộc, gọi là « bát thiên tử đệ 八千子弟 » đề tùy-tùng hộ-vệ luôn bên mình.

(3) Kinh-đô nhà Tần-Hán, đông có ải Hàm-Cốc, nam có Vũ-Quan 武關; tây có Tán-Quan 散關; bắc có Tiêu-Quan 蕭關 nên gọi là Quan-Trung (Tĩnh-Lý Tây-Minh 性理西銘).

(4) Thơ cổ có câu : « Tam nguyệt yên tiêu Hàm-Cốc lãnh 三月煙消涵谷冷 » nghĩa là sau ba tháng khói tan thì ả Hàm-Cốc cũng lạnh-lẽo. Câu này nói việc Hạng-Võ đốt cung-diện nhà Tần, đặc-biệt là cung A-Phòng 阿房, do bảy vạn thợ xây nên vào năm thứ 35 đời Tần Thủy-Hoàng 始皇 (212 trước C.N.), cung này bị Hạng-Võ đốt sau khi diệt Tần (205 tr. C.N.), tương truyền lửa cháy ba tháng chưa tắt. (theo sách Thành-Ngữ Điển-Tích 成語典故).

(5) Ngọc đầu theo Từ-Nguyên 詞源 là chén ngọc ; lại có thuyết nói rằng ngọc-đầu là báu-vật của nhà Tần dùng để xem sao.

Sách Tây-Hán Cương-Mục chép rằng : khi Hán, Sở hội yếu ở Hồng-Môn, Bái-Công 沛公 lên đi Bá-Thượng 霸上, lưu Trương-Lương 張良 ở lại tư-tạ Hạng-Võ. Lương đem đôi bạch-bích dâng Võ và đòi chén ngọc tặng Phạm-Tăng 范增. Võ nhận ngọc bích, còn Tăng cầm kiếm đập tan chén ngọc mà than rằng : « người cướp giang-sơn sau này là Bái-Công đó ».

(6) Sách Tây-Hán-Sử chép : Hạng-Võ bị vây ở Cai-Hạ 垓下, đang đêm phá vòng vây chạy đến Âm-Lãng 陰陵 thì bị lạc đường, hỏi thăm gã điền-phú. Gã này nói gạt và trở tay cho chạy về mé tả. Võ theo lời y chạy về mé tả thì bị chồm lờn cản-trở, nên quân Hán đuổi kịp. Võ tự liệu khôn bề thoát khỏi, bảo với quân tùy-tùng rằng : « Đây là trời hại ta, chứ không phải lỗi ở sự chiến đấu của ta ».

(7) Hạng-Võ đem con em đất Giang-Đông đi, nay bị chết trận hết, nếu Võ trở về cũng không còn mặt mũi nào mà trông thấy ai nữa. Nên tuy Đinh-Trường có khuyên Võ về Giang-Đông nhưng Võ không nghe.

(8) Hạng-Võ tranh hùng với Hán được 5 năm thì bị diệt.

(9) Hạng-Võ trước kia đã được Hoài-Vương 懷王 phong tước Lỗ-Công. Sau Hán bình xong Sở, cũng lấy lễ Lỗ-Công táng Hạng-Võ. (theo Tây-Hán sử 西漢史).

Đại ý.— Trong bài thơ này, câu mở nói cuộc chiến-tranh lật đổ giang-sơn nhà Tần, Hạng-Võ kéo con em vào Quan-Trung. Câu thực chê Hạng-Võ tàn bạo đốt cả cung-thất nhà Tần và cuộc mưu sát Bái-Công ở Hồng-Môn không thành. Câu luận nhắc lại lời Hạng-Võ nói sự thất-bại do trời xui nên và không còn mặt-mũi nào trở về Giang-Đông nữa. Câu kết mỉa Hạng-Võ năm năm trời ngang-dọc, rút cục đến lúc chết chỉ được táng theo cái lễ Lễ-Công nhỏ mọn.

Dịch ra văn vần :

*« Non nước trăm hai » lửa chiến bùng,
Tớ thầy rầm-rộ tới Quan-Trung.
Khói tan Hàm-Cốc, thêm châu lạnh,
Tuyết rã Hồng-Môn, chén ngọc tung.
Trời khiến sa cơ đường Trạch-Tả,
Đất về thẹn mặt cõi Giang-Đông.
Năm năm ngang dọc còn chi nhĩ ?
Vén-vện còn tro mả Lễ-Công.*

Đề thơ xong, Hồ tiên-sinh lại giục ngựa về quán trọ, say rượu rồi thiu-thiu buồn ngủ, mơ thấy một người đến báo rằng: « Tôi vàng chỉ đức vua tôi, phiền ngài tới đàm-đạo ». Hồ tiên-sinh vội vàng khấn áo, theo người đó đi về mé tả, đến một nơi cung-diện nguy-nga, quan hầu sắp hàng tề-chính.

Hạng-Vương đã ngồi chờ sẵn, bên cạnh có kẻ cái sập lưu-ly mời tiên-sinh lên ngồi, rồi hỏi rằng :

— Chà Chà ! Bài thơ đề lúc ban ngày, sao tiên-sinh mĩa ta sáu cay đến thế ? — Ừ thôi, câu « Trời khiến sa co đường Trạch-Tả ; Đất về thẹn mặt cõi Giang-Đông » thì phải rồi, chứ đến câu « Năm năm ngang dọc còn chi nhi ? Vén-vện còn trơ má Lỗ-Công » há chẳng phải là lời chê bai không đứng-dẫn ru ? — Này nhé ! Hán có muôn cỗ xe (1), ta đây cũng có muôn cỗ xe. Ta không diệt được Hán, Hán lại phong tước cho ta được ư ? Đến như Điền-Hoành 田橫 (2) là một gã trẻ con còn chẳng thêm tước-lộc nhà Hán, biết xấu hổ tự-tử mà chết, có lý đâu đường-đường là một vị Bá-Vương nước Sở 楚霸王 lại cảm chịu cái lễ Lỗ-Công chứ. Hãn làm việc này, ý chừng muốn khoác cho ta cái tước-vị hảo-huyền để rửa cái nhục ở Hán-Trung 漢中 ngày trước (3) đó thôi. Ta lại xin nói đề Tiên-sinh biết : Trước kia nhà Tần đề xô mất con hươu (4). Bốn phương

(1).— Muôn cỗ xe tức là ngôi thiên-tử, vì chỉ Thiên-Tử mới có được muôn cỗ xe.

(2).— Tây-Hán Sử chép rằng : Sau khi Hạng-Võ bị diệt, Điền-Hoành cùng năm trăm tùy tùng lánh ra ở ngoài hải-đảo. Nhà vua triệu, nếu chịu về thì phong cho tước Vương, nhỏ cũng là tước Hầu, không về thì đem quân ra trừ diệt. Hoành cùng ba trăm người trở về còn cách ba mươi dặm thì tự sát. Vua cho hai người khách cùng theo Hoành về làm chức Đô-Úy. Nhưng hai người này cùng ba trăm tùy tùng đều tự tử hết.

(3).— Tây-hán Sử chú : Hạng-Vũ cùng Phạm-Tăng ngấm ngấm bội lời ước « tiên nhập quan giả vi vương » 先入關者為王 nghĩa là ai vào Quan-trung trước thì làm vua, bàn nhau rằng : Ba-Thục 巴蜀 cũng là đất Quan-Trung, rồi lập Bái-Công làm Hán-Vương zòm đất Ba-Thục và Hán-Trung 漢中

(4).— Con hươu là ví với thiên-hạ.

nổi dậy tranh nhau đuổi bắt. Lúc đó, vì ta ghét dân Tần mà đẩy quân đánh Tần, nhờ rằng bừa làm giặc; thời gạo tẻ làm lương, Quân toàn một dân lành; trượng rất tay hào kiệt. Phái Ngô-quận 吳郡 đường khua lỗ kiến, lấy Hoài-An 淮安 tựa đốt lòng hồng (1). Đánh một trận mà quân Chương-Hàm 章邯 (2) chạy tán loạn; đánh hai trận mà miếu Tô-Long 祖龍 (3) phải tan-tành. Ban đức nghĩa nước nào mà không dựng; ra uy-lệnh ai kẻ chẳng xưng thần. Đứng đầu Chu-hầu ấy là quân Sở 楚; làm chủ Tam-Tần, ấy là tướng Sở. Thiên-hạ quay về với Sở, có thể ngồi mà vạch chước. Thế mà chúng quy Sở chết về Hán, há không phải mệnh trời sao? Vậy thì Trời muốn giúp Hán, dù kẻ thời tiêu, dệt rèm (4) cũng đủ thành công; Trời

(1).— Hạng-Tịch (Hạng-Võ) tránh kẻ thù sang ở đất Ngô. Thái-thú ở Cối Kê 會稽 là Ân-Thông 殷通 nghe tin Trần-Thiếp 陳涉 đẩy quân đánh Tần, muốn hưởng-ứng. Hạng-Lương 項梁 sai Hạng-Tịch chém Ân-Thông và giết thêm vài trăm người, thế là đất Ngô về tay Hạng-Võ 項羽.

Hạng-Lương đem sáu, bảy vạn quân đánh Hoài-An giết Tần-Gia 秦嘉, Cảnh-Câu 景駒 rồi chiếm lấy. Hạng-Võ chiếm 2 nơi này rất dễ dàng. (Tần kỷ 秦紀)

(2).— Chương-Hàm là tướng Tần bị Hạng-Võ cùng Hạng-Lương đánh tan ở Đông-A 東阿 chạy về Bộc-Dương 濮陽 lại bị đánh phá một trận nữa. (Tần kỷ)

(3).— Tô-Long: tức Tần-Thủy-Hoàng.

(4).— Chu-Bột 周勃 vốn làm nghề thổi kèn đám ma và dệt rèm sinh nhai, sau giúp Hán-Cao-Tô bình-định thiên-hạ, được phong Giáng-Hầu 絳侯. Tới khi họ Lã làm phản, cũng do Chu-Bột dẹp yên. (Sử ký 史記)

định diệt Sở, tuy người cất vạc, lay non, khôn bề nói mạnh. Hưởng chi : Chung-Ly 鐘離 sức mạnh chẳng kém Hoài-Âm 淮陰 ; Á-Phụ 亞父 mưu cao, thực hơn nhự-tử (1). Nếu ta nghe lời lại hay suy-xét, nhậu lúc thua dề mà xoay-xở, thì : ruổi ô-truy khi vó đã chồn, há không đủ lật cung-đình Phong-Bái ; thu Bành-Thành những quân tản-mát há chẳng hay đảo xã-tắc Xích-Lưu. Chỉ vì thương hại sinh-linh, mà đem tấm thân tâm thước đường-dường quẳng vào tay cho bọn Vương-Ế 王翳 (2). Vay Hán, Sở hưng vong, chẳng qua là Trời ban cho hay không mà thôi, há nên lấy thành bại lệ thường ra mà nghị-luận. Nhưng ở đời chán kẻ thích bình-phẩm nhân-vật Có kẻ bảo không phải tự Trời làm mất ; có kẻ bảo Trời có lỗi chi, mà chê trách ta. Thi-nhân mặc-khách thường đem chuyện ta diễn tả vào thiên kia tập nọ.

Có kẻ viết :

蓋世英雄力拔山，
楚歌四散淚闌干。

Phiên âm :

Cái thế anh hùng lực bạt san,
Sở ca tứ tán lệ lan can.

Dịch nghĩa :

Cái thế anh-hùng sức nhỏ non.
Sở ca bốn mặt lũng châu tuôn (3).

(1).— Chung-Ly tức là Chung-ly-Muội, 鐘離昧 một dũng-trưởng của Hạng-Võ.— Hoài-Âm 淮陰 tức là Hàn-Tin 韓信, được phong tước Hoài-Âm-Hầu. Á-Phụ tức Phạm-Tăng 范增, Hạng-Võ tôn Phạm-Tăng làm Á-Phụ tức là coi như bậc cha vậy. Nhự-Tử : trở Trần-Bình.

(2).— Hạng-Võ thua chạy đến Ô-giang tự vẫn dề cho Vương-Ế 王翳 cắt đầu nộp Hán-Vương lấy công. (Sử ký)

(3).— Hạng-Vương bị vây ở Cai-Hạ 垓下 (nay ở phía đông-nam huyện Linh-Bích, tỉnh An-Huy), quân mòn, lương cạn. Bốn mặt quân Hán hát khúc Sở-Ca. Hạng-Vương nghe thấy cả kinh mà rãng : « Quân Hán đã chiếm hết nước Sở rồi sao ? Người Sở đâu mà lắm thế ». Đang đem ngồi trong trường uống rượu, dòng châu lã-chã, tả hữu trông thấy cùng đều sa nước mắt (Hán chí 漢誌)

Có kẻ viết :

君不君兮，臣不臣，
如何立廟在江津。

Phiên âm :

Quân bất quân hề, thần bất thần,
Như hà lập miếu tại giang tân.

Dịch nghĩa :

« Vua chẳng ra vua, tôi chẳng tôi,
« Bên sông dựng miếu cũng hoài thôi » (1)

Ngày chông thảng chắt mãi lên, có đến ngàn bài.

Nhưng chỉ có câu của Đỗ-Mục :

江東子弟多才俊，
捲土重來未可知。

Phiên âm :

Giang-dông tử đệ đa tài tuấn,
Quyển thổ trùng lai vị khả tri.

Dịch nghĩa :

« Giang-Dông vầy cánh nhiều tay giỏi,
« Cuốn đất phen sau chữa biết chừng » (2)

(1).— Vương an Thạch 王安石 đời Tống Thần-Tôn 宋神宗 (1068 — 1077) có đề bài thơ rằng : 君不君兮臣不臣, 如何立廟在江津, 江東子弟猶嫌小, 何用灰錢百萬緡. « Quân bất quân hề thần bất thần, — Như hà lập miếu tại giang-tân. — Giang-Dông, hề bán do hiềm tiều, — Hà dụng hời tiền bách vạn mãn ? » Nghĩa là : Vua chẳng ra vua, tôi chẳng tôi, — Bên sông lập miếu cũng hoài thôi. — Giang-Dông nửa nước còn chề nhỏ, — Trăm vạn tro tiền đáng mấy mươi ?

(2).— Đỗ-Mục 杜牧 đời Đường đề thơ ở Ô-Giang đình 烏江亭 rằng : 勝敗兵家事不期, 包羞忍耻是男兒. 江東子弟多才俊, 捲土重來未可知. « Thắng bại binh-gia sự bất kỳ, — Bao tọc nhân sỉ-thi nam-nhĩ. — Giang-Dông tử đệ đa tài tuấn, — Quyển thổ trùng lai vị khả tri. Dịch : — Thua được nhà binh sự đã ứng, — Nam-nhĩ : hàn, nhục kín nhường bưng. — Giang-Dông vầy cánh nhiều tay giỏi, — Cuốn đất phen sau chữa biết chừng.

là thề-tất trung-hậu, dùng cách-luật thi-gia, đọc lên còn có đôi chút hứng-khởi lòng người. Còn ngoài ra, đại-khai toàn là những lời phù-bạc, ta vẫn lấy làm bất-bình lắm đó, vậy cũng nói đề tiên-sinh rõ.

Hồ tiên-sinh cười mà đáp rằng :

— Lẽ trời, việc người thủy-chung có mối tương-quan. Bảo « Mệnh ở Trời », kia Thương-Trụ 商紂 vì thế mà mất nước; rằng « Trời sinh đức », nọ Tân-Mãng 新莽 vì thế phải tan thây. Nay nhà Vua bỏ việc người mà bàn lẽ trời, cũng vì thế nên phải bại-vong, còn không tỉnh ngộ. Nay kẻ hèn này may được mông ơn tiếp đón, muốn xin nói thẳng, không giấu-giếm gì, nhà vua nghĩ sao ?

Hạng Vương nói :

— Vàng vàng, xin cứ nói.

Hồ tiên-sinh nói :

— Phàm xoay cái thế lớn thiên hạ, ở cơ-mưu chứ không phải ở sức mạnh; thu-phục lòng người trong thiên-hạ, ở nhân-đức chứ không phải ở bạo-ngược. Nhà vua chỉ lấy quát-tháo làm oai; cứng-mạnh làm đức. Chém thương-tướng Tống-Nghĩa 宋義 (1), vô-quân quá đổi! Giết hàng-vương Tử-Anh 子嬰 (2) bất-võ vô cùng! Hàn-

(1).— Sở Hoài-vương phong Tống-Nghĩa làm thương-tướng-quân để cứu Triệu 趙. Tống-Nghĩa đến An-Dương 安陽 lưu lại đó 46 ngày không chịu tiến binh. Hạng-Võ vào trong trường chém chết Tống-Nghĩa rồi đem quân qua sông, đánh phá được quân Tần. (Thông giám 通鑑)

(2).— Hạng-Võ đem quân vào làm cỏ Hàm-Dương. 咸陽 Tần Tử-Anh xin đầu hàng, song Võ cũng giết chết. (Tây Hán sử 西漢史)

Sinh 韓生 (1) vô tội bị phanh thây; thăm-hình đến thế!
A-Phòng 阿房 (2) tự-nhiên thiếu rụi, dữ-dội khôn lường!
Nhà Vua làm thế, được lòng người chẳng? Mất lòng
người chẳng?

Hạng-Vương đáp :

— Không phải thế. Nay! cái việc Hàm-Đan, lấy nước Triệu 趙 chấp-chững phải đương đầu với nước Tần lang sói: Thành bại chỉ trong hơi thở là xong; mất còn chỉ trong nháy mắt là định. Vậy mà Tống-Nghĩa còn lừng-chừng sợ-sệt, muốn chờ quân giặc mỗi như, lần-lữa án binh để ngăn quân tiến. Ví thử: trong trường kế chẳng thi-hành; qua sông quân còn tri-hoãn, thời trai gái trong thành nước Triệu còn thăm-hại hơn cái và Trường-Bình 長平 thuở trước. (3). Thế thì ta chỉ giết một mạng Tống-Nghĩa mà cứu sống được trăm vạn sinh-linh, có gì là quá?

Quân-Trưởng liệt quốc đều là chư-hầu. Đâu đấy đều có dân-chúng, có xã-tắc. Trước của Thiên-Vương (4) phong cho, đất của Thiên-Vương ban cho. Vậy mà nước

(1).— Hàn Sinh bàn cùng Hạng-Võ rằng: Quan-Trung là nơi hiểm-trở, đất-cát phì-nhiều, nên đóng đô ở đó. Nhưng Võ thấy cung-thất nhà Tần đã bị thiêu-hủy, lại có ý muốn đông-qui, liền bảo rằng: Giàu sang mà không trở về cố-hương, khác nào mặc áo gấm đi đêm, bèn không nghe lời Hàn-Sinh. Sinh lui ra nói văng vãi câu xúc-phạm. Võ nghe được đem Hàn-Sinh ra mổ. (Tây-Hán Sử)

(2).— Tần Thủy-Hoàng xây A-Phòng cung tốn không biết bao nhiêu công của của dân. Cung này cũng bị Hạng-Võ đốt hết.

(3).— Trong trận Trường-Bình, quân Triệu bị đại bại. Hơn bốn mươi vạn quân bị Võ-An-quân 武安君 giết sạch. (Thông giám)

(4).— Thiên-Vương đây là chỉ Vua nhà Chu.

Tần (2) tham-lam đất-cát, kiêu động giáp-binh ! Gỏi Hàn 韓 (2), thịt Triệu 趙 (2), hiếp Ngụy 魏 (2), diệt Yên 燕 (2). Nam đã lừa Sở (2) rồi bắt cầm chân ; đong lại dối Tề 齊 (2), hãm cho chết đói. Nếu không lật đổ tôn-xã nhà Tần, không tru-diệt dòng họ nhà Tần, thời cái hận thôn-tính ngày nào mới tiêu tan. Vậy ta giết một mình Tử-Anh để báo thù cho sáu nước bị diệt-vong, có chi là tệ. Hoài bão trung-lương, là tiết cả của kẻ nhân-thần. Hàn-Sinh lại không thế : khoe giỏi cày tãi ; quên ơn bỏ nghĩa. Múa mỗ chỉ-trích quân-thần ; khua môi buông lời phỉ-báng. Vì thế mà ta đem mỗ để kẻ bất-trung biết mà răn mình. Siêng-năng và kiệm-ước là đức hay của bậc nhân-quân. Thủy-Hoàng 始 皇 thì không thế, xây

(2).— Tần ; tên nước, dòng-dối Bá-ích 伯 益 đời Đường-Ngu 唐虞 được phong ở đây, Tần gồm khu-vực Tần-Châu, 秦州 Cam-Túc 甘肅 và Thiềm-Tây 陝西 ngày nay. (Từ Nguyên)

Hàn : tên một nước nhỏ, nay là huyện Hàn-Thành 韓城 tỉnh Thiềm-Tây.

Triệu : tên nước, gồm nam-bộ tỉnh Trục-Lệ 直隸 và tây-bắc bộ tỉnh Sơn-Tây 山西 ngày nay.

Ngụy : tên nước, gồm nam-bộ tỉnh Hà-Nam 河南 và tây-nam bộ tỉnh Sơn-Tây ngày nay.

Yên : tên nước, gồm khu-vực Phụng-Thiên, 奉天 Trục-Lệ và bắc-bộ Triều-tiên 朝鮮 ngày nay.

Sở : tên nước, gồm nam-bộ tỉnh Hà-Nam, lưỡng Hồ 兩湖 (Hồ-Nam, Hồ-Bắc) và lưỡng Giang 兩江 (Chiết-Giang, Giang-Tô)

Tề : tên nước, Chu Vũ-Vương phong cho Thái-Công Vọng (Khương-tử-Nha) ở đây, đó là Doanh-Châu, 濰洲 nay là huyện Lâm-Truy, 臨淄 tỉnh Sơn-Đông. 山東 Tề gồm địa-khu huyện Ích-Đô, 益都 (Sơn-Đông), miền nam huyện Lịch-Thành, 歷城 Liêu-Thành, 遼城 đến huyện Cảnh, huyện Thương, tỉnh Hà-Bắc. 河北

cung trên sông; mở đường ven núi (1), lấy hòn-oán dân, đắp cho cao nền; đem máu mỡ dân, chứa cho đầy đụn. Vậy nên ta mới dốt đi, là để các vua chúa sau này biết chuông kiệm-ước. Tiên sinh đem những việc đó ra mà ché-trách, ta đâu có phục.

Hồ tiên-sinh lại nói :

— Thế thì : sáu kinh tro bụi, thánh-nhân án-trách hầu tàn; mũi kiếm lạnh người, hành-dộng trên sông sao nở ! (2). Sao bằng người Hán: sợ vua tôi lỗi phạm, nghe lời bàn của Đồng-Công, 董公 làm điều nghĩa-cử (3), khiến nề-nếp đế-vương hầu rối mà lại yên; lo đạo học thất truyền, quay xa-giá về Khúc-Phụ 曲附 (4) bày lễ thái-lao, khiến dòng-dõi thi-thư hầu dứt mà lại nối. Cho nên có thuyết nói rằng : « Hán lấy được thiên-hạ, không phải ở việc dùng Tiêu 蕭, Trương 張 (Tiêu-Hà, Trương-Lương), mà ở việc ba quân để trở làm khích-dộng lòng trung-phần của các người hào-kiệt ; Hán giữ được thiên-hạ không phải ở phép-tắc rộng lớn, mà ở việc đến tế miếu Khúc-Phụ để mở chốn nương-tạ cho đời sau. Nhà Vua ví với Hán-Cao thế nào được.

(1).— Tần Thủy-Hoàng bắt dân xây cung trên sông Vị 滎, bắt làm đường qua núi cho tới A-Phòng cung.

(2).— Hạng-Vương mặt sai Cửu-Giang-Vương Kinh-Bổ 彭越 giết vua Nghĩa-Đế ở trên sông.

(3).— Hán-Vương nghe lời Đồng-Công cho ba quân để trở Nghĩa-Đế.

(4).— Hán Cao-Tổ lúc đánh Kinh-Bổ trở về vào đất Khúc-Phụ, 曲附 bày lễ Thái-Lao tế đức Không-Tử.

Hạng-Vương không còn nói sao được nữa, sắc mặt xám đen Bên cạnh có vị lão-thần họ Phạm 范, bước ra nói rằng :

— Tôi trộm nghe : con người ta không thể sinh-tồn ngoài vòng thiên-địa ; không thể dựng nước ngoài mối cương-thường. Bầy tôi Đại-Vương đây có vị tên Cao 曹 (26) gan bền sắt đá, tiết dạ tuyết-sương. Đành cam bỏ mình ; quyết không chịu nhục. Thà rằng chết mà trọn tiết ; còn hơn sống để như danh. Nếu không ngự-trị phải phép, liệu được người tử-tiết đó chăng? Sách Truyện rằng : *Quân sử thần dĩ lễ, thần sự quân dĩ trung* 君使臣以禮, 臣事君以忠, nghĩa là : Vua dùng tôi lấy lễ ; tôi thờ vua lấy trung. Đại-Vương đây đã xứng điều đó. Hán kia : sai giữ ấp Phong 豐 mà Ung-Xỉ 雍齒 đầu-hàng ; sai coi nước Triệu mà Trần Hy 陳希 bội-phản. Theo đạo cương-thường, ai hơn? Co-thiếp Đại-Vương có bà họ Ngu 虞 : mệnh nhẹ lá thu ; hồn theo ánh kiếm. Gởi lòng thom đầu cành tịch-mịch ; chôn hồn-oán ngoài nội hoang-vu. Nếu không hết đạo luân-thường, liệu được người tuấn-tiết đó chăng? Kinh Thi có câu rằng : *Hình vu quả thê, ngự vu gia bang*, 刑于寡妻, 御于家邦 nghĩa là : dạy vợ nhà trước, trị nước về sau. Đại-Vương đây thực xứng điều đó. Còn bên kia : Kiêu-dâm Lã-Trĩ 呂雉, nhìn mặc-áo lay-dộng bụi trần ; sủng-ái Thích-Cơ 戚姬 để

(26).— Tây-Hán sử chép rằng : Đại-tư-mã nước Sở là Tào-Cao 曹咎 giữ Thành Cao. 成臯 Hạng-Vương truyền cho cố thủ, không ra đánh. Hán bao lần khiêu-chiến, nhục mạ luôn mấy ngày, Cao giận lắm kéo quân sang sông Dĩ-Thủy. Quân Hán chờ cho quân Sở sang sông một nửa rồi xông ra đánh. Quân Sở thua to, mất hết cả đồ châu-báu. Tào Cao cùng Tư-Mã-Hàn 司馬欣 tự-vẫn mà chết.

Lã-Trĩ, tên bà Lã-Hậu, vẫn tư-tình với Thâm-Tự-Cơ, 審食其 sợ sự tư-thông bị tiết-lộ, nên dẫu Thâm vào bên trong mặc-áo. (Liệt truyện)

mang vạ dọa-dây thân lợn (1). Theo lẽ cương-thường, ai được ? Hưởng chi : tàn-nhấn dứt tình thiên-đạo, bảo sẽ chén canh ; u-mê thiên-ái Triệu-Vương 趙王, coi thường gốc nước. Luân-thường cha con đề dâu ? (2)

Những kẻ nghị-luận đời sau : chẳng xét trọng khinh ; không phân phải trái. Trong lòng chẳng nghĩ sâu nông ; ngoài miệng vẽ ra đen trắng. Khen Hán vô cùng ; chê Sở khôn xiết ! Khiến cho Đại-Vương chúng tôi trong cõi u-minh, bấy lâu chịu đựng những lời mỉa-mai thâm-độc. Lời như tiếng nhức nhờ ông gột-rửa đi cho. Ấu cũng là một cuộc tao-phùng khoái-chá.

Hồ tiên-sinh thấy lời nói có lý, gạt đầu hai ba lần, ngoảnh lại bảo những người đi theo :

— Các người ghi lấy !

Rồi đó, canh tàn, trà cạn, đứng dậy cáo từ. Hạng-Vương tiến ra đến cửa thì trời vừa hửng sáng. Hồ tiên-sinh xóc áo vùng dậy, té ra là một giấc mộng, bèn mua rượu thịt, bày cúng ở đầu thuyền, rồi mới dời khỏi chỗ đó.

(1).— Thích-Cơ là ái-thiếp của Hán-Cao-Tổ. Sau khi vua mất, bị Lã-Hậu chặt cụt chân tay, bỏ trong cũi tiêu, gọi là « người lợn » để trả thù khi trước đã được vua nịch-ái.

(2).— Hạng-Vương bắt cha Hán-Cao là Thái-Công đem ra dọa giết làm thịt. Hán Cao nói : « cha ta cũng như cha mày, nếu mày có làm thịt thì chia cho ta một chén nước canh ». Lại sau khi làm vua, Hán-Cao vì sủng-ái Thích Cơ, nên yêu con Thích-Cơ là Triệu-Vương Như-Ý 如意, liền có ý truất con cả để lập Như-Ý lên làm Thái-tử. Chỗ này có ý chê Hán-Cao lổi đạo cương-thường với cả cha lẫn con. (Tây-Hán sử).

PHẦN BÌNH LUẬN

Than ôi ! So Sở với Hán, thì Hán hơn ; nhưng đem Hán lên so với đạo vương thì Hán lại chưa đủ. Sao vậy ? Thứ coi việc Hồng-Môn được cởi oán, Thái-Công được thả về, thì Sở chẳng phải là không có nhân, nhưng nhân nông mà ác sâu đó thôi.

Còn như việc giết-giác Đinh-Xuyên 荊州, tru-lục công-thần. Hán không phải là không có lỗi, nhưng lỗi ít mà phải nhiều. Cố nhiên Sở trái nhân nghĩa, nhưng Hán chỉ là giống với nhân-nghĩa. Họ Hạng bèn Sở chữa nên đạo Bá ; Vua Cao nhà Hán, lẫn vào hàng Bá. Những bậc trị thiên-hạ phải tiến tới Vương-đạo thuần-túy. Con Hán với Sở ; nhân với bất-nhân, hãy gác ra ngoài, không cần bàn tới.

Câu chuyện qua miếu Hạng-Vương



快州義婦傳

KHOÁI-CHÂU NGHĨA-PHỤ TRUYỆN

TRUYỆN NGƯỜI NGHĨA-PHỤ Ở KHOÁI-CHÂU

Từ-Đạt 徐達, người phủ Khoái-Châu (Hưng-Yên 興安), đi làm quan tại thành Đông-Quan 東關 (Hà nội 河內) thuê nhà ngay bên cầu Đồng-Xuân 同春, cạnh nhà quan thiêm-thư Phùng-lập-Ngôn 馮立言. Phùng giàu mà Từ nghèo. Phùng hoang mà Từ sên. Phùng ưa dễ-dãi mà Từ thủ lễ. Đại-khái nề-nếp hai nhà không giống nhau, song vẫn lấy nghĩa-khi giao-thiếp với nhau, đi lại chơi-bời, yến-tiệc, thân như anh em ruột vậy.

Phùng có con trai tên là Trọng-Quý 仲達; Từ có con gái tên là Nhị-Khanh 蕪舞. Trai tài, gái sắc, tuổi lại xấp-xỉ ngang nhau. Mỗi khi ăn tiệc là đôi bên lại có dịp gặp nhau, yêu tài mến sắc, muốn cùng nhau kết nghĩa Châu-Trần. Cha mẹ đôi bên cũng đều vui-vẻ ưng-thuận, bèn chọn ngày mối-lái, định kỳ kết hôn.

Nhị-Khanh tuy còn nhỏ tuổi, nhưng từ khi về nhà họ Phùng, biết đường cư-xử rất hòa-mục với cả họ; thờ chồng vẹn nghĩa thuận-tòng. Ai cũng khen là người dâu hiền.

Trọng-Quý lớn lên, dám ra chơi-bời phóng-túng. Nhị-Khanh phải hằng ngày can ngăn. Tuy chàng không nghe, nhưng rất kính-nề vợ. Đến năm Trọng-Quý 20 tuổi, nhờ phụ-ấm được bỏ đi làm tại phủ Kiến-Hưng 建興

Hồi ấy, tại vùng Nghệ-An 又 去 giặc cướp nổi lên. Triều-Đình xuống chiếu kén vị quan giỏi để trị-nhiệm nơi đây. Đinh-thần vốn ghét Lập-Ngôn về tính nói thẳng, ý muốn làm hại, bèn đưa tên ông ra ứng-tuyển.

Lúc sắp đi phó nhiệm, Lập-Ngôn bảo Nhị-Khanh rằng :

- Đường-sá xa xôi, ta không muốn đàn-bà con gái đi theo, con hãy tạm ở nhà, chờ khi gió lộng, sóng êm, kíp chầy rồi vợ chồng con sẽ lại gặp nhau. Phùng công-tử thấy Nhị-Khanh không đi theo, có ý quyến-luyến không dứt. Nhị-Khanh phải khuyên can chồng rằng :

- Nghiêm-đường vì tính nói thẳng mà bị người ghen-gét, không cho ở lại nơi yếu-địa, bề ngoài giả bộ cho nhiệm trọng-trấn, mà kỳ thực là đẩy vào đất chết. Nỡ nào để cha già ba-đào muôn dặm, lam-chương hiểm-ngheo, gửi thân trong vùng mán-mọi, dẫn mình giữa đám thường-luồng. Sớm hôm sẵn-sóc, ai kẻ đỡ-dần ? Xin chàng chịu khó theo hầu. Thiếp đâu giám vì việc riêng ở nơi khuê-các, để chàng lỗi bề phụng-dưỡng chốn đình-vi. Dù cho hương phai phấn lạt, hồng rụng thắm rời, xin chàng đừng phiền bụng nghĩ tới chốn phòng hương.

Phùng công-tử bất-đắc-dĩ phải mở tiệc chia tay, rồi cùng Phùng-công và gia-dình lên đường nam-tiến.

Nào ngờ : lòng trời khôn thấu ; nhân-sự đa đoan. Cha mẹ Nhị-Khanh nối gót qui tiên. Nàng phù linh-cửu về Khoái-Châu, làm lễ an-táng xong rồi, sang ở với bà cô là Lưu-thị 劉氏.

Bấy giờ trong ấp có vị tướng quân họ Bạch, chân họ Lưu-thị, muốn lấy Nhị-Khanh làm vợ, đem tiền của khăn-cầu, Lưu-thị bằng lòng, nhân lúc vắng-vẻ bảo Nhị-Khanh rằng :

— Nhà nước từ khi nhà Hồ 胡 (1400 - 1406) cướp ngôi, hàng ngày ham sự ăn chơi, khắp triều chính rối. Chỉ trong sớm tối sẽ sinh họa-loạn. Từ khi chồng cháu xa nhà, thăm thoát nay đã sáu năm ; tin-tức không thông, mất còn chẳng biết. Lỡ ra gặp lúc rồng tranh hổ đấu, phải khi ướm là ong lơi ; mắc tay Cha-Lợi 豺利 bọm già (1), thiếu mặt Áp-Nha 押拏 nghĩa-sĩ (2), chỉ e bóng liễu Chương-dài, trôi giạt biết đến nơi đâu. Sao bằng kiếm nơi giai-ngẫu, kết mối tân duyên, tránh được lời trêu hoa cợt liễu bên ngoài ; gửi thân mình dưới bóng cây tùng cao-cả.

(1) — Đời Đường Tuyên-Tôn 唐宣宗 (847 859), Hàn-Hoành 韓翃 có người tình là Liễu thị 柳氏. Sau khi cách-biệt mấy năm, Hàn gọi bài thơ về cho Liễu-thị có câu rằng « Chương-dài liễu ! Chương-dài liễu ! tích nhật thanh-thanh kim tại phủ ? Tung sử trường điều tự cựu thủy, diệp ưng phan-chiết tha nhân thủ ». Nghĩa là : Hồi cây liễu chốn Chương-dài ! Hồi cây liễu chốn Chương-dài ! Trước kia người xanh tươi bao nhiêu ! nay còn đó chẳng ? Vì dù cành lá rườm-rà buồng rú như xưa, hẵn cũng đã bị tay kẻ khác vin-bẻ rồi. Sau Hàn về thì Liễu-thị bị Sa-Cha-Lợi bắt giữ. Lúc đó, Hứa-Tuấn 許俊 là người nghĩa-sĩ, vào nhà tướng Sa-Cha-Lợi cướp được Liễu-thị đem về cho Hàn-Hoành.

(2) — Đời Đường, Lưu Vô-Song 劉無雙 là vị-hòn-thê của Vương-Tiên-Khách 王仙客. Gặp loạn, nàng bị bắt vào trong cung-đình, nhờ được nghĩa-sĩ Cồ-áp-Nha đưa thuốc cho nàng uống chết đi, rồi giả làm người thân-thuộc chuộc thầy nàng ra. Thuốc nhạt, nàng hồi tỉnh, vợ chồng đưa nhau đi trốn rồi ở với nhau đến già.

Nhị-Khanh nghe nói cả kinh, biếng ăn mất ngủ hơn một tháng trời. Lưu-thị tuy biết chí nàng khôn bề lay-chuyển, nhưng vẫn cố tình lấy lễ-nghi nài-ép. Ngày cưới đã định sẵn-sàng. .

Một hôm, Nhị-Khanh bảo người lão-bộc rằng :

— Chú được nhà ta đây nuôi dưỡng từ lâu, có nghĩ đến sự đền-đáp ơn-đức của tiên-nhân chăng ?

Lão bộc thưa :

— Xin tùy cô-nương sai bảo, tôi xin hết lòng.

Nhị-Khanh tiếp :

— Sở-dĩ ta còn ân-nhân mà sống, chỉ vì ta nghĩ rằng Phùng-lang hãy còn. Nếu chàng thác rồi, ta cũng chết theo, quyết không mặc xiêm-áo của chồng để làm dáng đi theo kẻ khác. Chú không nề gian-nan hàng tuần, lần-mò xương Nghệ-An thăm dò tin-tức được chăng ?

Lão-bộc vâng lời vội-vã ra đi. Gặp cơn binh lửa rối-ren, đường-sá hiểm-trở, gặp-ghềnh. Đi hàng tuần mới tới Nghệ-An, vào kỏi nhà người dân ở đó nói hay rằng Phùng-lập-Ngôn đã mất từ mấy năm trước, con lại hoang-toàng, gia-tài khánh-khiet. Than ôi ! Thật là đáng buồn vậy !

Lão-bộc cảm thuyến, lên bờ, vừa vào đến chợ thì gặp Phùng-sinh. Sinh dẫn về chỗ ở. Trong nhà : một chiếc giường xiêu, bốn bề vách trống. Ngoài mấy thứ như bàn cờ binh rượ, chim mồi, chó săn, không còn gì đáng giá. Phùng-sinh bảo người lão-bộc rằng :

— Chẳng may Cự mất, bỏ lại con côi đã bốn năm trời. Gặp con binh lửa nghẽn đường, tôi muốn về mà không thể được. Dù ở nơi đất khách, đêm đêm hồn mộng vẫn ở bên mình Nhị-Khanh. Bèn định ngày về quê.

Khi vừa đến cửa, vợ chồng trông nhau mà khóc. Đêm hôm ấy Phùng sinh năm ngâm bài thơ rằng :

Nguyên văn :

- | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|
| 1. | 憶 | 昔 | 平 | 生 | 日 | , |
| . | 曾 | 諳 | 契 | 合 | 姻 | 。 |
| 2. | 感 | 君 | 情 | 太 | 厚 | , |
| | 笑 | 我 | 命 | 終 | 遠 | 。 |
| 3. | 別 | 袂 | 分 | 携 | 干 | , |
| | 長 | 亭 | 勸 | 飲 | 頻 | 。 |
| 4. | 依 | 依 | 愁 | 崩 | 嶂 | , |
| | 擾 | 擾 | 隔 | 風 | 塵 | 。 |
| 5. | 共 | 約 | 人 | 千 | 里 | , |
| | 相 | 望 | 月 | 半 | 輪 | 。 |
| 6. | 侵 | 尋 | 閑 | 六 | 載 | , |
| | 零 | 謝 | 悵 | 雙 | 親 | 。 |
| 7. | 怕 | 睡 | 橫 | 山 | 晚 | , |
| | 行 | 歌 | 演 | 水 | 濱 | 。 |
| 8. | 登 | 樓 | 王 | 聚 | 淚 | , |
| | 索 | 句 | 杜 | 陵 | 巾 | 。 |
| 9. | 竹 | 石 | 難 | 醫 | 俗 | , |
| | 琴 | 樸 | 不 | 療 | 貧 | 。 |

- | | | | | | |
|-----|----|----|----|----|----|
| 10. | 他故 | 鄉國 | 勞重 | 寄傷 | 目， |
| 11. | 放淹 | 浪留 | 非病 | 吾此 | 神， |
| 12. | 穿遠 | 知遠 | 蓬錦 | 島江 | 事， |
| 13. | 采黃 | 石姑 | 重兩 | 移問 | 身， |
| 14. | 幾一 | 年旦 | 巫武 | 峽陵 | 客， |
| 15. | 蝴蝶 | 蝶萬 | 交變 | 情態 | 鱗， |
| 16. | 輕靡 | 儂曼 | 唐宋 | 魏東 | 棹， |
| 17. | 綠紅 | 暗穉 | 鶯燕 | 聲子 | 津， |
| 18. | 狎奇 | 遊過 | 今古 | 杜劉 | 夢， |
| 19. | 吟風 | 詠流 | 聊肯 | 隨讓 | 春， |
| 20. | 會命 | 應筆 | 傳記 | 勝周 | 舊， |
| | | | | | 新， |
| | | | | | 國， |
| | | | | | 都， |
| | | | | | 澗， |
| | | | | | 嘆， |
| | | | | | 牧， |
| | | | | | 晨， |
| | | | | | 興， |
| | | | | | 人， |
| | | | | | 事， |
| | | | | | 秦。 |

Phiên âm :

1. *Ức tích bình-sinh nhật,
Tùng hải kế hợp nhân.*
2. *Cảm quân tình thái hậu,
Tiểu ngã mệnh chung truân.*
3. *Biệt mẹ phân huê tảo,
Trương đình khuyến ẩm tân.*
4. *Y - y sâu lĩnh kiện,
Nhiều-nhiều cách phong trần.*
5. *Cộng ước nhân thiên lý,
Tương vương nguyệt bản luân.*
6. *Xâm - tàm nhân lục tải,
Linh - tạ trường song thân.*
7. *Pha thủy Hoành - sơn hiền,
Hành ca Diên - Thủy tân.*
8. *Đàng lâu Vương - Xán lệ,
Sách cú Đô - Lăng càn.*
9. *Trúc thạch nan y tục,
Cầm tôn bất liệu bản.*
10. *Tha - hương lao kỳ mục,
Cổ - Quốc trung thượng thân.*

11. Phòng-lãng phi ngô sự,
Yêm-lưu bệnh thử thân.
12. Ninh tri Đông-đảo khách,
Dao đạt Cầm-Giang lân.
13. Thái-Thạch trảng di trạo,
Hoàng-Cổ lưỡng vấn tân.
14. Kỳ niên Vu-Giáp mộng,
Nhất đán Vũ-Lãng xuân.
15. Hồ-Điệp giao tình cụ,
Uyên-Uông biến thái tân.
16. Kinh-huyền Đường Quốc-Quốc,
Mỹ-mạn Tống Đông-Lân.
17. Lục âm oanh thanh sáp,
Hồng hy yến tử sân.
18. Hiệp du kim Đỗ-Mục,
Kỳ-ngộ cồ Lưu-Thần.
19. Ngâm vịnh liêu tùy hưng,
Phòng-lưu khảng nhượng nhân.
20. Hội ung truyền thắng sự,
Mệnh bút ký Chu Tồn.

Giải - nghĩa :

1. Tôi nhớ lại lúc bình-sinh thuở trước,
Đã cùng nàng kết mối duyên-hài.
2. Cảm-kích vì nàng ăn ở rất hậu tình,
Nực cười cho tôi số-phận long-đông.
3. Chia bào một sớm phân tay,
Chốn trường-đình (1) liên-hồi mời rượu (2)
4. Chơi-vơi sầu chất cao như núi,
Mặt-mờ cách-trở gió bụi.
5. Người cùng ước hẹn ở xa ngàn dặm,
Cùng trông chỉ thấy nửa vầng trăng (3).
6. Làn lờ đã sáu năm trời,
Quạnh-quẽ xót song thân (4)

(1)— Trường-đình là nhà trạm đề khách đường trường đời ngựa hoặc nghỉ chân. Trạm gần cách nhau năm dặm gọi là đoan-đình, trạm dài cách xa mười dặm gọi là trường-đình.

(2)— Tiêu-Phượng 蕭鳳 đi sứ, tới Ngọc-Môn-Quan 玉門關 em Tiêu khuyên Tiêu uống rượu nhiều cho thật say, đề lúc chia tay khỏi bịn-rịn. (Quần-Ngọc 羣玉)

(3)— Sách Cỗ-Văn Truyền-Đăng-Lục 古文傳燈錄 chú : chỉ vì bị ngọn núi che khuất mà không trông rõ được cả vầng trăng, thì người mình nhớ ở xa-xôi làm sao mà trông thấy được.

(4)— Câu này nói thương cha mẹ chết cả rồi.

7. Hãi-hùng khi ngũ tại Đèo-Ngang (1)
Hát ngao khi qua bến Diên-Thủy (2)
8. Vương-Xá lên lầu mà sa nước mắt (3)
Đòi phen ngâm câu Đỗ-Phủ lệ ướt khăn (4)
9. Trồng tre, xếp đá không chữa được nết tục (5)
Cày dàn, bầu rượu chẳng khuấy nổi nghèo.

(1)— Đèo-Ngang thuộc huyện Kỳ-Hoa 奇華, tỉnh Hà-Tĩnh 河靖.

(2)— Bến Diên-Thủy thuộc phủ Diên-Châu 演洲 tỉnh Nghệ-An 又安.

(3)— Thôi Tam-Quốc, Vương-Xán tránh loạn Đông-Trác 董卓, sang ẩn bên nhà Lưu-Biêu 劉表 ở Kinh-Châu 荊洲. Lúc nhớ nhà, Xán lên lầu làm bài phú có câu «Đứng tư-lầu dĩ tứ vọng hề, liêu hạ nhật dĩ tiêu憂. 登茲樓以四望兮, 聊暇日以消憂. Nghĩa là: Lên lầu bốn mặt nhìn quanh-quất, ngắm buổi thanh-nhàn trút nỗi lo (Viên-cơ 圓机)

(4)— Trong bài thơ Đỗ-Phủ 杜甫 đời Đường 唐 dâng lên quan Tả-Tướng họ Vi 韋 có câu «Vi công ca thử khúc, thể-kháp tại y-càn 為公舉此曲, 涕泣在衣巾». Nghĩa là: Thơ này dâng trước án, lệ rơi thấm áo khăn. Bài thơ này, Đỗ Phủ tỏ nỗi long-dòng của mình. (Cổ-Văn 古文)

(5)— Vương-Du 王叔 trồng trúc làm cảnh chơi, nói rằng: Vô nhục linh nhân sấu, vô trúc linh nhân tục. Nhân sấu thượng khả phi, nhân tục bất khả y 無肉令人瘦, 無竹令人俗. 人瘦尚可肥, 人俗不可醫. Nghĩa là: không có thịt ăn, khiến người gầy-còm, không có trúc chơi khiến con người tục. Người gầy-còm còn có thể béo, chứ người tục thì không thể chữa được (Cổ-Văn).

10. Nơi đất khách trông đã mỏi mắt.
Nhớ quê-hương luyến những đau lòng.
11. Phóng-lãng không phải là việc tôi muốn,
Lần-chần ở ngoài mãi cũng mệt xác.
12. Hay đâu khách Bồng-Đảo (1) 蓬島
Xa đưa tin cá từ sông Cầu-Giang (2) 錦江 đến.
13. Bến Thái-Thạch hai phen trở mái chèo (3)
Sao Hoàng-Cô (4) hai lần hỏi thăm bến.

(1)— Bồng-Đảo là nơi tiên ở. Khách Bồng-Đảo đây là nói Nhị-Khanh, lúc này Trọng-Quý coi vợ như tiên-nương.

(2)— Sông Cẩm-Giang tức là Tây-Thục giang 西蜀江, ý nói xa-xôi điệu-vợ.

(3)— Tống-Sử 宋史 chú : Phàn-Nhuộc-Thủy 樊若水 đi thi không đỗ, nhân tìm cách về Tống, đi cầu trên sông Thái-Thạch. Mấy tháng trời, cuỡi con thuyền nhỏ, Phàn đem theo dây đo sông xem quãng nào rộng, quãng nào hẹp, rồi về tàu vua làm cầu nổi để kéo quân qua sông lấy Giang-Nam 江南.

(4)— Hoàng-Cô tức là sao Khiên-Ngư 牽牛 tục gọi là Ngư-Lang (Chàng Ngâu). Ngư-Lang lấy được Chức-Nữ rồi, vì làm biếng mà hai vợ chồng phải đứt mỗi người ra một đầu sông Ngân-Hà, mỗi năm chỉ được đến họp mặt với nhau một lần. Câu này Trọng-Quý tự ví mình với Ngư-Lang được tái-hồi cùng Chức-Nữ 織女. (Bác vật chi)

14. Mấy năm mơ mộng non Vu (1)
Một ngày xuân trên đất Vũ-Lăng (2)
15. Cái bướm nổi lại mỗi tình cũ,
Chim uyên-ương đôi về mới (3).
16. Dịu-dàng như Quấn-Quốc phu-nhân đời Đường (4)
Mỹ-miền như cô gái mẹ đồng nhà Tống-Ngọc
宋玉 (5).

(1)— Sở-Vương đi chơi Vân-Mộng 雲夢, ngủ ở quán Cao-Dương 高唐, dưới núi Vu-Son (thuộc Hồ Bắc 湖北) nằm mộng thấy một người đàn-bà đến nói rằng nghe tin nhà Vua ngự ra đây nên tới hầu. Sở-Trương-Vương 楚襄王 lưu lại trong hành-cung để cùng chung chăn gối. Lúc ra về nàng mới nói thiệt nàng là thần-nữ ở núi Vu-Giáp, sớm làm mây, tối làm mưa. Trương-Vương bèn cho lập đền thờ ở chân núi Dương-Đài 陽臺. (theo sách Thành-Ngũ Diên-Tích).

(2)— Vũ-Lăng tức là Đào-Nguyên 荊源, nay thuộc tỉnh Hồ-Nam 湖南, nơi đây xưa có một nhà dệt-sĩ lánh cường-Tần vào ở ẩn (Vận-Thụy 韻瑞).

Câu này Trọng-Quý nói nay được trở về với vợ chẳng khác nào Sở-Vương ân ái với Thần-nữ ở non Vu hay như một vị ẩn-dật ở Vũ-Lăng vui-thú mê-man không còn biết việc gì ở ngoài đời nữa.

(3)— Ý câu này nói tuy là hoa xưa bướm cũ mà tình vợ-chồng thắm-thiết tựa đôi uyên-ương trong buổi mới lấy nhau.

(4)— Đời Đường Huyền-Tôn 唐玄宗 (712—755), bà Vương-phi Dương Thái-Chân 楊太真 đưa ba người chị em có nhan-sắc ra vào hậu-cung, cả ba cùng được nhà vua phong tước : Đại-di (di lớn) là Hàn-Quốc 韓國 phu-nhân ; thứ-di là Tần-Quốc 秦國 phu-nhân ; tam-di là Quắc-Quốc phu-nhân. Trong ba người này thì Quắc-Quốc phu-nhân có sắc đẹp thiên-nhiên, không cần thoa son, điểm-phấn. Nhà vua cũng yêu hơn cả (Thiên-Trung ký 天中記).

(5)— Đời Chu 周, Tống-Ngọc 宋玉 tâu Sở-Vương rằng : Trong thiên-hạ không có ai đẹp bằng người con gái ở mẹ đồng nhà thần. Gia thêm một phần, người nàng cao quá ; giảm đi một phần, người nàng thấp quá ; đánh phấn vào thì da nàng trắng quá ; thoa son thì môi nàng hường quá. (Thiên-Trung Ký).

Câu này Trọng-Quý nói thấy ở trong người vợ chàng một vẻ đẹp thiên-nhiên mê hồn, như Quắc-Quốc phu-nhân hay như cô gái bên đồng nhà Tống-Ngọc.

17. Màu lục rậm, chim oanh rít tiếng,
Sắc hồng thưa cái én bực mình (1).
18. Cuộc chơi nả của Đỗ-Mục ngày nay (2) ;
Duyên kỳ-ngộ của Lưu-Thần thuở trước (3).

(1) Rậm lục thưa hồng (hoa thưa dần, lá xanh rậm) là cảnh cuối xuân sang hạ, cũng là cảnh ấm áp, tươi đẹp của Tạo-hóa. Cảnh này Trọng-Quý đem vào để thêm phần đặc-y.

(2) — Đỗ-mục đời Đường, khi làm chức Ngự-Sử phân-ty ở Lạc-Dương 洛陽, đến chơi nhà Lý-Thông 李聰, một vị hưu-quan có tiếng hào-hoa. Trong nhà có đến hàng trăm kỹ-nữ thanh sắc chào mời khách. Hôm đó, Đỗ hỏi Lý : cô nào là Tử-Vân 紫雲 xin cho thưởng-thức. Lý trở Tử-Vân cho Đỗ. Đỗ ngắm-nghĩa hồi lâu rồi nói : « Lời đồn quả đã không sai, ngài cho tôi quách ». Bọn ca-kỹ đều ngoảnh lại nhìn rồi phá lên cười. Đoạn, Đỗ làm một bài thơ tức cảnh (Theo Viên-Cơ 圓机).

(3) — Đời Hán Vĩnh-Bình 漢永平 (58-75), Lưu -Thần cùng Nguyễn-Triệu 阮肇 vào động Thiên-Thai 天台 hái thuốc bị lạc đường, lại hết cả lương-thực. Hai chàng nhìn lên núi thấy cây đào có trái, liền hái ăn. Lúc xuống núi, thấy nước suối chảy ra có lẫn hạt cơm hồ-ma 胡麻 (vùng đen), hai người bảo nhau : ở đây cách nơi có người ở chẳng bao xa. Khi đi lên đến đầu núi, chợt thấy hai vị nữ-lang cực kỳ xinh đẹp đứng đó, gọi rõ họ tên hai chàng và hỏi sao đến chậm thế, như tưởng quen biết đã lâu. Đoạn hai cô mời hai chàng về nhà. Đến nơi, Lưu, Nguyễn thấy nhà cửa phong-quang, đồ bày biện rất là lộng-lẫy, giường-phần, màn-dùng dát đầy châu-ngọc. Trong nhà chẳng có ai là đàn ông. Một lúc bày tiệc, vật ngon, rượu quý chẳng thiếu thứ gì. Khách đến dự tiệc, đều mang dăm ba trái đào để mừng tân-lang, lại đem tiên-nhạc ra giúp vui. Chiều đến, đầu về đấy. Lưu, Nguyễn ở lại làm lễ động-phòng. Hai chàng ở động Thiên-Thai đã được nửa năm (đây là nói nửa năm ở thượng-giới), thời-tiết lúc nào cũng như tháng hai, tháng ba ở dưới trần. Nghe tiếng chim kêu nã-nuột, trạnh nhớ quê-hương, hai chàng xin về hạ-giới. Chư-tiên nói : Bởi có túc-duyên nên hai chàng mới được dun-dủi đến chốn này để hội-ngộ tiên-nương, nhưng mầm tội chưa dứt, lụy tục còn mang. Đoạn, tiễn hai chàng ra khỏi động. Khi về đến nhà, thì chẳng còn ai biết hai chàng nữa. Có người cháu bảy đời nói rằng : Có nghe nói ông tổ họ vào rừng hái thuốc rồi không thấy trở về. Hai chàng lại muốn trở lại động tiên, nhưng không tìm thấy đường nữa, rồi không biết đi đâu. Lưu, Nguyễn ra đi vào năm Tấn Thái-Khang 晉太康 thứ 8 (287).

19. Gặp lúc hồn thơ lai-lãng,
Phong-lưu há chịu nhường ai.
20. Thật là việc hay nên truyền lại,
Mượn bút ghi đề như bài ký Chu-Tần (1).

Dịch ra văn vần :

1. Bình-sinh nhớ chuyện ngày xưa,
Duyên hải sớm đã xe vĩa lĩa đời.
2. Cảm nàng nghĩa nặng khôn bồi,
Truân-chiến tới lại mực cười cho tôi.
3. Cầm tay, rút áo chia phối,
Trương-đỉnh khuyên cạn chén mời ra đi.
4. Non cao chất-ngất sâu bi,
Mịt-mờ gió bụi như chia cách-trùng.
5. Dặm-ngàn cách-trở lầy đong,
Vầng trăng sẽ nữa, tắc lòng chia hai.
6. Làn-lụa đã sáu năm trời,
Nghĩ hai thân lại ngậm ngùi nhớ thương.

(1)— Trong bài Chu-Tần hành-ký 周秦行記 của Vương-Quán 王灌 có chép việc Ngưu Tăng-Như đời Đường, thi trượt trở về đến chân núi Minh-Cao 鳴皋 (thuộc tỉnh Hà-Nam), trời tối bị lạc đường vào miếu thờ Bạc Thái-Hậu 薄太后 đời Hán. Bạc-Hậu hiện lên mời đón chàng, rồi họp cả các ban như Thích Phu-nhân, 戚夫人 Chiêu-Quân 昭君, Thái-Chân 太真 Phan-Phi 潘妃, lại đề cùng làm thơ. Tăng-Như cũng làm một bài, được mọi người rất tán-thưởng. Đêm đó, Tăng-Như được Chiêu-Quân đón mời. (Sự-Loại thống-biên 事類統編).

7. *Hoành-Sơn hồn mộng bàng-hoàng,
Đò lờn Diễm-thủy ca vang điệu sầu*
8. *Sầu tuôn Vương-Xán đặng lâu,
Sầu ngấm thơ Đỗ lệ hầu thấm khăn.*
9. *Trúc kia khôn trút bụi trần,
Rượu bầu từng cạn, chữ bàn vẫn tro.*
10. *Quê người, đôi mắt đã mờ,
Đau lòng cố-quốc, bơ-vơ lạc-loài.*
11. *Tường chi phóng-túng chơi-bời,
Chiếc thân bịnh-hoạn, con người điều-linh.*
12. *Hay đâu Bồng-lảo chung tình,
Bóng chim, tấm cá công-trình nhẩn-nhe.*
13. *Bến xưa thuyền cũ lại kè,
Khác nào Chức-nữ trở về Ngưu-lang.*
14. *Mấy thu đỉnh Giáp mơ-màng,
Đào-nguyên xuân mộng một tràng là đây.*
15. *Hoa xưa bướm cũ xum-vầy,
Uyển-ương tái hợp, hơn ngày tán hôn.*
16. *Khác nào Quốc-Quốc, Huyền-Tôn
Đông-lân Tống-Ngọc mê hồn quán-vương.*
17. *Đầy vườn rậm lục thừa hương,
Con oanh, cái yến chán-chường xuân qua.*
18. *Phiếm-du, Đỗ-Mục thăm hoa
Duyên may thuở trước Lưu-gia khác thường !*
19. *Nguồn thơ lai láng nên chương,
Phong-lưu nương ấy, ai nương cho ai ?*
20. *Việc nên truyền lại lâu dài,
Chu-Tần chép đề mấy lời thêm hoa.*

Hai người xa-cách lâu ngày, nay càng bội phần âu-yếm, tình ý mặn-nồng, niềm vui sướng không cần phải nói.

Song Phùng-sinh vốn dĩ: nhỏ đã quen tuồng phóng-lãng; lớn càng mê thói ăn chơi, hễ có kẻ rủ-ré lại ngứa nghề như cũ. Hằng ngày đàn-dúm với gã lái buôn tên gọi Đổ-Tam 杜三. Sinh thích Tam tiền nhiều, Tam ham Sinh vợ đẹp. Gặp khi cùng nhau chè-chén rồi xoay ra cờ-bạc. Tam thường lấy lợi như Sinh. Trọng-Quý thắng rất dễ-dàng khác nào móc túi lấy ra mà thôi, mà lần nào đánh cũng được. Nhị-Khanh thường vẫn lấy lời khuyên-răn :

— Những hạng phú-thương phần nhiều giao-quyết chẳng nên giao-du thân-mật với chúng. Lúc đầu chúng thả cho mình được, rồi có ngày mất nghiệp với chúng. Nhưng Phùng-Sinh đâu có để vào tai.

Thế rồi, một hôm, Sinh cùng bạn-bè họp nhau đánh tứ-sắc. Đổ-Tam bỏ ra một trăm vạn đồng và đòi Sinh đem Nhị-Khanh ra cuộc. Trọng-Quý quen mui vẫn được, liền ưng ngay, không suy-tính gì cả. Kỳ giao kèo xong, vừa uống rượu vừa đánh. Trọng-Quý gieo ba lần thua cả ba. Nét mặt cắt không còn hột máu. Cả chiếu bạc, ai cũng ngo-ngác buồn-thim cho chàng.

Sinh đành gọi Nhị-Khanh đến, bảo rõ sự thực rồi đưa giấy giao-kèo cho nàng coi và an-ủi rằng :

— Tôi vì cảnh nghèo thúc bách, để lụy đến nàng. Sự đã lỡ rồi, ăn-năn không kịp. Vả lại : vui, buồn, tan, hợp là sự thường của kiếp người ! Thời thì, nàng hãy tạm về với người mới, ăn ở cho ngoan. Rồi đây có ngày tôi sẽ đem tiền đến chuộc nàng về.

Nhi-Khanh tự lượng khôn bề thoát khỏi, giả vờ vui-vẻ nói rằng :

— Bỏ chỗ nghèo nàn, tới nơi giàu-có, lẽ nào thiếp lại từ-chối. Chắc là tạo-hóa an-bái hay số tiền-định chi đây. Nếu được tán lang không ruồng-bỏ, quá thương đến chút hoa tàn, thiếp giám đầu chẳng tận tâm sửa gối, hết dạ nung khăn, như đã thờ chàng trước đây. Nhưng xin cho một chung rượu, mượn làm một chén chia-ly, và về nhà từ-biệt các con một chút.

Đỗ-Tam cả mừng, rót đầy rượu vào chén xà-cừ mời nàng uống. Uống xong, nàng về ôm lấy hai con, vỗ vào lưng chúng mà than rằng :

— Cha các con bạc tình, còn biết nương-tựa vào đâu? Ly-biệt là sự thương. Cái chết đối với mẹ nào có khó khăn gì. Chỉ thương cho hai con mà thôi. Than xong, lấy khúc dây tơ, thắt cổ tự-tử.

Đỗ-Tam thấy nàng lâu không trở lại sinh nghi, sai người đến giục, té ra nàng chết lâu rồi.

Trọng-Quý rất là hối hận, sắm đồ khám-liệm, làm bài văn tế đề tế nàng.

Văn-tế rằng :

1. 惟 娘 子 。
- 閨 門 之 秀
- 令 德 之 全
2. 精 神 雅 淡
- 舉 止 鮮 妍

- | | | | | |
|-----|---|---|---|---|
| 3. | 暨 | 歸 | 于 | 我 |
| | 與 | 我 | 周 | 旋 |
| 4. | 豈 | 期 | 中 | 路 |
| | 遠 | 爾 | 離 | 筵 |
| 5. | 我 | 公 | 遠 | 守 |
| | 相 | 隨 | 遠 | 邊 |
| 6. | 北 | 南 | 無 | 鴈 |
| | 垂 | 六 | 餘 | 年 |
| 7. | 銷 | 金 | 帳 | 裡 |
| | 怨 | 鶴 | 驚 | 猿 |
| 8. | 嗟 | 嗟 | 奇 | 塞 |
| | 前 | 路 | 迹 | 遺 |
| 9. | 天 | 涯 | 海 | 角 |
| | 風 | 塵 | 客 | 旣 |
| 10. | 幸 | 聞 | 來 | 信 |
| | 重 | 策 | 歸 | 鞅 |
| 11. | 琴 | 瑟 | 之 | 樂 |
| | 瑟 | 膠 | 續 | 弦 |

12. 甫 已 價 誤 契 輝 潤 媚
13. 我 汝 珠 最 太 堪 薄 伶
14. 素 夫 捐 復 至 何 此 言
15. 花 桂 催 頌 別 中 院 天
16. 芙 楊 裝 柳 滴 搖 露 煙
17. 風 人 景 何 如 依 舊 馬
18. 何 禮 以 中 度 乘 娘 祥
19. 何 生 以 後 慰 結 娘 綠
20. 山 此 壇 恨 海 難 陸 痊
21. 鳴 歎 呼 此 小 芳 姐 構

尚 享

Phiên âm :

Duy Nương-Tử !

1. *Khuê môn chi tú,
Lệnh-đức chi tuyền (toàn).*
2. *Tinh-thần nhã-đạm,
Cử-chỉ tiên-nghiên.*
3. *Kỳ qui vu ngã,
Đĩ ngã chu-tuyền (toàn).*
4. *Khởi kỳ trung lộ,
Cự nhĩ lý diên.*
5. *Ngã-công viễn-thú,
Tương tùy diêu biên.*
6. *Bắc nam vô nhạn,
Thùy lục dư niên.*
7. *Tiểu-kim trướng lý,
Oán hạc kinh viên.*
8. *Ta ta kỳ kiến !
Tiền lộ truán-chiến !*
9. *Thiên-nhai hải-giác,
Phong-trần khách chiến.*
10. *Hạnh văn lai tin,
Trùng sách qui tiên.*

11. *Cầm sắt chi lạc,
Loan giao tục huyền,*
12. *Phủ thường khiết khoái,
Dĩ ngộ thiên-quyên.*
13. *Ngã thù thái bạc,
Nhữ tối kham liên (linh) !*
14. *Khi quyên chí thử,
Phù phục hà ngôn ?*
15. *Hoa thối biệt viện,
Quế vẫn trung thiên.*
16. *Phù-dung tích (trich) lộ,
Dương-liễu diêu yên.*
17. *Phong-cảnh như cữu,
Nhân hà y yên ?*
18. *Hà dĩ độ nương ?
Lễ trung thừa thiên.*
19. *Hà dĩ ủy nương ?
Sinh hậu kết duyên.*
20. *Sơn cù hải lục,
Thử hạn nan thuyên.*
21. *Ồ hó Tiêu - thư !
Hàm thử phương tôn.*

Thượng hưởng

Giải nghĩa :

Hỡi ơi, nương-tử !

1. Dòng-dối khuê-môn,
Đức-hạnh hoàn toàn.
2. Tinh-thần nhuần-nhã,
Dáng-điệu xinh tươi.
3. Đến khi nàng về với tôi,
Cùng tôi ăn ở rất chu-đáo.
4. Bất đồ giữa quăng,
Đã phải nhấp chén phân-ly.
5. Cha tôi đi làm quan xa,
Tôi phải theo ra biên-cảnh.
6. Bắc nam tin nhận vắng,
Đã hơn sáu năm trời.
7. Trong trường tiêu-kim (1),
Hạc oán, vượn kinh (2).

(1)— Trường tiêu-kim là màn có thêu vàng vào cho đẹp. Thi-Học Đại-Thành 詩學大成 chú : Đẳng Thái-Úy 棠太尉 ngồi trong trường tiêu-kim đem rượu dương-cao 羊羔 rót ít một, vừa uống vừa hát nhỏ-nhẹ.

(2)— Tam-Chú cổ-sự 三柱故事 chép : Khổng Trĩ-Khuê 孔稚珪 làm bài thơ diễu Chu-Ngung 周隅 thời Nam-Bắc Triều 南北朝 có câu « Huệ trưởng không hề dạ hạc oán, sơn-nhân khứ hề hiểu viên kinh 蕙張空兮夜鶴怨，山人去兮曉猿驚 ». Nghĩa là : Trưởng Huệ không người, đêm hạc oán ; người rừng đầu nhĩ, vượn kinh hồn.

Câu này tả nhà đại-gia ở nơi rừng-rú hiu quạnh, đây là nói Trọng-Quy ở với cha tại nơi hẻo-lánh, buồn-bã.

8. Thở-than vận bí,
Bước trước gian-truán.
- 9 Bên trời góc bể,
Bụi bám đầy chần (1).
10. May có tin đưa đến,
Lại giục ngựa trở về.
11. Vui tình cầm-sắt,
Keo loan chấp lại dây đàn (2).
12. Vừa người con cách-biệt,
Đã lầm-lỡ thiên-quyên (3).
13. Tôi sao bạc-bẽo quá !
Nàng rất đáng thương !
14. Bỏ nàng cho đến nỗi này,
Ôi, còn biết nói sao đây ?
15. Hoa bay viện khác,
Quế rụng giữa trời.
16. Phù-Dung đắm mớc,
Khói tỏa cảnh dương (4).

(1)— Trình Bằng-Cử 程鵬舉 cách-biệt Quỳnh-Châu 瓊珠 mười năm. Mỗi khi ngủ, Trình chỉ nằm về nửa đệm, còn một nửa như có ý để đợi Quỳnh-Châu. Đệm bụi bám đầy, chàng cũng không nữ phải đi.

Câu này Trọng-Quý tả cái cảnh xa nhà nhớ vợ.

(2)— Tiên-gia đem mỡ chim phượng cùng sừng con lân nấu thành chất keo để nối lại dây đàn bị đứt (Quần-Ngọc).

Câu này Trọng-Quý tự-sự đến quăng trở về với vợ.

(3)— Trọng-Quý tự trách mình làm cho vợ phải quyên sinh sau khi tái hợp mấy ngày.

(4)— Hai câu này để ví người chết.

17. Phong-cảnh như cũ,
Người ở nơi đâu ?
18. Lấy chi siêu-độ cho nàng ?
Đành làm lễ đưa vào cửa Phật.
19. Lấy chi an-ủy nàng ?
Xin hẹn kết duyên kiếp khác (1).
20. Non mòn, biển cạn,
Mối hận khôn khuấy.
21. Hỡi ơi, Tiều-Thư !
Hưởng chén rượu này.

Thượng hưởng.

(1) — Đời Khai-Nguyên 開元 nhà Đường (713 — 742), các tướng sĩ ra trận được nhà Vua phát áo do cung-nữ may. Có tên lính nhận được áo trong có câu : « Kim sinh dĩ quá liễu, trùng kết hậu sinh duyên 今生已過了, 重結後生緣 ». Nghĩa là : Kiếp này đành đã lỡ, nhân duyên để kiếp sau. Người lính đó đem trình chủ Soái. Soái tâu Vua. Vua cho điều-tra người cung-nữ đã đề câu đó, rồi gả nàng cho người lính kia. Ai nghe cũng cảm-động.

Dịch ra văn vần :

Hỡi ơi, nương-tử !

1. *Vốn dòng khuê-các,
Đức hạnh thuần-lương.*
2. *Tình-tình nhã-đạm,
Cử-chỉ đoan-trang.*
3. *Cùng tôi kết tóc,
Vẹn đạo cương-thường.*
4. *Nào ngờ giữa quãng,
Nhấp chén ly hương.*
5. *Theo cha viễn-thú,
Tôi sống biên-phương.*
6. *Bắc nam nhận vắng,
Dư sáu năm trường.*

7. *Trương tiêu vắng-vẻ,
Hạc, vượn kêu thương*
8. *Ngậm-ngùi vận bĩ,
Vất-vả dọc đường.*
9. *Bên trời góc bể,
Bạn với phong-sương.*
10. *Tin may đưa lại,
Dặm cũ giông cương.*
11. *Sắt cầm dàu dặt,
Chấp lại tơ vương.*
12. *Chưa đèn cay-đăng,
Đã phụ má hương.*
13. *Giận mình quá bạc,
Thương vợ khôn lường !*
14. *Phũ-phàng đến thế !
Nói thêm bẽ-bàng.*
15. *Hca bay trước viện,
Quẻ rụng thiên đường.*
16. *Phù-dung đâm móc,
Khói tỏa cảnh dưng.*
17. *Cảnh in như cũ,
Tìm đâu thấy nàng ?*
18. *Lấy chi siêu-độ ?
Lễ Phật tựa-nương.*
19. *Lấy chi an-ùi ?
Lai-sinh lửa hương.*
20. *Non mòn biển cạn,
Mối hận còn mang.*
21. *Hỡi ơi ! Tiêu-thư !
Hưởng lễ minh-dương.*

Thượng hưởng.

Trọng-Quý từ khi vợ chết, rất ăn-năn tội-lỗi. Song sinh-kế ngày thêm quần-bách, được bữa sớm lo bữa tối, phải vay-giật mọi người. Nhân nhờ tới một người bạn cũ, đương làm quan ở Qui-Hoá 歸化 (thuộc địa-phận Hung-Hóa 興化 bây giờ) bèn tìm đến đền hồng nương-tạ. Dọc đường, chàng buồn ngủ quá, bèn dựa vào gốc cây đơn-phong (1) tạm nghỉ, chợt nghe văng vẳng trên không có tiếng gọi : « Có phải Phùng-lang đó không? nếu chàng còn nhớ đến tình xưa, đúng ngày giờ ấy, xin đến cửa đền Trung-Vương 中王 (ở xã Hát-Môn 喝門, Sơn-Tây 山西) chờ thiếp. Ân-tình tha-thiết, đừng tưởng là âm-dương cách-biệt ».

Sinh rất lấy làm lạ, vì tiếng gọi đó giống tiếng Nhị-Khanh như hệt. Chàng nhìn ra bốn phía, chỉ thấy một đám mây đen bay về tây-bắc. Tuy chàng bàn tin bán nghi, nhưng cũng muốn thử xem hư thực ra sao.

Đúng ngày giờ hẹn, chàng đến trước cửa đền đó, thấy bóng tà-dương giọi khe cửa ; rêu biếc phủ đầy thềm. Thỉnh-thoảng lại nghe tiếng đàn quạt kêu xao-xác trên cành khô trong bụi tre cao. Sinh buồn bã, muốn trở về thì mặt trời đã lặn, liền ngả mình nằm xuống tấm ván nát trên cầu.

Vào khoảng cuối canh ba, chàng nghe có tiếng khóc rên-rỉ, trước xa sau gần, khi còn cách chừng nửa trượng, trông rõ mặt người, chàng nhận ra quả là Nhị-Khanh. Nàng bảo sinh rằng :

(1) — Đơn-phong là một thứ cây giống như cây bạch-dương. Mùa thu thì lá đỏ đẹp, mùa xuân nở hoa xúm-xít như một quả bóng tròn.

— Đa tạ ơn chàng, lặn-lội từ xa đến đây, biết lấy chi để tạ ?

Trọng-Quý chỉ tự trách lỗi mình, rồi hỏi han đầu đuôi, thì Nhị-Khanh nói :

— Thiếp từ sau khi mất rồi, Thượng-Đế thương là thác oan, liền ban chỉ gia ơn cho đến hầu-hạ trong đền này, coi việc sớ-tấu, không lúc nào rảnh để đến thăm nhau. Hôm rồi, nhân đi làm mưa, chợt trông thấy chàng nên mới gọi, nếu không thì suốt đời dang-dặc, chẳng bao giờ được gặp nhau cả.

Quý lại hỏi :

— Sao nắng đến chậm thế ?

Nhị-Khanh đáp :

— Vừa rồi, thiếp theo xe mây có việc trên Đế-đình. Vì có chàng đến, thiếp bằm xin về trước, cho nên sai hẹn một chút. Thế rồi giắt nhau đi năm.

Khi hỏi đến thời-sự, Nhị-Khanh buồn-rầu nói :

— Thiếp thường theo hầu kê-cận, có nghe lỏm được chư tiên bàn nhau rằng : Nhà HỒ 胡 sẽ mất vào năm binh-tuất (1406), sau một cuộc binh-đao rất lớn. Số người bị chết vì chiến-tranh lên tới hơn hai mươi vạn, ấy là chưa kể số người bị bắt cướp đi. Ai không trồng cây đức từ lâu, e rằng ngọc đá đều ra tro hết. Lúc đó sẽ có vị chân-nhân họ Lê 黎 xuất hiện từ miền tây-nam. Chàng khuyên-dạy hai con bên chỉ theo phò vị ấy. Thiếp dù chết cũng không hủ nát.

Trời gần sáng, Nhị-Khanh vội vàng trở dậy tu-biệt, vừa đi vừa nhìn lại, thoãn thoắt bước nhanh rồi biến mất.

Sau Trọng-Quý không lấy ai nữa, và chỉ chăm nuôi hai con cho đến khi nên người. Gặp lúc Lê-Thái-Tổ 黎太祖 ở Lam-Sơn 藍山 tuốt gươm khởi nghĩa, hai con trai Trọng-Quý mộ quân đi theo, rồi làm quan tại triều. Hiện nay ở Khoái-Châu hầy còn con cháu.

PHẢN BÌNH LUẬN

Than ôi! Tam tông là bần-phận của đàn-bà, con gái. Theo chồng là một trong đạo tam-tông. Nhị-Khanh thác đi có trọn đạo tam-tông chăng? — Thưa rằng không phải thế. Đời xưa nói về đạo tam-tông là nói theo về đường nghĩa-lý, chứ không phải theo về đường tà-dục. Chết mà hợp điều nghĩa, có hại gì đến đạo tam-tông. Theo nghĩa-lý tức là theo chồng đó.

Trọng-Quý có người vợ như thế, mà dè phải mờ-mịt hàm oan như vậy, thật là tuồng chó lợn. Muốn tề-gia, trước hết phải sửa mình lấy điều chính, dè khỏi thẹn với vợ con, và cũng là khỏi thẹn với trời đất vậy.

* * *

Truyện người Nghĩa-phụ ở Khoái-Châu



(Tranh Nguyễn-Úyên)

木棉樹傳
MỘC MIÊN THỤ TRUYỆN
CHUYỆN CÂY GẠO

Trình-trung-Ngộ 程志通 là một gã bánh trai đất Bắc-Hà 北河. Nhà giàu có lớn, gã thuê thuyền xuống vùng nam buôn bán, thường đậu thuyền ở dưới cầu Liễu-Khê 柳溪 (1) để đi chợ vùng Nam-Xang 南昌 (Hà nam) cho tiện.

Trong lúc đi đường, Trình thường gặp một người con gái xinh-đẹp ở thôn đông đi ra, có ả thị-nữ theo hầu. Gã liếc mắt nhìn trộm, thấy thực là một trang tuyệt-sắc. Song ở chốn tha-hương lữ-thứ, không biết đâu dò hỏi, đành mang một mối tình thầm-kín mà thôi. Một buổi khác, gã đi ra lại gặp nàng như lần trước, muốn kiểm lời kín-đáo khêu-gợi, nhưng nàng đã vén xiêm rảo bước mà bảo con hầu rằng :

— Lâu nay ta vì quá say chén xuân mà bị cầm-hãm, nằm ngủ li-bi không dậy, nên không đặt chân lên cầu Liễu-Khê đã nửa năm chày, chẳng biết hiện nay phong-cảnh ra sao. Đêm nay ta qua đó xem cảnh cũ cho khuấy-khỏa mối u-tình đôi chút, người có muốn theo ta không?

Con hầu thưa :

— Xin vâng.

(1) Cầu này ở làng Liễu-Kiều, huyện Nam-Xang, tỉnh Hà-Nam.

Trình-trung-Ngộ nghe lỏm được, mừng lắm. Tối hôm ấy, chàng đến trước nắp rình. Đến lúc mọi người đều yên giấc, quả thấy nữ-lang cùng thị-nữ mang theo một cây hồ-cầm đi tới đầu cầu, nằng thở dài mà rằng :

— Non-nước vẫn tro-tơ, nào có chi khác trước, chỉ thương cho thân gái bơ-vơ, lạc-lỡng, không còn người bạn năm xưa, khiến khi nghĩ đến mối tình cố-cựu mà lòng luống những ngậm-ngùi. Đoạn nằng vịn lan-can, ngồi vắt-vẻo trên thành cầu, rồi ôm đờn dạo cung nam mấy tiếng, lại gảy sang điệu thu-tứ vài lần. Giờ lâu, nằng bỏ đờn đứng dậy nói :

— Giải lòng u-uất, muốn mượn ngón đờn, song điệu cao ý xa. Trên đời không kẻ tri-âm, ai người hiểu thấu, chi bằng về sớm đi là hơn.

Trung-Ngộ liền rảo bước đến trước mặt vái chào mà rằng :

— Bi-nhân là kẻ tri-âm đây, xin nương-tử hãy thử một chút xem nào ! Nữ-lang giựt mình nói :

— Vậy ra chàng cũng đến đây ư ? Thiếp đã từng được chàng mấy lần hạ-cổ, ơn ấy thiếp vẫn ghi lòng, chỉ vì đường-sá trong lúc vội-vàng, không tiện gần-bó. Giờ nhân lúc canh khuya thanh vắng, tìm chốn dạo chơi, không ngờ chàng lại đến đây từ trước. Nếu không phải duyên trời định sẵn, thì sao lại có đôi phen gặp-gỡ như vậy ? Song chàng như hạt châu ngọc ở bên, mà thiếp đây thân-hình như-nhớp, không khỏi tự thẹn.

Trình hỏi họ tên, quê quán thì nằng chau mày đáp :

— Thiếp họ Nhị 蕤 tên Khanh 卿, vốn dòng họ cả trong làng Thiếp là cháu cụ Hối 晦, hai thân mất sớm, gia cảnh đơn-hàn. Mới đây bị chồng ruồng-bỏ, thiếp phải ra ở ngoài đầu làng. Trộm nghĩ đời người ngắn-ngủi, tựa giấc chiêm-bao. Chi bằng còn sống ngày nào, hãy tìm thú-vui ngày nấy. Một mai thác xuống âm-cung, thành người chín suối, dù có muốn tìm cuộc hoan-lạc ái-ân, cũng không thể được nữa.

Hai người bèn đưa nhau xuống thuyền. Nữ-lang bảo Trinh rằng :

— Chiếc thân tàn-tạ, cái chết gần kề. Ngày cũng như năm, không người săn-sóc. Nay giám mong quân-lữ quạt hơi dương vào hang tối, thả khí ấm tới mầm khô, khiến cho tia rụng hồng rơi trộm tẩm ánh thiếu-quang đời chút, thế là đời sống của thiếp lấy làm mãn-nguyện vậy.

Thế rồi hai người cùng nhau ân-ái, cực kỳ thỏa-mãn. Nàng làm hai bài thơ đề ghi cuộc hoan-lạc như sau :

BÀI THỨ I

Nguyên văn :

1. 窮 閨 久 困 午 眠 遲 ，
羞 對 新 郎 語 別 離 。
2. 玉 笋 整 斜 珠 釧 子 ，
香 羅 脫 換 綉 鞋 兒 。
3. 夢 殘 半 枕 迷 蝴 蝶 ，
春 盡 三 更 怨 子 規 。
4. 此 去 未 酬 同 穴 約 ，
好 將 一 死 爲 心 知 。

Phiên âm :

1. *Cùng-Diêm cứu khốn ngộ miên tri,
Tu đối tân-lang ngữ biệt-ly.*
2. *Ngọc-duần chính tà châu-xuyến tử,
Hương-la thoát hoán tú-hải nhi.*
3. *Mộng tan bán chằm mê hồ-diệp,
Xuân tận tam canh oán tử-quy.*
4. *Thử khứ vị thù đồng-huyết-ước,
Hảo tương nhất tử vị tâm-tri.*

Giải - nghĩa :

1. Cưới làng giam-hãm ngũ trư hoài,
Thẹn nói cùng chàng nổi biệt-ly.
2. Ngón tay ngọc búp măng sửa vòng xuyến cho
ngay lại,
Giải là thơm cõi trút hải thêu.
3. Mộng tan gói chiếc mê hồn bướm, (1)
Xuân hết, canh ba tiếng Tử-Quy ai-oán, (2)

(1)— Trang-Chu 莊周 thời Chiến-Quốc 戰國 hay nằm mơ thấy mình hóa ra bướm đi chơi (Thượng-Hữu-Lục 尚有錄).

(2)— Tử-Quy còn gọi là Đổ-Quyên 杜鵑, Đổ-Vũ 杜宇 hay Thục-Đế 蜀帝. Thành-Đô-Ký chú : Nước Thục đời xưa có vua Đổ-Vũ. Đổ-Vũ chết hồn hóa ra chim Đổ-Quyên. Theo Thành-Ngữ Diên-Tích thì Thục-Đế là Đổ-Vũ vì dâm vợ Miết-Linh 罽靈, nên trao ngôi lại cho Miết. Sau Miết làm ngặt quá, phát lương cho Đổ-Vũ không đủ. Thục-Đế buồn, bỏ xứ-sở ra đi, rồi chết hóa ra chim Đổ-Quyên, tiếng kêu rất thảm-thiết. Người thiên-hạ nói vua Thục-Đế tiếc nước nên tiếng kêu bi-thảm.

4. Bảy giờ chưa vẹn ước cùng huyết (1),
Nguyễn đem cái chết vị tri-âm.

Đại-ý : Trong câu mở bài thơ này, hồn ma hờ giọng mình chết rồi, nhưng e-lệ không muốn nói ra. Câu thực tả về e-lệ của cô gái dài-các lúc gặp trai. Câu luận nói cảnh mê-ly trong khi chần-gối và có ý luyến-tiếc lúc đêm tàn canh cạn. Câu kết nói ra về chung-thủy với tình-lang, trong lại có ý thăm-kín là sẽ lời tình-lang phải chết theo.

Dịch ra văn vần :

- 1 *Hiu-quạnh năm trưa mắt nết rời. .
Thẹn cùng quân-lữ chuyện chia-phôi.*
- 2 *Chén vòng xuyên ngọc tay lần-chuyền,
Trở gót hài thêu dải tháo cài.*
- 3 *Gối chéch mộng tan hồn bướm lạc,
Xuân tàn canh cạn giọng quỵên ai,*
- 4 *Nay chưa vẹn ước sau cùng huyết,
Thì thác vì nhau quyết hẹn lời.*

BÀI THỨ II

Nguyễn văn :

- | | | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|---|---|
| 1. | 佳 | 期 | 忍 | 負 | 此 | 良 | 宵 | ； |
| | 醉 | 抱 | 銀 | 箏 | 撥 | 復 | 挑 | 。 |
| 2. | 玉 | 燕 | 任 | 慵 | 簪 | 墮 | 髻 | ； |
| | 金 | 蟬 | 幾 | 怕 | 束 | 織 | 腰 | 。 |
| 3. | 煙 | 舒 | 棠 | 萼 | 紅 | 猶 | 濕 | ； |
| | 汗 | 褪 | 梅 | 粧 | 白 | 未 | 消 | 。 |
| 4. | 早 | 晚 | 結 | 成 | 鸞 | 鳳 | 友 | ； |
| | 風 | 晨 | 月 | 夕 | 任 | 招 | 邀 | 。 |

(1)— Khích-Siêu 郝超 đời Tấn 晉 chết. Em vợ Khích-Siêu định đón chị về nhà mình, nhưng vợ Siêu không nghe và bảo em rằng : Lúc sống chị ở cùng nhà với chồng, chết đi cũng nguyện chôn cùng huyết.

Phiên âm :

1. *Giai kỳ nhẫn phụ thử lương tiêu ;
Tùy bảo ngân-tranh bát phục khiêu.*
2. *Ngọc-yến nhiệm dung trâm trụg kể ;
Kim-thiền cơ phạ thúc tiêm yểu.*
3. *Yến thư đường-ngạc hồng do thấp ;
Hãn thốn (1) mai-trang bạch vị tiêu.*
4. *Tảo văn kết thành loan-phụng hửu ;
Phong thần nguyệt tịch nhiệm chiểu yểu.*

Giải nghĩa :

1. Nữ phụ dịp may cảnh đẹp đêm nay ?
Mê say ôm đờn gảy lại dạo.
2. Én ngọc biếng cài búi tóc xỏ (2)
Ve vàng những sợ đứt lưng thon. (3)
3. Khói bay hoa đường-ngạc (4) còn đượm thắm,
Hoà mai tàn-tạ, sắc trắng vẫn chưa tan.
4. Chầy kíp kết thành đôi loan-phụng,
Gió sớm trắng hờm thỏa cột-đũa.

(1) Ta thường đọc là « thối » hay « thoái ».

(2)— Én ngọc đây là cái thoa bằng ngọc hình chim én để cài đầu của đàn-bà. Sách ấu-học trân-bảo-loại 幼學珍寶類 chú rằng : Hán Vũ-Đế dựng Chiêu-Linh các 招靈閣 có hai thân-nữ đề lại cho hai cái thoa bằng ngọc. Để đem ban cho chức tiếp-dư là nàng Triệu-thị 趙氏. Đến đời Nguyên-Phượng 元鳳 (80-70 trước công-nguyên), có một người cung-nhân còn thấy thoa này, muốn tìm cách đập tan đi ; nhưng sáng hôm sau mở hộp ra xem thì chỉ thấy con chim én nằm trong hộp bay lên trên không đi mất. Vì vậy mới có tên là én ngọc.

(3)— Lưng mỹ-nhân thắt nhỏ lại cho đẹp như lưng con ve. Ta thường gọi là « thắt đáy lưng ong ». Đường-Thì có câu : « Tiêm yểu nhạ thúc kim-thuyền đoạn, mấn-phát nghi trâm bạch yến cao 纖腰怕束金蟬斷, 鬢髮宜簪白燕高 ». Nghĩa là : thắt lưng chần sợ ve-vàng đứt, thoa ngọc nên cài mỏ tóc cao. (Đường thì).

(4) Cây đường có hai thứ : thứ trắng và thứ đỏ, thứ đỏ gỗ dẫn mà dẻo, xưa dùng làm cánh cung.

Đại-ý : Câu mở nhắc lại cuộc hẹn-hò đêm hôm trước đem dờn ra gầy. Câu thực tả dáng-diệu yêu-kiều, nũng-nịu của cô gái dòng sang. Câu luận nói về lúc tàn-tạ, hoa vẫn giữ vẻ tươi thắm, lại còn ngu ý dù đã chết mà người vẫn còn vẻ đẹp. Câu kết có ý mong-mỏi cho thành chồng vợ và còn ngu-ý hiệп chỉ giao-hoan đượс với nhau ban đêm mà thôi.

Dịch ra văn vần :

1. *Đêm nay nữ phụ cảnh du hồn,
Sây cảnh, ồm dờn đạo véo von.*
2. *Én ngọc biếng cài làn tóc xõ ;
Ve vàng luống ngại chiếc lưng thon.*
3. *Khói bay, đường nọ hồng chưa nhạt (lợt) ;
Hoa rụng, mai kia trắng vẫn còn.*
4. *Loan phụng kịp chầy nên bạn ngọc,
Kề vai hừng gió ngậm trăng tròn.*

Trình-trung-Ngộ vốn là một gã lái buôn, không hiểu chữ nghĩa. Nàng lần lượt giải thích từng câu cho nghe, chàng rất xưng-tụng, nói :

— Sắc, tài nàng không kém Di-An 易安 (1) xưa, rất có thể đem văn-chương làm vẻ vang cho cả nhà đó.

Nàng cười nói :

— Người ta sống ở đời, sao cho phỉ chí là hơn. Văn-chương chỉ là cái cỏ lẩn trong đám rác-rưởi, rút cục cũng thành đống đất mà thôi. Kia như Ban-Cơ 班姬, Thái-Nữ

(1) Di-An tức là nàng Lý thanh Chiếu 李清照, hiệu Di-An cư-sĩ, là con gái Lý-cách-Phi 李格非 và là vợ Triệu-minh-Thành 趙明成, nàng là người ở Tế-Nam 濟南, có tài thơ-văn lại giỏi về lối từ, sau trở nên một đại-thi-gia nổi tiếng đời Tống. Nàng có soạn quyển « thấu ngọc tập » còn truyền ở đời. (Vạn Thụy 韻瑞)

蔡女(1) nay còn gì nữa đâu? Sao bằng gặp cảnh trước mắt, hãy chơi cho thỏa quăng ngày xuân, khỏi để một đời uổng-phí.

Trời gần sáng, nàng già chàng ra đi ; đến đêm lại tới. Cứ như thế được hơn một tháng.

Trong ban lái buôn cùng đậu ở đó, có người biết chuyện bảo Trung-Ngộ rằng :

— Ta ở nơi đất khách quê người, cần phải rất thận trọng, xa lánh sự hiềm-nghi. Sao lại : rỡ trò đầu-bộc, ham thói trăng-hoa. Chẳng rõ con người đó đi về nơi nào ; từ đâu mà đến? Nếu không phải thiếp yêu nơi gác tía, thì cũng là gái nũng chớn lâu hồng. Một ngày kia khôn biết sự-tình, tiếng-tấm vỡ-lỡ. Trên bị quan nha phiến-phức ; dưới không thân-thuộc đỡ-đần, thì anh đâu được yên-đn mãi thế này. Chi bằng anh hỏi cho ra chỗ nàng ở, biết rõ gốc-gác. Thế rồi hoặc là ruộng-bỏ, như kiểu Xương-Lê 昌黎 với à

(1) Ban-Cơ tên là Chiêu 昭, tự là Huệ Cơ 惠姬, em gái Ban-Siêu 班超 đời Hán. Triều vua Hòa-Đế 和帝 được triệu vào cung dạy học. Các hoàng-hậu cùng quý-nhân đều phải thờ làm thầy. Ban Huệ-Cơ làm ra 7 thiên nữ-giới và làm nổi sách Hán-Thư thay anh, vì anh đang soạn chưa xong thì mất.

Thái nữ tức là nàng Thái-Điểm 蔡琰, tự Văn-Cơ, con gái Thái-Ung 蔡邕 đời Tam-Quốc. Nàng có văn-tài lại giỏi âm-nhạc. Lúc còn nhỏ nàng bị quân Hồ bắt. Ở đất Hồ hơn hai mươi năm, sinh được hai con. Sau Tào-Tháo 曹操, bỏ vàng ra chuộc nàng về vì Ung có tình cố-cựu với Tháo. Lúc ở Hồ ra về, nàng có làm 18 khúc hát « hồ già » để vĩnh biệt chồng con ở đất Hồ. (Thượng Hữu Lục)

Liêu-Chi 柳枝 (1); hoặc phải đèo-bồng, như tuồng Lý-Tĩnh 李靖 cùng nàng Hồng-Phất 紅拂 (2). Đó mới là kế vạ-toàn. Trung-Ngộ chịu là phải.

Rồi sau mấy hôm Trinh-trung-Ngộ bảo Nhị-Khanh rằng :

— Tôi vốn là người viễn khách, tình cờ kết mối lương-duyên với nàng. Song cửa nhà không rõ, gốc-tích không hay, thế thì an tâm sao được ?

Nàng đáp :

— Nhà thiếp thực ra cũng chẳng xa gì cho lắm. Song cuộc gặp-gỡ này là chuyện riêng-tây giữa đôi ta. Chấn e : thiên quyền đố-ky ; tai mắt nghi-ngờ. Đánh vệt dề uyên kinh ; đốt lan mà huệ héo. Cho nên, thả rằng : chờ ánh sao mà tới ; đội bóng trăng mà về, là để khỏi mối lo cho lang-quân đó vậy.

Trung-Ngộ rằng năn-ni mãi. Nàng cười mà rằng :

— Chỉ vì nhà thiếp lờ-i-tàn, nên thiếp hồ-thẹn mà giấu-giếm. Nay chàng chẳng có tin lời, thôi thì thiếp xin đưa chàng đi vậy.

(1) Hàn-Dũ 韓愈 đời Đường làm quan và được phong là Xương-Lê 昌黎 Bá. Hàn có hai người nàng hầu là Giáng-Đào 絳桃 và Liễu-Chi 柳枝. Khi Hàn đi sứ vắng. Liễu-Chi bỏ trốn, người nhà đuổi theo bắt lại được. Sau Hàn-Dũ về chỉ yêu-dấu Giáng-Đào mà ruồng-bỏ Liễu-Chi. (Viên Cơ 圓机)

(2) Lý-Tĩnh 李靖 đời Đường vào thăm một vị Đại-Thần là Dương-Tổ 楊素, Tổ có một ả nàng hầu tay cầm cái phát-trần đỏ (hồng-phất) đứng hầu, đưa mắt nhìn Tĩnh. Tĩnh về nhà, chừng độ nửa đêm, có người mình mặc áo tía, đầu đội mũ đến gõ cửa. Tĩnh mở cửa mời vào, người ấy bỏ mũ ra thì là một mỹ-nhân. Hỏi thì nàng nói : « Em là người cầm phát-trần đỏ ở nhà họ Dương đây mà, xin đem thân cát-đăng nương bóng tùng-quân ». Hai người bèn đưa nhau lên Thái - Nguyên 太原 kết làm vợ-chồng. (Thi học đại thành)

Đến canh ba đêm hôm ấy, nhân gặp trời tối mờ-mịt, hai người cùng đi tới đòng-thôn. Khi đến một nơi, có hàng rào tre xen lẫn vài cây lau khô vấy học xung-quanh, bên trong có một túp lều tranh bé nhỏ, lụp-xụp. Bốn bề dáy leo phủ kín vách tường. Nàng trở túp lều đó và bảo chàng rằng :

— Đây là nơi thiếp yên-nghỉ sau khi khâu vá, hoặc lúc nhàn-rỗi. Xin chàng cứ đẩy cửa vào ngồi chơi một lát, để thiếp đi chăm đèn.

Trình phải cúi khom-khom mới vào được, dùng chân bèn trong bực cửa. Mỗi khi có làn gió thoảng, lại thấy mùi hôi-thối đưa lên sặc-sụa. Còn đương bồi-hồi, kinh-dị thì trong nhà có ánh lửa sáng, chàng trông vào thấy gian bên tả có kê một cái giường máy nhỏ, trên giường đặt cỗ áo-quan sơn son, trên áo-quan phủ một tấm sa đỏ có đề chữ « linh-cửu Nhị-Khanh » bằng thừ phấn ngân-sa. Cảnh áo-quan, có tượng người con gái nặn bằng đất om cây hồ-cầm đứng hầu.

Trung-Ngộ thấy vậy, sợ rụng tóc gáy, tấ:-tả chạy ra. Song nàng đã đứng trước cửa đường mà bảo :

— Chàng đã lặn-lội tới đây, quyết không có lý nào còn trở về được nữa. Hưởng chi trong bài thơ ngày nọ, thiếp đã từng đem cái chết bừa hẹn với chàng ! Xin sớm theo nhau đi cho vẹn nguyên đồng huyết. Năm vô-vỡ một mình thế này, há lại khinh-xuất buông thả chàng về nữa sao ?

Nói rồi, nàng sẵn lại xoắn lấy áo chàng. Nhưng may mà vạt áo đã mục, chàng giựt rách áo mà chạy thoát. Chạy về được tới cầu Liễu-Khé, nói không ra lời nữa !

Sáng ra, chàng đến Đông-thôn dò hỏi thì quả có cháu gái cụ Hối, hai mươi tuổi, chết đã nửa năm, hiện còn quán ở ngoài đồng, ngay bên cạnh làng.

Trình-trung-Ngộ từ đó bị bệnh nặng. Mà Nhị-Khanh đột nhiên lại đến, thoáng cái đã đi. Có khi đứng ngoài mồm đá mà gọi thật to ; có khi đến gần cửa thuyền mà nói thì-thăm. Lần nào Trung-Ngộ cũng ứng-đáp với nàng và muốn vùng dậy đi theo. Người trong thuyền phải lấy dây cột chàng lại, thì chàng quát mắng :

— Chỗ vợ ta có lâu-đài trắng-lệ, có mùi hương-xạ ngạt ngào, ta phải đi tới đó, quyết không chịu lần-quần trong vòng trần-tục. Can-dự gì đến chúng bay mà giám lấy dây trắng-trời ta thế này ?

Một đêm, người trong thuyền đều ngủ say, sáng thức dậy thì Trung-Ngộ đã đi đâu mất từ lúc nào. Họ ra Đông-thôn tìm kiếm, thì thấy chàng đã ôm quan-tài Nhị-Khanh mà chết, bèn thu liệm, chôn cất ngay ở đấy.

Từ đó về sau, cứ những đêm tối trời, lại thấy hai người dắt tay đi đôi xuất hiện, khi thì ca-hát, khi thì khóc-lóc, bắt người phải khấn-cầu, hoặc đòi người cúng lễ. Nếu hơi phật ý là lại gieo tai rắc vạ. Người làng lo-lắng khôn xiết. Sau họ đào mả, phá quan-lài, đem hài cốt đổ xuống sông.

Trên bờ sông ấy có một ngôi chùa. Cạnh chùa có một cây gạo cồ-thu. Tương truyền cây gạo này trồng đã hơn trăm năm, là nơi nương náu của hai cái quái này. Hễ ai chặt vào là búa gãy, riu mẻ, mà cây không chuyển-động mấy may.

Niên-hiệu Khai-Hựu 開祐 nhà Trần, năm canh-ngọ (1330) có vị đạo-nhân, một đêm vào ngủ bên cây gạo chùa này. Giữa lúc sông lạnh trắng mờ, bốn bề tịch-mịch, thấy một đôi trai gái, thân-thể lỏa-lồ, đuổi nhau cười đùa, nô-giỡn, giờ lâu đến gõ cửa tam-quan mà gọi. Đạo-nhân tưởng là phượng trai gái lẳng-lơ dắt nhau đi chơi dưới ánh trăng suông thì khinh-tỏm cái nhân-cách bi-đi của họ, nên cứ đóng cửa nằm im.

Sáng ra, đạo-nhân tìm vào ông già trong xóm, thuật lại hết những điều mắt thấy đêm trước và phàn-nàn làm sao dân phong đời-tệ đến thế !

Ông già nói :

— Ôi thôi ! Đó là ngài gặp giống yêu-quái ẩn trên cây cồ-thụ đã đến năm nay rồi ! Ước gì được thanh kiếm trừ tà chặt cây gạo đó, để trừ hại cho dân chúng tôi đây.

Đạo-nhân trầm ngâm giây-lát rồi nói :

— Cứu người là công-việc của ta. Cái việc chính mắt mình trông thấy đây mà còn chẳng ra tay ấn-quyết hỏi có khác gì thấy người chết đuối mà không ra tay cứu-vớt.

Đạo-nhân bèn triệu người làng lạ lập một đàn-tràng cúng-tế. Vẽ ba đạo bùa, một đạo đóng vào cây gạo, một đạo thả chìm xuống sông, còn một đạo đốt ngay giữa trời. Đoạn quát to lên rằng :

« Những tên dâm-quỷ ! trú-ẩn nơi đây, kẻ đã lâu ngày, lung lảng tác quái. Thần binh hơi hơi ! Mượn sức các người ! Những giống tanh-hôi, phải trừ cõi-rẻ. Phép không chậm-trễ, Hỏa-tốc phụng hành ! »

Lạ thay, chỉ trong khoảnh-khắc, bỗng thấy gió thổi ùng-ùng, mây mưa mù-mịt, đứng gần cũng không trông rõ mặt người. Dưới sóng sóng vỗ ầm-ầm, vang trời động đất !

Sau một hồi, gió lặng, mây quang. Mưa tạnh, trời sáng. Cây gạo cở-thụ đổ bật cả gốc rễ, cành cây nát mướp như tước xơ đay vậy. Kể nghe trên không có tiếng roi vọt và tiếng kêu khóc. Mọi người ngẩng lên nhìn thì thấy có tới sáu, bảy trăm lính đầu trâu mặt ngựa, gông hai người lại dẫn đi.

Người làng đem rất nhiều tiền của để tạ ơn đạo-nhân, nhưng đạo-nhân không để mắt tới, phất áo đi vào núi thâm rừng sâu.

* * *

PHẦN BÌNH LUẬN

Than ôi ! Các giống ma quỷ, tuy từ đời xưa, không phải là mối lo cho thiên-hạ. Nhưng kẻ thất-phu đa dục thường khi phạm tới. Tỷ như tên lái buôn Trình-trung-Ngộ đối-nát, thực không đáng trách

Nhưng còn đạo-nhân kia vì người trừ hại, công-dức lớn-lao. Những người cầm cân bình-luận sau này nên phải biết đến. Không nên bảo là môn học huyền-hoặc mà chế là nhảm-nhi, bảo là theo đường lối khác mà dim mất cái hay, ngộ hầu hợp với ý-nghĩa của người quân-tử là đem lòng trung-hậu đối-xử với người đời vậy.

Truyện Cây Gạo



(Tranh Nguyễn-Úyển)

茶童降誕錄

TRÀ-ĐỒNG GIANG ĐÀN LỤC

TRUYỆN GÃ TRÀ-ĐỒNG GIANG SINH

Dương Đức-Công tên là Tạc 楊德公名昨, người phủ hương-Tín 常信 thuộc trấn Sơn-Nam 山南. Triều Lý Huệ-Tôn 李惠宗 (1211-1223), ông làm quan coi việc hình-án trấn Tuyên-Quang 宣光, xét tình oan-ức, xử án công-bình. Vì lòng từ-thiện phổ-cập đến cả loài-vật, nên người thời bấy giờ mới gọi là Dương Đức-Công. Năm 50 tuổi, Đức-Công không có con trai, rồi tự-nhiên mắc bệnh nặng mà thác, sau lại hồi tỉnh, ông kể với mọi người rằng :

— Ta vừa đến chỗ thành đen vách sắt, toan bước vào thì có sứ-giả ngăn lại, dẫn ta qua bên hữu tới chỗ cửa đồ biển sơn. Ta sửa lại áo rồi cùng sứ-giả đi vào thì thấy tòa rộng dầy dài. Kẻ thất đai đứng hầu có tới trăm dư. Bên trong có hai vị mặc áo bào tía ngồi đối diện nhau trước án, đưa mắt truyền cho sứ-giả lấy sổ chữ sơn của họ Dương đưa vào. Hai vị xem xét một lúc rồi nhìn nhau, bảo rằng :

« Chỗn dương-gian không có nhân-vật nào được thế này, bởi vì y đã cứu sống rất nhiều người. Đáng tiếc cho y hưởng thọ chẳng mấy, và lại không người nối nghiệp. Nếu không biểu-tấu người này, thì lấy chi khuyến-khích cho những kẻ làm điều thiện. Vậy ta phải đem việc này bẩm-bạch lên Thượng-Đế mới được ». Nói rồi truyền cho ta lui ra nghỉ tạm ở hành-lang phía đông.

Chừng nửa ngày, hai vị đó lại sai dẫn ta vào mà bảo rằng :

« Người bình-sinh ở trên dương-thế vốn có tiếng là người phúc-đức. Đức Thượng-Đế khen-ngợi, ban cho người một gã kỳ-nam-tử và thêm tuổi thọ cho người hai kỷ (1) nữa. Vậy người mau mau trở về dương-gian, ráng làm việc phúc-đức, đừng bảo rằng dưới cõi minh-minh này không biết gì đến, nghe ! »

Phán bảo xong truyền cho sứ-giả dẫn về. Ra khỏi cửa, Dương bèn hỏi sứ-giả rằng :

— Đây là phủ-dệ nào ? Quan-chức nào đứng chủ ? Trông coi về việc gì ?

Sứ-giả đáp :

— Đây là một biệt-thự trong 24 tòa ở Phong-Đô 豊都 (2). Người nào mới chết cũng phải qua đây. Ai ghi ở sổ son, may ra còn sống lại trở về, chứ người ghi tên trong sổ mực thì nhất định không còn lối ra nữa. Nếu ông không phải là người thành tâm làm việc phúc-đức, e rằng cũng không thể thoát chết được vậy.

Nói đoạn chấp tay từ-biệt rồi Dương bưng tỉnh dậy như giấc chiêm-bao.

Phu-nhân cũng nói là đêm hôm đó, khoảng cuối canh một, bà thấy có một ngôi sao nhỏ rơi vào lòng, trong tâm cảm thấy rung-động, rồi bà thụ thai. Mãn kỳ, sinh được cậu trai, đặt tên là Thiên-Tích (天錫).

(1) Mỗi kỷ là 12 năm

(2) Phong-Đô là địa-ngục ở về phương bắc dưới âm-phủ.

Thiên-Tích có tính mê uống trà, thường tự ví mình với Lu-Đông 盧仝, Lục-Vũ 陸翽 (1). Song tư-chất cao-siêu, học-vấn uyên-bác. Viện sách rừng văn, không chỗ nào là không đọc qua.

Đức-Công cả mừng mà rằng :

— Thế là ta có kẻ nối dõi rồi đây.

Bèn chuyên đem nghĩa lý chân-chính dạy con. Về sau, năm Thiên-Tích được 24 tuổi, Dương Đức-Công không tật-bệnh gì mà mất. Thiên-Tích đau thương quá đỗi, xa gần ai cũng cảm-động.

Mãn tang rồi, Thiên-Tích sớm hôm luyện-tập nghề văn, không hề trễ-biếng. Song gia-cảnh cùng-quần, chàng không thể tự mình cung-cấp, đi kiếm nơi ở rẻ mà không ai thâu-nạp. Ông già bà cả trong làng, thấy chàng nghèo nàn, đều tỏ vẻ khinh khi.

Chàng than rằng :

— Cha mình trước kia cứu được ngàn người khỏi chết, mà không cứu nổi một đứa con khỏi nghèo-nàn. Làm phúc như vậy quả chẳng ích gì !

Nói chưa dứt lời, chợt thấy một vị mũ áo đường-bệ, tự xưng là quan đại-phu 大夫 họ Thạch, 石, đến mặt trước chàng vái chào mà rằng :

— Ngày trước tôi chịu ơn dày của Dương-công, không biết lấy chi báo-đáp, chỉ có tiện-nữ tên gọi Hán-Anh 漢英, xin để hầu-hạ chẵn gối cho công-tử. Công-tử nên bảo trọng lấy thân, không nên vì bản-hàn mà để hao-tồn chí bình-sinh của mình. Nói rồi biến mất.

(1) Lu-Đông, Lục-Vũ là hai người nghiện chè dối xưa.

Thiên-Tích rất lấy làm quái-dị, nhưng lời kia chàng vẫn ghi lòng. Khi nghe tin ở Tiên-Du 仙遊 (tỉnh Bắc-Ninh) có Trần tiên-sinh dạy học-trò đến mấy trăm người, chàng liền cấp sách đến theo học, ở trọ nhà một người trong xóm Thanh-Lân 靑鄰. Xóm này có nhà giàu lớn họ Hoàng 黃, thấy Dương sinh mặt mũi khôi ngô, văn-chương lối-lạc, đã có ý muốn kén vào ngôi đông-sàng (1). Chồng bảo vợ rằng:

— Nhà ta mấy đời lập nghiệp bằng nghề thương-mại, của-cải chẳng thiếu gì, chỉ thiếu dâu hiền, rẻ quý. Nay có Dương-sinh ở trọ ngay nhà bên tả cạnh đây, thật là một tay hào-kiệt ở Nam-Châu 南州. Vả tôi xem tướng, sau này tất nên đại-quý. Con bé nhà ta, tuổi đã lớn khôn, kiếm chốn trao tơ, ngoài đám ấy còn dâu hơn nữa. Vợ nghe cũng bằng lòng. Thế là sang đón Dương-Sinh về ở rề. Mọi khoản nhu-phí về sinh-lễ, đãi khách, đều do nhà họ Hoàng trừ-biện hết thảy.

Dương-sinh rất đổi vui mừng, há-hê như cuộc chiến thắng. Song thời thường, những lúc vắng-vẻ, chàng ngồi ngo-ngẩn một mình mà ngâm-nghĩ, gập sách lại thở dài. Phải khi vợ bắt gặp, gạn hỏi duyên cớ. Chàng đáp :

(1) Quan Ngự-sự đại-phu nước Tấn là Khích-Giám 郗鑒 nhờ Vương-Đạo kén rề giùm. Đạo xem khắp đám đệ-tử rồi về trình Khích-Giám rằng : « Đám thiếu-niên họ Vương đều tốt trai cả. Chúng nghe tin chạy đến, ai nấy đều có vẻ xun-xoe. Chỉ có một tên ngồi trên giường bên đông (đông-sàng) đang ăn bánh vừng, làm bộ như không nghe thấy gì cả » ! Giám nói : « Người ấy mới là giai-tế của ta ». Đến lúc hỏi lại thì ra là Vương Hi-Chi 王羲之. Giám đem con gái gả cho Vương. Sau Vương làm đến chức Hữu Tướng - Quân lĩnh Nội-sứ đất Cối-Kê 會稽. Lúc Vương ngồi trên ao đọc sách thì nước ao đen cả lại. Chữ Vương tốt lắm. Lối thảo và lối lệ của Vương cở kim không có ai bằng. Bút thiếp của Vương mà hậu thế trọng nhất là những tập Lan-Đình ký 蘭亭記, Nhạc-Nghị luận 樂毅論. Hoàng-dinh kinh 黃庭經. (Thượng hữu lục).

— Trước đây có thần-nhân mách bảo tôi lấy vợ người họ Thạch, tên gọi Hán-Anh. Nay may-mắn được vào làm rể chốn cao-môn, kết-liên lệnh-tộc. Thế là lời thần chỉ-bảo đã không nhầm rồi, vậy thì sự thành-đạt về sau chưa chắc đã đúng. Vì thế mà tôi không thể không thắc-mắc được.

Nàng nghe đoạn, lã-chã châu rơi mà rằng :

— Vị thần ấy hẳn là cha thiếp đấy. Thuở nhỏ, thiếp tên là Hán Anh, Cha thiếp họ Thạch, tên Mang, làm quan thú tại Tuyên-Quang, bị quan trên vu-hãm, cả nhà bị tai-vạ rồi chết ở trong ngục. Hồi đó thiếp còn thơ dại, nghe nói có ông Đức-Công họ Dương, thương là vô tội, cực-lực phản-kháng quan Hữu-Tư, quả-quyết tha thiếp ra. Tấm thân hèn yếu bơ-vơ may được toàn sinh, lại được nghiêm-đường dạy thương-hại nuôi làm con mình. Thiếp nương tở tở-vô đã mười năm nay. Thật ra thiếp đây là con quan đại-phu họ Thạch đó.

Dương-sinh kinh ngạc nói :

— Tôi chính là con Đức-Công đấy ! Vạy ra xưa nay : phi duyên-trái bất thành phu-phụ. Ai giám bảo là thăm chỉ hồng toàn là chuyện hão nữa ?

Từ khi Dương-sinh thấy sự nhân-duyên ly-kỳ, mỗi tình càng thêm dăm-thắm. Và, trong có chốn nương thân, ngoài không lo nuôi miệng, chàng đem hết tâm lực vào trường văn, nghiên-cứu tinh-vi nghiệp học. Hai khoa thi đậu, thoát tiên chàng được làm giáo-chức trong kinh, sau thăng lên chức đề-hình. Trải hai mươi năm, bước dần lên đến chức quan to.

Thiên-Tích thờ vua hết dạ trung-thành ; sửa mình bằng đức liêm-chính. Phò-tá hai triều, đáng là rường-cột miếu-đường. Song vì thuở nhỏ nghèo-nàn, nhiều kẻ khinh-khi. Những điều ân oán từ cái tóc sợi tơ, nhất-nhất ông đều báo-phục, đó là chỗ sở-đoan của ông.

Thiên-Tích thường lập đàn lễ kỳ-yên. đón hàng mấy trăm vị đạo-sĩ mũ cao áo rộng về làm lễ. Kế, có một vị đạo-sĩ áo rách dép nát, thất-thêu đi đến. Người canh cổng không cho vào, nhưng đạo-sĩ nài-nỉ hai ba lần, người canh cổng đành vào bầm thì bị ông quát mắng âm-ỹ. Đạo-nhân vừa đi ra vừa phàn-nàn rằng :

— Cổ-nhân tìm cổ-nhân, ai ngờ cổ-nhân lại bạc-tình đến thế! Cái nạn Ô-Tồn 烏鴞 sau đây, xin đừng phiền đến nhau thôi và chớ trách cổ-nhân phụ cổ-nhân nữa nhé!

Thiên-Tích nghe tiếng, vội sai người đuổi theo mời trở lại, ông xuống thêm tiếp đón. An tọa rồi, đạo-nhân nói :

— Nay tướng-công : quan ở ngôi khanh-tề ; đất xây dựng lâu-đài. Lúc ra đi có chức kim-ngô (1) dẹp đường ;

(1) Kim-Ngô 金吾 là một chức quan, còn có tên là trượng-danh 杖名. Nguyên Kim-ngô là tên một giống chim hình như mỹ-nhân, có khiếu thông-linh lại không ngủ, trừ đuổi gian-tà, người xưa khắc hình giống chim này vào đầu gậy. Lúc Thiên-Tử ra, sai quan đi trước để đuổi kẻ tà-tất, nên gọi chức quan này là chức kim-ngô. Đời Đường Huyền-Tôn. Lý Lâm-Phủ 李林甫 thấy mình kết oán đã nhiều, thường lo có kẻ đến hành-thích, khi ra có lính bộ-kỵ hơn trăm tên chia làm tả hữu dục phụ-trách chức kim-ngô, giữ đường cho tỉnh-mịch, đuổi hết mọi người xa ra ngoài vài trăm bộ. (Cương-Mục 綱目)

khi ở nhà có nhạc hoa-linh (1) giữ gác. Mùi phú-qui ở nhân-gian tưởng đã cực thỏa chí bình-sinh, chắc không còn nhớ gì đến lạc-thú trên Đế-dinh nữa nhỉ ?

Thiên-Tích đáp :

— Trên ngôi tề-tướng, từng đã nếm mùi ; lạc-thú đế-dinh, chưa tưởng lai-lịch.

Đạo nhân nói :

— Cổ nhân bị sóng dục vùi lấp, mê-man đến thế, tôi xin trần-thuật lại để cổ-nhân rõ : Khi trước cổ-nhân là kẻ hầu tra Thượng-Đế, còn tôi là gã coi rượu chồn tinh-tào (2). Hàng ngày châu-chực Đế cung, thân-cận nhau đã lâu. Một hôm Thượng-Đế bãi triều, hỏi quần-tiên rằng : « Các người ai muốn xuống chơi xem hạ-giới, làm chức tề-tướng hơn mười năm ? ». Quần-tiên chỉ nhìn nhau, chưa ai lên tiếng, thì cổ-nhân đã vui-vẻ vâng lời. Thượng-Đế phán : « Ừ, người đi thì đi. Thú vui ở nhân-gian chẳng kém chi nơi thiên-tào, đừng cho chồn trần-hoàn là chật hẹp ». Lúc đó, tôi cũng đứng hầu bên cạnh, nên biết rõ-ràng.

Nói đoạn, đưa cho Dương-Thiên-Tích một hạt linh-dan. Dương uống xong như người u-mê chợt tỉnh, dần dần nhớ hết lại các việc kiếp trước, rồi ông nói :

(1) Nhạc hoa-linh 花鈴 cũng giống hình trái chuông trong có vòng sắt, cầm tay lắc, hoặc gió thổi cũng kêu leng-keng. Đường Ninh-Vương 虢王 gặp khi mùa xuân hoa nở, sai lấy nhạc treo vào dưới hoa để ngăn ngừa chim-chóc đến phá, nên gọi là hộ-hoa-linh. Quan Thượng-thư tá-bộc-xạ nước Tấn là Dương-Hựu 羊祜, lĩnh chức Đô-đốc Kinh Châu cũng đặt giá nhạc trong nhà để phòng bắt trộm. (Tán sử 晉史)

(2) Tinh-tào là dinh-tòa các vì sao.

— Lý-lich của tôi đã được nghe qua, còn đạo-huynh vi có gì cũng ở nhân-gian thế hử?

Đạo-nhân đáp :

— Tính tôi lỗ-măng, lại hay uống rượu. Thượng-Đế quở-phạt, đầy xương trầu hoàn đã gần được ba ký nay rồi. Nay kỳ-hạn đã mãn, được trở về chức cũ chốn tinh-tào. Vì cùng cố-nhân có tình-nghĩa cũ, nên lại thăm qua.

Thiên-Tich lại hỏi thăm về việc Ô-tồn. Đạo-nhân rầu-rầu không vui, bảo đuổi hết người ra rồi nói rằng :

— Sau đây năm năm, cố-nhân sẽ có việc phải qua biển, tôi e rằng lúc đó, cố-nhân sẽ gặp vạ lớn.

Thiên-Tich lại hỏi :

— Chẳng hay vì tôi phạm lỗi gì, xin đạo-huynh cho biết?

Đạo-nhân đáp :

— Cố-nhân làm Tề-tướng, kẻ ra cũng không làm-lỗi gì. Chỉ vì làm quan lâu ngày, cũng có yêu người này, ghét kẻ nọ. Nay thì gây oán đã sâu cay lắm, oán hờn đầy đường.

Thiên-Tich nói :

— Vậy phải làm sao bây giờ?

Đạo-nhân nói :

— Không hề gì. Tôi vốn tự-hiệu Quán-Phòng. Nếu gặp lúc nguy-cấp, cố nhân chỉ cần thắp một nén hương, rồi gọi tên hiệu tôi, tôi sẽ đến cứu giúp.

Đêm hôm đó, hai người cùng ngủ với nhau. Dương nói :

— Đạo-huynh đã là chỗ tương-tri, có điều chi dạy bảo tôi chăng ?

Đạo-nhân nói :

— Đức là nền từ-thiện ; của là kho tranh-giành. Tích đức ví như mầm non, tưới hạt sương mà nảy nở ; chứa của như tuồng lửa đỏ, gieo khối băng vào là tắt ngấm. Hướng chi : không vun mà lớn là mầm thiện-ác ; không giữ cũng đầy, là cơ phúc-họa. Sự bi-ân tương-quan ở giữa hai điều họa, phúc lại càng đáng sợ. Tương-công nên trân-trọng, gắng làm điều nhân-đức.

Thiên-Tích nói :

— Tôi nghĩ đạo trời công-minh như cầm cân, giữ gương, có thần-minh đề ghi dấu-vết, có tạo-hóa giữ mực công-bằng. Gương hắt soi suốt mà không riêng ai. Lưới tuy thưa mà không lọt. Phép-tắc rất nghiêm và rất mật, con người nên không oán, không hờn. Mà sao những điều khuyên răn chỉ bảo còn có nhiều chỗ hàm-hồ. Kẻ làm điều lợi vật chưa nghe thấy được phúc, còn người làm sự hại nhân, chưa trông thấy mắc nạn. Nghèo dù có chí, khó được đền-bù, giàu thì muốn sao được vậy. Có người chăm học mà trọn đời không đậu ; có nhà xa-xỉ mà lũy-thế giàu sang. Ai rằng trao mận trả quỳnh ; mình vẫn trồng dưa được đậu (1). Đó là những điều tôi rất nghi-ngờ, vẫn chưa hiểu được.

(1) Kinh Thi, thiên Vệ-phong : đầu ngã dĩ mộc-lý, báo chi dĩ quỳnh-cur 投我以木李報之以瓊瑤 nghĩa là : trao cho ta quả mận, ta sẽ đền bằng ngọc tốt, ý nói đền ơn hậu-hĩ. Sách minh-tâm bảo-giám : chủng qua đắc qua ; chủng đậu đắc đậu 種瓜得瓜, 種豆得豆 nghĩa là : trồng dưa được dưa, trồng đậu được đậu, ý nói làm điều thiện thì được phúc, làm điều ác thì phải họa.

Đạo-nhân nói :

— Không phải thế. Lòng chứa thiện ác, tuy nhỏ mà rõ-rệt; cơ trời báo ứng, dù chậm nhưng lớn-lao. Phải chờ thiện-quả vuông tròn, mới biết âm-công rõ-rệt; phải chờ mầm ác cao lớn, mới hay dương-phúc tiêu-tan. Có khi cơ rồi mới duỗi; nóng trước bề sau. Có đức mà nghèo, hoặc bởi tội-khiên kiếp trước; bất-nhân mà có, hẳn là phúc-thiện đời xưa. Tuy rằng sáu xa khó biết, nhưng thật mảy-may chẳng chút sai-lầm, không nên lập luận một bề, xem trời một mặt.

Đạo-nhân nói như vậy kể mấy ngàn lời, đều ngụ ý khuyên răn.

Dương vui-vẻ nghe theo.

Sáng hôm sau, khi lâm biệt, Thiên-Tích lấy mười đỉnh vàng để tiễn chân. Đạo-nhân cười mà rằng :

— Cổ-nhân đưa của này mà làm gì? Chỉ cần rằng làm điều lành, để tôi khỏi phải trở lại lần nữa, thế là cổ-nhân đã cho tôi nhiều lắm đó.

Sau Dương Thiên-Tích quả vì tâu việc làm trái ý vua, bị nhà Vua đày vào cõi Nam. khi đi qua cửa bể Hải-Khẩu (nay thuộc xã Bình-Lễ, huyện Kỳ-Anh, tỉnh Hà-Tĩnh 河靜), giữa lúc ban ngày trời sáng, bỗng mây kéo đen-nghịt, gió nam nổi lên ầm-ầm, từng đợt sóng biển cồn lên như núi, rồi có tới mấy trăm mặt quỷ hiện ra hô-hoán ầm-ỹ lên rằng : « Cứu-gia đã đến đây rồi ! Phen này chúng mình sẽ cam tâm với ông ta ! » Rồi, kẻ niu lái thuyền, kẻ trèo hẳn lên. Thuyền cơ-hồ sắp lật đến hai ba lần.

Dương Thiên-Tích hoang-mang hỏi bọn chân sào (1) thì chúng cho biết đây thuộc địa-phận Ô-Tồn. Ông mới sợ nhớ tới lời đạo-nhân, bèn làm theo như cách đã dặn và hô tên đạo-nhân. Giây lát, thấy một cỗ xe mây bay đến, đứng dừng ở trên không, có tiên-đồng ngọc-nữ hộ-vệ nghiêm-trang, ở xa xa gọi lũ quỷ mà bảo rằng:

— Lũ mi dấn-đuối, nghiệp-chương nặng-nề. Thuở sống đã phạm phép nước; chết đi còn nầy oan-khiên ! Oan oan kế-tiếp, biết thuở nào xong ? Sao không rửa ruột đổi lòng, thành-tâm quay về chính-đạo ? Ta sẽ tâu lên Đế-Đình tầy oan cho.

Chúng quỷ nghe nói, thấy đều nhảy-nhót vui mừng, chỉ trong chốc-lát tan đi hết.

Thiên-Tích khẩn-khoản mời xuống để hỏi việc sau, nhưng trông lên chẳng thấy gì nữa.

Gió đã lặng, sóng đã êm, thuyền mới vào bờ, Dương Thiên-Tích từ-giã vợ con, rồi không biết đi đâu. Về sau có người gặp Dương ở núi Đông-Thành 東城, người ta ngờ là ông đã tu-hành đắc đạo rồi vậy.

PHẦN BÌNH LUẬN

Than ôi ! Làm điều thiện là ở người. Giáng phúc lành là ở trời. Mối tương-ứng giữa trời và người thật là sâu thẳm vậy.

(1) Chân sào là những người cầm cây sào bằng tre để đẩy thuyền đi.

Dương Đức Công mới là một vị quan án, gỡ oan xét ức cho người, mà đã được trời đền-đáp, An-cần bảo rõ cho hay trong cơn mộng-mị. Hưởng chi người làm đến Tề-Tướng, cầm quyền thiên-hạ, giúp thiên-tử sửa-trị âm-dương (1), giữ lòng ngay-thẳng để diu-dắt mọi người, tìm cách ban hành thiện-chính, khiến cho trong khoảng trời đất, mọi sự-vật được xếp đặt đâu vào đấy, thì trời ban phúc cho còn đến thế nào !

Đến như việc của Dương Thiên-Tịch, phải chăng chỉ là cái vết trên viên ngọc Bạch-Khuê. Nhưng dù chỉ là cái vết, giá mài bỏ đi được lại càng hay hơn. Ta mong rằng : những người làm quan nên ráng làm những sự cần phải cố gắng, nên soi những việc đáng làm gương vậy.

(1) Trần-Bình 陳平 tâu Hán Văn-Đế 漢文帝 rằng : Quan Tề-Tướng có trách-nhiệm trên giúp Thiên-Tử sửa-trị âm-dương thuận theo thời-tiết bốn mùa (theo Tây-Hán-sử).

Trà Đồng Giảng-sinh



(Tranh Nguyễn-Uyên)

西垣奇遇記

TÂY-VIÊN KỶ-NGỘ KỶ

TRUYỆN TÂY-VIÊN (1) KỶ-NGỘ

Hà-nhân-Giả 何仁者, người học-trò quán ở Thiên-Trường 天長 (2), khoảng triều Thiệu-Bình 紹平 nhà Lê (1431-1442), đến kinh-sư ở trọ để theo học cụ Úc-Trai 抑齋 (Nguyễn-Trãi 阮薦).

Ban mai đi học, phải qua phường Khúc-Giang 曲江. Tại phường này có nếp nhà cũ-kỹ của quan Thái-Sư họ Trần. Nhân-Giả thường thấy hai vị nữ-lang cùng nhau khúc-khích cười đùa trong tấm vách nát chõn tây-viên, có khi hái quả ngon hoặc bẻ hoa đẹp quảng cho chàng. Lăn-lữa lâu ngày, Sinh không thể dẫn lòng được, bèn ướm lời hân-hỏi thì hai nàng quay lại mỉm cười mà bảo Sinh rằng:

— Chúng em đây, một người họ Liễu 柳, tên gọi Nhụ-Nương 柔娘, một người họ Đào 桃, tên gọi Hồng-Nương 紅娘, trước đây là tỳ-thiếp quan Thái-Sư. Từ ngày người qua đời, bấy lâu nay chúng em khép cửa phòng hương. Nay gặp tiết xuân, muốn làm những bông hoa ngon cỏ hững nắng, hầu khỏi phụ ánh xuân tươi đẹp.

(1).— Viên 垣 : tương thấp bao quanh một trang-trại hoặc một khu rộng lớn như tỉnh-thành, nên mới gọi là tỉnh-viên. Tây-viên đây là khu vườn hoặc khu trại ở về phía tây, có tường bao bọc.

(2).— Thiên-Trường : nay là phủ Xuân-Trường, tỉnh Nam-Định.

Sinh quyển hai nàng về nhà trọ, chuyện-trò rất là đằm thắm. Lúc chàng trêu hoa ghẹo nguyệt thì hai nàng e-lệ van-ví :

— Chúng em xuân-sự chưa tường, lòng thực áy-náy, chớ e tình hoa xao-xuyến, nhành liễu toi-bời, thẹn hồng giận lục mà con người kém vẻ phong-lưu.

Chàng rằng :

— Hoa thử chiều ong. Giám đầu mưa gió phủ-phàng, rồi tắt đèn đi nằm, càng nường về ngọc càng say khúc vàng, gối chẵn nghiêng-ngả, cùng nhau ân-ái mười phần thỏa-mãn. Đang giấc Vu-Son, Sinh bảo hai nàng làm thơ chơi.

Liễu-nường ngâm trước :

Thơ rằng :

Nguyên văn :

1. 層塵涼汗濕羅衣，
2. 翠黛輕顰八字眉。
3. 報道東風寬鞦綠，
4. 纖腰擺亂不勝吹。

Phiên âm :

1. Xạ trần lương hàn thấp la y,
2. Thúy đại khinh tần bát tự mi.
3. Báo đạo đông phong khoan đả lục,
4. Tiêm yếu bãi loạn bất thăng xuy.

Giải nghĩa :

1. Mùi xạ mờ-hôi thấm áo là,
2. Mây biếc nhẹ chau hình chữ Bát. (1)
3. Nhấn-nhủ gió đông rung cành xanh nhè-nhe,
4. Lưng thon bãi-hoài không chịu nổi mấy hơi.

Đại-ý.— Liễu nương mượn lời cây liễu đề ngỏ ý với tình-lang rằng tấm thân mình yếu-ớt, ít sức chịu-đựng và xin chàng đùa-cợt nhẹ nhàng cho.

Dịch ra văn vần :

1. Phung-phức mờ-hôi đượm áo là,
2. Mây xanh chữ bát thoảng chau qua.
3. Cành tơ nhấn gió rung nhè-nhe,
4. Lả-lướt thân này được mấy a ?

Đào-nương ngậm tiếp :

Nguyên văn :

1. 天高禁禁漏聲遲，
2. 燈輝銀缸出峰帷。
3. 分付才郎攀折去，
4. 新紅認取小桃枝。

(1) Hán Vũ-Đế cung-nhân họa bát-tự my 漢武帝宮人畫八字眉
Nghĩa là: Đời vua Hán Vũ-Đế, các cung-nữ đều vẽ lông mày chữ bát.— Nàng Tây-thi người nước Việt mỗi lúc nhìn mặt chau mày càng thêm vẻ đẹp.

Phiên âm :

1. Thiên cao cấm-ngự lậu thanh trì.
2. Đờng ủng ngân giang xuất giáng-duy.
3. Phan-phó tãi-lang phan chiết khứ,
4. Tàn hồng nhận thủ tiêu-đào chi. .

Giải nghĩa :

1. Trời cao vườn cấm, đồng-hồ rõ giọt chậm-chạp (1)
2. Cây đèn ngọn bạc soi trướng đỏ chiếu hắt ra.
3. Nhấn-nhủ anh chàng vin cảnh bẻ,
4. Bẻ lấy cảnh đào non tươi thắm.

Đại ý.— Đào-nương dề cao thanh-giá mình như cây đào nơi vườn cấm lúc cảnh khuya và nhấn anh chàng (tức tình-lang) đã lọt vào được thì bẻ những cành hoa tươi đẹp.

Dịch ra văn vần :

- 1 Vườn cấm cao xa đềm giọt đồng.
- 2 Ngọn đèn soi trướng ánh màu hồng.
- 3 Nhấn-nhe quân-tử vin cảnh đó,
- 4 Tươi-thắm đào non bẻ mấy bông.

Sinh vỗ tay cả cười mà rằng :

— Phong-cảnh trong chốn phòng xuân tả đến thế là tuyệt diệu, lời hoa ý gấm, tôi không thể theo kịp hai nàng.

Chàng nói rồi ngâm tiếp :

(1) Đây là đồng-hồ bằng nước. Ngày xưa lấy nước cho rửa để tình thơ khác.

Nguyên văn :

1. 倦掩書齋客夢慵，
 棋隨雲雨到巫峯。
2. 交飛蝶弄參差白，
 連蒂花開次第紅。
3. 並宿任教鶯上下，
 分流忍禁水西東。
4. 絕聯均是風流種，
 興到風流自不同。

Phiên âm :

1. *Quyện yểm thư-trai khách mộng慵,
 Ngô tùy vân-vũ đảo Vu-phong.*
2. *Giao-phi điệp lộng sâm-si bạch.
 Liên-đế hoa khai thứ-đệ hồng.*
3. *Tĩnh túc nhiệm giao oanh thường há,
 Phân lưu nhẫn cấm thủy tây đông.*
4. *Tuyệt liên quân thị phong-lưu chủng,
 Hứng đảo phong-lưu tự bất đồng.*

Giải nghĩa :

1. Một khệp phòng văn khách biếng mơ,
 Mây mưa lạc bước đến non vu. (1)
2. Bướm lượn ao-le phở vẻ trắng,
 Liên cương hoa nở trước sau đều đỏ thắm (2)

(1) — Câu này nói cảnh quanh-hiu của một thư-sinh xa nhà mà được gặp mỹ-nhân cùng thỏa tình vui-thú mây mưa.

(2) — Câu này nói về hoa, bướm để tả vẻ đẹp của hai nàng.

3. Cùng trong một tổ, để mặc oanh lên xuống,
Chia dòng nữ cấm nước chảy đôi bên (tây, đông) (1)
4. Câu thơ tuyệt-diệu đều đủ về phong-lưu,
Lúc hứng phong lưu lại khác nhau. (2)

Dịch ra văn vần :

1. Hồn quẻ khắc khoải khách văn-phòng,
Lạc bước non Vu thỏa sự lòng.
2. Bướm chấp chờn bay phỏ về trắng,
Hoa sau trước nở nôi màu hồng.
3. Dưới trên thực ngữ oanh đôi chiếc,
San sẻ tây đông nước một dòng.
4. Rất mực phong-lưu đều vẹn cả,
Phong lưu khác về lúc tâm nồng.

Từ đó trở đi, hai nàng cứ sớm đi tối đến, ngày nào cũng vậy. Sinh cho là cuộc hội-ngộ ly-kỳ trong đời mình, có thể sánh với Bùi-Hàng 裴航 (3) và còn vượt

(1) — Câu này nói mỗi tình san-sẻ đều cho hai người.

(2) — Câu này khen hai nàng cùng giỏi thơ mà lúc hào-hứng thì lại mỗi người một vẻ khác nhau.

(3).— Sách Thượng-hữu lục chép rằng : Bùi Hàng đời Đường đi thi hồng trở về đến nhà quán dịch ở Lam-Kiều 藍橋 (nay ở phía tây-nam huyện Lam-Điền 藍田, tỉnh Thiểm-Tây), khát quá, tìm vào gian nhà tranh gần đó, thấy một bà già đương bện thừng, Hàng vái chào và xin nước uống. Bà cụ gọi Vân-Anh 雲英 lấy nước đem cho, Hàng uống xong, đưa chén trả, nhìn nhan-sắc Vân-Anh tuyệt đẹp, xin với bà già cho đưa lễ đến hỏi làm vợ. Bà cụ mới bảo chàng rằng : hôm trước có thần-tiên cho một tể thuốc, chàng phải đưa đồ sinh-lê bằng bộ chày cối ngọc để tán thuốc ấy thì sẽ gả cho. Hơn một tháng, quả Bùi Hàng kiếm được chày cối ngọc nọp cho bà cụ và lấy được Vân-Anh. Tể ra nàng là tiên. Vợ chồng đưa nhau vào ở động Ngọc-Phong 玉峯 rồi đều thành tiên cả.

hơn Tăng-Nhụ 僧孺 (1) ngày xưa.

Có một đêm gió kếp mưa đơn, hai nàng vẫn xông-pha rét mướt mà đến, dĩ tai bảo chàng rằng :

— Chúng em sợ phụ giai kỳ, rắng y cụu-ước mà đến, thân như chim én, không chịu nổi trời lạnh đâu. Sinh bèn kéo áo ấp-ủ cho Liễu-nương mà nói đùa rằng :

— Em Liễu mỹ-miêu, đời này có một, thật xứng với câu « mỹ-nhan nhan sắc đẹp nhường hoa » (美人顏色嬌如花).

Đào lặng-lẽ cúi đầu, ra chiều bẽn-lẽn, luôn mấy hôm sau không đến.

Sinh hỏi Liễu :

— Em Đào mấy bữa nay có được mạnh không ?

Liễu đáp :

— Chị ấy có sao đâu. Vì hôm trước lang-quân có câu phẩm-bình đáng-diệu, nên chị ấy không giám tới nữa. Nhân đó, Liễu lấy bài thơ của Đào đưa cho Sinh.

Thơ rằng :

(1).— Thượng-hữu-lục chú : Ngưu Tăng-Nhụ đời Trinh-Nguyên 貞元 nhà Đường (785-804) đi thi không đỗ trở về đến núi Minh-Cao (nay thuộc tỉnh Hà Nam), trời tối bị lạc đường. Đến lúc trăng lên, thoáng thấy mùi hương lạ. Xa trông thấy ánh đèn lửa, tìm đến, thấy một tòa lầu-đài, nguy-nga, có lính mặc áo vàng canh cổng, thì ra đây là miếu thờ bà Thái-Hậu họ Bạc đời Hán. Bạc hậu hiện lên mời đón Tăng-Nhụ, lại triệu các bạn như Thích phu-nhan, Chiêu-Quân, Thái-Chân, Phan-Phi vân vân... để cùng làm thơ. Tăng-Nhụ cũng có làm một bài, được mọi người tán thưởng.— Trong sách Sự-loại Thống-biên lại chú rằng : chuyện Ngưu Tăng-Nhụ gặp tiên chép ở trong bài « Chu-tần hành ký » của Vương-quân.

Nguyên văn :

1. 晴霞骨格雪精神，
2. 露蘂煙條兩樣新。
3. 可恨東皇私著意，
4. 一枝憔悴一枝春。

Phiên âm :

1. *Tinh-hà cốt-cách tuyết tinh-thần,*
2. *Lộ nhị yên điều lương dạng tân.*
3. *Khả hận Đông-hoàng tư trước ý,*
4. *Nhất chi tiêu-tụy nhất chi xuân.*

Giải nghĩa :

1. Cốt cách như sương-trong, tinh-thần như tuyết (1)
2. Nhị mơn, cành tơ (2) hai vẻ đều thanh tân.
3. Đáng giận chúa xuân có ý thiên-vị,
4. Một cành khô-héo, một cành tươi (3).

Dịch ra văn vần :

1. *Sương mai là cốt, tuyết là thần,*
2. *Nhị thắm, cành tơ một lấm thân.*
3. *Đáng trách Đông-hoàng thiên-vị lẫm,*
4. *Một cành khô héo, một cành xuân.*

(1) — Câu này nói liễu và đào cả hai đều có vẻ cao-quý, thanh-khiết như nhau.

(2) — Nhị mơn là nói về đào, cành tơ là nói về liễu.

(3) — Trách tinh lang nung-niu Liễu mà rẻ-rúng Đào.

Sinh xem xong, hỏi hạn giờ lâu, làm bài họa nguyên văn để đáp lại

Thơ rằng :

Nguyên văn :

1. 相思一段一勞神，
2. 底事纔成別恨新。
3. 忍仗封姨煩寄語，
4. 爲誰憔悴爲誰春。

Phiên âm :

1. Tương tư nhất đoạn nhất lao thần,
2. Đề sự tài thành biệt hận tân.
3. Bằng trượng phong di phiến ký ngữ,
4. Vị thùy tiều tụy vị thùy xuân?

Giải nghĩa :

1. Mỗi đoạn tương-tư là một đoạn mệt tâm-thần.
2. Bởi đâu xảy ra việc gầy nên hơn giận?
3. Nhờ cậy di gió đưa tin đến (1)
4. Hỏi ai khô héo? Hỏi ai tươi?

Đại ý : Hà-Nhân-Giả trả lời Đào-Nương là không thấy nàng đến, chàng mong-nhớ đau khổ tâm-thần và chàng coi hai người như nhau, không hề có bên khinh, bên trọng.

(1) — Phong-di (di gió) là thần làm ra gió. Nghĩa bóng là người đưa tin (Thành-Ngữ Điền-Tích)

Dịch ra văn vần :

1. *Tương tư đoạn đoạn một tâm thần,*
2. *Ai khéo gây nên nỗi lủi thân ?*
3. *Mượn gió nhẩn-nhe ai đó lá ?*
4. *Hỏi ai khô héo ? Hỏi ai xuân ?*

Đào-nương được thơ, từ đó mới đi lại như trước. Gặp tiết nguyên-liêu (đêm rằm tháng giêng), trai gái chốn kinh-sur, bốn bề lũ-lướt kéo nhau đi du ngoạn. Hai nàng mời Sinh :

— Túp lều tranh của chúng em cũng gần đây, chưa được chàng quán-tử đời gót ngọc đến chơi lần nào, thường lấy làm ân-hận. Nay gặp buổi tiết trời đẹp-đẽ, mời chàng quá bộ lại chơi, xin chớ vì chúng em thân-phận nô-tỳ mà e-thẹn, đừng lấy sự nhà cửa tối-tàn làm xa-xôi.

Sinh vui-vẻ nhận lời, rồi cùng nhau đi ngay.

Khi tới tây-viên, qua vài hàng giậu, quanh một bức tường, đi chừng vài mươi trượng, lại qua một cái ao sen, hết ao thì đến một khu vườn cây quý rườm-rà, hoa lạ ngào ngạt. Nhưng dưới ánh trăng sương mờ ảo, nên không phân rõ được cây kia hoa nọ, mà chỉ thấy toàn một mùi thơm sức-nực luôn luôn đưa lên mũi mà thôi.

Hai nàng (Liễu-nương và Đào-nương) nhìn nhau nói :

— Nhà mình vắng-vẻ, lãnh-nhãn, chi bằng đặt tiệc ngay trong vườn hay hơn.

Nói rồi trải chiếu tết bằng thanh trúc (mảnh tre nhỏ ghép lại); thắp đèn bằng đuốc nhựa thông. Rót rượu hạt hạnh, bóc bánh lá hoè. Các món bày bàn rất là thịnh-hậu, lại toàn là những thứ thơm-ngon.

Kế đó, các vị mỹ-nhân tự xưng là họ Vy 韋, họ Lý 李, họ Mai 梅, họ Dương 楊, nào có-nương họ Thạch 石, nào công-tử họ Kim 金, lục-tục đến mừng và cùng dự tiệc.

Trời gần sáng, mọi người mới tan tiệc ra về. Hai nàng cùng tiễn chân Sinh ra khỏi bức tường. Sinh về đến thư-phòng thì trời vừa rạng đông.

Vài tháng sau, Sinh nhận được tin nhà gửi xuống kinh-sur, nói là cha mẹ ở nhà sửa soạn lễ nghinh-hôn cho chàng và giục chàng phải về ngay.

Sinh trong lòng bối-rối, không nỡ dứt tình. Hai nàng đoán biết, mới bảo Sinh rằng :

— Chúng em : vốn dĩ thân-phận liễu-bồ ; khôn bề lo việc tân-tảo. Và việc tuyền ngôi mệnh-phụ, tất phải là chỗ cao môn, vốn dòng lệnh-tộc, chúng em phận hèn đâu giám cao-vọng như thế. Nhưng chỉ mong chàng, sau buổi về quê, ví bằng tình vương chưa dứt ; ý hậu còn mang, thì xin dẹp lòng quyến-luyến hương-thở, mà lại tính kể tìm hoa. Thế thì khóm liễu Hàn-Hoành (1) vẫn đón chờ với những cành dài ngày xưa ; cây đào

(1).— Xem chú-thích trong chuyện người nghĩa-phụ ở Khoái-Châu,

Thôi-Hộ (1) vẫn cười-cợt cùng gió đông năm ngoái. Xin chàng lo-liệu cho tròn, đừng âu-duyên mới mà lãng tình xưa, khiến chúng em thành những đoá hoa vô chủ đất Giang-Nam.

Nói rồi nâng chén quan-bà. Mỗi người ngâm một bài ca tiễn-biệt.

Liễu-nương ca trước rằng :

Nguyên văn :

1. 帝城東邊舊草來，
破屋數間曲江曲。
2. 銀篋珠盤事檢括，
霧閣雲廳苦幽獨。
3. 事從二八惜芳容，
蝶使蜂媒未肯通。

(1).— Sách loại-tự chép: Thôi-Hộ 崔護 đời Đường, gặp tiết thanh-minh, một mình dạo chơi quanh đô-thành, khát nước, vào nhà gần đó xin nước uống. Nhà này có một cô gái tuyệt đẹp, lấy nước cho chàng rồi đứng tựa gốc cây đào, trò-chuyện với chàng rất là đắm-thắm. Thôi-Hộ cáo-từ về, bằng đi một năm. Năm sau, cũng vẫn năm ngày thanh-minh, Thôi-Hộ lại đến thăm nhà đó thì thấy cửa đóng. Chàng đề vào cửa bài thơ rằng: 去年今日此門中人面桃花相映紅。人面不知何處知去, 桃花依舊笑春風。— Khứ niên kim nhật thử môn trung, nhân diện đào hoa tương ánh hồng. Nhân diện bất tri hà xứ khứ, đào hoa y cựu tiếu xuân phong. Nghĩa: ngày nay năm ngoái tại sân này, mặt ngọc hoa đào ánh đỏ hây. Mặt ngọc bữa nay sao chẳng thấy, Hoa đào cười thành bệnh mà chết. Chợt Thôi-Hộ đến ! ôm thầy khóc lóc nửa ngày. Người con gái hỏi tình rồi sống lại. Ông bổ bèn gả cô gái cho Thôi-Hộ.

1. 畫窺 日春 對羞 依向 紅少 杏年 鳩糞 ,
5. 拔學 拔書 何才 處奢 佳賈 公經 子史 ,
6. 草良 草綠 場未 頭許 一心 見先 間許 ,
7. 便分 將付 凡東 舟皇 向好 陽好 裁開 ,
8. 絮影 絮初 迎試 風暖 香綠 落徘徊 ,
9. 襪消 花得 露從 滴前 檀春 心恨 吐苦 ,
10. 笙膾 歌粉 軟膩 度勾 小西 蠻子 腰乳 ,
11. 會滿 來目 屈山 指河 未旅 周夢 星鶯 ,
12. 淚魂 落消 粉梅 鄉驛 魚馬 遊諧 信程 ,
13. 長使 亭妻 又長 趣憂 車來 聲祖 平道 ,
14. 西南 短浦 兩波 暗寒 泣愁 黃梅 草

15. 梅黃草綠暗傷神，
妾在君歸影暫分。
16. 鄰重爲君歌此曲，
臨歧應有斷腸人。

Phiên âm :

1. Để thành đông biên phiên thảo lai,
Phá ốc sồ gian Khúc-Giang khúc.
2. Ngân bề thái lộc sự sơ trang,
Vụ các vân song khở ụ đợc.
3. Việt tông nhị bát tích phương dung,
Điệp-sứ phong-môi vị khảng thông.
4. Tận nhật đối y hồng hạnh ð,
Khuy xuân tu vấn thiếu niên từng.
5. Hiệp thư hà xứ giai công tử,
Học bác tài xa quán kinh-sử.
6. Thảo thảo tường đầu nhất kiến gian,
Lương duyên vị hứa tâm tiên hứa.
7. Tiệp tương phạm hủ hương dương tài,
Phân phó Đông-hoàng hảo hảo khai.
8. Như tạm ghénh phong hương lạc-mạc,
Ảnh sơ thí noãn lục bồi-hồi.
9. Nàng hoa lộ trích đàn tám thờ,
Tiêu đắc tông tiền xuân hạn khở.
10. Sinh ca nhuyễn độ Tiều-Man yêu,
Chi-phấn nị (nhị) quán Tây-tử nữ.

11. Hội lai khuất chỉ vị chu tình,
Mãn mục sơn hà lữ mộng kinh.
12. Lệ lạc phần-hương ngư đệ tín,
Hồn tiêu mai-dịch mã am trình.
13. Trường đình hựu sấn xa thanh tảo,
Sử thiếp trường ưu lai Tồ-đạo.
14. Tây-viên vũ ám khắp hoàng mai,
Nam-phố ba hàn sừ lục thảo.
15. Mai hoàng thảo lục ám thương thần,
Thiếp tại quân quy ảnh tạm phân.
16. Trịnh trọng vị quân ca thử khúc,
Lâm kỹ ưng hữu đoạn trường nhân.

Giải nghĩa :

1. Bên đông Đế-thành cỏ rậm um,
Góc phường Khúc-Giang có mấy gian nhà nát.
2. Lược bạc, phấn màu, biếng diềm-trang,
Cửa mây gác khói buồn nổi lẻ-loi. (1)
3. Tiếc cho phương-dung vừa đôi tám (tức là mười sáu)
Mối ong, sử bướm chưa thông-tỏ (2)
4. Suốt ngày nương-tựa ở hồng-hạnh,
Ngấp-nghe tin xuân thẹn với bọn thiếu-niên.

(1)— Hai câu này tả tòa nhà bỏ hoang của quan Thái-Su xưa, mà là chỗ ở quanh hiu của Liễu-Nương.

(2)— Thơ cổ có câu : Kỳ hoa chiêu điệp-sứ 奇花招蝶使 ; Thơ Mai-hoa có câu : Du phong xảo tác mối 遊蜂巧作媒 Nghĩa là : gọi hoa với sứ bướm, mối khéo phải nhờ ong. Câu này nói chưa có ai dám hỏi.

5. Bông chàng thư-sinh bành trai nơi đầu đến,
Chàng học rộng tài cao, suốt kinh-sử.
6. Lúc mới gặp sơ-sơ ở đầu tường,
Mối lương-duyên chưa hẹn mà lòng đã ưng-thuận.
7. Bèn đem mống cỏ tâm-thường trồng dưới ánh mặt trời,
Gần-bó chúa xuân vui lòng mở lượng (1).
8. Bông vừa đón gió mùi hương thoang-thoảng,
Bóng dương vừa thử ấm, cây xanh đã rung-động.
9. Hoa gặp sương gico, nhụy hương thỏ-lộ,
Tan được nỗi buồn ngày xuân từ trước đến giờ.
10. Điệu ca tiếng phách nhịp nhàng với chiếc lưng mềm-mại nàng Tiều Mau (2)
Phấn sáp mịn-màng như trái đào nàng Tây-Thị (3).
11. Bấm đốt tay tỉnh lại chưa được một năm,
Chàng tỉnh giấc, mắt trông non-nước quê người.
12. Lệ sa khi được tin cá (4) từ quê hương đưa đến.

(1)— Liễu-Nương nói nhún mình được gặp Hà cũng như cây cỏ tâm-thường được đem trồng dưới ánh dương-quang.

(2)— Tiều-Mau là thiếp yêu của Bạch-Cư-Dị 白居易 mùa rất khéo. Câu này Liễu tự ví chiếc thân mềm mại như Tiều-Mau.

(3)— Tây-Thị người nước Việt trong thời chiến-quốc, nhan-sắc tuyệt trần. Sau Câu-Tiến 勾踐 đem nàng dâng cho Ngô Phù-Sai 吳夫差

(4)— Sách Cổ-Văn tất-độc 古文必讀 có câu: « Khách tòng viễn-phương lai, di ngữ song lý-ngư; hồ đồng phanh lý-ngư, phúc hữu xích tổ thư 客從遠方來，遺我雙鯉魚，呼童烹鯉魚，腹有尺素書 Nghĩa: khách ở phương xa tới, cho ta đôi cá chép, gọi trẻ mổ cá ra, bụng cá có bức thư. — Sách Thành-Ngữ Cổ-tích chép: xưa có người đàn bà chồng đi xa, ở nhà muốn gửi thư thăm mà không biết ở đâu, mới viết thư bỏ vào miệng cá chép rồi thả xuống sông. Sau người chồng bắt được.

— Hồn tan mai-dịch, (1) ngựa quen đường.

13. Chốn trường-đình tiếng xe ruổi gấp,
Đề thiếp lo-Âu đến lễ Tồ (2).
14. Tây-viên mưa thảm khóc mai vàng,
Nam-Phố nước lạnh sâu cỏ biếc (3).
15. Mai vàng cỏ biếc thăm đau lòng.
Chàng về thiếp ở bóng tạm chia.
16. Trịnh-trọng vì chàng hát khúc này,
Đường chia ngã tất có người nát ruột.

Dịch ra văn vần :

1. Bên đông nọ dĩ-thành rậm cỏ,
Khúc-Giang kia nhà bỏ hoang vu.
2. Lược đầu phần điểm sơn tó,
Gác lơ-lững khói, song mờ-mịt mây.
3. Tuổi đôi tám xuân nay đượm đượm,
Bướm ong còn chưa tỏ thông mới.

(1)— Viên-Cơ chú : trong bài thơ quan-mai có câu : Thiên-lý tràng-đình phục đoàn-đình, mai-hoa hương-lý tống nhân hành
千里長亭復短亭梅花香裏送人行 Nghĩa : Ngàn dặm đường hết trường-đình lại đoàn-đình, trong đám hoa mai thơm tiễn người ra đi).

(2)— Con vua Hoàng-Đế (2007-2637 trước C.N.) là Loa-Tổ螺祖, ham viễn-du, rồi bị chết đường, về sau làm thần. Cho nên ai xuất hành đi xa cũng tế-lễ đề cầu bình-yên.

(3)— Đát Nam-Phố ở ngoài cửa nam huyện Phố-Thành, tỉnh Phúc-Kiến. Bài phú biệt-ly của Giang-Yên có câu : 春草碧色, 春水綠波. 送君南浦, 傷如之何? : Xuân thảo bích sắc, xuân thủy lục ba. Tống quân nam-phố, thương như chi hà? Thích nghĩa : Ngày xuân cỏ biếc, nước gợn sóng xanh. Tiễn ai Nam-Phố, biết bao nhiều tình? Sở-từ có câu : 送美人兮南浦 (Tống mỹ-nhân hề nam-phố) Nghĩa là : Tiễn mỹ nhân đến sông Nam-Phố. Sông Nam-Phố nay thuộc huyện Vũ tỉnh Hồ-Bắc. Theo hai điển này thì Nam-Phố đều là nơi tiễn-biệt.

4. Sớm hôm hồng hạnh kết đôi,
Xuân tình e-lệ ngỏ lời cùng ai !
5. Bồng dàu lại gặp người quân-lử,
Tài văn-chương kinh-sử lâu-thông.
6. Trong trường gặp-nghê xa trông,
Dày duyên chưa buộc tơ lòng đã trao.
7. Thân hoa cỏ trông vào ánh sáng,
Nhờ đông-hoàng mở lượng bao-dông.
8. Sương-sùng hoa đón gió đông,
Lửa-lần buổi mới, ngại-ngưng lá xanh.
9. Sương gieo nhẹ, hoa tình thổ-lộ,
Tan mỗi sầu ấp-ủ bấy nay.
10. Tiều-Man điệu múa xinh thay !
Phấn sơn Tây-Tử càng say khúc vàng.
11. Duyên hội-ngộ dở-dang năm chắn,
Bintang mắt trông ngo-ngần sơn-hà.
12. Lệ sa chàng đãng tin nhà,
Hồn tan mai-dịch, ngựa pha lối mòn.
13. Chốn trường-dinh bon bon xe ruồi,
Chàng lên đường khắc-khoái lòng ai !
14. Tây-viên, mira khóc hoàng-mai,
Cỏ xanh Nam-Phổ cũng phai mấy phần.
15. Mai với cỏ thương thân phai-lọt ;
Thiếp cùng chàng nát ruột chia-phối.
16. Tặng chàng trịnh-trọng mấy lời,
Phân kỳ ai có biết ai đoạn trường ?
Đào-nương cũng ca rằng :

Nguyễn văn :

1. 秋 宵 掠 碧 兮 秋 葉 棲 丹 。
2. 千 戶 萬 戶 兮 寒 砧 聲 乾 。
3. 孤 鴈 南 飛 兮 征 鴻 度 闌 。
4. 暮 煙 慘 淡 兮 新 愁 一 般 。
5. 我 公 不 留 兮 我 心 盤 桓 。
6. 竟 捐 舊 愛 兮 暫 結 新 歡 。
7. 河 汾 嘆 菊 兮 楚 畹 羞 蘭 。
8. 泛 我 瓊 觴 兮 羞 我 銀 盤 。
9. 別 時 容 易 兮 見 時 良 難 。
10. 嗚 呼 一 歌 兮 勞 陶 長 嘆 。
11. 恨 不 遊 絲 兮 纏 挽 歸 鞍 。
12. 恨 不 長 坡 兮 障 杜 回 欄 。
13. 恨 不 黃 鶯 兮 喚 客 婚 嬾 。
14. 咄 嗟 此 別 兮 何 時 當 還 。
15. 花 留 洞 口 兮 水 到 人 間 。
16. 忍 今 小 妾 兮 抱 此 生 冤 。
17. 嗚 呼 再 歌 兮 珠 淚 沉 淵 。

Phiên âm :

1. Thu tiêu mạt bích hề thu diệp thê đan.
2. Thiên hộ vạn hộ hề hàn thanh can.
3. Cô-nhận nam phi hề, chinh-hồng độ quan.

4. Mộng yén thâm-đạm hề, tán sâu nhất ban.
5. Ngã công bất lưu hề, ngã tâm bản-hoàn.
6. Cảnh quyên cự ai hề, tạm kết tân hoan.
7. Hà-phần thán cục hề, Sở-Uyên tu lan.
8. Phiếm ngã quỳnh tràng hề, tu ngã ngân bản.
9. Biệt thời dung-dị hề, kiến thời lương nan.
10. Ô hó ! nhất ca hề, uất-đào trường than !
11. Hận bất du ti hề, chiến văn qui an.
12. Hận bất trường pha hề, chương đồ hồi lan.
13. Hận bất hoàng-oanh hề, hoán khách mãn-môn.
14. Đốt ta thử biệt hề, hà thời đương hoàn.
15. Hoa lưu động khâu hề, thủy đảo nhân gian.
16. Nhãn linh tiêu-thiếp hề, bảo thử sinh oan.
17. Ô hó ! tái ca hề, châu lệ hoàn lan.

Giải nghĩa :

1. Trời thu nhuộm biếc chừ, lá thu đượm hồng,
2. Ngàn nhà muôn nhà chừ, tiếng chày đập vải
khô khan.
3. Chiếc nhạn bay về nam chừ, chim hồng bay
qua cửa ải (1).

(1) Nhạn là dương-điều sợ rét, nên cứ mùa thu đến, trời xuống tuyết, lại bay về phương nam để tránh rét. Trong bài phú « Tiệc xuân thừa 惜餘春賦 của Lý Bạch 李白 có câu : Tổng hành tử chỉ viễn du, khán chinh-hồng chi sảo diệt 遠行子之遠遊看征鴻之稍滅 Nghĩa là : tiễn đưa khách đi xa, xem chim hồng hết dần.

4. Sương chiều thâm đậm chừ, tựa như mối sầu mới vương
5. Chàng ta không ở lại chừ, lòng ta xòn xao.
6. Xin quên niềm ân-ái cũ chừ, tạm kết duyên mới.
7. Cúc Hà - Phần than - thở chừ, lan Sở - Uyên hẽ bàng (1).
8. Rót đầy chén quỳnh chừ, thẹn cùng trăng bạc.
9. Ngày ly-biệt dễ-dàng chừ, ngày gặp khó khăn.
10. Than ôi ! hát một khúc chừ, buồn bực thở dài,
11. Hận không sợi tơ chừ, buộc niu yèn ngựa lại (2).
12. Hận không sườn đồi chừ, ngăn-trở thuyền về.
13. Hận không cái oanh vàng chừ, gọi khách liu-lo.
14. Xót-xa ly-biệt này chừ, thuở nào trở lại.
15. Hoa còn cửa động chừ, nước xuống cõi nhân-gian (3).
16. Nỡ để tiêu-thiếp chừ, mang oan-kiếp này.
17. Than ôi hát hai khúc chừ, châu lệ chứa-chan.

(1).— Cúc Hà-Phần rất thơm, lan Sở-Uyển rất quý.

(2).— Bài phú «Tiệc xuân thừa» của Lý-Bạch có câu: Hậu bất đắc quải trường thằng ư thanh-thiên hệ thứ tày phi chỉ bạch nhật 恨不得掛長繩於青天,繫此西飛之白日. Nghĩa là: Hận không dây buộc ngang trời, cột lấy mặt trời đang chạy về tây. Lại câu: kiến du tì chí hoành lộ, vòng xuân huy dĩ lưu nhân 見遊絲之橫路,網春輝以留人 Nghĩa là: ngang đường chẳng sợi tơ dài, ánh xuân niu lại giữ người ra đi.

(3).— Bài thơ thiên-thai có câu: Hoa lưu-dộng khâu ưng trường tại, thủy đào nhân-gian định bất hồi 花留洞口應長在,水到人間定不回. Ý nói người đã đi không bao giờ trở lại nữa.

DỊCH (theo thể nguyên văn):

1. Trời thu nhuộm biếc hè, lá thu đượm hương.
2. Dân gian đập vải hè, tiếng chày chang-chang.
3. Ái bắc, cõi nam hè, hồng, nhận chia đường.
4. Sương chiều thấm-đạm hè, tựa mối sâu vương.
5. Chàng không ở lại hè, lòng thiếp lo-lường.
6. Ái-ân tạm gác hè, vui thú lúa-hương.
7. Cúc Hà ủ-dũ hè, lan Sở bẽ-bàng.
8. Ta rót chén quỳnh hè, luống thẹn trăng vàng.
9. Khó khi hội-ngộ hè, ly-biệt dễ-dàng.
10. Thở than một khúc hè, đau-đáu sâu trường.
11. Hận không sợi tơ hè, nư yên ngựa chàng.
12. Hận không sườn núi hè, cản thuyền hồi hương.
13. Hận không tiếng oanh hè, gọi khách mơ-màng.
14. Ly-biệt buổi nay hè, biết thuở nào sang.
15. Hoa còn cửa động hè, nước xuống cõi dương.
16. Nữ cho tiêu-thiếp hè, oan kiếp phải mang.
17. Thở-than hai khúc hè, châu-lệ đôi hàng!

Dịch theo thể lục bát:

1. Trời thu xanh biếc một bầu.
Lá thu rày đã một màu đỏ hoe.
2. Dân gian khắp chốn vẫn nghe,
Tiếng chày đập vải bốn bề khó-khan.
3. Về nam, chiếc Nhận lạc đàn,
Tung bay, Hồng đã quá quan nẻo nào.

4. *Sương chiều thăm-đạm thấp cao,
Khác nào vương mối sầu vào lòng ai.*
5. *Tinh-lang đã trở gót hài,
Nghĩ thân mà lại ái-hoài cho thân.*
6. *Khuyên chàng tạm gác ái-ân,
Về âu đuyên mới châu-trần xe dầy.*
7. *Cúc Hà ử-dữ từ đây,
Xót cho lan Sở cũng lầy bẽ bàng.*
8. *Chén quỳnh nâng tiễn chân chàng,
Trông trăng mà lại bẽ-bàng mấy trăng.*
9. *Dễ-dàng chia-rẽ đôi đấng,
Mong ngày tái-ngộ biết rằng được không.*
10. *Thương ôi ! Một khúc nỡ-nùng,
Than bao nhiêu lại đau lòng bấy nhiêu !*
11. *Hận mình chẳng có tơ điều,
Buộc vào yện ngựa ngược chiều mà lối.*
12. *Hận mình không phải sườn đồi,
Ngựa thuyên chẳng để chàng hời cố hương.*
13. *Hận mình không tiếng oanh vàng,
Lú lo gọi bạn vùn-vương tơ tình.*
14. *Nay sầu ly-biệt cũng đành,
Hỏi ngày tái ngộ có dành nữa thời ?*
15. *Hoa còn cửa động chưa trôi,
Mà cho dòng nước đã xuôi phàm-trần.*
16. *Nữ nao để thiệp có-thân,
Suốt đời mang lấy nợ-nần oan-khiên.*
17. *Thương ôi ! Hai khúc than-phiên,
Chứa-chan lệ nhỏ liên-miền mạch sầu.*

Nghe xong, Sinh rung-rưng nước mắt, cùng hai nàng từ-biệt lên đường.

Sinh về đến nhà, ngày nghinh hôn đã định sẵn. Chàng thưa với cha mẹ rằng :

— Con trộm nghe : Muốn cho trai có vợ, gái có chồng đó là chí-tình của bậc làm cha mẹ, lại là phúc-ấm của tông-môn. Song con nghĩ mình cũng nên thi-lễ, cũng dòng trâm-anh. Học chưa thành tài ; chỉ mong tiến-thủ. Nếu mà vui-thú thê-noa, e phải trẻ-tràng đèn sách. Sao bằng : hoãn kỳ hoa-chúc ; đợi buổi vân-song. Chờ cho thỏa chí bình-sinh ; rồi sẽ vầy duyên kim-cải, cũng chưa muộn gì.

Cha mẹ chàng không nỡ trái ý, cho đình-hoãn việc cưới xin. Song chàng vì tưởng nhớ hai nàng Đào, Liễu, ở nhà lúc nào cũng ầu-sầu buồn bã, nên lại quyết ngựa tìm thú kinh-sur. Vừa đến tây-viên, hai nàng don đả tươi-cười hỏi :

— Hôn-lễ vừa xong, tân duyên đương thắm, sao chàng không thỏa tình vui-thú ; phỉ nguyện qui-kỳ, mà đã vội lên đường trở lại đây ?

Sinh liền kể hết nguyên-do, hai nàng khen rằng :

— Lang-quân thật là một người đại-tín-nghĩa, không phụ lời ước hẹn tìm hoa. Rồi sắm đủ lễ-vật cho Sinh để lại tới trường cũ theo học.

Sinh tuy mượn tiếng là đi du học, nhưng thực ra chàng chỉ cốt ý đến với mỹ-nhân, cho nên hờ-hững sách đèn ; miệt-mải hoan-lạc. Ngày xuân vùn-vụt, thoát đã sang đông.

Một hôm, Sinh ở ngoài về, thấy hai nàng châu-lệ đầm-đia, thì kinh-ngạc vội hỏi duyên do. Hai nàng nuốt lệ nói :

— Chừng em chẳng may mắc chứng phong-sương. Gân cốt đau như khi tuyết lạnh ; mồm non khô-héo buổi xuân qua. Lộng gió thuốc-thang khôn chữa ; kiếp hoa tàn-tạ dễ-dàng. Hương hồn một mảnh rồi biết trôi-giạt nhà ai !

Sinh sợ-hãi nói :

— Tôi với hai nàng, dù duyên không mối-lái ; song nghĩa kết tơ đào. Sao hai nàng nữ nói đến sự lia-tan để cho tôi lo-sợ như chim phải tên vậy.

Liễu-nương nói :

— Ham vui ân-ái, ai ai cũng lòng. Nhưng số trời khó tránh, kỳ qui-ân đến nơi rồi. Rồi đây : phấn đỏ lộn trong bùn ; hoa vàng rơi mặt đất. Chẳng biết mai sau : ba xuân cảnh-sắc, thú-vui biết thuộc về đâu ?

Sinh buồn-rầu ngao-ngán, khôn nổi dứt tình.

Đào-nương nói :

— Đời người như đoá hoa trên cây, tươi héo có định kỳ, không thể nào gượng lưu lại được, dù là chỉ trong chốc-lát. Chỉ mong lang-quân gắng bồi-bổ sức-lực, chăm-chỉ sách đèn để ghép liễu (1) thành công ; xem hoa (2) đặc lực, thì dù tiều-thiếp có vùi thân nơi ngòi lạch, cũng không ân-hận gì nữa.

(1).— Tôn-Kinh 孫敬 đời Hán, ghép lá liễu lại để viết sách mà học.

(2).— Những người thi đỗ được cử đi ngựa xem hoa trong vườn thượng-uyển.

Sinh lại hỏi :

— Nàng nói vậy, nhưng sự tàn-tạ còn chừng bao lâu nữa sẽ đến ?

Nàng đáp :

— Chỉ nội đêm nay thôi ! Hễ thấy trận giông-tố nổi lên, ấy là lúc chúng em thác rồi đó.. Chẳng mà còn nghĩ tới chút tình hương lửa, quá bộ lại tây-viên thăm-viếng, chúng em sẽ ngậm cười về nơi chín suối.

Sinh khóc mà rằng :

— Sự thế cấp-bách như vậy, không biết làm sao được. Anh ở nơi đất khách quê người, hai bàn tay không, biết lấy gì đáp-diểm cho hai nàng.

Hai nàng nói :

— Chúng em đây mệnh mỏng như tờ ; thân nhẹ như bông lá. Khi em thác rồi, lấy mây làm tán, lấy gió làm xe, đem cỏ làm chiếu, ngọc sương làm vòng. Kèn trống là lũ oanh già ; hộ tang có đàn bướm héo. Đáp-diểm nhờ năm rêu xanh ; tiễn đưa có dòng nước lạch. Khói tan gió bốc, không phiền chi về sự tống-táng cả.

Đoạn hai nàng tháo hài cườm để lại và nói :

— Mất người còn chút của tin, tình vĩnh-biệt kẻ sao cho xiết ! Vén-vện còn một chút này để tặng nhau trong khi kẻ khuất người còn. Chẳng ước thử mà vừa, sẽ như là chúng em ở dưới chân chàng vậy.

Tối hôm ấy, quả hai nàng không đến nữa. Lúc gần nửa đêm, trời bỗng nổi cơn mưa gió dữ-dội. Sinh đứng

tựa lan-can, buồn-rầu thương-xót, tâm trạng bàng-hoàng như kẻ mất hồn. Chàng liền sang chơi nhà ông cụ già bèn láng-giềng đem đầu đuôi câu chuyện kể cho nghe.

Ông già nói :

— Ô! Cậu mơ ngủ đấy à! Chỗ đó, từ khi quan Thái-sur qua đời đã hơn hai mươi năm nay, thành nơi hoang-vắng. Một gian nhà thờ, đến ngay người quét tước cũng không, làm gì có những cô gái họ họ, họ kia lẫn thẽ, như chuyện chúng nói với cậu. Đó hẳn là những hạng gái chơi dâm-dăng, nếu không thì là những u-hồn trệ-phách hiện hình tác quái đó thôi.

Sáng hôm sau, ông già cùng Sinh đến chốn tày-viên, chỉ thấy nhà nát văng tanh, vài cây đào, liễu cành lá tả-lơi. Hoa rụng đầy vườn, tờ vương khắp giậu.

Ông già trở bảo Sinh rằng :

— Đây chử phải là nơi cậu từng đến chơi ư? Công-tử họ Kim tức là cây kim-tiền kia; cò-nương họ Thạch, tức là cây thạch-lựu họ. Đến như các ả họ Lý, họ Vy, họ Dương, họ Mai, cũng đều nhân tên hoa mà đặt làm họ cả. Không ngờ mấy gốc hoa này lại biến-ảo đến thế được.

Sinh bấy giờ mới lĩnh ngộ, giận mình bấy lâu dăm-duối, toàn là đánh bạ với hồn hoa. Chàng về nhà, lấy những chiếc hài để tặng ra xem, vừa cầm trên tay, đã biến thành những cánh hoa tươi bay vèo đi hết.

Sáng hôm sau, Sinh đem cầm một cái áo, lấy tiền sắm cỗ bàn, bày cúng hai nàng và làm bài văn tế sau đây :

Nguyễn văn :

惟 二 人

1. 冰凝奇骨，
露滴妍芳。
2. 雅尚天然之質；
耻為天時之粧。
3. 均是名姝第一；
信乎絕代無雙。
4. 閒苑英華，看富貴；
糊窗燈火，好伴清光。
5. 盆長雙頭茉莉；
池栖交頸鴛鴦。
6. 惟願久沾於恩海；
如何遠反於鄉鄰。
7. 冉冉穠花，願改將；
恁恁穠別，恨空將。
8. 風乘我我乘風，片時撩亂；
色是我我空是色，半夜淒涼。
9. 慘淡紅稀，院落；
低迷綠暗，池塘。

10. 深 深 兮 瘴 玉 ；
 鬱 鬱 兮 理 香 。
11. 身 世 逐 秋 風 之 客 ；
 繁 華 驚 春 夢 之 場 。
12. 噫 ；
 如 朝 離 別 ；
 萬 古 應 傷 。
13. 魂 欲 招 兮 不 返 ；
 踪 擬 訪 兮 無 方 。
14. 縱 有 靈 兮 未 泯 ；
 尚 來 享 兮 于 觴 。
15. 嗚 呼 哀 哉 ！

Phiên âm :

Duy nhị nhân !

1. *Bằng ngưng kỳ cốt,
Lộ trích nghiên phương.*
2. *Nhã thượng thiên-nhiên chi chất.
Sĩ vi thời-thể chi trang.*
3. *Quán thị danh chu đệ nhất ;
Tin hồ tuyệt đại vô soang (song).*
4. *Lãng-uyền anh hoa, yếm khan phú quý ;
Hồ song đặng hỏa, hiểu bạn thanh quang.*

5. *Bồn trường song đầu mặt-ly ;
Tri thế giao cảnh uyên-trong.*
6. *Duy nguyện cứu triêm u ân hải ;
Như hà cự phản u tiên hương.*
7. *Nhiễm-nhiễm nùng hoa đốn cải ;
Du-du biệt hận không tương.*
8. *Phong thừa ngã, ngã thừa phong, phiền thời
liêu-loạn Sắc thị không, không thị sắc, bán dạ
thê-lương.*
9. *Thảm-đạm hồng hy viện lạc ;
Đê-mê lục âm tri đường.*
10. *Thâm-thâm hề ế ngọc ;
Uất-uất hề mai hương.*
11. *Thân thế trực thu phong chi khách ;
Phồn hoa kinh xuân mộng chi trường.*
12. *Y :*
*Nhất triều ly-biệt ;
Vạn cổ bi-thương.*
13. *Hồn dục chiếu hề bát phản ;
Tung nghĩ phỏng hề vô phương.*
14. *Túng hữu linh hề vị dẫn ;
Thượng lai hướng hề dư trường.*
15. *Ô hó ai lai!*

Sắc là không, không là sắc, nửa đêm lạnh-lẽo.

9. Thăm-đạm màu hồng phai trước viện,
 Ủ-ê sắc biếc xạm bờ ao.
10. Thăm-thăm chừ ngọc lấp,
 Áo-não chừ hương vùi. (1)
11. Thân thể lướt theo « khách gió thu » (2).
 Cảnh phồn-hoa khua tỉnh giấc mộng xuân.
12. Than ôi! Một sớm chia-phôi,
 Bí-thương muôn thuở.
13. Muốn gọi hồn mà chẳng thấy về,
 Muốn tìm dấu vết cũng không có cách nào.
14. Vì phòng hồn thiêng chữa lán,
 Xin về hưởng chén rượu này.
15. Than ôi! Thương thay!

(1).— Loại-Tự 類聚 chép: Tiết-độ-sứ thời Mạnh-Thục 孟蜀 (?) là Vương-thừa-Kiệm 王承儉 đắp thành có đào được trong má bà vợ quan thứ-sứ Vị Châu 涪州 là Trương-Tổng 張家 một tấm bia đá khắc tám chữ « Thăm thăm ế ngọc, ướm-ướm mai hương ». Trong Từ-Nguyên về điển này chỉ ghi là tấm bia khắc như trên thấy ở trong một ngôi cổ-mộ. Có lẽ chưa biết được rõ, nên Từ-Nguyên chỉ chưa như vậy.

(2).— Khách gió-thu là trở chim én quay về (qui-yến 歸燕). Viên-Cơ 圓機 chú: Trương Hành đời Hán ký-ngụ ở Lạc Nhuế, sinh kế khó khăn, rời đi nơi khác, chợt trông thấy con én trên xà nhà, nói: À ra gió thu đã đến rồi. Thấy mí ta động lòng nhớ rằng không ở đây lâu đặng nữa.

Dịch ra văn vần :

Hỡi ơi, hai nàng !

1. Cốt-cách nhường bằng ;

Dang-nhan tựa mớc.

2. Phong-lưu chuộng về thiên-nhiên ;

B-thẹn tỏ máu phạm-tục.

3. Đắc này đáu kẻ so-bì ;

Tại ấy ai không khuất-phục.

4. Anh-hoa vườn lãng, ngàn cảnh huy-hoàng ;

Hương-hỏa song hồ, bạn người trong-lạc.

5. Ao uyên-ương thả-thả cặp chim,

Bền mặt-ly thì-thăm đỏi gốc.

6. Những mong bề ai, dằm-thăm Mu-dài ;

Sao vội lảng tiên, quay về phát-chốc.

7. Cuộc biến-thiên xui hoa nọ toi-bời ;

Hờn ly-biệt khiến lòng đay dãn-dọc.

8. Gió nương mình, mình nương gió, một khắc hoang-
mang ,

Không là sắc, sắc là không, nửa đêm cảm-xúc.

9. Trước thềm phai-lợt về hồng,

Mặt nước ử-ế máu lục.

10. Ngọc lấp đàu-thương ;

Hương vùi thắm-khốc.

11. Nhẹ thân nhận én lướt hơi thu ;

Tĩnh giấc phồn-hoa chồn dạ ngọc.

12. Than ôi !

Một sớm chia-lla : ~

Ngàn thu than-khóc.

13. *Gọi hồn chẳng thấy tâm-hơi ;*

Tìm vết nào đâu to-lóc.

14. *Linh-thiên hồn hơi có đây !*

Hâm-hưởng rượu này một cốc.

15. *Than ôi, thương thay !*

Đêm hôm ấy, Sinh nằm mơ thấy hai nàng đến tạ rằng :

— Bữa qua lang-quân làm bài ai-văn tế điện, khiến cho thanh-giá chúng em tăng lên bội phần; thâm cảm ân-tình ấy, chúng em về đây báo-tạ. Sinh muốn lưu hai nàng lại, nhưng hai nàng đã vụt bay lên trên không biến mất.

PHẦN BÌNH LUẬN

Than ôi! Thành tâm không bằng quả dục. Sóng dục không nổi lên thì lòng vẫn được thanh không, điều thiện mới có chỗ mà vào. Khí bình-lặng thì chính-lý tất thẳng, tà-mị còn quấy nhiễu sao được.

Tức như anh chàng họ Hà trẻ người non dạ, có nhiều vật-dục. Vì bị vật-dục khiến-chế cho nên loại kia mới thừa cơ len-lỏi vào. Nếu không thì những loài yêu-quái trắng-hoa mê-hoặc sao được mà chẳng thu hình nép bóng trước con người chính-trực như Lương-Công (1) ngày trước?

Kẻ sĩ đã cắp sách đến tận kinh-sur theo học, lý nghi phải chuyên-cần học nghiệp, mở rộng kiến-vấn, tuy không mong được đến chỗ vô dục, nhưng giá cố gắng tiến được đến chỗ quả dục cũng là hay lắm !

(1).— Đời Đường, Vũ Tam-Tư 武三思 có nàng hầu là Tố-Nga 素娥 nhan sắc đẹp lắm. Một hôm, Địch Lương-Công 狄梁公 đến chơi, Tam-Tư gọi ra, nàng bỗng lẫn mất. Tam Tư thấy chỗ góc nhà có mùi hương thơm ngát, đến lắng nghe, thì chính là Tố-Nga. Nàng nói: « Thiếp là con yêu hoa nguyệt. Thượng-Đế cho xuống hầu-hạ ông thì được. Còn Địch Lương-Công là bạc chính-nhân, thiếp không dám lại gần. »

Tây Viên Kỳ Ngộ



(Tranh Nguyễn-Úyển)

TÂN-BIÊN TRUYỀN KỶ MẠNH-LỤC

QUYỂN THỨ II

龍庭對訟錄

LONG-ĐÌNH ĐỐI TỤNG LỤC

TRUYỆN ĐỐI TỤNG DƯỚI LONG-CUNG

Huyện Vĩnh-Lại 永賴, phủ Hồng-Châu 洪州 (Hải-Dương 海陽) khi xưa có nhiều giống thủy-tộc. Người ta lập miếu thờ ở ven sông đến hơn mười chỗ. Trái năm này qua năm khác, có chỗ đã thành tinh. Song đảo nắng cầu mưa chẳng bao giờ là không linh-ứng, nên hương khói quanh năm mà người ta càng phải kính sợ.

Về đời vua Minh-tông 明宗 nhà Trần 陳 (1314-1328), có quan Thái-thủ (tri-phủ) họ Trịnh làm quan tại phủ Hồng-Châu. Vợ là Dương-thị 楊氏, nhân về quê vấn an cha mẹ, đậu thuyền ở bên cạnh một ngôi miếu. Bỗng thấy hai đồng-nữ bưng một hộp nhỏ thiếp vàng, đặt trước mặt mà thưa rằng :

— Đức Ông chúng-tôi xin đừng phu-nhân vật này để tỏ chút tình tưởng-vọng. Trong chốn nước mây, kíp chầy thế nào rồi duyên cưới rỗng (1) cũng sẽ được thỏa-nguyện.

(1)— Có câu « Hữu nữ-tế quý thịnh viết thừa long 有女婿貴戚 曰乘龍 » nghĩa là có con rề làm nên hiển-quý gọi là cưới rồng. Ngụy Hoàng-Thượng 魏黃尚 và Lý-nguyên-Hạ 李元祐 làm quan tu-đồ và cùng lấy con gái Hoàn-thúc-Nguyên 桓叔元. Người thời bấy giờ khen hai con gái Thúc-Nguyên đều cưới rồng là nói các cô lấy được chồng sang (theo sách nói về bố vợ con rề « 書言翁婿類 婿-ngôn ông-tế-loại »).

Nói xong biến mất, Dương-thị mở hộp ra xem thấy một giải đồng-tâm sắc tía, trên giải đề một bài thơ tứ-tuyệt sau đây :

Nguyên văn :

1. 佳人笑拂碧瑤簪 •
2. 芳我情懷屬望深 •
3. 誓待洞房花燭夜 •
4. 水晶宮裡結同心 •

Phiên âm :

1. *Giải nhân tiểu sạp bích-dao trâm.*
2. *Lao ngã tình hoài thuộc vọng thâm.*
3. *Lưu đãi động-phòng hoa chúc dạ.*
4. *Thủy-tinh cung lý kết đồng tâm.*

Giải nghĩa :

1. Cài trâm bích ngọc, người đẹp cười.
2. Đề nhọc lòng ta ôm mối tình khát vọng.
3. Xin hãy nán chờ đến đêm được hoa động-phòng (1).
4. Trong cung Thủy-Tinh (2), sẽ kết giải đồng-tâm (3).

(1)— Ngày xưa lấy vàng làm hình hoa sen rồi thắp đèn cho chiếu vào. Cứ đêm động-phòng mới thắp được hoa. (Hợp bích 合璧).

(2)— Cung-thất có những bức tường bằng Thủy-tinh gọi là Thủy-Tinh cung. Lu-Ký đời Đường đã lên chơi cung Thủy-Tinh trên trời (theo Quần-Ngọc).

(3)— Đồng-tâm kết, đồng-tâm-đôi hay giải đồng là lấy dây lưng có hai giải lụa kết vào với nhau để biểu-hiệu sự kết-hiệp của vợ chồng (theo Thành-ngữ điển-tích). Tùy kỷ 隋紀 chép rằng : Tùy Văn-Đế 隋文帝 (589-604) có bà vợ rất đẹp. Văn-Đế ốm, Thái-tử Quảng 太子廣 vào toan cưỡng hiếp nhưng phu-nhân không chịu. Sau Văn-Đế chết, Thái-tử Quảng (tức Tùy Dạng-Đế 隋煬帝) ban cho phu-nhân cái hộp bên trong đựng mấy trái đồng tâm-kết, rồi đem ấy vào loan dâm với phu-nhân,

Dịch ra văn vần :

1. *Đầu cài trâm ngọc, mỹ-nhân cười,*
2. *Đe nhọc lòng đây nặng ái-hoài.*
3. *Hoa chúc hẹn-hò đêm hợp-cần,*
4. *Thủy-cung kết chặt mối duyên-hài.*

Dương-thị sợ quá, vội cùng thị-tý lên bộ lật-đật về dinh, đem sự thực kể lại. Trịnh thái-thủ cũng rất kinh-dị mà rằng :

— Chắc là giống thủy-quái dâm-đăng thờ trong miếu sắp hại mình đây, mình nên tránh đi. Phàm bờ sông bến nước, phải giữ-gìn đừng bén-mãng tới nữa. Gặp đêm mưa-gió, tối trời phải thắp đèn sáng và cắt người canh gác.

Đề-phòng như thế chừng được nửa năm. Gặp tiết trung thu, đêm ấy bầu trời không chút văn mây, một màu xanh ngắt bao-la. Trên trời : sông ngân-hà vắng-vặc, trăng sao tựa thềm ban ngày. Trịnh vui mừng mà rằng :

— Trăng thanh, gió mát thế này, lòng ta bớt nỗi lo-âu. Rồi vợ chồng ngồi đối ẩm, rượu say ngủ mệt. Dè đâu sấm chớp nổi lên, lúc Trịnh thức dậy, cửa ngõ vẫn đóng y-nguyên, mà chẳng thấy Dương-thị đâu nữa. Ra chỗ miếu thờ, thì sông nước lạnh-lùng, trăng soi thắm-dạm, Trịnh thấy áo-xiêm Dương-thị trút bỏ tại đó, đành ôm mối hận tiếc ngọc thương hương, chìm lan nát huệ, thắm-trạng khôn lường, chỉ đứng thở-than với gió, còn biết làm sao được.

Rồi Trịnh buồn phiền, bỏ quan mà về, táng một ngôi mộ hờ dưới chân núi Đốn-son 頓山, suốt ngày ở trên một cái lầu nhỏ. Lầu trông ra bến sông, đầu bến là một cái vực

sâu thăm. Mỗi khi lên lầu, đưa mắt nhìn ra, Trịnh thường thấy một ông cụ già, đeo cái túi đỏ, sáng sớm ra đi, chiều tối lại về. Trịnh nghĩ thầm rằng : Nơi đây vững sông hẻo-lánh, không có xóm thôn, sao lại có ông già kia lai-vãng thế này, bèn đến tận nơi đó xem sao, thì chỉ thấy bãi cát hoang-vu cỏ rậm, tuyệt không bóng người cùng cửa nhà chi hết ; lúc đó vai khóm lau sậy rung-rinh mặt nước mà thôi. Trịnh lấy làm quái-dị, lại đi tìm nữa, tới chợ phía nam đã thấy ông cụ già kia ngồi xem bói tại đó rồi. Trịnh trông ông già, mặt mũi gầy-guộc, nhưng da-dẻ hồng-hào, tinh thần thanh-sáng, nhã-đạm, thì đoán hẳn là một vị mai danh ẩn-sĩ, không thì một vị chân-nhân đặc đạo, lại không nữa cũng phải là một bậc tiên-khách trong chốn yên-hà chi đây. Trịnh bèn chơi thân với ông, ngày nào cũng đem rượu ngon, nhắm tốt, cùng nhau vui say mới thôi. Ông già cũng rất cảm tâm lòng tốt của Trịnh, nhưng khi Trịnh hỏi đến tên họ, ông già chỉ cười mà không đáp. Trịnh lại càng nghi-hoặc.

Một buổi sáng kia, Trịnh dậy thật sớm, đến trước án mình ở trong bụi lau đề rình. Lúc đó, sương đêm chưa hết, khói sớm còn mờ, bỗng thấy ông già ở dưới nước nhô lên, rồi thủng-thình đi ra. Trịnh vội vàng chạy đến trước mặt sụp lạy.

Ông già cả cười mà rằng :

— Thế ra ông dò-la tung-tích tôi đó ư? Nhưng thôi, cũng là chỗ tương-tri, tôi nói cho ông biết : Tôi đây là Bạch-long-hầu 白龍侯. May mà gặp năm hạn-hán, tạm kiếm chốn nhân-du. Bể Ngọc-Hoàng có sắc-chỉ truyền đi làm mưa thì đâu có được rảnh mà lên nhân-gian bói toán nữa.

Trịnh nói :

— Xưa Liễu-Nghị 柳毅 có cuộc xuống chơi Động-Đình 洞庭 (1); Thiện-Văn 善文 có cuộc ăn yến ở Long-Cung (2). Chẳng biết kẻ phàm-tục này liệu có thể theo chân tiên-bối được chăng ?

Long-Hầu đáp :

— Điều đó phỏng có khó gì ?

Nói rồi cầm đầu gậy chọc xuống nước, tức thì nước rẽ ra hai bên, mở một lối đi. Đi chừng nửa dặm, thì thấy

(1)— Sách Thượng-hữu lục 尚友錄 chép rằng : đời vua Trung-Tôn 中宗 nhà Đường (705-709), Liễu-Nghị thi trượt về đến đất Kinh-Dương 溁陽 (nay thuộc tỉnh Thiểm-Tây) thấy một người đàn-bà chần dề nói rằng : « Thiếp là con gái vua Động-Đình, là con dâu vua Kinh-Xuyên 溁川, bị đứu hầu gái xúc-xièm, thành ra đắc tội với cha mẹ chồng, nên phải truất đuổi đến đây. Nghe chàng về qua Động-Đình, nhờ chàng làm ơn đưa hộ thiếp phong thư. Công nhà thiếp có cây quit lớn, cứ gõ vào cây ba tiếng là có người ra ». Nghị theo lời, rồi nhân thế được đón xuống chơi Long-cung. Sau Nghị lấy người con gái họ Lư, người này xưng mình chính là Long-nữ đã nhờ Nghị đưa thư ngày trước, rồi cùng đưa nhau về ở Động-Đình.

(2)— Sách Quảng-Lợi hải-thần-truyện 廣利海神傳 chép : năm giáp-thân niên-nhiệu Chí-Chính 至正 nhà Nguyên 元 (1344), ở Triều-Châu 潮州 (nay là huyện Triều-An, tỉnh Quảng-Đông), có một nhân-sĩ là Dư-Thiện-Văn 余善文 đang ở nhà, giữa ban ngày thấy hai người lực-sĩ đến nói là vàng mệnh Quảng-Lợi Vương sai đến đón, Thiện-văn theo đi. Đến bến sông xuống một chiếc thuyền, thấy hai con rồng vàng cắp mà đem đi, rồi xuống thủy-phủ. Quảng-Lợi Vương tiếp đón long-trọng và nhờ soạn hộ một bài văn đề tuyên đọc lúc làm lễ cất nóc tòa điện Linh-Đức 靈德 sắp dựng. Thiện-văn viết hộ một bài rất hay. Đến khi khánh-thành điện Linh-Đức, Quảng-Lợi Vương lại mời chư thần các phương về dự lễ. Bữa đó, Thiện-văn lại làm một bài kỷ niệm rất hay, ai cũng kính-phục. Sau khi dự bữa tiệc linh-đỉnh, Thiện-Văn được Quảng-Lợi Vương tặng nhiều báu vật gọi là nhuận bút. Thiện-Văn đem về bán được rất nhiều tiền và trở nên giàu có. Sau Thiện-Văn cũng không hề ý đến bước đường công-danh, bỏ nhà đi tìm thầy học đạo, rồi không thấy đầu nữa.

vũ-trụ trong sáng, lâu-dài chót vót. Nhà ở, thức ăn, đều khác chốn nhân-gian. Long-Hầu tiếp-dãi rất là chu-đáo.

Trình nói :

— Không ngờ một kẻ hàn-vi lại được đến chốn tôn-nghiêm này. Trước tôi đã bị một cơn tai-biến phi thường thì nay tôi lại được một cuộc gặp-gỡ phi-thường. Công-việc báo-phục hẳn ở lúc này.

Long-Hầu hỏi lại duyên-cớ.

Trình đem chuyện Dương-thị thuật lại hết và xin nhờ cậy uy-linh, khiến cho buồm nhờ sức gió, cáo mượn oai hùm, mới khỏi ững cuộc tao-phùng này vậy.

Long-Hầu nói :

— Kẻ kia dù càn-dở, song đã được Vương-dinh ban sắc-mạng. Phương-chỉ đây đó hai nơi riêng biệt, vốn không liên-quan gì đến nhau, đâu dám phiêu-lưu sóng-gió, dấy động đao-binh, để phạm tội tru-di khôn bề tha-thứ.

Trình nói :

— Vậy thế tôi đưa ra đầu-cáo trước Vương-dinh được chăng ?

Long-Hầu đáp :

— U-minh cách biệt, sự-tịch hàm-hồ. Ông toan đem lời nói vu-vơ, hòng bắt kẻ địch-cừu ghê-gớm, e rằng chẳng báo được thù. Sao bằng trước hãy dò-la, lấy được tang-chứng, thì việc trừ kẻ gian kia không có chi đáng kể nữa. Song những bộ-hạ tôi đây không ai đủ tài cang-đáng việc này. Chỉ còn thiếu người để giao sứ-mạng đó mà thôi.

Chợt có một nàng áo xanh đứng đó bước ra thưa rằng :

— Thiếp xin đảm-đương việc ấy.

Trịnh bèn cung-kính ủy-thác nơi nàng và trao cho một cành thoa bằng ngọc biếc để cầm đi làm tin.

Nàng áo xanh sang đến miếu thờ thần Thuồng-luồng ở phủ Hồng-Châu, hỏi ra quả có bà họ Dương, hiện được phong làm Xương-Ấp phu-nhân, ở trong điện ngọc lưu ly, xung quanh có ao sen bao-bọc. Ở nơi khăn-mặt lược đầu, bà này được sùng-ái hơn hết các phòng khuê khác. Năm ngoái bà đã sinh được một trai.

Nàng cả mừng. Song lâu-dài trùng-diệp, không lối đưa tin, nàng do-dự đứng chân ở ngoài cổng. Vừa gặp tiết xuân tươi đẹp, tường-vi hoa nở đầy giàn, đỏ tựa ráng pha muôn điểm, kết lại trên đầu tường. Nàng giả-vờ như kẻ vô-ý-thức, vừa bẻ vừa rung.

Người canh cổng trông thấy, nổi giận hăm-hăm. Nàng vội đưa cành thoa bằng ngọc đứt-lót, nói rằng :

— Em tưởng đây là thứ cỏ tục hoa thường, không thông (bổ) gin-giữ, vô tình xúc-phạm, thực quả lỗi-lầm. Luống sợ tấm thân non-nớt, chịu sao cho nổi roi đòn. Xin bác cầm cành thoa này, đừng nạt chủ-nhân, gỡ khỏi mối lo đánh đập, thì ơn ấy kẻ sao cho xiết !

Người canh cổng theo lời, đem cành thoa vào dâng Dương-thị. Dương-thị ngắm-nghía hồi-lâu, giả vờ nổi giận gay-gắt :

— Con quái nào mà hỗn-láo thế ! dám vào bẻ nát giàn hồng-cầm của ta,

Đoạn, truyền trời nắng vào trong vườn ngân-hạnh. Chờ khi vắng-vẻ, Dương thị lên ra, cầm cánh thoa khóc mà bảo nàng rằng :

— Đây là vật cũ của Trịnh-Lang, chồng ta ! Có sao lại ở tay nàng ? Nàng nên nói thực cho ta rõ.

Nàng đáp :

— Đây chính thực là của Trịnh-lang giao cho thiếp, rồi nàng nói tiếp : nay Trịnh-lang đang ở nhà Bạch-Long hầu, vì việc phu-nhân mà bỏ ăn, quên ngủ, lại nhờ tiện-thiếp mật gọi mới chung-tình diệu-vội để trả món tương-tư nợ cũ.

Nói chưa dứt lời, thì con tiêu-hoàn vào báo thần Thuồng-luồng có lệnh vời. Dương-thị kinh-hãi, lật-dật trở ra. Sáng hôm sau, Dương-thị lại đến, an-cần úy-lạo hỏi-han, rồi trao cho nàng một bức thư viết trên mảnh giấy tiết-dào mà dặn rằng :

— Nàng về nói với Trịnh-lang cho ta rằng : người vợ xấu số ở bên trời xa thăm vẫn giữ tắc lòng khuyển-mã cùng chàng. Xin chàng cố lo-toan trăm kể, để cho : phụng lại trong mây, ngựa về trên ải (1), đừng để cho ta phải già đời ở chốn nước mây này.

(1) — Trong Văn- Uyên chép rằng : Quốc-Vương nước Vệ-La 衛 有 công-chúa tên gọi Phối-Anh 配 安 ở chung với chim Phượng. Chim Phượng thường lấy cánh quạt vào mặt nàng : mười hai năm sau nàng thụ thai. Vua rất lấy làm lạ, chém chết chim Phượng rồi sai đem táng ở gò Trường-Lâm 長 林. Sau công-chúa sinh con gái đặt tên là Hoàng-Phí. Một hôm công-chúa nhớ tới chim linh-phượng, bèn xa giá đến thăm gò Trường-Lâm, nàng hát một bài, chim Phượng sống lại, ôm nàng bay đi biến vào trong đám mây.

Sách Loại-tu chú : Trên quan-ải có người mất một con ngựa, vì nó chạy lạc sang bên rợ Hồ. Mấy tháng sau, con ngựa này lại trở về quan-ải và đưa thêm một con tuấn-mã bên rợ Hồ về nữa.

Bức thư của Dương-thị gửi cho Trịnh-lang như sau :

Nguyên văn :

1. 盟山誓海 嗔往事之已非 ;
扒雨接雲 笑此生之多誤 !
2. 江天萬里 ;
心事半箋 。
3. 重念妾 ;
跡甚股孤 ;
質慚媿媿 。
4. 自天作合 幸聽兩姓之歡 ;
同穴相期 忍負百年之約 。
5. 誰料變生 於一夜 ;
翻教影落 於重淵 。
6. 不能玉碎 而珠沈 ;
終見鶯狂 而燕貼 。
7. 妾衣裳 於鱗介 他見腥膻 ;
寄身世 於蚌蚶 漫延喘息 。
8. 含蕊似 海 ;
度日如 年 。
9. 誰知 梗斷 之 跡 ;
辱有 魚書 之 訪 。

10. 撫瑤叙而淚落；
對介使而心驚。
11. 一死幸偷動野草間花之感；
三生爲誓如皇天后土之臨。
12. 白壁未完；
黃金未贖。

Phiên âm :

1. *Mình sơn thế hải, ta vãng sự chi dĩ phi ;*
Bái vũ liêu vân, tếu thử sinh chi đa ngộ.
2. *Giang-thiên vạn lý ;*
Tâm-sự bán tiên.
3. *Trùng niệm thiếp ;*
Tích thạm khuê-cổ ;
Chất tâm uyển-văn.
4. *Tự thiên tác hợp, hạnh liến lưỡng tình chi hoan ;*
Đờng huyết tương kỳ, nhữn phụ bách niên chi ước.
5. *Thùy liêu diển sinh ư nhất dạ ;*
Phiến giáo ảnh lạc ư trùng uyển.
6. *Bất năng ngọc toái nhi châu trầm,*
Chung kiến oanh cường nhi yển điềm.
7. *Ủy y-thường ư lân-giới, bảo kiến tình-chiến ;*
Ký thân-thế ư phù-du mạn diên suyễn-lức,

8. *Hàm sừ tự hải ;
Độ nhật như niên.*
9. *Thùy tri ngạnh đoạn chi tung ;
Nhục hửu ngư-thư chi phổng.*
10. *Phủ dao-thoa nhi lệ lạc ;
Đối giới-sứ nhi tâm kính.*
11. *Nhất tử hạnh thâu, động dã-thảo nhàn-hoa chi cảm
Tam sinh vi thế. như hoàng-thiên hậu-thử chi làm.*
- 12 *Bạch-bích vị hoàn ;
Hoàng kim hạnh thực.*

Giải nghĩa :

1. Hẹn non thề biển, than cho việc trước đã làm ;
Bạt mưa vén gió, nực cười kiếp này còn lỡ mãi.
2. Nước trời muôn dặm ;
Tâm sự nửa tờ.
3. Lại nghĩ phận thiếp :
Gặp bước lạc-loài ;
Thèm thẹn thề-chất ẻo lả.
4. Tự trời tác hợp, đã may hai họ giao duyên ;
Cùng huyết hẹn-hò, nữ phụ trăm năm ước-hẹn.
5. Ai ngờ xảy tai biến trong một đêm ;
Xui nên bóng rơi vực thẳm.
6. Dù chẳng hay ngọc nát châu chìm ;
Cũng đã thấy oanh diên én đảo.
7. Bỏ áo-xiêm trong đám thường-luồng, đây mù tanh
trối

Gởi thần - thế vào bóng phù-du (1) kéo dài thêm
chút hơi tàn.

8. Ôm mối sầu tựa bề ;
Qua ngày chậm như năm.
9. Ai hay : tung-tích nhánh hoa trời nổi ;
Đề nhọc người đưa tin cá đến hỏi.
10. Vỗ-về thoa ngọc mà lệ rơi ;
Trông khách đưa tin mà lòng đau.
11. Một thác chưa rời, chút thân cỏ nội hoa bèn còn
cảm động ;
Ba sinh thề-thốt, như trời cao đất dầy soi tới.
12. Ngọc bích trắng chưa trả về (2) ;
Những mong đem vàng đến chuộc.

(1) — Phù-du là giống côn-trùng sống trên mặt nước, sớm nở
tối chết, ta thường gọi là con vờ.

(2) — Thời Chiến-Quốc, vua Triệu 趙 có ngọc quý. Tần Chiêu-
Tương Vương 秦昭襄王 biết, sai người qua Triệu hứa đem mười
lăm thành để đổi ngọc. Triệu sợ mất mà không được thành, còn nếu
không đem ngọc qua cho Tần lại sợ Tần thù. Vua Triệu đương
lưỡng-lự, Lạn-Tương-Như 蘭相如 thấy vậy xin đi và hứa với vua :
như khôngặng thành, thì sẽ đem ngọc về. Qua Tần, Tương-Như
đứng ngọc. Vua Tần xem xong bảo cất đi, không nói tới chuyện
đổi thành. Tương-Như bèn dùng mưu kể nói để vua Tần đem ngọc
ra cho mình chỉ vết. Nắm được ngọc trong tay, Tương-Như lại đứng
gần cột đá nói : « Chúa thần tin lời trong thư của Chúa-Công, trai-
giới năm ngày rồi mới giao ngọc cho thần đưa sang để đổi thành.
Bây giờ Chúa-Công cũng phải trai-giới năm ngày rồi bày đủ nghi-tiết
đặng nhận ngọc mới đúng phép. Nếu Chúa-Công không chịu làm như
vậy, thì kẻ hạ-thần liều chết đập ngọc này vào đá cho vỡ tan, quyết
không chịu giao ». Vua Tần không biết làm sao được, đành phải
bằng lòng. Tương-như về chỗ ngu, cho người giả làm hành-khất
đem ngọc về Triệu. (Thành-Ngữ Điền-Tích).

Dịch ra văn tứ-lục (1).

1. Non thề biển hẹn, nghĩ ngàn cho việc trước lữ-lâm ;
Mưa dấp, mây đờn, nực cười nổi kiếp này dang-dở.
2. Nước mây muốn dậm ;
Gan ruột mấy hàng.
3. Thiếp nghĩ mình :
Xót phận lạc-loài ;
Tủ thân là lướt
4. Tự trời tác-hợp, đã may đôi lứa giao-hoan ;
Cùng huyệt hẹn-hò, giám phụ trăm năm ước-nguyện.
5. Ai biết : Canh khuya biển xây ;
Xui nên : Vực thâm bóng chìm
6. Dầu chẳng hay ngọc nát châu trầm ;
Ấu đành chịu oanh rầu én héo.

(1) Tứ-Lục là một lối văn không có vần, nhưng đối nhau thành từng đôi một, nên còn gọi là Biền-Ngẫu. Văn Tứ-Lục có từ đời Lục-Triều, đời Đường đã dùng nhiều, từ đời Tống trở đi lại càng thịnh-hành hơn. Và cũng từ đời Tống mới đặt ra có niêm ở chữ cuối-cùng mỗi câu hay mỗi đoạn. Nếu làm không theo thể-lệ này thì gọi là thất-niêm. Phép đặt câu thi cứ từng đoạn bốn chữ và sáu chữ xen nhau, cho nên gọi là Tứ-Lục. Tuy nhiên, để nghe khỏi chán tai, nhà làm văn không câu-nệ về hạn định số chữ, nên thường đặt cả « bát-tự » (mỗi vế bốn chữ) ; « song-quan » (mỗi vế là một đoạn nhiều hơn bốn chữ) ; « cách-cú » (mỗi vế có hai đoạn) và « hạc-tất » (mỗi vế có nhiều đoạn).

Văn Tứ-Lục đọc thật kêu, thật mạnh-mẽ, nên phàm những lối văn đề tuyên đọc như chiếu, cáo, biểu, trường.. đều đặt theo lối tứ-lục. (Quốc-Văn Cụ-Thể).

Văn-Chương Việt-Nam, lối Tứ-Lục cũng được thông-dụng.

7. *Gởi xiêm-áo vào nơi hà-giải, mùi sắc tanh-nhơ ;
Bỏ tấm-thân trong cũi phù-du, hơi còn thoi-thóp*
8. *Thăm sâu tựa bề ;
Ngày chậm như năm.*
9. *Ai ngờ một nhanh hoa trôi ;
Luống thẹn còn tin cá lại.*
10. *Cầm thoa ngọc đôi hàng lụy nhỏ ;
Trông sứ-nhân mấy khúc lòng đau.*
11. *Một thác chưa rời, cỏ nội hoa hèn bịn-rịn ;
Ba sinh còn nặng, trời cao đất rộng xét-soi.*
12. *Ngọc trắng chưa về ;
Tiền vàng mong chuộc.*

Nàng áo xanh trở về phục mệnh Long-Hầu bảo
Trịnh rằng :

— Việc này có thể thành công được đấy.

Rồi cùng nhau xuống bể nam, đến một tòa thành lớn.
Hầu vào trước, bảo Trịnh hãy ở ngoài cửa thành đợi chỉ.
Mới trong khoảnh-khắc đã thấy có người ra dẫn Trịnh vào
trước điện. Long-Vương mặc áo tinh-hồng, thắt đai
ly-châu, quần thần chắp tay đứng hầu không biết bao
nhiều mà kể.

Trịnh quý mọp tâu bày nỗi bi-ai, lời lẽ cực kỳ thống-
thiết. Vua ngánh mặt nhìn một viên quan ở tả-ban, giục
thảo trát bắt, rồi thấy hai tên lính vọt lên không ra đi.
Chừng nửa ngày, áp giải về một người đàn ông thân-thê
đầy đà, mũ đỏ mặt đen, râu rậm tua-tủa mà cứng-nhắc,
vào sân phủ-phục.

Đức vua mắng rằng :

— Tước không ban nhằm, chỉ dành cho kẻ công-lao ; hình chẳng gia càn, cốt để trị phường gian-quyệt. Thấy mi trước có công-lao, nên đặt mi vào chức ty-trưởng một địa-phương để che-chở nhân-dân, sao mi dỏ thói dâm-tà, ngang-ngược. Như thế là mi chống đỡ tai-vạ cho dân đó ư ?

Người ấy tâu :

— Y trên trần-thế ; thần dưới thủy-cung. Đường lối hoàn-toàn cách-biệt, sao lại liên-quan đến nhau được ? Vậy mà y dìm dốt tâu vu để hãm hại người vô tội. Nếu Bệ-hạ nghe tà-thuyết của y thì triều-đình bị người lừa-dối mà tiêu-thần chịu tội mập-mờ, tưởng không phải sự yên trên vẹn dưới vậy.

Hai bên lời qua tiếng lại, vẫn chưa thể làm cho người đó nhận tội. Đức vua cũng còn hồ-nghĩ, khó bề định-đoạt.

Bạch-Long-hầu đứng bên sẽ ri tai bảo Trịnh rằng :

— Chi bằng khai rõ họ tên Dương-thị xin bắt đến đối-chất.

Trịnh theo lời, tâu lên. Quả nhiên đức vua cho đi bắt. Ngày đã xế chiều (khoảng giờ thâu) lại thấy hai tên lính dẫn một mỹ-nhân, yêu-kiểu tha-thướt từ phương đông lại.

Đức Vua phán hỏi :

— Chồng ngươi đâu ?

Dương-thị tâu :

— Người mặc áo xanh kia là chồng thiếp, kẻ đội mũ đỏ là thù. Đạo trước thiếp chẳng may bị con yêu đó bắt đi, trải ba năm trời nay. Nếu không nhờ được vàng thái-dương soi tới, thì chút hồn tàn thân nát này sẽ phải chịu như-nhuốc trọn đời, còn bao giờ thò mặt ra được nữa.

Đức Vua cả giận quát :

— Không ngờ thằng giặc hoạt-dầu này lại gian-ngoan đến thế. Trong kỷ-phận đã ngấm-ngâm dâm-dật ; ngoài công-đình còn xoen-xoét khi-man. Mì đã nhẫn tâm làm việc đó, thì đem xử-tử chẳng đáng tiếc chi !

Lúc đó có người mặc áo bào xanh, hiệu là chính-bình lục-sự, tâu rằng :

Nguyên văn :

臣聞

1. 徇私而賞賞也不公 ;
當怒而刑刑之必濫 。
2. 屈伸異狀 ;
斟酌為宜 。
3. 被 : 以爪牙之才 ;
任藩籬之寄 。
4. 固是孽由己作 ;
其如德在民何 。
5. 有罪當刑雖己甘於萬死 ;
以功準過尚可望於全生 。

6. 願寬赤族之誅 ;
薄示黑都之誦 。

Phiên âm :

Thần văn :

1. *Tuần tư nhi thưởng, thưởng dã bất công ;
Đương nô nhi hình, hình chi tất lạm.*
2. *Khuất-thân dị trạng ;
Châm-chước vị nghi.*
3. *Bị : Dĩ trảo-nha chi tài ;
Nhiệm phiên-ly chi ký*
4. *Cố thị nghiệt do kỳ tác ;
Kỳ như đức tại dân hà ?*
5. *Hữu tội đương hình, tuy dĩ cam ư vạn tử ;
Dĩ công chuẩn quá, thưởng khả vọng ư toàn sinh.*
6. *Nguyện khoan xích-tộc chi tru ;
Bạc thị hắc-đô chi trích.*

Giải nghĩa :

Tôi nghe rằng :

1. Theo tình riêng mà ban thưởng, thưởng đó bất công ;
Đang lúc giận mà kết tội, tội đó tất quá nặng.
2. Tình trạng co duỗi khác nhau ;
Nên phải có điều châm-chước.

3. Y đã có tài là nhanh là vuốt,
Giao trách-nhiệm làm phèn làm giậu.
4. Đánh rằng y đã làm nên tội nghiệt ;
Nhưng còn có công-dức với dân thì sao ?
5. Có tội tất phải gia hình, tuy đã cam bề muôn thác ;
Đem công mà chuộc lỗi, còn có thể mong cho **đặng**
toàn sinh.
6. Xin khoan miễn cho tội tru-lục cả họ ;
Giảm nhẹ bắt giam vào ngục tối.

Dịch ra văn Tứ-lục :

Thần trộm nghe :

1. Vì linh riêng mà ban thưởng, thưởng đó không công ;
Đương lúc giận mà gia hình, hình này tất nặng.
 2. Tình-trạng thường co-duỗi ;
Thi-hành phải dẫn-do.
 3. Xét gữ đã :
Có đủ tài là vuốt là nhanh ;
Giao trách-nhiệm làm phèn làm giậu.
 4. Dù gữ gây nên nghiệt-chướng ;
Song dân chịu chút công-án.
 5. Có tội phải gia-hình, tuy đã cam bề vạn tử ;
Đem công mà chuộc lỗi, cũng nên cho **đặng** **toàn sinh.**
 6. Khoan điều giết cả họ đồng ;
Giảm án đầy trong ngục tối.
- Đức vua khen phải, rồi luận tội như sau :

Nguyễn văn :

蓋聞：

1. 人生如逆旅，然往者過而來者續；
天道無毫髮，爽福其善而禍其淫。
2. 條理甚明；
古今一律。
3. 今汝：
狽由勳闕；
濫守方隅。
4. 固宜揚赫赫之靈，普施龍德；
胡乃恣厥厥之欲，自效蛇淫。
5. 念妖邪愈日而愈滋；
在憲典不容而不舉。
6. 嗚呼！
攘非己之有淫，非己之色，既逞昏迷；
犯罔赦之罪，加罔赦之條，用懲姦惡。
7. 彼楊氏者！
疵雖可指；
情亦堪憐。
8. 身宜反於前夫；
子合還於後父。

9. 判文既具，
主者奉行。

Phiên âm :

Cái văn :

1. Nhân sinh như nghịch lý nhiên, vãng giả quá
nhi lai giả tục ;
Phiên-đạo vô hào phát sáng, phúc kỳ thiện nhi
họa kỳ dâm.
2. Điều lý thậm minh ;
Cờ kim nhất luật.
3. Kim như :
Ỗi do huân phiệt ;
Lạm thủ phương ngung.
4. Cổ nghi dương hách hách chi linh, phở thi long đưc ;
Hồ nãi tứ yêm-yêm chi dục, tỵ hiệụ xà dâm.
5. Niệụ yêụ-tà dũ nhậụ nhi dũ tư ;
Tạị hiểụ-điểụ bất dũng nhi bất cử.
6. Ô hó !
Nhượng phi kỹ chi hữụ, dâm phi kỹ chi sắc,
kỹ sinh hỏn-mê ;
Phạm vớng xá chi tội, gia vớng xá chi điểụ, dũng
trừng glan-ác.
7. Bỉ Dương-thị giả !
Tỷ tụy khả chỉ ;
Tĩnh điệụ kham liảh.
8. Thân nghi phản ư tiểụn-phụ ;
Tử hợụ hoàn ư hậụ-phụ.
9. Phản vãn kỹ cụ,
Chủ giểụ phụng hành.

Giải nghĩa :

Mãng nghe :

1. Kiếp người như khách trọ vậy, người trước đã ra đi mà kẻ sau tiếp đến;
Đạo trời soi tóc không sai, người lành được phúc mà kẻ ác phải chịu tai họa.
2. Phép tắc rất rõ;
Xưa nay một lẽ.
3. Nay người :
Phận hèn bởi có công lao;
Lạm được giữ một bờ cõi.
4. Lẽ nên hiền oai-linh chói-lọi, khắp ra đức-độ
loài rồng (1);
Sao lại đem lòng tà dục vô độ, bắt chước giống rắn
đám ó (2).

(1) — Trong bói dịch 易 quẻ Kiền 乾 CỬU-NHỊ, 九二 thấy rồng ở ngoài ruộng là điềm hay, dân-gian đều được phước lành.

(2) — Sách Thái-Bình Quảng-Ký 太平廣記 chép rằng: Tiết-Trọng 薛重 làm việc ở Cối-Kê (Chiết-Giang 浙江 được nghỉ về quê, đến đêm mới tới nhà. Trọng thấy cửa đóng, lắng nghe trên giường vợ có tiếng đàn ông ngáy. Chàng gọi vợ, hỏi lâu, vợ tỉnh dậy ở trên giường bước xuống đi ra. Cửa chưa mở, Trọng cầm dao hỏi vợ: ai nằm ngáy trong giường? — Vợ rất đổi kinh-ngạc nói: Có ai đâu? Lúc vào nhà, tìm không thấy gì, duy có một con rắn nép mình ở dưới chân giường. Trọng chém đứt ra từng khúc, đem vứt xuống lạch sau nhà. Hôm sau vợ Trọng chết, mấy bữa sau, Trọng cũng chết nốt. Rồi sau cả hai vợ chồng lại sống lại thuật chuyện rằng: Lúc họ mới chết, có người đến gõ cửa cầm cả tay chân đem đến một nơi, có ông quan hỏi Trọng rằng: Tại sao mi lại giết người? — Trọng thưa: Thực không có việc đó. — Quan lại hỏi: Thế thì mi chặt ra từng khúc vứt ở lạch sau nhà là vật gì? — Trọng thưa: Tôi chỉ có chặt một con rắn mà thôi. Ông quan kinh-ngạc nói: À! thế ra cho nó làm thần, nó đã đi hiệp đảm vợ người lại còn cáo-tố người. Đoạn sai tả hữu đi bắt về một người, quấn khăn bịt tóc, tra hỏi ra về tội đảm tà rồi truyền đem giam vào ngục.

5. Thói yêu-tà càng ngày lại càng quá,
Nơi luật phép không thể không thi hành.
6. Than ôi !
Sang đoạt của người, gian-dâm vợ người, đà cần
dỡ lối tằm ;
Phạm vào tội không thể miên-thứ, chiếu điều luật
không thể khoan dung, để răn kẻ gian-ác.
7. Còn Dương-thị kia :
Lỗi dù đáng trách,
Tình cũng nên thương.
8. Thân kia cho về với chồng trước ;
Con nọ phải trả về cha sau.
9. Lời phê-phán đã đầy đủ,
Phải lập-tức tuân hành.

Dịch ra văn tứ-lục :

Trẫm nghe rằng :

1. Cuộc nhân-thế xem bằng khách trọ, kẻ sau đến ở
khi kẻ trước đã ra đi ;
Đạo thiên-công không sót tơ hào, người ác mang
tai mà người lành hưởng phúc.
2. Điền-chương đã rõ ;
Kim cở như in.
3. Nay nhà người :
Phận hèn từng góp công-lao ;
Chức lạm giữ riêng bờ-cõi.

4. *Lẽ ra hiền oai-linh chói lợi, rộng mở đức rồng ;
Lại làm càn : cuồng dục mê-man, theo đòi nết rắn.*
5. *Ngày càng tác-tệ, quen rở thói yêu-là ;
Luật chẳng khoan-dung, phải chiếu điều trừng-trị.*
6. *Của ai cùng vợ, vợ người dùm hiệp, đã xiết nỗi
mê cuồng ;
Tội làm quá nặng, luật quyết không tha, đề trị
quân gian-ác.*
7. *Còn Dương-thị kia :
Ngọc tuy có vết,
Tình cũng nên thương.*
8. *Gái kia về với chồng xưa,
Con nợ trả cho bố ghẻ.*
9. *Án văn đã phán-quyết,
Phụng chỉ kịp thi-hành.*

Nghe phán xong, thần Thường-luồng lui-thủi đi ra, Tả-hữu cũng đưa mắt cho Trịnh bảo lui về.

Bạch-Long-Hầu mở tiệc rượu khoản-dãi và lấy sừng tê-hoa, ngọc đồi-mồi tặng Trịnh.

Vợ chồng Trịnh lấy tạ Bạch-Long-Hầu rồi đưa nhau về nhà, kể hết gốc ngọn, ai cũng vui mừng thấy Trịnh phu-nhân lại được trở về, và cho là một câu chuyện rất ly-kỳ.

Sau Trịnh có việc đến Hồng-Châu, lại thăm chỗ miếu cũ thì thấy tường miếu vách nát, bia gãy rêu mờ, chỉ còn cây gạo trở bông bay phất-phơ dưới ánh tà-dương. Trịnh hỏi thì các bo-lão kể rằng :

— Trước đây một năm, một hôm giữa ban ngày trời không mây mà đổ mưa lớn, nước sông dâng lên đầy-dẫy. Có một con rắn dài mười trượng, vảy biếc, mào đỏ, ngoi lên mặt nước đi trước, chạy về phía bắc, có tới hơn trăm rắn nhỏ theo sau. Từ đó miếu thờ không hiển linh nữa. Bấm đốt tay tính lại thì ngày ấy đúng vào ngày Trịnh kiện. Ôi ! thật là kỳ-dị thay !

PHẦN BÌNH-LUẬN

Than ôi ! Chống được ách lớn thì thờ, ngăn được nạn lớn thì thờ, đó là phép cúng tế.

Những vị đã được hưởng tế-tự, phải giữ tiếng thơm, nhớ điều nghĩa cả. Có lý đâu hãm-hưởng việc phụng-tự của người mà lại gây tai-họa cho người bao giờ !

Thế mà cái tội của vị thần Thường-luồng chỉ phải đầy thối, Quảng-Lợi vương (vua Thủy-Tề) dựng hình chưa được xác-đáng vậy. Phải làm như Hứa-Tốn 許 遜, Thứ-Phi 次 飛 (5), mới khiến cho người ta hả dạ được. Cho nên Địch Nhân-Kiệt 狄 仁 傑, khi làm Tuần-Phủ Hà Nam, tâu xin hủy một ngàn bảy trăm miếu thờ đăm thần là phải lắm.

(5) — Đòi nhà Tấn 晉, có Hứa-Tốn, người huyện Nam-Xương 南昌 trước làm quan-lệnh ở Tinh-Dương 荊 陽, sau từ quan, học được pháp-thuật, chém rắn và giết thường-luồng trừ hại cho dân. Đến năm Khang-Ninh 康 寧 thứ 2 (374) Hứa Tốn đã 130 tuổi, cùng cả nhà bay lên trời. Sau nhà Tống phong sắc thần là « Thần-Công Diệu-Tế Chân-Quần » (theo sách Thượng-hữu-lực).

Thứ-Phi là một tay dũng-sĩ đất Kinh về đời nhà Chu, giỏi kiếm-thuật. Một lần đi thuyền có hai con thường-luồng kèm hai bên thuyền. Phi rút gươm nhảy xuống sông chém chết cả hai, cả thuyền được yên-ôn. Kinh-Vương nghe tiếng vội đến dùng làm chức quan Chấp-khuê.

Truyện Đới tụng dưới Long-cung



(Tranh Nguyễn-Ứng)

陶氏業完記

ĐÀO-THỊ NGHIỆP-OAN KÝ

TRUYỆN NGHIỆP-OAN CỦA ĐÀO-THỊ

Ở phủ Từ-Sơn 慈山 (Bắc-Ninh), có người danh-kỹ tên là Đào-Thị, tiểu-tự Hàn-Than 寒灘 đã sành điệu hát lại giỏi nghề văn. Năm Thiệu-Phong 紹豐 thứ 5 (1345) đời Trần, nàng được tuyển vào nội-cung, để hàng ngày thi-phụng nhà vua trên tiệc rượu hay trong chiếu bạc.

Một hôm vua gióng thuyền phỉm-du trên sông Nhị. Khi xuống đến bến Đông-Bộ-Đầu 東步頭, vua cất giọng ngâm câu :

Nguyên văn :

霧 翳 鐘 聲 小
沙 平 樹 影 長

Các quan chưa ai kịp ngâm tiếp, Đào thị ứng khẩu đọc luôn :

寒 灘 魚 吸 月
古 壘 鴈 鳴 霜

Phiên âm :

Vụ ể chung thanh tiểu,
Sa bình thụ ảnh trường.
Hàn-than ngư hấp nguyệt.
Cổ-lũy nhạn minh sương.

Giải nghĩa :

Mù tỏa tiếng chuông nhỏ,
Bãi cát bằng bóng cây dài.
Bến lạnh cá đớp trăng,
Thành cũ nhận kêu sương.

Dịch ra văn vần :

*Chuông kêu nhỏ lại trong mù tỏa,
Cây bóng dài thêm chốn bãi bằng.
Bến lạnh cá kia chồm bóng nguyệt;
Thành xưa nhận nọ thét sương băng.*

Vua khen ngợi mãi, nhân đó gọi nàng là ả Hàn-Than.

Vua Dụ-tôn 裕宗 (Thiệu-Phong) mất, nàng phải thái ra ở ngoài thành, thường đi lại nhà quan hành-khiển Ngụy Nhược-Chân 魏若真 : Ngụy phu-nhân không có con mà tính lại hay ghen, ngờ nàng có tư-tình với chồng, bắt nàng đánh đập rất tàn-nhẫn. Nàng căm-giận vô cùng, đem bán đồ trang-sức quý giá đi lấy tiền thuê thích-khách vào nhà Nhược-Chân trả thù. Nhưng thích-khách vào lại bị người nhà bắt được, y xưng ra Hàn-Than.

Hàn-Than cả sợ, vội cạo đầu, mặc đồ nâu sồng, trốn lên tu ở chùa Phật-Tịch 佛跡, (chùa Thầy), Sơn-Tây. Mới được vài tháng mà đã lâu-thông kinh-kệ. Nàng dựng am cư-tĩnh, hội-họp thi-khách đề xin một bài bằng-văn. Lúc đó, trong làng có một cậu bé mới 14, 15 tuổi cũng đến. Hàn Than khinh cậu còn nhỏ nói đùa rằng :

— Em nhỏ kia cũng làm văn được à ? Vạy thử làm cho tôi coi nào !

Câu bé tuyệt không tỏ vẻ giận-dối, lui ra hỏi dò được gốc-tích Hàn-Thanh, rồi làm bài văn như sau :

Nguyên văn :

蓋聞：

1. 佛本慈悲其名曰覺，
人能清淨即偽成真。
2. 能修法界津梁；
便是叢林宗主。
3. 敬惟佛跡山庵主陶氏：
名逃樂籍；頂禮梵王。
4. 桃口柳腰掉舌際纒按閩梁州幾曲；
慈雲慧日擡頭問己皈依兜率諸天。
5. 裙拋湘水層層；
髮落楚雲段段。
6. 夢裡無端觸景半枕遊像，
風前何處撩人數腔短笛。
7. 歌院不如僧院靜；
衲衣絕勝舞衣涼。
8. 水掬曹溪猶分窺鏡影；
夜宣貝葉尚作繞梁聲。
9. 雖云禪定忘機；
叵奈狂心被酒。

10. 足不向尋陽送客；
身却來杭郡參禪。
11. 五陵兒拋錦纏頭追隨未已；
三生客結蓮花社招引何頻。
12. 噫：
鐘殘茶歇無餘事；
好向山房一打眠。

Phiên âm :

Cái văn :

1. Phật bản từ-bi, kỳ danh viết Giác,
Nhân năng thanh-lĩnh, tức nguy thành chân.
2. Năng tu pháp-giới tẩn-lương;
Tiện thị tụng-lâm tống-chủ.
3. Kính duy : Phật-tịch sơn am-chủ Đào-thị ;
Danh đào nhạc-tịch ;
Đình lễ Phạm-Vương.
4. Đào khẩu liễu yểu, trạo thiết lễ tài án duyệt
Lương-châu kỷ khúc ;
Từ văn tuệ nhật, dài đầu gian dĩ quy y Đâu-
suất chư thiên.
5. Quần phao Tương-thủy tăng tăng ;
Mấn lạc Sở-vân đoạn đoạn.
6. Mộng lý vô đoan xúc cảnh, bán chàm du-tiền.
Phong tiền hà xứ liễu nhân, sở xoang đoản dịch

7. *Ca-viên bất như tăng-viên tình ;
Nạp-y tuyệt thắng vũ-y lương.*
8. *Thủ cục Lào-khê, do phàn khuy kinh ảnh ;
Dạ luyện bối điệp ; thượng tác nhiều lương thanh.*
9. *Tuy vân thiền định vong cơ ;
Phả nại cường tâm bị tửu*
10. *Túc bất hướng Tâm-dương tổng khách ;
Thần khước lai Hàng-Quận tham thiền.*
11. *Ngũ-lãng nhi « phao cầm chiến đầu », truy-tùy
vị dĩ ;
Tam-sinh khách « kết Liên-hoa xã », chiêu dân
hà tần.*
12. *Y ;
Chung tân trà yết vô dư sự ;
Hảo hương sơn-phòng nhất đả miên.*

Giải nghĩa :

Mảng nghe :

1. Đức Phật vốn từ-bi, mang tên là GIÁC (1) ;
Người nào có thể giữ mình thanh-tịch (2), sẽ đời
đối ra thực được.

(1) - Người Trung-Hoa gọi Phật là GIÁC, ý nói giác-ngộ cho chúng sinh vậy (Theo Thư-Ngôn 佛言).

(2) - Thanh-tịch là nơi trong sạch, phẳng-lặng, không bị ngoại cảnh làm xao động tâm can.

2. Ai hay sửa câu đò trong cỡi Phép (1) ;
Mới nên tôn-chủ chốn Tùng-lâm (2)
3. Kính vì : Trên non Phật-Tịch, am-chủ họ Đào :
Tên trốn khỏi sở ca-nhạc,
Cúi đầu làm lễ Phạm-Vương (3)
4. Miệng anh-đào, lưng dương-liễu (4), uốn lưỡi vừa
duyet lại mấy khúc hát Lương-Châu (5) ;
Mây lành trời sáng (6), lúc ngừng đầu đã quy-y (7)
trên từng trời Đâu-Suất (8).

(1)— Kinh Kim-Cương 金剛 nói rằng theo trong Pháp-Giới thì những thứ như mắt trông thấy, tai nghe thấy, mũi ngửi thấy, lưỡi nếm thấy, mình cảm thấy, nhất-thiết là không cả. Có thể thì tâm mới khoáng-đãng thanh-tĩnh được. Câu này ý nói người tu-hành phải tìm đường lối đi tới chỗ thanh tâm.

(2)— Tùng-lâm : rừng rậm. Ngày xưa các nhà tu thường hội-họp ở nơi rừng rậm để học hỏi hay để giảng kinh cho được tĩnh-mịch, nên về sau chỗ hội-họp của các sư-tăng gọi là Tùng-lâm.

(3)— Phạm-Vương là cửa Phật, cũng có người đọc là Phạn.

(4)— Thư-Ngôn 書言 chú : Bạch Lạc-Thiên 白樂天 có hai người thiếp : Một là Phàn-Tổ, miệng như đóa anh-đào, hát rất hay ; một nàng là Tiều-Man, lưng mềm như cành dương-liễu. Bạch có câu rằng : « Anh-đào Phàn-Tổ khâu, dương-hiếu Tiều-Man yêu 櫻桃美素口, 楊柳小蠻腰 »

(5)— Sách Quần-Ngọc chú : Khoảng niên-hiệu Thiên-Bảo 天寶 đời Đường (742-755), các điệu hát đều lấy tên các đất ngoài biên-cương như Lương-Châu, Cam-Châu 甘州 Y-Châu 伊州 v.. v..

(6)— Sách Quần-Ngọc chú : Đức Phật Như-Lai 如來 có lòng lành như lớp mây che rợp cả thiên-hạ.

(7)— Qui-y là gốc lòng tin theo phép nhà Phật. Nhà Phật có ba phép qui-y : Qui-y Phật, qui-y Pháp, qui-y Tăng, gọi là Tam-Quy 三皈.

(8)— Sách Thiên-Hạ Di-Ký 天下異記 nói cảnh-giới nhà Phật ở một từng trời gọi là « Đâu-Suất 兜率 », từng này ở trên 33 từng trời.

5. Quần bỏ sông Tương mấy lớp,

Tóc xanh như mây Sở roi từng đoạn (1)

6. Trong cơn mê bỗng nhiên thấy nhiều cảnh lạ, khác
nào tựa gối du-tiên ; (2)

Gheo người tiếng gió nơi nao, nghe như điệu sáo
ngẩn (3).

7. Phòng ca không tỉnh-mịch bằng phòng tống ;

Áo cà-sa mát hơn áo mùa nhiều.

8. Vốc nước khe Tào (4), còn tưởng nhìn bóng trong
gương ;

(1)— Quần trong sạch như nước sông Tương, tóc xanh như mây Sở. Trong bài Sở Vu-Sơn Mỹ-Nhân thi 楚巫山美人詩 có câu : Quần phao lục bức Tiêu-Tương thủy, mấn ủng Vu-Sơn nhất đoạn vân 裙拋六幅瀟湘水, 髻擁巫山一段雲. Nghĩa là : Quần sáu bức dòng Tương-thủy, tóc giúp non Vu một đám mây. (Loại Tự 類聚). Tiêu-Tương là chỗ sông Tiêu và sông Tương hiệp lại trong tỉnh Hồ-Nam (Thành-ngữ điển-tích).

(2)— Sách Thi-Học Đại-Thành 詩學大成 nói : Niên-hiệu Khai-Nguyên đời Đường 唐開元 (713-755), Vua nước Cưu-Tur 龜茲 (một nước ở tây-vực thuộc tỉnh Tân-Cương 新疆 bây giờ), đem tiến Đường-Vương một thứ gối, hễ đem gối đầu ngủ là mơ thấy củ mười châu, ba đảo. Nhân đó, nhà vua gọi là « du-tiên chằm » 遊仙枕

(3)— Đây ví gió thu như tiếng địch ngẩn. Bài thu-thanh-thi 秋聲詩 có câu : Phong tiền hà xứ hàn-châm thiết, nguyệt hạ hà nhân oán 風前何處寒砧切, 月下誰人短笛秋. Nghĩa là : Trước gió tiếng mau chày đập vải ; dưới trăng ai thổi sáo trời thu ?

(4)— Niên-hiệu Thiên-Giám 天監 đời Lương (502-526) có vị cao-tăng là Trí Dực 智藥 từ nước Thiên-Trúc 天竺 sang Tàu, thuyền đến Tào-Kê, ở Thiệu-Châu 韶州 thoáng thấy mùi thơm nước nếm, rồi bảo ở thượng-lưu dòng nước này có chỗ thắng-địa. Bèn mở núi làm chùa gọi là Bảo-Lâm 寶林

Đêm tụng kinh lá bối (1), lại ngò tiếng hát còn
vang trên nóc (2)

9. Miệng dẫu rằng tu theo phép thiên-định vong-cơ (3)
Lòng chưa bỏ được nét cuồng-dục say sưa

10. Chân chẳng đến bến Tầm-Dương tiễn khách (4)
Minh lại vào chùa Hàng-Quận tu-hành (5)

11. Trẻ Ngũ-Lăng (6) ném găm quàng đầu (7), vẫn
còn theo đuổi ;

(1)— Lá bối tức là lá một thứ chuối tiêu, dài 6 thước. Bên tây-
vực thường dùng thứ lá này để viết kinh (theo Đường-Thi).

(2)— Hàn-Nga 韓俄 sang Tề 齊 đi qua cửa Ung 雍 thì hết lương,
phải hát rong kiếm tiền ăn ; lúc đi rồi mà dư âm còn văng-vẳng
trên nóc nhà ba ngày không dứt.

(3)— Nhà Phật nói phép Thiên-Định là phép tu chuyên tâm chú
ý vào một cõi, một lòng tin-tưởng vào diệu-lý. Đã là nhà sư, nên tu
theo phép Thiên-Định (Tứ-Nguyên)

Vong-Cơ : quên hết chân-tình, không còn lo cơ-mưu tranh giành
với đời.

(4)— Truyện người ca-kỹ giỏi đàn tỳ-bà, lúc về già lấy người lái
buôn, đỗ thuyền ở bến Tầm-Dương (nay thuộc Cửu-Giang 九江
tỉnh Giang-Tây 江西). Ông Bạch-Lạc-Thiên đến bến ấy tiễn khách
nghe tiếng đàn tỳ-bà, mời đến rồi bảo gảy đàn để khách nghe (Tiêu-
Anh 標英).

(5)— Sách Thượng-Hữu-Lục chú : ở ca-kỹ ở Tây-Hồ thuộc đất
Hàng-Châu 杭州, tên là Cầm-Thảo 琴操, một lần tiếp nhà thi-sĩ
Tô-Hồng-Pha 蘇東坡, nghe ông đọc câu thơ : Môn ngoài lạnh-lạc
yên-mã hi, lối-dại giá tác thương-nhân phụ 門外冷落鞍馬稀, 老
大嫁作商人婦. Nghĩa là : ngoài cửa lạnh-lùng xe ngựa vắng. tuổi
già duyên kết chú phượng buồn. Cầm-Thảo tỉnh ngộ bèn cắt tóc đi tu,

(6)— Sách Quán-Ngọc chú : Năm vị vua nhà Hán : Trường-Lăng
長陵 (Cao - Đế) ; An - Lăng 安陵 (Huệ - Đế) ; Dương - Lăng 陽陵
(Cảnh - Đế) ; Mậu-Lăng 茂陵 (Vũ - Đế) ; Bình-Lăng 平陵 (Chiêu - Đế)
gọi là Ngũ-Lăng. Sau gọi những người hào-phú là Ngũ-Lăng-nhi (trẻ
Ngũ-Lăng).

(7)— Đời Đường có tục lấy găm quàng lên đầu con hát để thưởng
gọi là « phao cầm-chiến-đầu ».

Khách ba-sinh (1) họp Liên-Hoa xã, đón-rước bao
sự tần-phiền (2)

12. Ôi ! Canh tàn trà cạn, không còn việc gì nữa.
Tốt hơn là về sơn-phòng làm một giấc ngủ.

Dịch ra văn Tứ-lục :

Mảng nghe :

1. *Phật vốn từ-bi, mang danh là Giác ;
Người mà thanh-lịnh, đòi giả ra chân.*
2. *Muốn nên tôn-chủ chốn Tùng-lâm ;
Phải sửa cầu-đò trong Pháp giới.*
3. *Kính vì : trên non Phật-tích, am-chủ họ Đào :
Rút tên khỏi làng ca-nhạc ;
Khẩu đầu làm lễ Phạm-Vương.*

(1)— Sách Quần-Ngọc chú : Tĩnh-Lang 省郎 tới chơi chùa Nam-Huê 南花, nằm chơi rồi ngủ quên đi, bỗng chiêm-bao thấy mình đi chơi non Bằng, gặp một nhà Sư ngồi niệm kinh, trước mặt có thắp một cây hương còn đương cháy. Tĩnh-Lang hỏi thì nhà Sư đáp : « Khi trước có một người đi cúng chùa thắp cây nhang này khẩn nguyện, nhang hãy còn cháy mà người ấy đã sang ba kiếp rồi. Kiếp đầu vào đời Đường Huyền-Tôn (712-755), làm quan Phủ-Sứ ở đất Kiếm-Nam ; kiếp thứ hai vào đời vua Đường Hiến-Tôn (806-820), làm quan đất Tây-Thục 西蜀 ; kiếp thứ ba, sanh ra tên là Tĩnh-Lang ». Tĩnh-Lang nghe tên mình, giật mình thức dậy, nửa tin nửa ngờ. (Thành-Ngũ Điện-Tích).

(2)— Thầy chùa Huệ-Viễn 惠遠 đời Tấn cùng các bạn tu 18 người hội lại gọi là « Liên-Hoa-Xã », viết thơ mời Đào-Uyên-Minh 陶淵明 đến dự. Uyên-Minh bảo có cho uống rượu mới đến. Viễn nhận lời. Nhưng khi Uyên-Minh đến lại không có rượu, ông không bằng lòng, cau mày bỏ đi.

4. *Môi thắm lưng mềm, uốn lưỡi mấy khúc Lương-Châu vừa réo-rắt ;*
Mây lành trời sáng, ngừng mặt bao từng Đâu-suất đã qui-y
5. *Dòng Tương, quần bỏ lần lần ;*
Mây Sở, tóc rơi lả-tả.
6. *Xác cảnh con mè nào biết, dường như tựa gối du-tiên ;*
Gheo người tiếng gió nơi đâu, tựa thề nghe xoang đoản-địch.
7. *Áo Phật nhẹ-nhàng hơn áo mùa ;*
Phòng Tăng vắng-vẻ khác phòng ca.
8. *Vốc nước khe Tào, vẫn ngõ trong gương bóng rọi ;*
Tụng-kinh lá Bối, còn ngờ trên nóc âm vang.
9. *Miếng tuy đã bén hơi thiền ;*
Lòng vẫn còn say nết tục.
10. *Chân chẳng tới Tầm-dương tiễn khách,*
Mình lại vào Hàng-quận tham thiền.
11. *Trẻ Ngũ-lăng tung « cầm-chiền-đầu », vẫn còn đeo-đẳng ;*
Khách Ba-sinh mở « Liên-hoa-xã », phải ráng chào mời.
12. *Ôi !*
Chuong tàn trà cạn, ngời chi nữa ?
Về chốn sơn-phòng ngủ quách thối.

Làm bằng-văn xong, cậu đem vào dán ngay giữa cửa chùa. Tiếng đồn-đại xa gần, nhiều người đến chép. Vì thế mà Hàn-Than đem phải bỏ chùa trốn đi. Nghe chùa Lệ-Kỳ 麗寺 (thuộc hạt Chi-Linh) tỉnh Hải-Dương là nơi non thắm, nước trong, thật là tiên-cảnh, trụ-trì có sư-cụ Pháp-Vân 法雲 cùng sư-bác Vô-Kỷ 無己. Nàng tìm đến xin vào bái-yết. Sư-cụ Pháp-Vân không dụng-nạp và bảo sư-bác rằng :

— Ta xem người con gái này nét không cần-nguyện, tính lại đong-đưa ; tuổi hạng dương xuân, sắc hầu khuynh quốc. Ta e lòng thiền không phải đá, sắc đẹp dễ mê người. Hoa sen dù chẳng nhuộm bùn, song sắc mây dễ mờ bóng nguyệt. Vậy người nên lựa lời từ-chối, đừng để hối-hận về sau.

Sư Vô-Kỷ không nghe, cứ cho nàng vào ở. Ngay từ hôm đó, sư-cụ dời lên ở đỉnh núi Phượng-Hoàng 鳳凰.

Hàn-Than tuy ở nơi thanh-tịnh, nhưng nét cũ còn y. Mỗi khi lên nhà trên, lại mặc quần là áo lụa, phở đồ trang-sức như khi còn ở trong cung. Cõi dục đã gần, mây thiền dễ chạm, bèn cùng nhau tư-thông.

Hai người tương-đắc rồi, mài-miệt ái-ân, chẳng khác trận mưa cứu hạn, bươm gặp ngày xuân, không còn để ý đến việc nghiên kinh luyện phép nữa. Sư Vô-Kỷ quá đổi hôn-mê, suốt ngày cùng Đào-thị làm thơ liên-cú. Hễ trong núi có cảnh-vật nào nên thơ là lại vẩy bút đề-vịnh đề ghi thắng-tích. Loại thơ này nhiều, không chép hết được, xin thuật sau đây độ một vài phần :

BÀI I

Nguyễn văn :

山 雲

- | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|
| 1. | 遙 | 睇 | 濃 | 還 | 淡 | , |
| | 天 | 邊 | 濕 | 未 | 晞 | 。 |
| 2. | 晚 | 隨 | 疎 | 雨 | 去 | ； |
| | 暮 | 帶 | 落 | 霞 | 歸 | 。 |
| 3. | 澹 | 澗 | 因 | 風 | 捲 | ； |
| | 悠 | 揚 | 到 | 處 | 飛 | 。 |
| 4. | 僧 | 慵 | 壺 | 亦 | 懶 | , |
| | 誰 | 爲 | 掩 | 巖 | 扉 | ？ |

Phiên âm :

SƠN VÂN

1. Dao thê nùng hoàn đạm,
Thiên biên thấp vị hy.
2. Hiều tùy sơ-vũ khứ ;
Mộ đới lạc-hà quy.
3. Ái-đại nhàn phong quyên ;
Du-dương đảo xít phi
4. Tãng dung đồng điệc lãn ;
Thùy vị yêm nham phi ?

Giải nghĩa :

MÂY NÚI

1. Xa trông chỗ đậm lại chỗ lợt,
Bên trời còn đục chưa trong.
2. Sáng đi theo mưa lác-đác ;
Tối dặt rắng chiều về.
3. Mù-mịt vì gió cuốn ;
Đến đâu cũng bay lượn du-dương.
4. Su làm biếng, tiểu cũng lười ;
Ai đóng cửa chùa cho ?

Dịch ra văn vần :

MÂY NÚI

1. Xa trông đậm lợt thất-thường,
Bên trời nào thấy ánh hường nào đâu ?
2. Theo mưa buổi sớm đi chiều,
Hoàng-hôn trở lại đeo bầu rắng pha.
3. Mịt-mù gió cuốn gần xa,
Tung bay khắp chốn tưởng là du-dương.
4. Tăng lười, tiểu cũng chán-chường,
Hỏi người đóng cửa Phật-đường là ai ?

BÀI II

Nguyễn văn :

山 雨

- | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|
| 1. | 一 | 雨 | 千 | 巖 | 眠 | , |
| | 滿 | 滿 | 作 | 意 | 鳴 | 。 |
| 2. | 珠 | 璣 | 堆 | 地 | 色 | ; |
| | 星 | 斗 | 落 | 天 | 聲 | 。 |
| 3. | 溜 | 拳 | 泉 | 流 | 急 | ; |
| | 涼 | 回 | 客 | 夢 | 清 | 。 |
| 4. | 山 | 房 | 無 | 箇 | 事 | ; |
| | 入 | 夜 | 幾 | 殘 | 更 | 。 |

Phiên âm :

SƠN - VŨ

1. Nhất vũ thiên nham minh ;
Tiểu-tiểu tác ý minh.
2. Châu-cơ đới địa sắc ;
Tinh-đầu lạc thiên thanh.
3. Lưu thoát toàn lưu cấp ;
Lương hồi khách mộng thanh.
4. Sơn phòng vô cá sự ;
Nhập dạ kỳ tàn canh.

Giải nghĩa :

MƯA NÚI

1. Một trận mưa ngàn núi tối rằm.
Mặc ý kêu âm âm.
2. Hạt châu chắt đọng trên mặt đất,
Nhu tiếng tinh-dầu trên trời sa.
3. Nước chảy cướp dòng suối reo,
Hơi mát làm cho khách ngủ yên.
4. Chốn sơn-phòng không có việc gì,
Đem về đã mấy canh tàn.

Dịch ra văn vần :

MƯA NÚI

1. Trận mưa mù-mịt ngàn non,
Âm-âm tiếng dội mưa còn ra oai.
2. Châu tung mặt đất lờ-bờ,
Tưởng chừng tinh-dầu trên trời cũng sa.
3. Cướp dòng suối chảy tuôn ra,
Thừa lương êm-ả nam-kha giấc nồng.
4. Rảnh-rang trong chốn sơn-phòng,
Đem hôm khuya-khoắt hồ mong canh tàn

BÀI III

Nguyễn văn :

山 風

- | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|
| 1. | 靈 | 籟 | 嗟 | 幽 | 洞 | , |
| | 終 | 宵 | 策 | 策 | 聲 | 。 |
| 2. | 翻 | 花 | 紅 | 意 | 亂 | , |
| | 捲 | 樹 | 綠 | 陰 | 鶯 | 。 |
| 3. | 僧 | 袖 | 含 | 涼 | 淺 | , |
| | 鐘 | 樓 | 送 | 響 | 清 | 。 |
| 4. | 茫 | 茫 | 天 | 地 | 內 | , |
| | 非 | 爲 | 不 | 平 | 鳴 | 。 |

Phiên âm :

SON PHONG

1. *Linh-lại hư u động,*
Chung tiêu sách sách thanh.
2. *Phiên hoa hồng ý loạn,*
Quyền thụ lục âm kinh.
3. *Tăng nạp hàm lương thiên*
Chung lâu lống hưởng thanh
4. *Mang-mang thiên địa nội,*
Phi vị bất bình minh.

Giải nghĩa :

GIÓ NÚI

1. Tiếng gió lùa trong động thắm,
Thâu đêm nghe vi-vút.
2. Lật hoa làm sắc đỏ xao-xuyến,
Cuốn cây làm bóng lục kinh hãi.
3. Mặc áo cà-sa, nhà sư cũng hơi mát,
Chuông lầu đưa tiếng vang trong.
4. Mệnh mang trong cõi trời đất,
Không phải vì sự bất-bình mà la.

Dịch ra văn vần :

GIÓ NÚI

1. Gió reo cửa động âm-u,
Thâu đêm vắng tiếng vù-vù bên tai.
2. Hãi-hùng cây rũ hoa rơi,
Nhường kính nét lục, nhường phai vẻ hồng.
3. Áo cà-sa cũng giải nóng,
Chuông lầu vang dội tiếng đồng thanh-thanh
4. Một bầu vũ-trụ móng mệnh,
Phải đâu thiên-địa bất bình mà la.

BÀI IV

Nguyên văn :

山 月

- | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|
| 1. | 隱 | 隱 | 林 | 梢 | 迥 | ； |
| | 遠 | 空 | 灑 | 氣 | 浮 | 。 |
| 2. | 仰 | 山 | 銀 | 鏡 | 缺 | ， |
| | 隔 | 霧 | 玉 | 盤 | 收 | 。 |
| 3. | 影 | 落 | 松 | 關 | 靜 | ， |
| | 涼 | 回 | 竹 | 院 | 幽 | 。 |
| 4. | 清 | 光 | 隨 | 處 | 有 | ， |
| | 何 | 必 | 上 | 南 | 樓 | 。 |

Phiên âm :

SƠN NGUYỆT

1. Ẩn-ẩn lâm sao huỳnh ;
Liên không hạo khí phù.
2. Hàm sơn ngân kính khuyết,
Cách vụ ngọc bàn thu.
3. Ảnh lạc tùng quan tĩnh.
Lương hồi trúc viện u.
4. Thanh quang tùy xứ hữu,
Hà tất hương nam lâu.

Giải nghĩa :

TRĂNG NÚI.

1. Lấp-ló sau rừng cây xa-tít,
Ánh sáng vọt lên trên không.
2. Cài núi như mảnh gương bạc mé,
Cách làn mù (1), ngọc-bàn mới tròn (2)
3. Bóng chiếu xuống cửa Tùng vắng-vẻ (3)
Hơi mát về viện trúc âm-u (4)
4. Ánh sáng trong, nơi nơi đều thấy cả,
Hà tất phải lên lầu mé nam (5).

Dịch ra văn vần :

TRĂNG NÚI

1. Ẩn mình sau lớp cây rừng,
Chiếu tia ánh tỏ trên lưng chùng trời.
2. Đầu non gương ló nửa vời,
Trên làn mù tỏa mới phơi ngọc-bàn.

(1)— Lấp-ló mây là-là mặt đất gọi là mù.

(2)— Thơ Lý-Bạch 李白 có câu : Thiếu thời bất thức nguyệt, hô tác bạch-ngọc-bàn 少時不識月, 呼作白玉盤. Nghĩa là : Thuở nhỏ trăng đầu biết, gọi là bạch-ngọc-bàn (Thi-Học Đại-Thành).

(3)— Cửa tùng do chữ Tùng-quan 松關 nghĩa là cửa chùa.

(4)— Đường-Thi có câu : Nhân quá Trúc-viện phùng tăng-khách 因過竹院逢僧客 — Nghĩa là : nhân qua viện-trúc gặp nhà sư. Vậy viện-trúc là nhà chùa.

(5)— Dũ-Lượng 度亮 đời Tấn làm Đô-Đốc Giang-Kinh 江荆 thường lên Nam-lâu (lầu mé nam) thưởng nguyệt (Thất Bảo Cổ-Sự 七寶故事)

3. *Im-đềm bóng rọi lũng-quan,*
Đề người viện trúc an-nhàn thừa lương.
4. *Khắp nơi thấy mặt tổ-tường,*
Lộ là còn phải kiếm đường nam-lâu.

BÀI V

Nguyên văn :

山 寺

- | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|
| 1. | 一 | 簇 | 輝 | 金 | 碧 | , |
| | 巖 | 腰 | 隱 | 夕 | 陽 | 。 |
| 2. | 風 | 高 | 松 | 洶 | 浪 | , |
| | 天 | 近 | 桂 | 飄 | 香 | 。 |
| 3. | 洞 | 小 | 禽 | 聲 | 闌 | , |
| | 峯 | 斜 | 塔 | 影 | 長 | 。 |
| 4. | 塵 | 間 | 名 | 利 | 客 | , |
| | 望 | 此 | 幾 | 徬 | 徨 | 。 |

Phiên âm :

SƠN TỰ

1. *Nhất thốc huy kim bích,*
Nham yếu ân tịch-dương.
2. *Phong cao tùng hũng lãng,*
Thiên cận quế phiêu hương.

3. *Động tiêu cầm thanh nào,
Phong là tháp ảnh trường.*
4. *Trần-gian danh-lợi khách,
Vọng thử kỷ bàng-hoàng.*

Giải nghĩa :

CHÙA TRÊN NÚI

1. Một tòa vàng ngọc huy hoàng (1),
Sườn non che bóng tịch-dương.
2. Trên cao gió thổi ngàn thông như sóng reo.
Trời gần, mùi hương cây quế bay ra.
3. Động nhỏ, tiếng chim vang dội.
Núi chênh-chếch, bóng cây tháp dài.
4. Khách danh-lợi chốn trần-gian,
Trông nơi đây bởi hời biết mấy !

Dịch ra văn vần :

CHÙA TRÊN NÚI

1. Một tòa kim-bích huy-hoàng,
Sườn non ẩn bóng tà dương xế chiều.
2. Trên ngàn : gió thổi, thông reo,
Phun hương ngào-ngạt quế treo lưng trời.
3. Chim kêu động nhỏ vang tai,
Đầu non tháp ngả bóng dài xinh xinh.
4. Trần-gian, nào khách lợi-danh !
Tới đây vẫn cảnh ắt sinh bởi hời.

(1) Tống Thái Tôn 宋太宗 dựng cây tháp Khai-Bảo 開寶塔. Tháp xây xong, Điền-Tích 田錫 tâu vua : mọi người cho là một tòa vàng ngọc huy-hoàng. Riêng thần cho là một tòa trát mỡ bôi máu.

BÀI VI

Nguyễn văn :

山 童

1. 生 長 樵 蘇 地 ,
穿 知 淺 草 原 .
2. 狂 歌 雲 黑 暗 ,
短 笛 日 黃 昏 .
3. 麋 鹿 兔 驚 侶 ,
煙 霞 木 石 村 .
4. 歸 來 深 洞 裡 ,
雲 閉 小 乾 坤 .

Phiên âm :

SƠN - ĐỒNG

1. Sinh trưởng tiêu-tô địa,
Ninh tri thiên thảo nguyên.
2. Cường ca vân hắc ám,
Đoản địch nhật hoàng hôn.
3. My-lộc phù é lữ,
Yên hà mộc thạch thôn.
4. Qui lai thâm đồng lý,
Vân bế tiêu càn khôn.

Giải nghĩa :

TIỀU ĐỒNG TRÊN NÚI

1. Sinh-trưởng ở nơi chốn củi cắt cỏ,
Nào biết nội cỏ, đồng bằng.
2. Hát ngao khi mây kéo đen-nghit.
Thời sáo khi ngày đã hoàng-hôn.
3. Bạn với hươu nai, cò, le,
Ở trong thôn khói mây, gỗ đá.
4. Trở về trong động thẳm,
Mây khép cỏi càn khôn nhỏ bé.

Dịch ra văn vần :

TIỀU ĐỒNG TRÊN NÚI

1. Miền rừng sinh-trưởng bấy lâu,
Biết đâu nội cỏ biết đâu đồng-bằng.
2. Câu ca, điệu sáo lãng nhãng,
La-cà mây sớm, thung thẳng bóng chiều.
3. Bạn cùng thú chạy chim kêu,
Thôn trang gỗ đá, phiêu-diêu yên-hà.
4. Trở về động thẳm là nhà,
Bốn bề mây khóa sơn-hà cỏi con.

BÀI VII

Nguyễn văn :

山 猿

- | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|
| 1. | 隱 | 約 | 巢 | 南 | 侶 | , |
| | 綠 | 涯 | 日 | 幾 | 回 | • |
| 2. | 愁 | 將 | 巴 | 淚 | 落 | , |
| | 聲 | 入 | 楚 | 雲 | 裏 | • |
| 3. | 飲 | 澗 | 呼 | 朋 | 去 | , |
| | 聞 | 經 | 作 | 伴 | 來 | • |
| 4. | 雲 | 深 | 何 | 處 | 覓 | , |
| | 山 | 色 | 正 | 崔 | 嵬 | • |

Phiên âm :

SON - VIÊN

1. Ẩn-ước Sào-nam lữ,
Duyên nhai nhật kỷ hồi
2. Sầu tương Ba lệ lạc,
Thanh nhập Sở vân ai.
3. Âm giản hồ bằng khứ,
Văn kinh tác bạn lai.
4. Vân thâm hà xứ tịch,
Sơn sắc chính thời ngời.

Giải nghĩa :

VỤN NÚI

1. Lấp-ló cùng bạn ở Sào-Nam (1)

Một ngày biết mấy lần trèo núi.

2. Kêu sầu làm đất Ba nhỏ nước mắt (2)

Tiếng bi-ai lọt vào mây nước Sở (3)

3. Uống nước khe gọi bạn chạy đi (4)

Nghe kinh cậu thân tìm đến (5)

4. Máy thăm biết đâu mà tìm kiếm,

Chỉ thấy núi cao chót-vót.

(1)— Đồi Đường có bốn người ở rừng Sào-Nam hội-hợp. Trong lúc đang cao-đàm hùng-luận thì hóa ra vượn rồi bỏ đi. (Thiên hạ dị kỳ).

(2)— Tức là đất 巴東 Ba-Đông nay thuộc đạo Kinh-Nam, tỉnh Hồ-Bắc. Trong 荆州記 Kinh-Châu ký nói ở đất Ba-Đông, đến canh ba, vượn kêu thê thảm, khiến người nghe phải nhỏ nước mắt. (Viên cơ)

(3)— Nước Sở có con Vượn trắng, gọi là thần Bạch-viên, các tay thiện-xạ không ai bắn trúng. Sau Sở Trang-Vương sai Dương-do-Cơ bắn, mũi tên vừa phóng ra, vượn liền rơi xuống (Ấu học kỹ nghệ)

(4)— Sách 合璧 Hợp-bích chú : Vương-Du 王都 đời Tống nuôi một con vượn đặt tên là 野有 dã-Tân, lâu ngày rồi lại thả về núi. Sau Du vào đất Thục gặp đàn vượn xuống suối uống nước. Thấy Du, chúng gọi nhau đi, có người nhận ra có con dã-Tân trong đàn vượn ấy.

(5)— Chuyện 唯經林 Thịnh-kinh viên (vượn nghe kinh) chú : niên-hiệu Thiên-Thành 天成 đời Hậu-Hùng (926-929) Hữu-Tu thiên-sư 有修禪師 hàng ngày ra ngồi tụng kinh trên phiến đá bằng phẳng trước cửa chùa, thường có con vượn ngồi trên cây nghe trộm. Sau có Viên tú-tại ở Giáp-Châu xin vào bái yết, xưng tên là Viên Văn-Thuận 文順. Hai người đàm đạo, vượn hóa hỏi lâu, Viên đọc hai câu kệ rồi ngồi ngay-ngắn lại, biến hóa ra con vượn.

Dịch ra văn vần :

VUƠN NÚI

1. Sào-Nam lấp ló bạn chơi,
Ngày nào là chẳng mấy hồi trèo non.
2. Đát Ba nghe rú sầu tuôn,
Tiếng theo mây Sở bồn chồn lòng ai.
3. Uống khe, gọi bạn chạy dài,
Nghe kinh, thì lại dỡ bài cầu thần.
4. Mịt-mù núi thắm mây vờn,
Hành-tung chưa để ai lần cho ra.

BÀI VIII

Nguyên văn :

山 鳥

- | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|
| 1. | 身 | 世 | 雲 | 煙 | 外 | , |
| | 依 | 依 | 盡 | 日 | 閑 | 。 |
| 2. | 一 | 聲 | 山 | 色 | 暝 | , |
| | 數 | 箇 | 夕 | 陽 | 暹 | 。 |
| 3. | 僧 | 供 | 啣 | 來 | 果 | , |
| | 巢 | 棲 | 到 | 處 | 山 | 。 |
| 4. | 啁 | 啾 | 誰 | 會 | 意 | , |
| | 飛 | 繞 | 薜 | 蘿 | 間 | 。 |

Phiên âm :

SƠN ĐIỀU

1. Thân thể vân yên ngoài,
Y y lặn nhật nhân.
2. Nhất thanh sơn sắc minh,
Sở cá tịch-dương hoàn.
3. Tảng cứng hàm lai quả,
Sào thế đảo xir san.
4. Chu thu thùy hội ý ?
Phi nhiều tiết-la gian.

Giải nghĩa :

CHIM NÚI

1. Thân-thể ở ngoài khỏi mây,
Thong-dong rỗi suốt ngày.
2. Một tiếng kêu sắc núi tối lại,
Mặt trời lặn mấy con bay về.
3. Ngậm trái cây đem về cho sư cứng (1),
Lâm ổ trên núi cao.
4. Liu-lo ai hiểu ý mình ?
Lượn chơi trong đám dây leo rậm rạp.

(1) — Văn-Uyên chú: nhà sư Tri-bá-Đạt 智伯達, khi ngồi nhện đối tham thiền, thường có đàn chim ngậm trái cây đem đến cho.

Dịch ra văn vần :

CHIM NÚI

1. Khói mây thân-thể ngoài vòng,
Thanh cao là thú thông-dong những ngày.
2. Núi mờ vắng tiếng đầu đây,
Hoàng hôn lác-đác vọt bay về rừng.
3. Trái cây đưa biểu thầy tăng,
Trở về tổ ấm trên rừng non xanh,
4. Lưu-lo mình lại biết mình,
Giữa vùng bụi rậm liệng vành mà chơi.

BÀI IX

Nguyên văn :

山 花

- | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|
| 1. | 暖 | 入 | 高 | 低 | 樹 | , |
| | 枝 | 枝 | 火 | 欲 | 燃 | 。 |
| 2. | 東 | 西 | 霞 | 世 | 界 | , |
| | 遠 | 近 | 錦 | 山 | 川 | 。 |
| 3. | 紅 | 雨 | 林 | 腰 | 隨 | , |
| | 香 | 風 | 洞 | 口 | 傳 | 。 |
| 4. | 自 | 開 | 還 | 自 | 落 | , |
| | 今 | 古 | 幾 | 春 | 天 | 。 |

Phiên âm :

SƠN HOA

1. Noãn nhập cao đê thụ,
Chi chi hỏa dục nhiên.
2. Đông tây hà thế-giới,
Viễn cận cầm sơn-xuyên.
3. Hồng vũ lâm yêu đọa,
Hương phong đồng khẩu truyền.
4. Tự khai hoàn tự lạc,
Kim cồ kỳ xuân thiên ?

Giải nghĩa :

HÒA NÚI

1. Khi ấm vào cây cao, cây thấp
Cảnh nào, cảnh nấy như màu lửa cháy,
2. Bên đông, bên tây như một thế giới rắng đỏ,
Xa gần như gấm phủ non sông.
3. Sắc đỏ như mưa trút xuống ven rừng,
Gió đưa hương thơm từ cửa động ra.
4. Hoa nở rồi hoa lại rụng,
Từ xuân đến nay trải mấy xuân rồi ?

Dịch ra văn vần :

HOA NÚI

1. Cây cao cây thấp nằng vào,
Cành nào cành nẩy ra màu lửa thiêu.
2. Đò đây đỏ tựa ráng chiều,
Xa gần như thề gấm thêu sơn hà.
3. Ven rừng đỏ tựa mưa sa,
Hương từ cửa động bay ra ngạt-ngào
4. Phỏ hương rồi lại rơi đào,
Trời xuân kim cổ biết bao nhiêu lần ?

BÀI X

Nguyên văn :

山 葉

- | | | | | | | |
|----|---|---|---|---|---|---|
| 1. | 一 | 碧 | 天 | 無 | 際 | , |
| | 叢 | 條 | 人 | 望 | 迷 | 。 |
| 2. | 秋 | 來 | 黃 | 被 | 遲 | , |
| | 春 | 到 | 綠 | 盈 | 蹊 | 。 |
| 3. | 畫 | 倦 | 無 | 人 | 掃 | , |
| | 煙 | 深 | 有 | 鳥 | 啼 | 。 |
| 4. | 蒼 | 天 | 看 | 不 | 盡 | , |
| | 千 | 里 | 夕 | 陽 | 西 | 。 |

Phiên âm :

SƠN DIỆP

1. Nhất bích thiên vô tế,
Tùng điều nhân vọng mệ
2. Thu lai hoàng bị kinh,
Xuân đảo lục doanh khe.
3. Trú quyện vô nhân tảo,
Yên thâm hữu điều đề.
4. Thương thiên khan bất tận,
Thiên lý tịch-dương tề.

Giải nghĩa :

LÁ NÚI

1. Một màu xanh biếc bao-la, vô bờ bến,
Cảnh rậm-rạp người trông mù-mịt.
2. Thu về, vàng rụng đầy đường,
Xuân đến, màu lục ngập lối đi.
3. Ngày mệt, không người quét,
Khói thăm có chim kêu
4. Rừng xanh trông bất tận,
Ngàn dặm bóng dương xế về tây.

Dịch ra văn vần :

LÁ NÚI

1. Ngút trời màu biếc bao-la,
Cành chen chi-chít trông xa mịt-mờ.
2. Thu về vàng rụng ngập bờ,
Xuân sang khắp nẻo mơn-mỡ xanh rì.
3. Nhọc nhằn ai quét lối đi,
Chim kêu mù tủa vắng nghe chốn nào.
4. Trời xanh xanh ngắt một màu,
Non tây nghìn dặm bóng dàu tà tà.

Ôi ! Sao lại có sự hôn-mê bất tỉnh đến thế được !
Chỉ cốt (hứa) lòng trước mặt thì vui-quá tất sinh buồn, lẽ
đó có chi là lạ.

Năm Kỷ-Sửu (1349), Hàn-Thân quả có thai rồi đau
đớn. Lay-lắt hết xuân sang hạ, ngồi lên nằm xuống phải
người đỡ-vực. Sư Vô-Kỷ đã không biết thuốc, lại không
quen việc chạy chữa, nên sau nàng quần-quai chết trên
đờ cũ. Vô-Kỷ xót thương khôn xiết, quàn nàng tại cuối
mái hành-lang phía tây, sớm tối vỗ vào quan-tài khóc
mà than rằng :

— Nàng ơi ! nàng vì ta mà phải chết oan thác ức thế
này, ta có được theo nàng mới cam tâm nhắm mắt, để
nàng khỏi vô-võ một mình nơi chín suối. Hưởng chi lúc
sinh tiền, nàng đã thông-tuệ, khác người-tâm-thường, thác
rồi phỏng có khôn-thiêng, xin sớm cho ta xuống suối
vàng, ta không còn muốn trông thấy sự-cụ Pháp-Vân nữa.

Mấy tháng sau, Vô-Kỷ vì quá nhớ thương mà thành
bịnh, lai-rai đến nửa năm trời, cơm cháo chẳng buồn ăn.
Một đêm, Hàn-Thân hỏi về bảo rằng :

— Thiếp trước đây đã ngàn dâu xé bóng, mới của Phật nương mình ; đáng cười nổi lòng trần chưa dứt, lại ngán cho nợ nghiệt còn mang. Đai Dao mệnh đằm, nên nổi chia tay. Sống còn chưa mãn cuộc yêu-đương ; thác xuống có ngại chi điều tái-hợp. Chỉ mong chàng hiểu câu kệ « lục như » (1), bỏ cõi trần « tứ đại » (2), tạm dời cảnh Phật, về chốn suối vàng, để thiếp ; ngửa nhờ nơi phép Phật ; kịp mượn chốn đầu thai, trả cho xong cái nợ oan-gia ngày trước.

Nói xong rồi không thấy dâu nữa. Từ đó bệnh Vô-Kỷ thêm phần nguy-kịch. Sư-cụ Pháp-Vân nghe tin xuống núi để thăm thì bệnh đã vô phương cứu-vãn, đành chỉ trông nhau ứa lệ, lát sau Vô-Kỷ chết.

Đêm hôm đó, mưa gió dữ-dội, trời mù-mịt tối-tăm. Tại Đò-thị cát bay, nhà sập. Bà vợ quan hành-khiển Nhượng-Chân nằm mơ thấy hai con rắn cắn vào cạnh sườn bên tả rồi có mang, sau sinh được hai trai. Đặt tên cho cậu cả là Long-Thức, cậu hai là Long-Quý. Mới đầy tuổi tột, chúng đã biết nói, lên tám tuổi đã biết làm văn, được cha mẹ rất là yêu quý.

Một hôm trời hè nóng nực, Nhượng-Chân lên lầu-hóng mát, cửa lầu trông xuống đường, chợt thấy một thầy tăng đói khổ đi qua ở dưới, dùng-dặng dòm ngó, dường như muốn bỏ đi mà không nỡ dứt, rồi bồng than rằng :

(1) — Kinh Phật có một bài Kệ nói hết thấy việc đời đều như mộng, như huyễn, như bọt, như bóng, như sương, như điện, người ta gọi là kệ « lục như ».

(2) — Kinh Phật nói có bốn châu lớn là : Đông-Thắng Thần-Châu, Nam-Thiên-Bộ-châu, Tây-ngưu-hỏa-châu và Bắc-Câu-lư-châu. Theo Viên-giác kinh thì 地, 水, 火, 風 địa, thủy, hỏa, phong (đất, nước, lửa, gió) gọi là tứ-đại.

— Lạ thay ! Tòa lâu-dài thế này mà rồi đây sẽ biến thành cái ò thường-luồng ! Đáng tiếc ! Đáng tiếc !

Nhược-Chân nghe thấy, cả kinh thất sắc, vội chạy theo hỏi. Ban đầu, thầy tăng không chịu nói, chỉ bảo vừa rồi trong lúc hoảng-hốt nói nhầm, chứ không thấy gì lạ, xin đừng nghi-ngại. Nhưng Nhược-Chân cố giữ năn-nỉ, không cho đi, thầy tăng mới bảo là nhà ông chứa đầy khí yêu-quái, nếu không phải nghiệp báo kiếp trước, tất là oan-gia kiếp này. Người ta hiện đã ở trong nhà ông. Chỉ trong năm tháng nữa là cùng, nhà ông sẽ không còn sống sót một mống. Nhược-Chân kêu xin cứu cho. Thầy tăng nói :

— Tôi vốn có thuật xem tướng người rất sành, xin cho coi hết mọi người trong nhà. Hễ thấy người nào đúng, tôi sẽ gỡ chậu làm hiệu. Nếu tiết-lộ ra một lời, thì tai-vạ đến ngay tức khắc.

Nhược-Chân gọi hết thầy người trong nhà ra một lúc để lay chào. Thầy tăng coi rồi lắc đầu nói :

— Nếu ngoài những người đây ra không còn ai nữa, thì không thể có tượng-hình đại-biến hiện ra thế này được. Hỏi gạn hai ba lần, Nhược-Chân mới cho gọi nốt hai cậu trai lúc đó đương ngồi trong nhà học. Khi ra đến nơi, thầy tăng liền gỡ chậu rồi nức nở khen :

— Qui hóa thay hai vị trượng-phu ! Hẳn sau này sẽ nên sự-nghiệp phi-thường, làm vẻ vang cho nhà, người đời trông vào đều phải kính sợ, chính là hai công-tử đây.

Hai cậu giận dỗi nói :

— Thầy chùa kia ! ở đâu đến đây ? Bẻm mép nói càn gì vậy ? Nói rồi phủ áo đi vào. Nhược-Chân không bằng lòng, thầy tăng cũng từ-giã ra đi.

Đêm hôm ấy, Long-Quý khóc bảo với Long Thúc rằng :

— Thằng cha yêu-tặng bữa nay, nói nhiều câu lạ tai, hình như có ý dòm-dỏ chi đây. Nếu hần mà biết, e rằng chúng ta không còn sống.

Long-Thúc cười nói :

— Duy có sư-cụ Pháp-Vân là trừ nỗi bọn ta, còn thì bất chấp đũa nào, ta chỉ trở tay là cướp được bùa chú của chúng ! Hơn nữa, lão kia (Nhược-Chân) có tình cốt nhục với bọn ta, tất hần không ngờ-vực gì đâu, chúng ta có thể yên-đn, không lo gì hết.

Lúc đó Nhược-Chân nằm ngủ không yên, trở dậy đi lại tho-thần một mình, tình cờ do khe cửa sổ nghe lỏm được, kinh-ngạc, sợ-hãi quá, không biết toan-tính ra sao.

Ngày hôm sau, nói tăng là có việc phải đi, dò hỏi khắp chốn danh-lam, để tìm kiếm sư-cụ danh-hiệu Pháp-Vân. Hơn tháng trời, lần đến chùa trên núi Lệ-Kỳ, có gã tiểu-đồng nói rằng hồi nhỏ có được nghe danh-hiệu ấy, nhưng sau sư-cụ dời vào núi thẳm đã mấy năm nay, rồi trở lên đỉnh núi Phụng-Hoàng mà bảo :

— Sư-cụ ở trên núi kia kia.

Nhược Chân lại xắn áo ra đi, chừng bốn, năm dặm mới tới nơi. Bấy giờ thấy sư-cụ nằm trên ghế, đương ngủ, tiếng ngáy như sấm, hai bên có hai tiểu-đồng đứng hầu. Nhược-Chân khúm núm đi lên. Hai tiểu-đồng ra quát mắng ngăn lại, sư-cụ vừa tỉnh giấc. Nhược-Chân đến trước sụp lạy thưa rõ bản ý đến về việc gì. Sư-cụ cười mà rằng :

— Tiên-sinh làm rồi! Lão-phu thân không ở nơi chùa-chiền, chân không đặt tới thành-thị từ lâu rồi. Nay chỉ có thể ở trong am cỏ, quét đất, thắp hương, tụng kinh lãng-nghiêm vài lần. Còn việc trừ ma đuổi quỷ, đâu có phải là phận-sự của lão.

Sư-cụ dương cự-tuyệt gắt-gao thì hai tiêu-dồng đứng bên tán vào rằng :

— Bầm sư-phụ, đức Phật nhà ta lấy từ-bi làm bề, tế-độ làm cửa, cứu kẻ sa vào bể khổ ; vượt người đắm dưới sông mê, hẳn là có ý muốn ai nấy cùng tới được bờ bến nhà Phật, tấm gọi thiện-duyên. Nếu sư-phụ chối-từ, thì sao cho đạo ngày thêm mở rộng được. Bấy giờ sư-cụ mới vui-vẻ nhận lời, bèn lập pháp-dàn ngay trên núi, treo đèn bốn mặt và lấy bút son vẽ bùa dấu. Chừng một trống canh, thì một lớp mây đen dày đặc, ước chừng mười trượng, phủ kín đàn-tràng, gió lạnh thổi ào-ào, khí lạnh ghê người. Sư-cụ cầm cây như-y chỉ-huy tả hữu, có lúc lại ra ngoài đàn, làm bộ quát mắng. Nhược-Chân ngồi đằng xa, mở rèm ngó trộm, mà tuyết-nhiên chẳng thấy chi hết, chỉ nghe, trên không có tiếng khóc rên-rỉ. Một lúc sau, tiếng khóc im, mây đen cũng tản dần đi. Sáng hôm sau, Sư-cụ lấy một viên đá bôi hùng-hoàng vào rồi viết mực lên, trao cho Nhược-Chân mà bảo :

— Ông về hễ thấy yêu-quái biến ra vật gì, kíp lấy viên đá này ném vào thì mới đư-họa sẽ tuyệt hết.

Nhược-Chân về đến nhà, thấy người nhà đương ngồi quây quần lại mà khóc. Bà vợ kể rằng :

— Canh ba đêm nọ, hai con trai cùng giắt nhau xuống giếng mà chết. Nước giếng dâng lên gần ngập cả thềm, thiếp đã đem thi-hài quan cần-Thận ở vườn nam, để chờ lang-quân về sẽ đem mai-táng.

Nhược-Chân hỏi :

— Vậy trước khi chết, chúng có nói gì không ?

Gia-nhân đáp :

— Các cậu chỉ phàn nàn là giá chậm độ mấy tháng nữa thì công-việc xong, không ngờ bị kẻ cuồng-lãng làm hại

Nghe đoạn, phu-nhân lại khóc rống lên. Nhược-Chân can ngăn rồi cùng nhau ra vườn nam, mở nắp quan-tài ra coi, thấy thi-hài đã hóa ra hai con hoàng-xà. Nhược-Chân liền đem phiến đá ném vào, thì chúng nát ra tro cả.

Vợ chồng Nhược-Chân đem nhiều vàng, lụa lên để tạ ơn sư-cụ Pháp-Vân. Nhưng đến nơi đã thấy am-cổ rêu phong, không còn vết-tích chi cả, đành buồn-bã ra về.

PHÂN BÌNH LUẬN

Than ôi ! Theo về dị-đoàn (1) chỉ có hại mà thôi. Hưởng chi đã theo đạo mà không đúng phép của đạo thì mỗi hại còn nói cho xiết được ru ? Gã Vô-Kỷ đã

(1) — Câu này là lời của đức Khổng-Tử chép trong sách luận-ngữ 論語 (Thiên Vi-Chính 為政). Dị doan đây trở vào đạo Phật. Nhà Nho cho các đạo khác trái với đạo nho đều là dị-doan cả.

là kẻ mạnh lại có tính gian ngoan, đem thói tà-dục rông-càn, chẳng những dối người mà còn dối cả đến bậc gọi là đức Phật nữa, thì dù có đem khếp vào điều luật của Ngụy-Vương tru-lục bọn sư mô (1) ngày xưa, cũng không oan-khuất chút nào vậy.

Thế còn Nhược-Chân có chắc-chắn là vô tội chăng?

— Xin thưa rằng làm quan mà như thế thì đâu phải tề-gia đúng phép được, để cho mầm họa mọc lên, cơ-hở lâm vào tai-biến khôn lường, chính là mình làm mình chịu, có chi là lạ.

(1) — Thôi-Hạo đời Ngụy ghét đạo Phật. Nhân vua Ngụy đến thành Trường-An vào một cái chùa thấy có bình-khi và nhà hầm chứa giấu đàn bà con gái, Hạo bèn nói với vua giết hết sa-môn (sư) trong thiên-hạ và đốt kinh hủy tượng.

Truyện Nghiệp oan của Đào-thị



(Tranh Nguyễn-Ứng)

本圓祠判事錄
TÂN-VIÊN TỪ PHÁN SỰ LỤC
CHỨC PHÁN SỰ MIẾU TÂN-VIÊN

Ngô-Từ-Văn, tên là Soạn, ở huyện Yên-dũng, phủ Lạng-Giang (Bắc-Giang) là người khảng khái ngay-thẳng, trọng nghĩa-khí, không dong-tung kẻ gian-tà. Nguồn bình-luận hàng tháng đất Bắc khen Ngô là người cương-nghị.

Trong làng, trước có một ngôi miếu thờ rất linh-ứng. Cuối đời nhà Hồ, quân Ngô (Tàu) sang xâm-lược, vùng này thành bãi chiến trường. Trong hàng bộ-tướng của Mộc-Thạnh, có viên bách-hộ họ Thôi bị tử trận ngay bên miếu. Từ đó trở đi, miếu này thành nơi yêu-quái hiện hình, dân gian có người đến khuyh gia bại sản mà không đủ cung-ứng vào việc cúng-cấp. Từ-Văn tức-giận vô cùng, bèn tìm gọi trai-giới, khẩn trời rồi châm lửa đốt miếu. Ai thấy cũng lắc đầu lè lưỡi, lo thay cho chàng, mà chính chàng lại xua tay chẳng quan tâm gì hết.

Đốt xong về nhà, Từ-Văn cảm thấy trong mình khó ở, đầu lão-đảo, bụng run-run, lên cơn sốt rét li-bì, bỗng thấy một người khôi-ngô, lẫm-liệt, đầu đội mũ trụ đi tới. Giọng nói và cách ăn mặc ra vẻ người Yên-Kinh (Tàu), y tự xưng là cư-sĩ (thờ-thần) đến đòi làm trả lại ngôi miếu như cũ và nói :

— Nhà người đã theo nghiệp nho, đọc sách thánh-hiền, há lại không biết đến thịnh-đức của quý-thần hay sao ? Vậy mà lại dám ra điều khinh-miệt : thiêu-hủy thần-tượng, đốt phá miếu-đền ; khiến phần hương hỏa chẳng chốn tựa-nương, đến cả uy-linh không nơi hiển-hiện, là nghĩa làm sao ? Muốnặng yên-lành, cất trả miếu đây.

Bằng không thì cái việc vô-cố hủy đền Lu-Son, Cổ-Thiệu (1) đã không thoát vạ.

Từ-Văn chẳng nói chẳng rằng, cứ ngồi ngất-ngưỡng tự-nhiên. Người kia tức-giận nói :

— Chốn Phong-Đô (địa-phủ) chẳng xa đâu. Dù ta có hèn chẳng nữa, há lại không tống nổi người vào đó được sao ? không nghe lời ta, nội nhậm hôm nay sẽ gặp tai-biến !

Nói rồi phất áo bỏ đi.

Gần tối, lại có một ông già, áo vải mũ-đen, phong-độ nhàn-nhã, thung-thỉnh đi tới trước thềm, vái chào Từ-Văn mà nói rằng :

— Tôi là thổ-địa ở đây, được nghe nghĩa-cử khoái-trả của nhà thầy, xin có lời mừng.

Từ-Văn kinh-ngạc hỏi :

— Vậy thế người dội mũ trụ đến đây trước không phải là thổ-địa ở đây sao ? Thổ-địa ơi là thổ-địa ! Sao mà lấm thổ-địa thế ?

Ông già nói :

— Ồ ! Y là một tướng Tàu bị tử-trận. Hồn còn lạc-lõng ở nước Nam, lên chiếm miếu-vũ của tôi, giả-mạo tên, họ tôi, lấy đối-trả làm chước hay, tàn-ác làm mưu giỏi

(1).— Sách Loại-Tự chép rằng : Đời Tam-Quốc, Cổ-Thiệu làm quan Thú ở quận Dự-Chương, phá hủy các đền thờ những vị thần bất chính. Sau thấy thần miếu Lu-son hiện lên đòi làm miếu trả, Thiệu chỉ cười mà không đáp. Lu-son giận lắm nói : chỉ trong ba năm nữa là ngươi phải chết. Quả đúng hạn, Thiệu ốm kịch rồi chết.

Thượng-Đế đã bị che-lấp, hạ-dân còn chịu tai-trong. Những trò hưng-yêu tác quái đều là y bày ra cả, chứ có phải tôi đau, tôi xin kẻ đầu đuôi để nhà thầy nghe :

— Từ đời vua Tiền-Lý Nam-Đế, tôi làm chức Ngự-Sứ đại-phu, vì chết về việc cần-vương mà được phong ở đây, giúp dân độ vật hơn ngàn năm nay. Có đâu lại dở trò gieo tai rắc vạ để yêu-sách người ta cúng-cấp như hành-vi của tên giặc hoạt đầu kia được. Gần đây vì thiếu sự đề-phòng, bị nó đánh đuổi, hiện tạm đến nương-tựa ở miếu Tản-Viên đã vài năm nay »

Tử-Văn nói :

— Việc xảy ra đến như thế, sao ngài không : dưới kiện ở minh-tào, trên sớ lên Thượng-đế, mà lại rẻ bỏ chức-vị, chịu làm người quê-mùa mặc áo vải thôi ư ?

Ông già thở dài đáp rằng :

— Rẻ ác đã sâu, khó lòng lay-chuyển. Tôi đã định đem thưa kiện, nhưng có nhiều điều trở ngại. Những đền từ, miếu vũ gần đây, vì tham của dút, kéo bè bênh nó. Vèn-vện một chút lòng thành, khôn đường kêu thấu tai trên, nên đành tạm ăn-nhẫn để chờ thời vậy.

Tử-Văn nói :

— Hẳn có thực là tay hung-hãn, gieo vạ cho tôi được chăng ?

Ông già đáp :

— Y quyết tâm ăn-thua với nhà thầy, đã kéo cả bè-lũ đi kiện thầy ở dưới Âm-cung rồi đó. Tôi nhân lúc y đi vắng, lén đến đây báo cho thầy rõ để mà liệu kế khỏi bị oan thác ngầm-ngầm. Lại dặn Tử-Văn :

— Hễ Am-cung có tra hỏi, thầy cứ lấy lời tôi nói mà khai thực ra. Nếu y không nhận, thầy xin tư về miếu Tân-Viên tra hỏi là y hết đường chối cãi. Không thế, thì tôi bị trọn đời vui lắp mà thầy cũng chẳng thoát được dẫu.

Từ-Văn vâng lời, đến đêm, bệnh càng nguy-kịch thêm, Từ-Văn bỗng thấy hai tên quý-sư bắt đi rất gấp, kéo ra phía đông ngoài thành. Đi chừng nửa ngày đến một nơi phủ-độ rất lớn, xung quanh có thành sắt cao ngất tới mấy chục trượng. Hai tên quý-sư đến trước cổng bần lên, thì thấy người canh cổng đi vào, một lúc trở ra truyền chỉ rằng :

— Người này phạm tội ác rất nặng, không được dự hàng khoan-miễn.

Nói rồi xua tay đi về phía bắc. Phía này có con sông lớn, trên sông bắc một cái cầu dài tới hơn ngàn bước. Sông nước đen ngòm làn gió hơi-tanh, khí lạnh thấu xương. Hai bên cầu, có tới mấy vạn quý dạ-xoa, thấy đều mắt xanh tóc đỏ, hình thù dữ-lợn. Hai con quý lý gông dài thừng lớn gông trói Từ-Văn rồi giải đi rất nhanh...

Từ-Văn la lên rằng :

— Ngô-Soạn này là kẻ sĩ ngay-thẳng ở nhân-gian, có tội-trạng gì xin báo rõ cho, không nên bắt chết một cách oan-udng thế này !

Chợt nghe thấy trên điện có lời truyền xuống rằng :

— Tên này bướng-bỉnh bán-tính lổ-mãng ngoag-ngạnh, nếu không phán-đoán minh-bạch, vị tất nó chịu thành phục.

Bèn sai dân Tử-Văn vào trong cửa điện. Tử-Văn đã thấy người đội mũ trụ đương kêu-ca ở trước sân.

Diêm-Vương mắng Tử-Văn rằng :

— Kê kia là cư-sĩ ngay-thẳng thuần-hậu, nóng-nảy, đã có công với tiên-triều. Đấng Hoàng-thiên cho hưởng huyết-thực nơi miếu-thờ là để đền công khó-nhọc. Mi là kê hàn-sĩ, sao dám hỗn lão đến thế ! Tội-nghiệt tự mình làm ra, còn mong thoát sao được ?

Tử-Văn tâu trình hết lai-lịch như lời ông già đã dặn. Lời rất cương-chính, không chịu khuất-tất chút nào.

Người đội mũ trụ tâu :

— Trước Vương-Phủ đây, y còn quật-cường như thể vênh mặt, già mồm, bịa chuyện phao-vu, phỉ-báng. Hưởng chi ở nơi miếu-đền hiu-quạnh, y còn sợ gì mà không cho một mớ lửa.

Hai bên lời qua tiếng lại, rứt cục vẫn không biết ai phải. Nhưng Diêm-Vương quả sinh mỗi nghĩ-ngờ.

Tử-Văn tâu :

— Nhà Vua đã không tin lời thần, xin tư hỏi bèn miếu Tàn-Viên để tra rõ hư-thực, nếu lời thần không đúng, thần xin cam chịu thêm tội nói càn nữa.

Người kia bấy giờ mới tỏ vẻ sợ-sệt, quỳ xuống tâu rằng :

— Gà thư-sinh này thật là ngu-dại, thực đáng tội lắm. Nhưng đã nghiêni-trách như vậy, tưởng cũng đủ trừng-giới rồi. Xin Đại-Vương dù lòng rộng tha cho y, để tỏ rõ đức-độ khoan hồng. Bất-tất đòi hỏi lời-thôi, sợ thương-tồn đến đức hiệu sinh.

Diêm-Vương lớn tiếng quát :

— Nếu lời y tâu quả đúng sự thực, thì mi đáng phải tru-lục. Tội lừa-dối diên-chương đã định sẵn-sàng, mà mi dám cớ, buộc tội người như vậy ư ?

Lập tức sai người sang miếu Tản-Viên điều-tra xét-nghiệm. Lúc sai-nhân về tâu lại, nhất nhất đúng như lời Tử-Văn.

Diêm-Vương cả giận bảo các phán-quan rằng :

— Lũ người chia nhau tòa-sở, ai có chức-phận nấy, phải đem lòng chí công ra thi-hành luật chí-công. Thường phải chính-đáng mà không thiên-tư, phạt phải đích-xác mà không hà-lạm, thế mà còn những kẻ gian-trá, hành-động can-rỡ như vậy. Huống chi về đời Hán, đời Đường, bán quan chạy tù, thì mới tẻ-những còn xiết nói nữa chẳng ?

Liền sai lấy lồng sắt chụp lên đầu, lấy thỏi gỗ nhét vào miệng, áp-giải đem giam vào ngục Cửu-u.

Diêm-Vương lại nghĩ Tử-Văn có công trừ hại, truyền cho vị thổ-thần miếu kia, trong các tuần-tiết hàng năm, phàm có rượu thịt nên chia cho Tử-Văn một nửa, rồi đưa mắt sai giáp-sĩ dẫn Tử-Văn về nhà.

Về đến nhà mới biết mình chết đã hai ngày rồi, Tử-Văn đem hết việc đã thấy thuật lại, ai cũng kinh-hãi, mà không tin là thực. Sau họ đón một bà cốt phụ đồng lên hỏi, thì cũng nói đúng như lời Tử-Văn. Dân làng bèn lựa gỗ, mượn thợ cắt tòa miếu mới mà ngói mã người Tàu kia, vô-cớ bật tung lên, năm xương tàn cũng nát ra như cám.

Sau đó một tháng, Tử-Văn bỗng thấy ông già đến bảo :

— Lão-phu đã trở về miếu, không biết lấy gì báo-đáp. Nay thấy ở Miếu Tản-Viên, khuyết một chân phán-sự, chưa có ai thay. Tôi cùng thầy là chỗ nghĩa cũ, hết sức tiến-cử, đã được đức Thánh Tản ưng cho. Vậy xin lấy việc đó đề đền ơn thầy. Người ta ở đời, xưa nay ai mà không chết, miễn sao đề tiếng thơm cho đời sau là đủ. Nếu trùng-trình chừng nửa tháng, sợ sẽ về tay người khác mất. Thầy nên cố gắng đi, chớ có coi là việc tầm-thường.

Tử-Văn vui vẻ nhận lời, bèn thu-xếp việc nhà, rồi chẳng có tật bệnh gì mà mất.

Năm giáp-ngọ (1414), có người ở thành Đông-Quan (1), quen biết Tử-Văn, sáng sớm kia đi ra ngoài cửa tây vài dặm, đang lúc sương mù trông thấy một đoàn xe ngựa lù lù đi tới, lại nghe tiếng quát rằng :

« Người đi đường tránh ra ! Xe quan phán sự ».

Người ấy ngẩng nhìn phía trước, cách nửa mẫu, người ngồi trên xe chính là Tử-Văn. Song Tử-Văn cứ ngồi trên xe chấp tay thi lễ, chứ không nói một lời nào, rồi cười gió đi mất. Đến nay con cháu Tử-Văn hãy còn, người ta còn truyền là « nhà Quan Phán-sự »

PHẦN BÌNH LUẬN

Than ôi ! Người ta thường nói rằng : « Cứng quá thì gãy ». Kẻ sĩ chỉ lo không cứng được thôi, còn gãy hay không là ở trời. Há nên cứ tiên liệu là sẽ gãy mà đổi cứng ra mềm ru ?

(1)— Tức là Hà-nội bây giờ.

Ngô-Tử-Văn chỉ là một kẻ quê mùa, mà một niềm cứng-cỏi, nên mới dám đốt miếu thờ tà-thần, chống đối yêu-ma làm một việc rửa hờn được cả cho thần lẫn người, nhân thế mà nổi tiếng nơi phủ-đệ, lại được ban An, thụ chức, thực là không thẹn vậy.

Vậy là kẻ sĩ, không nên kiêng sợ sự cứng-cỏi.

Chức Phán-sự miếu Tân-viên



徐式儂婚錄

TỪ THỨC TIỆN-HÔN LỤC

TRUYỆN TỪ-THỨC LẤY VỢ TIÊN

Khoảng năm Quang-Thái 光泰 đời nhà Trần (cuối thế-kỷ thứ 14), ở Hóa-Châu 化州 (Thanh-Hóa) 清化 có chàng Từ-Thức nhờ phụ-ấm được bổ huyện-tề (tri-huyện) Tiên-Du 仙遊 (Bắc-Ninh 北寧). Cảnh huyện, có ngôi chùa danh tiếng. Trong chùa có một cây mẫu-đơn, cứ mùa hoa nở là ngựa xe tấp-nập đến xem hoa đông như hội.

Tháng hai năm bình-tý (1396) có một cô gái tuổi chừng 15, 16 ; phấn diễm sơ-sài, dong nhan lộng-lẫy, cũng đến xem hoa. Nàng vịn phải cành giồi nên gãy, bị người coi hoa bắt giữ lại. Ngày đã sắp tối mà không ai đến nhận. Từ-Thức thấy vậy động lòng thương, liền cởi áo cừu gấm trắng đưa vào tăng-phòng để chuộc nàng ra. Mọi người thấy vậy đều khen Từ là một vị quan hiền-đức.

Song Từ-Thức vốn tính ưa rượu thích đàn, đam thơ mê cảnh, công việc sổ sách bỏ tùn lại, thường bị quan trên quở-trách rằng :

— Thân-phụ thầy làm đến đại-thần chấp-chính mà thầy không làm nổi chức huyện-tề hay sao ?

Từ than rằng :

— Ta chẳng thể vì số lương năm học gạo hằm vàng mà buộc mình trong trường danh-lợi. Ấu là với một mái chèo, bỏ quan trở về, Non xanh nước biếc có phụ gì ta đâu ?

Liền cởi trà ấn tín ra đi. Vốn ưa cảnh hang động ở miền Tống-Sơn (宋山); bèn xem chỗ cất nhà ở đó. Từ thường sai gã hề-đồng đem bầu rượu cây đàn đi theo, còn tự mình thì mang mấy tập thơ Đào-Tiêm, hề gặp nơi nào ưng ý là lại rót rượu ra uống có vẻ thú-vị lắm. Phàm những nơi thủy tú sơn kỳ như núi Chích-Trợ (隻著), động Lục-Vân (綠雲), kènh Nga (峨), sông Lãi (隸), thấy đều có thơ đề-vinh.

Một hôm, Từ dây sớm trông ra cửa bể Thần-Phù (神符), (thuộc huyện Nga-sơn, Thanh-Hóa) ngoài xa chừng vài mươi dặm, thấy đám mây ngũ sắc ùn-ùn kết lại như một đóa hoa sen nổi lên, với chèo thuyền ra xem thì thấy một trái núi rất đẹp. Từ kinh ngạc bảo gã chèo thuyền rằng :

— Ta ở trong chốn giang-hồ, các thắng cảnh miền đông-nam, đã từng qua lại nhiều lần biết rõ. Nay không biết trái núi này từ đâu lại mọc ra trước mắt. Có lẽ là non tiên rụng xuống, vết thần hiện lên, không thì sao khi trước đã không, mà hôm nay lại có được.

Từ bèn buộc thuyền lên bờ coi thì thấy khi núi xanh biếc, vách đá dựng thẳng cao hàng ngàn trượng ; bằng không có cánh, vị tất trèo lên thăm cảnh đó được. Nhân đề một bài thơ luật rằng :

Nguyên văn :

1. 千章碧樹掛朝殿，
花草迎人入洞門。
2. 遠澗已無僧採藥；
沿流剩有客尋源。

3. 旅遊滋味琴三弄 ;
釣艇生涯酒一樽 。
4. 擬向武陵漁子問 ;
前來遠近種桃村 。

Phiên âm :

1. Thiên chương bích thụ quải triều đôn,
Hoa thảo nghinh nhân nhập động môn.
2. Nhiêu giản dĩ vô tăng thái dục ;
Duyên lưu thặng hữu khách tìm nguyên.
3. Lữ-du tư-vị cảm tam lộng ;
Điểu-đĩnh sinh-nhai tửu nhất tôn.
4. Nghĩ hương Võ-Lãng ngư-tử vấn ;
Tiền lai viễn cận chủng đào thôn ?

Giải nghĩa :

1. Ngàn cây xanh biếc rải ánh nắng ban mai,
Hoa cỏ đón người vào cửa động.
2. Quanh suối đã không sự hái thuốc.
Nơi dòng chỉ có khách tìm nguồn.
3. Đi chơi đất lạ nếm mùi ba khúc đờn (1)
Tìm thú sinh-nhai trên thuyền câu và một bình rượu,

(1)— Hoàn-Y 桓伊 đời Tấn rất giỏi âm-nhạc. Một hôm Vương-huy-Chi 王徽之 xuống kinh-sư, đậu thuyền ở Thanh-Kê 清溪. Gặp lúc Hoàn ở trên bờ, có người biết lại mách Vương. Nhưng cả Hoàn lẫn Vương chỉ biết tiếng nhau, chưa từng quen mặt. Vương sai người lên mời Hoàn nói rằng : biết tiếng ông thổi sáo rất hay, xin ông cho nghe một khúc. Hoàn liền xuống thuyền thổi ba bản, rồi lên xe đi luôn. Hai người không ai nói với ai một câu nào (theo Thượng-hữu lục).

4. Muốn đến Võ-Lăng (1) tìm Ngư-Ông hỏi :
Thôn Đào cách đây xa hay gần ?

Dịch ra văn vần :

1. *Nắng mai rừng biếc khoác màu hồng,
Hoa cỏ chờ ai tới động trung ?*
2. *Hái thuốc nào đầu sư lặn suối ;
Tìm nguồn duy có khách theo dòng.*
3. *Qua chơi đất lạ đờn ba khúc ;
Mãng thú thuyền câu, rượu một chung*
4. *Muốn kiếm Võ-Lăng ngư-phủ hỏi,
Thôn đào bát-ngát ngần-ngơ lòng.*

Từ đề xong, trong dạ bồi-hồi ngư-ngân, dường như có ý trông chờ. Chợt thấy vách đá nứt toác ra một cái hang tròn, đường kính chừng một trượng, bèn vén áo thử bước vào, đi chưa được vài bước, cửa hang đã đóng sập lại, tối-tăm mù-mịt như sa vào cái vực đen tối. Bụng nghĩ không thể nào thoát chết được, Từ lấy tay sờ-soạng vết rêu

(1) — Triều Thái-Khang 太康 đời Tấn (280—289), Hoàng đạo-Chân 黃道真, người Võ-Lăng (nay thuộc huyện Thường-Đức, tỉnh Hồ-Nam) đánh cá ở ven suối, một hôm lạc tới rừng đào đầy hoa nở, tò-mò đi hết khu rừng đào thì đến một trái núi, liền buộc thuyền lại, vào xem. Lúc đầu lối đi nhỏ hẹp, chỉ vừa người đi lọt. Đi được vài mươi dặm, đến một khu đất bằng phẳng, rộng-rãi sáng sủa, có đủ nhà cửa, gà chó như ở nhân-gian vậy. Hoàng vào hỏi người ở đó mới biết rằng : Ông Tở họ trước lánh cường Tần vào ở luôn đây. Họ chẳng biết chi đến truyền đời, thậm chí đến nay giang-sơn đã về tay nhà Tấn, họ cũng không hay nữa. Người trong thôn xóm ai cũng mời Hoàng vào chơi, tiếp-đãi ân-cần. Hoàng ở lại chơi mấy bữa rồi trở về. Sau Hoàng lại muốn trở lại nơi đó mà không tìm thấy đường nữa. (theo Thượng-hữu-lục).

xanh, nhận thấy có một lối đi nhỏ, ngoằn-ngoèo như ruột dê. Lăn mò bước đi chừng hơn một dặm thì thấy có đường dốc đi lên, bám vtu lẩn từng bước, càng lên đường càng rộng thêm. Lên đến ngọn núi thì bầu trời quang đãng, ngoảnh nhìn bốn phía đều có lâu-đài lộng-lẫy : mây xanh rắng đỏ bám lấy lan-can, cỏ ngọc hoa châu khoe màu đầy đó. Từ nghĩ thầm : đây nếu không phải đền tiên cõi phật, cũng là nơi ẩn tục lánh phàm như Thửu-linh (1) 菁嶺 Đào-nguyên chẳng hạn.

Còn đương suy-nghĩ, chợt nghe thấy hai đồng-nữ áo xanh bảo nhau rằng :

— Chú rề nhà ta đã đến.

Đoạn chúng chạy vào báo tin, một lát trở ra nói :

— Phu-nhân mời chàng vào.

Từ liền theo họ đi vào, quanh bức tường gấm qua bực cửa son. Trong cửa là tòa cung-diện cao ngất-ngưỡng, trên biển đề « Điện Quỳnh-Hư » (瓊虛), « Góc Dao-Quang » (瑤光). Trên gác có bà tiên áo trắng ngồi trên giường thất-bảo. Bên cạnh kê một cái sập gỗ đàn-hương, bà mời Từ lên ngồi rồi bảo rằng :

— Tinh hiếu kỳ của chàng đã thành sự thực. Cuộc đi chơi vui thú này hẳn đã thỏa chí bình-sinh. Mối duyên kỳ-ngộ chàng còn nhớ không ?

(1) — Thửu-Linh còn gọi là Thửu-Sơn hoặc Linh-Thửu sơn 靈鷲山 ở Ấn-Độ, tục truyền đức Phật hay ở đó. Đỉnh núi giống hình chim Thửu, một loài chim cất dũ hay ăn thịt người chết, cho nên còn có tên là Thửu-Đầu-Sơn 鷲頭山 (từ nguyên).

Từ thưa rằng :

— Bì-nhan là kẻ dật-sĩ ở Tống-Son. Một cánh buồm gió, một lá thuyền nan, quen thói giang-hồ phóng-đăng, vui đâu chầu đó. Nào biết nơi đây lại có lầu thanh phủ tia. Lăn-mò được tới đây, tưởng mình đã sinh lòng mọc cánh. Song lòng trần hầy còn mờ-mịt, chưa hiểu tiền đồ ra sao, gốc ngọn thế nào, xin ngài chỉ-giáo rõ-ràng cho.

Bà Tiên cười mà rằng :

— Chàng biết sao được. Đây là núi Phù-Lai 浮萊 tức động thứ sáu trong 36 động tiên, nổi bằng-bềnh ngoài biển cả, không chằng không rể như núi La 羅, núi Phù 浮 hợp tan theo với gió mưa, chẳng khác các ngọn Bồng Lai (蓬萊), co-duỗi theo làn sóng dợn, mà ta là địa-tiên núi Nam-Nhạc (南嶽) tức Ngụy phu-nhân (1). Vì chàng nghĩa cả, hay giúp người trong cơn nguy khốn, nên mới dám phiến chàng đến đây.

Bà Tiên lại đưa mắt cho con hầu vào gọi cô tiên ra.

Từ liếc mắt nhìn trộm, té ra là người đánh gãy cành hoa bữa trước.

Bà Tiên trở bảo rằng :

— Đưa con tới đây là Giáng-Hương 絳香, ngày trước đi xem hoa gặp nạn, nhờ chàng cứu gỡ. Ông ấy không quên, nay muốn cho cùng chàng kết duyên đề đền ơn trước.

(1) — Núi Nam-Nhạc tức là Hoắc-Son 霍山 xưa gọi là Thái-Nhạc, nay ở phía đông-nam huyện Hoắc, tỉnh Sơn-Tây. Trong bài thơ « Đưa nữ-đạo-sĩ qua chơi Nam-Nhạc » của Lý-Bạch 李白 có câu : Quyện tâm hương Nam-Nhạc, ung kiến Ngụy Phu-nhân. 倦尋向南嶽, 應見魏夫人. Nghĩa là : Vất-vả tìm vào núi Nam-Nhạc, phải tìm bái-kiến Ngụy phu-nhân. Ngụy Phu-nhân nguyên là con gái quan Tư-Đồ Ngụy-Thư 魏舒 triều Tấn, là vợ Lưu Âu-Ngan 劉幼彥, sau theo thầy học đạo đến ở đây.

Bèn ngay đêm hôm ấy, sai thắp đèn mỡ phụng, trải chiếu vẫn rồng đề hai người làm lễ giao bá. Ngày hôm sau chư tiên đến mừng. Có vị mặc áo gấm cưới ly (1) từ ngã bắc xuống; có vị mặc áo lụa cưới rồng ở phía nam lên, có bà di kiệu ngọc, có bà cưới xe gió, đồng thời đến họp. Tiệc đặt trên tầng thượng gác Dao-quang, buồng rèm cầu (cái móc) ngọc, rủ trướng móc vàng. Phía trước đặt cái ghế bành bằng ngọc lưu-ly để không Chư tiên vãi chào nhau rồi ngồi trên các ghế đặt ở bên tả, Từ-lang ngồi trên giường kê bên hữu. An tọa đầu đầy rồi, có tiếng truyền hô « Kim-Tiên (2) 金仙 đến ». Thấy đều bước xuống, cúi lạy đón chào. Đoàn lên gác tấu nhạc. Tiệc bày trên mâm mã-nảo, đĩa ngọc-thạch. Những món ăn rất kỳ lạ, lại dùng rượu kim-tương, ngọc-lê, hương thơm ngào-ngạt, không giống mùi trần-tục chút nào.

Bà mặc áo gấm cất tiếng :

— Chúng tôi ở cõi này đã tám vạn năm, biển nam đã ba phen biến-đổi, nay chàng lặn-dặn tới đây, không còn có sự cách-trở giữa hai cõi trần-hoàn (3), hương-lửa ba-sinh tưởng cũng không phụ, đừng cho chuyện thần-tiên là thuyết hoang-đường nữa.

Kể đó, các đồng-tử chia ra từng lớp múa điệu lãng ba (凌波). Đoàn, phu-nhân mời chư tiên nâng cốc. Giáng-Hương rót rượu.

(1) — Con-li cũng giống con rồng, sắc vàng, không có sừng. Nay các đầu cột đình chùa hay chạm con li gọi là li-đầu.

(2) — Kim-Tiên là bà Tây-Vương Mẫu.

(3) — Nho-gia gọi đời người là « thế » (世); Thích-gia (nhà Phật) gọi là « kiếp » (劫) đạo-gia gọi là « trần » (塵).

Bà tiên bặt xiêm lụa nói đùa :

— Bữa nay trông nương-tử da-dẻ mịn-màng, chứ không khô gầy như trước nữa. Người ta thường nói « ngọc-nữ không chổng », câu đó hỏi còn tin được nữa không ?

Chư tiên đều cười ồ. Duy có vị mặc áo bào xanh buồn-rầu không vui mà nói rằng :

— Sự kết hợp của cô em đây, thực ra là bởi duyên nợ xui nên. Chỗ e : giá đành trong ngọc trên mây mà duyên sánh cõi phàm khách tục. Vạn nhất tiếng lộ trần gian, ché sinh thượng-giới, rồi có nhiều chuyện mĩa-mai làm lụy đến thượng-tiên, sợ rằng chúng ta cũng không khỏi lụy vậy.

Bà Kim-Tiên nói :

— Ta ở chốn lâu cao, hầu gần Thượng-Đế, cõi trần mờ-mịt, chưa từng đặt chân xuống bao giờ. Thế mà kẻ hiểu sự còn bịa ra : Dao tri hội yến tự đời Chu (1) ; thanh-diều truyền tin ở đời Hán (2). Đối với ta họ còn thế, huống chi với các người, thế nào cũng có đấy. Nhưng thôi, có tàn-lang ngồi đây, ta không nên bàn chuyện phiếm nữa, khiến chàng rối ruột.

(1) — Dao-tri là nơi Vương-Mẫu ở. Sách Loại-tự chú : Vua Mục-Vương nhà Chu (cuối thế kỷ thứ X trước công-nguyên) có tính ham-thích thần-tiên, rồi được cùng bà Tây-Vương-mẫu hội yến ở Dao-Tri.

(2) — Sách Đường-thi chú : Hán Vũ-Đế ngồi ở điện Thừa-Hoa, chợt có hai con chim xanh từ phương tây bay lại, đậu ở trước điện. Vua hỏi Đông-phương-Sóc. Sóc nói : « Đó là bà Tây-Vương-Mẫu sắp đến chơi, cho nên chim lại báo tin trước ». Một lát, quả thấy Vương-Mẫu đến, có hai người thị-nữ áo xanh theo hầu. Người ta nói hai tên thị-nữ này tức là hai con chim xanh lúc trước.

Phu-nhân nói :

— Tôi trộm nghe : Tiên may gặp chứ khôn tìm, đạo không tu mà tự đến. Những cuộc hội ngộ ly-kỳ đời nào chả có. Nào đền Bạc-Hậu (1), nào quán Cao-Đường (2), nào thần Lạc-phố 洛浦 lướt sóng (3), nào chuyện Giang-Phi 江妃 cỡi ngọc (4), nào Lộng-Ngọc 弄玉 vầy duyên Tiêu-Sử 蕭史 (5), nào Thái-Loan 彩鸞 gặp-gỡ Văn-Tiêu 文蕭 (6), nào Lan-Hương 蘭香 kỳ phùng Trương-Thạc 張碩 (7). Bao nhiêu chuyện cũ biên chép rành-rành ra đó. Mới có thể này mà bị chê-bại thì đã có vô-số bạc tiền-bối đỡ đòn cho mình.

(1) — Xem chú-thích trong truyện «Kỳ-ngộ chốn Tây-viên» ở trên.

(2) — Sở-Vương ở quán Cao-Đường, gặp một nàng thần-nữ rời cùng nàng chung chăn gối.

(3) — Sách Quần-ngọc chép : Trần-tu Vương 陳思王 gặp thần-nữ ở Lạc-Phố. Thần-nữ tên là Mật-Phi (宓妃) con gái vua Phục-Hy 伏羲.

(4) — Sách Liệt-tiên-chuyện chú : Hai nàng tiên Giang-Phi 江妃 chơi ở bến sông gặp Trịnh-Giao-Phủ 鄭交甫. Hai nàng đeo hai hạt minh-châu rất lớn, to bằng quả trứng. Trịnh không biết là nữ-thần, xin hai nàng những viên ngọc đó. Hai nàng liền cỡi ngọc ra tặng Trịnh. Trịnh nhận ngọc đi vừa được vài chục bước thì ngọc không còn mà hai nàng cũng biến mất.

(5) — Sách Loại-Tự chú : Tiêu-Sử có tài thổi tiêu rất giỏi, Tần Mục-Công đem công-chúa Lộng-Ngọc gả cho chàng. Một hôm, Tiêu-Sử đang dạy Lộng-Ngọc thổi tiêu trên Phượng-lâu, chim Phượng-hoàng nghe tiếng bay đến, sau cả hai vợ chồng cùng cỡi phượng bay lên trời.

(6) — Sách Hương-Đài 香臺 chú : Ngô-Thái-Loan 吳彩鸞 vì tư-dục lộ thiên-cơ, bị đẩy xuống làm vợ người trần, lấy chàng Văn-Tiêu. Hai vợ chồng đưa nhau về ở Chung-Lăng 鍾陵. Nhà nghèo, nàng phải làm nghề viết mướn độ nhật. Nét bút nàng như rồng bay phượng múa và viết rất nhanh. Viết một bộ thơ Đường được trả năm ngàn đồng. Sau nàng cùng Văn-Tiêu mỗi người cưới một con hổ đi vào Việt-Vương-Sơn mất.

(7) — Ngọc-Nữ Đổ Lan-Hương lấy chàng Trương-Thạc. Sau nàng về trên trời, Trương-Thạc thương nhớ vô cùng. (Theo Đường-thi).

Ai nấy phá lên cười rất là vui-vẻ. Khi mặt trời đã xế non đoài, tan tiệc : khách khứa nơi đâu về đó. Từ nói đùa Giáng-Hương rằng :

— Thì ra cõi tục khắp nơi đều có chuyện phối-ngẫu cả, cho nên Chức-nữ xe về Ngưu-lang; Thượng-Nguyên 上元 đi tìm Phong-Trắc 豐涉 (1); Tăng-Nhụ có bài ký Chu-Tần (2); Quần-ngọc có bài thơ Hoàng-Lăng 黃陵 (3). Cảnh tuy có khác nhưng tình giống nhau, ngàn xưa vẫn thế. Bây giờ chư tiên đâu về đấy rồi, trong cảnh quạnh-hiu buồn tẻ, không biết lòng vật-dục có chớm nở không? hay là cũng có nhưng phải cố mà dè nén nhỉ?

Giáng-Hương buồn rầu đáp :

— Các vị đó đều có khí huyền-nguyên (玄元), có tính chân-nhất (真一), tên đề đề vàng, mình hầu cửa tia, ở phủ Thanh-hư, chơi nơi tịch-mịch. Không cần gạn mà lòng tự trong, không cần lấp mà đục vẫn lặng; đâu có như thiếp : thất tình chưa trút, bách cảm dễ sinh; hình nơi phủ tia mà lòng vương trần duyên; thân chốn đền Quỳnh mà lòng theo cõi Tục. Chàng chớ nên nhân một mình thiếp mà cho là quần tiên đều thế cả.

(1) — Phong-Trắc đọc sách ở trong núi thâm rừng sâu, bà tiên Thượng - Nguyên phu-nhân đêm đến ve - vãn. (Theo sách Thiên-hạ dị-kỷ).

(2) — Đã chú thích trong truyện người Nghĩa-Phụ khoái châu.

(3) — Sách Thái-Bình Quảng-ký chú : Lý Quần-Ngọc về Sầm-Dương, đi qua miếu Nhị-Phi (二妃) có đề bài thơ Hoàng - Lăng (黃陵) chợt thấy hai vị nữ-lang tự xưng là Nga-Hoàng, Nữ-Anh hẹn với Lý hai năm nữa sẽ có mối duyên gặp gỡ, rồi biến mất. Lý bèn vào lễ thần-tượng trong miếu rồi đi.

Từ nói :

— Nếu thế thì nàng còn thua các tiên kia xa lắm !

Hai người cùng vỗ tay cả cười.

Chỗ Giáng-Hương ở có bức bình-phong trắng. Từ thường đề thơ vào. Thơ rằng :

I

Nguyên văn :

1. 眼 底 煙 霞 脚 底 雲 ，
2. 清 光 洒 洒 遍 三 神 。
3. 松 花 半 老 香 風 動 ，
4. 媒 引 滄 浪 釣 艇 人 。

Phiên âm :

1. *Nhãn đề yên hà cước đề vân,*
2. *Thanh quang sái-sái bực Tam-Thần.*
3. *Tùng hoa bán lão hương phong động ;*
4. *Môi dẫn thương lang điếu đình nhàn*

Giải nghĩa :

- Ràng, khói dưới mắt, mây dưới chân.
- Trong sáng chói-lọi át cả núi Tam-Thần (1)
- Hoa thông chưa già, gió quyện hương thơm.
- Du dẫn khách thuyền câu vượt sóng lại.

(1) — Đời xưa tục-truyền ngoài biển có ba núi Thần gọi là Tam Thần 三神 Tam Thần là : Bồng-Lai (蓬萊) Phương-Trượng (方丈) Đoanh-Châu (瀛洲).

Dịch ra văn vần :

1. *Mắt ngắm yên-hà gót đạp mây,*
2. *Non thần chói-lọi cũng chưa tây.*
3. *Hoa thông nửa kiếp hương theo gió,*
4. *Dụ khách thuyền câu vượt tới đây.*

II

Nguyên văn :

1. 秋風一夜月漫山，
2. 簾捲黃花入倚欄，
3. 酒力困人詩思苦，
4. 吟毫醉闕碧琅玕。

Phiên âm :

1. *Thu phong nhất dạ nguyệt man san,*
2. *Liêm quyển hoàng-hoa nhập ý lan,*
3. *Tử lực khốn nhân thi-từ khổ,*
4. *Ngâm hào túy các bích lang can*

Giải nghĩa :

1. Một đêm gió thu, trăng đầy núi,
2. Rèm cuốn bóng hoa vàng lọt vào tựa lan-can.
3. Men rượu mệt người, tứ thơ khó tìm,
4. Rượu say, đành gác bút lang can (1)

(1)— Bút lang-can là bút ngọc, quản bằng trúc.

Dịch ra văn vần :

1. Đêm thu, gió thoảng, nguyệt đầy non,
2. Rèm cuốn ; hoa vàng lọt gác son.
3. Rượu đã say mềm, thơ bi vận,
4. Khôn đem bút ngọc gọi thi hồn.

III

Nguyên văn :

寶 鴨 凝 寒 換 宿 香 ，
別 裁 新 譜 理 霓 裳 。
辭 成 不 敢 高 聲 道 ，
鶯 起 陰 來 風 雨 長 。

Phiên âm :

*Bảo áp ngưng hàn hoán túc hương,
Biệt tài tân phổ lý nghi-thường.
Tư thành bất cảm cao thanh đạo,
Kinh khởi âm lai phong vũ trường*

Giải nghĩa :

Bình tràm giá-lạnh phải đổi hương cũ,
Xét lựa đề phổ lại khúc nghi-thường (1).
Khúc nhạc đã thành, chẳng dám ca tiếng lớn,
Luống sợ gió mưa to ngấm nổi lên.

(1)— Sách Thượng-Hữu-Lục chú : Đường Minh-Hoàng một đêm rằm tháng 8 nhờ đạo sĩ La-Công-Viên 羅公遠 dùng phép đưa lên chơi cung trăng. Nhà vua được xem tiên-nữ múa hát khúc Nghi-Thường dưới gốc cây quế lớn. Về dương-trần, nhà vua cũng bắt chước đặt ra khúc nhạc Nghi-Thường.

Dịch ra văn vần :

*Già lạnh bình trâm phải đổi hương,
Đản đo phổ lại khúc nghệ-thường.
Bài thành chẳng giám ngâm cao điệu,
Luống sợ phong-ba nổi bất thường.*

IV

Nguyên văn :

紅霞對起赤城椒，
插漢宮牆鎖寂寥。
星斗繞欄天一握，
夜深秦女學吹簫。

Phiên âm :

*Hồng hà đối khởi Xích-Thành tiêu,
Sạp han cung tường tỏa tịch-liêu.
Tinh-dầu nhiễu lan thiên nhất ác,
Đạ thâm Tần-nữ học xuy tiêu.*

Giải nghĩa :

Ráng đỏ nổi lên ngang đỉnh núi Xích-Thành (1),
Cung-tường cao ngắt trời như khóa cảnh tịch-mịch.
Sao mọc quanh lan-can với tới trời,
Đêm khuya Tần-Nữ học thổi ống Tiêu. (2)

(1) — Quán-Ngọc chú : Xích-Thành là tên một ngọn núi ở Thiên-Thai sắc đỏ như ráng vậy.

(2) — Tần nữ là công-chúa Lộng-Ngọc, đã chú-thích ở trên.

Dịch ra văn vần :

Mây đỏ đùn lên đỉnh Xích-Thành,
Quạnh hiu cung-điện ngất mây xanh.
Bốn bề tinh-đầu trời gang tấc,
Tần-Nữ tiêu vang lúc vãn canh.

V

Nguyên văn :

滄茫雲外短長洲，
閩桂乾坤日夜浮。
一鳥暮春飛不盡，
連空淡掃碧悠悠。

Phiên âm :

Thương mang vân ngoại đoản trường châu,
Mân, Quế càn-khôn nhật dạ phù.
Nhất điều mộ xuân phi bất tận,
Liên không đạm tảo bích du du.

Giải nghĩa :

Bát-ngát ngoài mây châu lớn nhỏ (1)
Phương trời Mân, Quế (2) ngày đêm lập lờ hiện ra.
Lúc xuân tàn cái chim bay mãi mãi,
Vòm trời như quét một làn xanh lợi bát ngát.

(1) Văn-Lâm Quảng-Ký 文林廣記 chú : ngoài bề có mười châu như Doanh-Châu, đất vương bốn ngàn dặm có tiên ở; Quật-Châu 窟州 đất ba ngàn dặm, có đại tiên ở...

(2) Đất Mân nay thuộc tỉnh Phúc-Kiến — Quế nay thuộc tỉnh Quảng-Tây.

Dịch ra văn vần :

*Chân mây bát-ngát cõi tiên-châu,
Màn, Quế phương trời ngút tận đầu.
Chiếc nhạn xuân tàn bay lạc-lỡng,
Vòm trời xanh biếc sạch lâu lâu,*

VI

Nguyên văn :

却 寒 簾 故 月 重 重 ，
怯 對 衰 顏 把 鏡 慵 。
隔 竹 喚 來 徧 枕 夢 ，
五 更 無 奈 遠 山 鐘 。

Phiên âm :

*Khước hàn liêm phóng nguyệt trùng trùng,
Khấp đối suy nhan bả kính慵.
Cách trúc hoán lai tiên chầm mộng,
Ngũ canh vô nại viễn sơn chung.*

Giải nghĩa :

Chống rét rèm buồm, ánh trăng chập-chùng,
Ngán vẻ mặt xanh xao, ngại soi gương.
Cách ngán trúc, muốn gọi lại giấc mơ trên gối tiên (1)
Suốt năm canh trăn-trọc nghe tiếng chuông từ núi
xa vọng lại.

(1) Đã chú-thích trong truyện Nghiệp oan của Đào-thị.

Dịch ra văn vần :

Lạnh-lẽo rèm buồng ánh nguyệt lồng,
Võ-vàng nét mặt ngán gương trong.
Gối tiên ngán trúc ngăn hờn-mộng,
Núi thăm nếm canh rộn tiếng đồng.

VII

Nguyên văn :

浮浮瑞霧繞金闈，
方丈携南弱水西。
唱罷鼉更天欲曙，
鄉心何處一聲鷄。

Phiên âm :

Phù-phù thụy ái nhiễu kim khê,
Phương-trượng huê nam Nhược-thủy tây.
Xướng bãi ðà-canh thiên dục曙,
Hương tâm hà xứ nhất thanh kê.

Giải nghĩa :

Ùn ùn mây lạnh quanh cửa vàng,
Núi Phương-trượng mé nam, sông Nhược-Thủy mé
tây.
Canh ðà (1) dứt tiếng trời gần sáng,
Trạnh nhớ què-hương, gà gáy nẻo nào ?

(1) ðà thường gọi là ðà-long, là một giống cá có chân, dài vài trượng da bên có thể bung trống được. Tiếng kêu rất lớn. Mỗi lần kêu là đúng một trống canh (Từ-nguyên).

Dịch ra văn vần :

Mây lạnh lơ-lửng phủ buồng khuê,
Phương-trượng non xa Nhược-thủy kê
Dứt liếng Đà-long, trời sắp sáng,
Tắc lòng cố-quốc lắng canh Kê.

VIII

Nguyên văn :

煙 嵐 如 菩 柳 如 鈿 ，
瑣 閣 晴 窺 海 舶 船 。
羽 客 去 時 無 處 覓 ，
步 虛 聲 外 碧 連 天 。

Phiên âm :

Yên lam như kế liễu như diềm,
Tỏa thát tình khuy hải bạc thuyền.
Vũ khách khứ thời vô xứ mịch,
Bộ hư thanh ngoại bích liên thiên.

Giải nghĩa :

Khói núi như mái tóc bóng liễu như hoa diềm (1),
Tựa cửa chạm, ngó thuyền bè ngoài bè khơi.
Đạo-sĩ đã ra đi, không biết đâu mà tìm,
Ngoài tiếng « bộ hư » (2) vòm trời xanh biếc một màu.

(1) Hoà diềm là thứ hoa cài bằng vàng đề trang diềm.

(2) Trần-tu-Vương 陳思王 nước Ngụy đi chơi trên núi, nghe thấy trên không có tiếng thần tiên tụng kinh, sau đạo-sĩ bắt chước tiếng tụng kinh ấy gọi là bộ-hư-thanh. (Ngô-Nguyên ký. 吳元記).

Dịch ra văn vần :

*Khói non : mái tóc, liễu : hoa cài.
Lặng ngắm thuyền-bè vượt bể khơi.
Đạo-sĩ ra đi tìm kho báu,
Lưng trời tếng kẻ vắng bên tai.*

IX

Nguyên văn :

四 面 波 濤 一 簪 山 ，
夜 來 何 處 夢 鄉 關 。
茫 茫 塵 界 回 頭 遠 ，
身 在 紅 雲 碧 水 間 。

Phiên âm :

*Tứ diện ba đào nhất kế sơn,
Đạ lai hà xứ mộng hương quan ?
Mang-mang trần-giới hồi đầu viễn,
Thân tại hồng vân bích thủy gian.*

Giải nghĩa :

Sóng vỗ bốn mặt một hòn núi,
Đêm đến, mơ-mộng quê-hương ở chốn nào ?
Mờ-mịt cõi trần, ngoảnh đầu trông lại thấy xa xăm.
Minh còn ở chốn mây hồng nước biếc.

Dịch ra văn vần :

Sóng vỗ bao quanh núi một hòn,
Hương-quan, canh vắng mộng du hồn.
Đoái trông trần-thế xa mờ-mịt,
Nước biếc mây hồng dạ héo-hon.

X

Nguyên văn :

桃 花 繞 澗 出 天 台 ，
委 地 殘 紅 半 綠 苔 。
却 笑 劉 郎 輕 出 洞 ，
臨 風 幾 把 玉 書 開 。

Phiên âm :

Đào-hoa nhiều giản xuất thiên-thai,
Ủy địa tàn hồng bán lục đài.
Khước tiểu Lưu-lang khinh xuất động,
Lâm phong kỷ bả ngọc thư khai.

Giải nghĩa :

Hoa đào quanh suối đến Thiên-Thai,
Mặt đất cánh hồng tàn rơi lẫn rêu xanh lọt.
Lại cười Lưu-Lang (1) nhẹ dạ ra khỏi động,
Trước gió mấy lần dở ngọc thư (thơ tiên coi).

(1) Trong bài thơ Tiên tiên chân Lưu-Thần ra khỏi động có câu : Ân-cần tương tống xuất Thiên-Thai, Tiên-cảnh na năng khước tái lai. 殷勤相送出天台，仙境那能却再来。 Nghĩa là : Thiên-Thai tiễn khách từng căn-dặn, Tiên-cảnh còn đâu dịp tái hồi.

Dịch ra văn vần :

*Rừng đảo quanh suốt tới Thiên-thai,
Mặt đất, hồng phai biếc lạc rơi.
Cười bác Lưu-Thần lìa động tếch,
Thơ tiên lặn dỏ lưỡng bồi-hời.*

Từ-Thức hồi tưởng từ hôm bỏ nhà ra đi, giữa ngày mang-bách, đến nay thấm thoát đã được một năm. Ao sen lại đổi màu lục. Cứ mỗi lần canh khuya gió thổi, sương lạnh ban mai ; trăng nhộm cửa sổ, sóng vỗ đầu giường, lại trạnh niềm nhớ cảnh, ngủ không yên giấc, một mối sầu man-mác làm chàng tỉnh dậy.

Một hôm, xa trông thấy chiếc tàu buôn đi về phía nam, Từ trở bảo Giáng-Hương rằng :

— Nhà tôi cũng ở về phía đó, nhưng trời xa biển rộng biết là nơi đâu ? Rồi nhân lúc nhân-rỗi, chàng lại nói với vợ :

— Tôi đây lòng cỏ héo-hon, lệ hoa l.ánh-thót, nức cười mình lụy tục chưa quên ; lưỡng rầu nỗi làng xưa vẫn nhớ, giám xin thế-tất, cho phép tạm về. Chưa rõ tôn-y thế nào xin cho tôi biết ?

Giáng-Hương bùi-ngùi, không nỡ dứt tình !..

Từ-lang lại nói :

— Tôi chỉ xin đi trong một thời-gian nào đó, về cho bạn-bè gặp mặt, thu-xếp việc nhà, liệu-lý xong-xuôi, rồi sẽ trở lại đây cùng nàng bách-niên giai-lão trong làng nước.

Giáng-Hương khóc mà rằng :

— Thiếp đau dăm vì tình phu-phụ mà ngăn-trở niềm nhờ quê-hương của chàng. Song cõi trần nhỏ hẹp, cảnh đời ngắn-ngủi. Dù nay chàng về, chỉ e sân liễu vườn hoa còn đâu phong-cảnh năm xưa. Nhân nằng thừa chuyện lại với phu-nhân.

Phu-nhân nói :

— Không ngờ chàng còn vương-viu lòng trần như vậy !

Rồi chọ một cỗ xe cãm-vân, sai đưa chàng về.

Giáng-Hương trao cho chàng một bức thư viết vào mảnh lụa mà nói :

— Ngày khác chàng trông thấy vật này, xin đừng quên mối tình cũ-kỹ.

Đoạn hai người cùng gạt lệ chia tay.

Chỉ trong chớp mắt, Từ về đến nhà, thì đã vật đổi sao dời ; thành-quách, nhân-dân, nhất nhất khác xưa, duy còn cảnh núi-non, khe suối, hai bên bờ không đổi sắc biếc màu xanh thuở nọ. Bèn đem tên họ mình hỏi thăm các người già-cả

Thầy đều nói rằng :

— Thuở nhỏ tôi có nghe : Ông tổ ba đời nhà tôi cũng cùng tên họ như ông đi vào núi mất, đến nay đã ngoài 60 năm (1). Hiện nay Nhà Lê đã trải ba triều, bây giờ là niên-hiệu Diên-Ninh thứ năm (1458)

(1) — Đoạn đầu đã nói Từ-Thức ra đi năm Bình-Tý niên-hiệu Quảng-Thái nhà Trần (1396), đến năm Diên-Ninh thứ 5 Triều Lê (1458) tức là 62 năm. Trong bản chính lại chép lầm là dư 80 năm, vậy xin sửa lại cho đúng.

Từ-Thức bấy giờ mới ngậm-ngùi hối-hận, muốn lại lên xe máy trở lại, nhưng xe đã hóa ra con chim loan bay mất rồi. Mở thư của Giáng-Hương ra xem, có câu : « Kết bạn phượng trên mây (1), duyên xưa đã hết ; tìm non tiên ngoài biển, dịp khác còn đâu ? » mới biết là nàng đã hờ lời vĩnh-biệt.

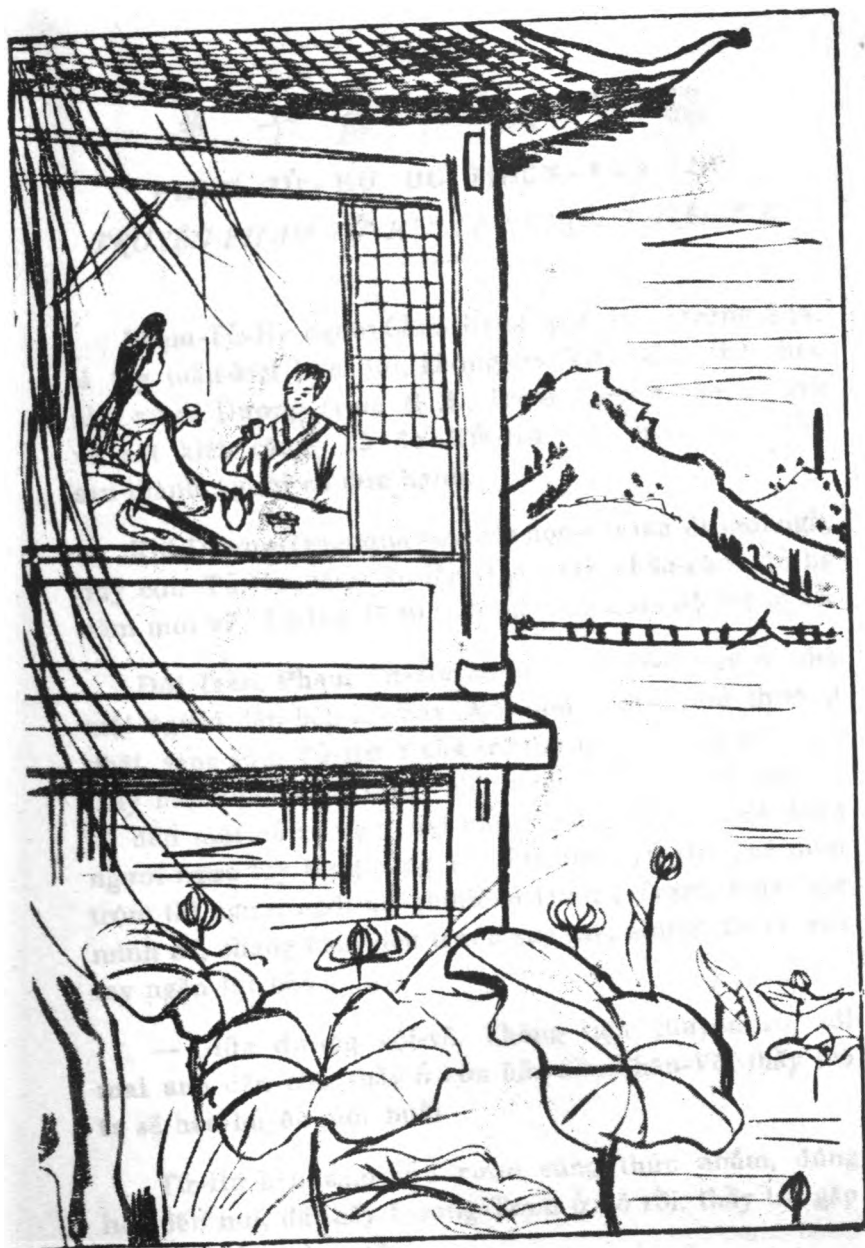
Từ bèn mặc áo cừu nhẹ, đội nón lá ngấn, vào núi Hoàng-Sơn, rồi sau không biết đi đâu mất.

PHẦN BÌNH-LUẬN

Than ôi ! Nói chuyện quái-dị, sợ loạn mối thường, cho nên thánh hiền không nói. Nhưng việc « Từ-Thức lấy vợ tiên » cho là thực không có chăng ?— Thưa rằng chưa hẳn là không. Cho là có thực chăng ?— Thưa rằng cũng chưa hẳn là có. Có không mờ-mịt, câu chuyện tựa-hồ quái-dẫn. Nhưng đã có Âm-công tất có dương báo, cũng là lẽ thường. Các bậc quân-tử sau này nên đề mắt đến. Hoặc thêm hoặc bớt, bỏ chỗ quái mà đề chỗ thường, phỏng có gì là hại.

(1) — Xem chú-thích trong truyện « Đối Tụng dưới Long-Cung ».

Từ-Thức lấy vợ Tiên



(Tranh Nguyễn-Úyển)

范子虛遊天曹錄

PHẠM TỬ-HƯ DU THIÊN-TÀO LỤC

TRUYỆN PHẠM TỬ-HƯ LÊN CHƠI THIÊN-TÀO

Phạm-Tử-Hư người Cẩm-Giang 錦江, Hải-Dương 海陽, là tay tuấn-kiệt hơn đời, không ưa kiếm-tỏa; theo học nhà xử-sĩ Dương-Trạm 楊湛, Trạm thường răn Tử-Hư về nét kiên cẳng. Từ đó Tử-Hư dốc lòng sửa đời, sau thành người có đức hạnh.

Khi Dương-Trạm qua đời, các học-trò tan đi mọi ngả, duy còn Tử-Hư, làm lều lều ở giữ mã, châu-chực đủ ba năm mới về. Tử-Hư đã 40 tuổi mà vẫn chưa đỗ đạt gì cả.

Đời Trần, Phạm Tử-Hư lai kinh du học, ngụ ở nhà một người dân bên hồ Tây. Một hôm, cũng như thường nhật, sáng sớm Tử-Hư ở nhà trọ đi ra, trong áng mây mù thấy một đoàn kiệu vàng, biền ngọc bay lên trên khôn; kể đến một cỗ xe nạm hạt châu, sau nữa là một đoàn người ngựa tùy tùng cũng rất tề-chỉnh. Tử-Hư ghé dòm trộm thì người ngồi xe chính là Dương-Trạm, thầy học mình cũ, chàng toan đến trước sụp lạy, nhưng Trạm xua tay ngăn lại bảo :

— Giữa đường vội-vã, không tiện chuyện-trò, tối mai anh đến chờ thầy ở cửa bắc đền Chân-Võ, thầy trò ta sẽ hàn-huyên một buổi.

Tử-Hư bèn sắm sửa rượu cùng thức nhắm, đúng hẹn đến nơi, đã thấy Dương-Trạm ở đó rồi, thầy trò gặp nhau rất là mừng-rỡ.

Tử-Hư hỏi :

— Thầy mới từ trần chưa được bao lâu, thoát đã trở nên hiển-hách khác hẳn ngày xưa, xin thầy cho con biết rõ duyên-do, để con được vui mừng.

Dương-Trạm đáp :

— Thầy nhất sinh ở đời, cũng chả làm được điều thiện nào đáng kể, chỉ có giữ lòng tin-thực giữa tình thầy nghĩa bạn, qui trọng những tờ giấy có chữ, hề thấy rơi vãi liền nhặt đốt đi. Đức Đế-Quán khen là có tâm-cơ, tâu xin cho làm chức trực-lại ở cửa Tử-Đông. Hôm qua thầy hầu linh-giá lên châu thiên-cung, tình cờ lại gặp anh, ầu cũng là vì thầy trò mình có mối duyên tái-ngộ.

Tử-Hư nói :

— Thầy nay ở ngôi cao, làm việc lớn. Vậy về đường sinh tử, thọ yếu của con, thầy có cho con được rõ chăng :

Đáp :

— Việc đó không thuộc về chức-vụ của thầy.

Tử-Hư hỏi :

— Vậy thế thầy trông nom về việc gì a ?

Đáp :

— Thầy trông coi về việc văn-chương thi-cử, khoa-danh cao-thấp của các sĩ-tử trong thiên hạ.

Tử-Hur mừng và hỏi rằng :

— Nếu thế thì tiền-trình của con, cùng, đạt thế nào, chắc thầy biết rõ.

Đáp :

— Cứ như tài-nghệ văn-chương của anh, hiện thời không ai bì kịp. anh lại có tính trung-bậu, lòng thành-thực, chỉ phải cái hồi còn niên thiếu, anh thường lấy văn-tài ra kiêu-ngạo với người khác, nên trời bắt thành-đạt muộn để làm nhứt bớt cái chí ngông cuồng đi. Nếu không thì việc giựt bảng trước Mông-Chính (1), nhứt hạt cải Hạ-Hầu (2), đối với anh còn có chi là khó. Cho nên xưa nay, hễ bàn về kẻ sĩ, tất nhiên trước hết xét đến đức-hạnh là vì thế đó. Ngày nay, những người mặc áo nhà nho, đeo giải văn-thân, hầu hết không như thế nữa. Thường thường là đổi họ để đi học, thay tên để ra thi. Hễ rớt bảng là đồ lỗi mờ-quáng cho quan trường, chút nên danh đã hợm mình giới-giang hơn tiền-bối. Chi-khi ngông-cường, tính-tinh tráo-trở. Thấy thầy kiết ra tuồng rẻ-rúng, gặp bạn bè tỏ vẻ thờ-ơ. Chẳng biết hằng ngày dẫn-dụ rèn cặp phần nhiều là nhờ công-sức của thầy của bạn. Và thầy đây ngày trước có tới hàng ngàn đồ-đệ thụ huấn, giao-du khắp mặt ở kinh-sư. Vậy mà khi thầy

(1)— Sách Thượng-hữu lục chép : Lã-mông-Chính 呂蒙正 quê Hà-nam người đời Tống, thi đỗ trạng-nguyên, Khi nghe tin Mông-Chính đỗ, Hồ-đán-Phủ 胡旦父 phàn nàn rằng : « Thời thế là sang năm ta đỗ, lại phải sau hán một thế rồi ». Quả nhiên năm sau Hồ đỗ thật.

(2)— Hạ-hầu-Thắng 夏侯勝 là một danh nho đời Hán. Ông thường nói : « Kẻ sĩ chỉ sợ không sáng nghĩa kinh, nếu sáng thì lấy áo xanh, áo tía dễ-dàng như nhứt hạt cải ở dưới đất vậy » (theo Tam-Chú cổ-sự).

tạ-thế, nào kẻ đai vàng áo tía, giữ chức cao-sang, nào người miếu-diện uy-nghi, giữ quyền trọng-yếu, mà chẳng có một ai thêm viếng thăm mờ-mả, vầy xuống đôi ly bạc-tửu. Thế nên thầy vẫn lưu-luyến đến anh lắm.

Tử-Hư nhân đề-cập tới các quan thời bấy giờ, nhất nhất hỏi về từng người một :

— Thưa thầy, ông nọ ở ngôi trọng-thần mà lòng tham không đáy ; ông kia giữ chức nghiêm-sur mà nghi-dung chẳng đủ. Ông mõ coi về điển-lễ mà đề lễ-nghi khiếm-khuyết ; ông mõ làm chức chăn dân mà đề dân bị tai-hại ; ông mõ chăm văn mà lấy đồ thiên-vị ; ông mõ coi việc ngục-hình mà khép án người vô tội. Lại còn những ông ngồi rồi nghị-luận thì miệng lười tựa hồ nước chảy, mà đến lúc vận-trù quốc-sách, quyết định kế-hoạch quốc-gia thì lại mờ-mịt như ngồi trong đám mây mù, thậm chí không noi theo danh, không xét theo thực ; đôi với bậc quân-thượng không dạ thảo-ngay ; lớn thời mại quốc, học đòi Lưu-Dự (1) ; nhỏ cũng khi quân, theo gót Diên Linh (2). Bọn này sau khi chết xuống có bị luận tội gì không hay vẫn được về-vang mãi thế ?

Trạm cười mà đáp rằng :

(1)— Tống-sử chép : Lưu-Dự 劉豫 làm tòi vua Khâm-Tôn 欽宗 đời Tống, đầu hàng nhà Kim. Kim lập làm Tề-Vương.

(2) Diên-Linh 延齡 làm tòi vua Đức-Tôn 德宗 đời Đường, cầm quyền làm nhiều sự gian-dối, mỗi khi ứng đối toàn là những lời giả-trá cả (theo Đường-sử)

— Trồng đậu được đậu, trồng dưa được dưa ; lồng-lọng lưới trời, thừa mà chẳng lọt (1). chỉ có điều là chưa đến lúc đó thôi. Đây thầy nói rõ để anh nghe : Trong khoảng trời đất, báo ứng luân-hồi, chỉ có hai đường thiện ác. Người chăm làm điều thiện, ngay lúc sinh thời, tên đã ghi sổ thiên-dình ; kẻ hay làm điều ác, dù chưa tạ thế, án đã thành nơi địa-phủ. Cho nên Nhan-Hồi lúc sống ở nơi ngõ hẻm mà chết được làm chức Tu-vấn (2). Vương-Bàng ngày thường có nét kiêu căng gian-hoạt mà lúc chết phải máu loang mặt đất (3). Không phải như dưới trần-thế, có thể : nhờ thần-thế mà nên quan. cây tiền-tài mà thoát tội. Pháp-hình quá lạm, tước thưởng thiên-tư. Vào luồn ra cúi, dù ti-tiền cũng được đưa lên ; lại những dân điều, nhờ dứt lốt thoát vòng tội lỗi. Anh nên cố gắng, đừng gieo nghiệp-báo kiếp sau, nghe.

Tử-Hư nói :

— Bước đường họa phúc đã được nghe qua. Vậy mà sĩ-tử ngày nay thường đến đền Đê-Quán, ăn chay cầu thần hiển linh báo mộng cho biết sự-nghiệp mai sau, việc đó có quả-thực không ?

(1)— Ý nói làm điều thiện thì được hưởng phúc ; làm điều ác phải chịu tai ương, cũng như câu : Thiện gia thiện lai ; ác giả ác báo. Câu Chúng qua đặc quạ, chùng đậu đặc đậu là lấy ở sách Minh-Tâm Bửu-Giám.

(2)— Ông Nhan-Hồi 顏回 là học-trò giỏi của đức Khổng-Tử nhà nghèo, phải ở trong ngõ hẻm, mà vẫn vui-vẻ, ông mất sớm, mới có 32 tuổi. Sau đến đời Tấn, Tô-Thiều chết đi rồi lại hồi tỉnh. Người em là Tiết hỏi chuyện dưới âm-phủ thì Thiệu nói : Ông Nhan-Hồi hiện được làm chức tu-vấn-lang ở cõi âm. (theo Văn-Uyển).

(3)— Sách Loại-tu chép : Vương-Bàng 王滂 là con Kinh-Quốc-Công 荊國公 Vương-an-Thạch 王安石 chết rồi. Một hôm, Kinh-Quốc-Công ở Kim-Lăng, thấy một kẻ lại cũ của mình đã chết từ lâu hiện đến. Kinh-Công hỏi có biết Vương-Bàng đâu không ? Kẻ « lại » dẫn ông đến một chỗ, thấy Bàng đương bị giam trong ngục tối, cầm kẹp máu vấy ra đầy đất !

Trạm cười mà rằng :

— Đức Đế-quân ngài nuốt nhả nguyên-khi, thi-sát tám phương ; ngày xét tờ mây ; đêm châu Thượng-đế, còn lúc nào rồi nghe người thỉnh-thác mà làm những việc làm-nhảm đó. Song những người một dạ tín-thành, lòng thanh không vẩn thì trong lúc chấp chờn tựa như có thấy. Người đời không hiểu, bèn cho là sự thực, rất đáng-buồn cười.

Tử-Hư lại hỏi :

— Thưa thầy, thế thì chuyện phóng bằng cửa Trời (1) phải chăng cũng chỉ là câu chuyện hoang đường ?

Trạm đáp :

— Không, việc đó thì có thật đấy.

Trạm bèn giơ ra một cuốn giấy niêm-phong rất kỹ bảo
Tử-Hư rằng :

(1)— Đời Tống, viên quận-thú ở Trần-Châu (nay thuộc huyện Hoài-Dương, tỉnh Hà Nam) có bà mẹ ốm, mời đạo-sĩ đến làm sớ tấu Đế-đình. Đạo-sĩ phục ở trước đàn suốt đêm, mãi đến canh năm mới nói rằng : phu-nhân còn được hưởng thọ sáu năm nữa. Quan Thú hỏi sao tâu lâu như vậy, thì đạo-sĩ nói là vừa ra cổng Trời gặp lúc phóng bằng xuân sang năm, người đến xem đông quá, chiếm hết lối đi, không sao ra được, nên đành đứng chờ mãi mới đi được, thành thử mới về chậm. Quận-Thú lại hỏi : Vậy chứ vị tân-khoa trạng-nguyên sang năm là ai ? — Đạo-sĩ đáp rằng : Trạng-nguyên họ Vương, còn tên bí bởi mực, bên cạnh có chữ một chữ, nhưng vì đứng xa nên không trông được rõ là chữ gì.

Sau bà mẹ quan Thú quả nhiên khỏi bệnh, mà người đỗ trạng-nguyên năm sau là Vương-củng-Tho (王拱壽), nhưng có ngự-bút vua Nhân Tôn (vào đầu thế-kỷ thứ 11) đổi ra là Vương-củng-Thần 王拱辰 (theo Văn-Uyển).

— Đây là bảng xuân sang năm. Thầy vắng mệnh Đế-Quân đi tra xét tường-tận để đưa lên cửa Trời biên vào cho đủ, vì có anh lơi chơi nên chưa đi được.

Dương-Trạm lại kể lạc-thủ trên thiên-tào, hơn dưới phạm trần vô kể và khuyên Tử-Hư :

— Anh nên cố gắng sửa mình, trau-dồi đức hạnh, tự nhiên có ngày được lên trên đó, như thầy đây kể cũng là cái duyên may hiếm có vậy.

Tử-Hư thưa :

— Con đây người phạm, xác tục, biết đường nào mà lên được ! Chỉ mong theo đòi xe gió, được tạm lên xem một chuyến, chẳng hay gót phạm có được duyên may đó chăng ?

Trạm đáp :

— Việc đó có chi là khó, đề thầy thân bầm Đế-Quân, đem tên họ anh điền vào là được.

Bèn lấy bút son viết vào cuối giấy hơn mười chữ, rồi bảo cất bỏ tiệc rượu. Tử-Hư được ngồi một bên xe cùng thầy bay thẳng lên không. Đến một nơi thấy mấy vòng tường bạc, cửa khảm lộng lẫy. Hai bên đều lầu châu, điện ngọc, sáng tỏ như ban ngày. Sông ngân bến sao, bao quanh sau trước, một làn gió thoảng thơm tho phảng-phất, đượm ngát quanh hiên. Ánh sáng chói mắt, hơi lạnh thấu da. Trông xuống cõi trần, mọi cảnh-vật đều bé nhỏ tũn-mủn.

Trạm nói :

— Anh có biết đây là đâu không? Tức là cung bạch-ngọc trên trời mà người đời thường vẫn nói đó. Chính giữa kia có mây hồng bao-phủ đó là Tòa Tử-Vi của Đức Thượng-Đế ngài ngự. Anh hãy đứng chờ thầy ở ngoài thành, để thầy vào tàu xin cho anh.

Nói rồi đem bản chương đi vào, sau một hồi lâu mới lại trở ra. Chợt nghe trên thành có tiếng hô vang :

« Người đỗ đầu bảng sang năm là trạng-nguyên họ Phạm ».

Dương-Trạm liền dẫn Tử-Hư đi chơi thăm các tòa-sở. Trước hết đến một nơi có biển đề « Cửa Tích-đức », trong có dư ngàn người, mũ hoa giải huệ, kẻ ngồi người đứng.

Tử-Hư hỏi thì Trạm nói :

— Các vị tiên đây, hồi sinh tiền có lòng yêu thương mọi người, tuy không giốc hết tiền của ra làm việc bố thí ; nhưng biết tùy thời mà chu-cấp cho người. Đã chẳng keo bần, lại không hợm mình. Thượng-đế khen là có nhân, cho liệt vào hàng thanh-phẩm, nên họ được ở đây.

Lại đi qua một tòa-sở có biển đề : « Cửa Thuận hạnh » trong cũng có hơn ngàn người, áo mây lọng mưa, kẻ hát người múa.

Tử-Hư lại hỏi thì Dương-Trạm đáp :

— Đó là những vị tiên, kiếp trước có lòng thảo-thuận, hoặc trong bước lưu-ly biết dùm-bọc nhau, hoặc đem đất cát di-nhượng cho nhau, mấy đời ở chung không nỡ chia-ly (1). Thượng-đế khen là có lòng, cho vào cung mây, nên họ được ở đây.

Lại đến một tòa-sở có biển đề « Cửa Nho-Thần », người ở đây đều áo dài đai rộng, cũng tới số ngàn ; trong có hai người mặc bào xanh, đội mũ sa. Dương-Trạm trở bảo Tử-Hur :

— Đây là ông Tô-hiến-Thành triều Lý và ông Chu-văn-An triều Trần đó. Ngoài ra là những danh-thần đời Hán, đời Đường, không sung vào quan-vị hay chức-chưởng gì cả, chỉ ngày sóc, ngày vọng (2) thì vào tham yết Đế-quân như những vị tán-quan đời nay, thỉnh-thoảng vào chầu vua mà thôi. Cứ năm trăm năm lại cho giáng sinh, lớn thì làm đến khanh-trướng, nhỏ cũng được làm sĩ-phu, hiệu-doãn.

(1)— Tống sử chép : Về đời Đường, ở Giang-Châu (tức huyện Tầm-Dương 尋陽, thuộc tỉnh Giang-Tây) có nhà họ Trần, mấy đời ở chung. Cả nhà, già trẻ có tới bảy trăm người. Đến bữa, cả nhà quần-tụ ăn uống trong một gian nhà thật rộng. Nhà này có nuôi hơn trăm con chó cũng cho ăn chung. Thiếu một con chưa đến thì các chó khác cũng không ăn. Nhà Đường đã mấy triều vua ban chiếu xung-tụng và cho miễn-dịch. Đến đời Tống, quan sở-tại đem việc này tâu vua. Vua Tống cũng ban chiếu khen ngợi và cho miễn dịch như cũ.

(2)— Ngày sóc là ngày mùng một, ngày vọng là ngày rằm trong mỗi tháng theo âm-lịch.

Kê ra còn đến hơn trăm tên-sỏ nữa, nhưng trời gần sáng, không đi xem khắp được, vội cưỡi gió bay xuống trần. Xướcng đến cửa bắc, thấy trăm quan đã lục-tục vào Triều.

Tử-Hư từ lượt thấy trở về. Năm sau đi thi quả đỗ tiến-sĩ. Phàm những việc cát-hung họa-phúc, thường được thấy hiển linh về báo cho biết.

PHẦN BÌNH-LUẬN

Tề-Hải nói chuyện huyền hoặc : Trang-Chu làm sách ngụ-ngôn Thục ra người quản-tủ chẳng nên ham-chuộng. Nhưng giúp việc làm quan-hệ đến luân-thường; lời nói bao-hàm sự khuyến-giới, thì chép ra mà truyền lại, phỏng có hại gì.

Nay như truyện Tử-Hư đây, trung-tâm câu chuyện lấy sự trung-hậu theo thầy đem ra khuyến-khích; lấy sự bạc-bẽo với thầy đem ra răn dạy, có quan-hệ lớn đến luân-thường của người đời.

Còn đoạn lên chơi thiên-tào, hoặc có, hoặc không, hà tất phải gan-gung cho đến mực.



Truyện Phạm-Tử-Hư lên chơi Thiên-Tào



TÂN-BIÊN TRUYỀN-KỶ MẠN-LỤC

QUYỂN THỨ III

昌江妖怪錄

XƯƠNG-GIANG YÊU-QUÁI LỤC

TRUYỀN YÊU-QUÁI Ở XƯƠNG-GIANG

Ở Phong-Châu 峯州, (nay thuộc Bạch-Hạc 白鶴, Vinh-Yên 永安) có người họ Hồ, tên là Kỳ-Vọng 胡期望, về cuối triều nhà Hồ 胡, (1400-1406), đi buôn, thuyền đậu ở thành Xương-Giang (Yên-Dũng, Bắc-Giang), nhân bị bệnh mà chết. Vợ Hồ nghèo quá, không có tiền đưa về quê an-táng, phải đem đứa con gái nhỏ là Thị-Nghi 氏宜 bán cho nhà phú-thương họ Phạm.

Lớn lên, Thị-Nghi có nhan-sắc, Phạm yêu-dấu rồi cùng nàng tư-thông. Vợ Phạm dò biết tình-ý, bèn kiếm cơ đánh Thị-Nghi một trận đau quá đến chết rồi đem chôn ở mé làng.

Vài tháng sau, hồn Thị-Nghi hiện lên tác quái, biến-ảo trăm hình : khi hóa ra chị bán tương ; lúc biến thành cô hàng rượu. Người có tai mắt bị nó dâm-sát ;

kẻ lấm tiền-tài bị nó lên đoạt. Trên quãng đường dài chừng mười dặm này, ai cũng sợ, đều phải đi trốn về sớm, hề thấy gái đẹp đều phải kiêng dè. Sau dân làng biết ra, liền đem hai-cốt Thi-Nghi bỏ tàn-mat dưới sông. Từ đó yêu ma cũng bớt tác quái.

Sau khi nhà Lê nhất-thống giang-sơn (1128), có viên quan họ Hoàng, quê phủ Lang-Giang (Bắc-Giang) xuống Trường-An (kinh-dô) nhân chức, dẫu thuyền lên sông. Lúc ấy trăng tỏ sao thưa, bốn bề im lặng. Bỗng Hoàng nghe thấy ngoài mõm bãi cát về mệ đông-nam, văng-vẳng có tiếng khóc, càng khuya càng ai-oán. Hoàng sai chèo thuyền lại xem, thấy một người con gái tuổi chừng 17, 18, mặc áo lụa hồng, ngồi trên đám cỏ.

Hoàng hỏi :

— Đêm hôm khuya-khoát thế này, sao còn than khóc bi-ai, khiến người sắt đá cũng phải nát ruột.

Người con gái khấp-nếp, gạt nước mắt mà thưa rằng :

— Thiếp vốn người Phong-châu, cha mẹ làm nghề bán lụa, gặp quân cường-dạo tham tài, một phút sa cơ, hồn chôn bụng cá, xương táng lòng sông. Chỉ còn tấm thân yếu-ớt tro-troi này, may mà thoát khỏi miệng hùm, lần được lên bờ, ăn gửi năm nhỡ trong thôn xóm. Hôm qua nhân đi hái dâu cho bà chủ, chợt qua chôn cũ, bất giác động mối bi-ai, ngồi đến bây giờ.

Hoàng noi :

— Cháu đã lênh-đênh cơ-khở, không chốn nương nhờ. Nay ta tiện đường xuống Trường-An, nếu cháu

muốn về quê, ta cho đi nhờ thuyền. Còn tự kinh-dó về quê châu, mà thuận buồm xuôi gió phỏng la mây chóc.

Người con gái lại khóc thút-thít, nói :

— Chiếc thuyền trôi-rôi, phỏng có tiếc gì. Chỉ hận một điều là hơi cốt tiền-nhân không đem về quê an-táng được.

Hoàng nói :

— Thôi, ta cũng vì châu chẳng quản bỏ ra ít tiền thu nhất xương rơi đưa về quê-quan cho. Ấu cũng là một cuộc thân-duyên trên bước đường gặp gỡ.

Người con gái tỏ vẻ vui mừng mà rằng :

— Quả lòng trời xui khiến, nếu được ân-nhân giúp cho như vậy, thật là mang ơn cốt-nhục tư-sinh, thiếp dù thân phận hot-beo, cũng xin bắt thân bồ- liễu đền nghì trúc-mai.

Hoàng liền mướn thợ giỏi, lặn dưới sông xò, xuống tận đáy sông lược mò hài-cốt, gói chõ xuôi nam. Thỉnh-thoảng Hoàng thử thả lời chột-nhả, dề dờ-la ý-tử thì bị cơ à cự-tuyệt gất-gao, khiến chàng càng yêu-dấu nễ-vì.

Khi đã tới Kinh, Hoàng không vội lên trụ-chức, lại lên thẳng cửa Bạch-Hạc, đem hài-cốt táng bên sông.

Một hôm, người con gái bảo Hoàng rằng :

— Thiếp cùng chàng vốn chẳng hẹn-hò, bỗng nên gặp-gỡ. Trước vì tiền-nhân mờ-mả chưa yên, nên trong dạ bồn-chồn mà cự lại chàng. Bây giờ sự đã vẹn-tròn, thiếp xin hầu hạ khăn mặt lược đầu. Phương chi chàng

lại hoạn-dờ dao-viễn, không kẻ giúp trong, công việc táo-tần (1) thiếp xin đảm nhận.

² Khi hai người nên nghĩa vợ chồng, tình âu-yếm càng thêm khăng-khít. Nàng lại ở vào khuôn-phép nói ra mỗi-giờng. Bạ hữu, bà con, thầy đều khen-ngợi.

Làm quan được một tháng, Hoàng mắc bệnh điên-cường, hoảng-hốt, hôn-mê bất tỉnh. Nàng thì khuya sớm sứt-sùi, châu-chực bên chàng, không rời nửa bước. Song Hoàng lại thuốc không chịu uống, mạch chẳng cho xem. Ai đem phù-chú lại chữa, Hoàng liền mắng nhiếc. Thầy lang, thầy cúng đều ngờ là bị ma chà, nhưng chẳng biết làm thế nào được, đành nhìn nhau mà thôi.

Sau có một người, khăn rách dép nát, ăn mặc lam-lũ bước vào, cả bọn trông thấy đều phải phì cười, người đó nói :

— Các ông đều là hạng tầm-thường, ta đây mới chính là bậc « thần-y » ! Chẳng những chữa cho khỏi bệnh, lại có thể khiến người mọc cánh thành tiên ! Hỏi về nghệ-thuật, thì biết đường trị khí trừ phong ; Dở đến tay mang (túi lớn), có đủ cả trần-bì, phụ-tử !

Hoàng cũng bật cười, đưa tay cho vị « thần-y » đó xem mạch.

(1) — Kinh Thi, Thiên Thiệu-Nam : 于以采蘋，南澗之濱；于以采藻，于彼行潦 (Vu dĩ thái tần, Nam-giãn chi tân; vu dĩ thái táo, vu bỉ hàng潦) Nghĩa là : đi hái rau tần, bên sông Nam-giãn, đi hái rau táo ngoài bờ lạch kia. Ý nói vợ quan đại-phu biết lo việc tế-tự, nên người nhà kẻ công việc của bà ra đề ca-ngợi.

Người ấy nói :

— Không hề chi ! Bởi vì tạng-phủ không điều-hóa, nên sinh ra mê-hoặc, chỉ uống vài thang tiểu thực, và sấm nhiều cô-bản, cầu thần trừ tà, tự nhiên vô sự !

Nói rồi dốc hết thuốc bột vào bình sứ cho Hoàng uống một hơi hết sạch. Uống xong, nòn ra đến vài bát đờm rãi rồi nằm thiếp đi.

Người con gái cả giận, lấy gậy đập vỡ tan bình thuốc mà mắng rằng :

— Thằng cha ảo-thuật này ở đâu đến đây làm ly-gián vợ chồng ta, chia-rẽ nhà cửa ta ?

Người ấy lấy đạo bùa ném ra, tức thì người con gái theo đạo bùa, té lăn quay xuống đất, hóa ra một đống xương trắng !

Người ấy vội lấy nước thất-hương nóng, vảy lên ngực Hoàng. Một lát Hoàng tỉnh lại, hỏi những việc trước thì chàng không nhớ gì hết.

Mọi người tranh nhau lại hỏi duyên-cớ, người ấy nói :

— Tôi vừa trông sắc mặt ông Hoàng thấy đầy yêu-khi, mà người con gái kia là cỗi-gốc tà-ma. Tôi phải nói lảng-nhăng khiến y coi là tâm-thương, thì mới thi-thố được xảo-thuật của mình, nếu không thế thì liệu có cho ông ta uống thuốc được chăng ?

Mọi người nghe đều kính-phục.

Khi cho người đến sông Bạch-Hạc, đào mả đó lên thì chỉ có mấy cục máu tươi, chứ chẳng thấy xương-cốt chi cả. Vừa toan nhặt mấy cục máu lên, thì thoát đã chẳng thấy đâu nữa.

Người ấy than rằng :

— Tuy ngành-ngọn đã trừ, mà gốc-rễ chưa dứt. Nếu không có thiên-bình thần-tướng trừ-klử mãnh-liệt, chín e lại mắc phải độc-thủ của nó thì nguy cho ông lắm thay !

Sau đó một tuần, giữa ban ngày, Hoàng đang nằm chơi, chợt thấy hai tên lính bắt đem đi, đến một nơi tường bao bọc xung quanh, trong có đèn-đài nghiêm-trang, duy dãy hành-lang bên tả đã đổ nát.

Bỗng trên điện có người đội mũ-miền lớn tiếng quát :

— Diêm-Vương có chỉ truyền cho ta tra-xét cái án nhà ngươi đó. Rồi sai tả hữu đưa bút giấy bắt Hoàng viết tờ trạng cung xưng.

— Hoàng thưa rằng :

Tôi vốn nhà nghèo, may được dự hàng sĩ-hoạn, giữ mình chẳng thói gian-là, làm quan không đòi hối-lộ. Tội chưa rõ-ràng, không giám vắng mệnh.

Nói chưa dứt lời, đã thấy người con gái ở với mình trước từ trong hành-lang bên tả bước ra. Hoàng hiểu ngay, bèn cầm bút cung rằng :

Nguyễn văn :

恭 聞 ：

1. 春 秋 紀 異 雖 石 言 神 降
而 必 書 ；

野史 撫遠 凡梅 魄藥 精
而亦 錄。 。

2. 豈自 古唱 為怪 說；
欲使 人得 借神 軒。
故：

3. 太真 燃照 水之 屏龍 宮
請命 。
馬亮 寫八 窗之 手鬼 物
祈衷 。

4. 或祛 吹火 之精 ；
或却 移財 之巢 。

5. 是歷 代剛 方之 士不 怕
邪妖 ；
如百 年香 火之 祠更 容
醜類 ；

如某 者：
6. 性慚 守拙 ，
仕幸 逢時 。

7. 一宦 蕭條 忝竊 代耕 之祿 ；

半衾寂寞翻含失偶之悲。

8. 誰知月下奇逢，
便是生前業報。
9. 查惡臣以妖姿艷態粉黛
朱鉛；
耗損臣以元氣真精什三
四五
10. 匪遇上醫之手，
幾成泉下之塵。
11. 入江而曰非漁誰其信者；
以德而行其罰伏望矜之。

Phiên âm :

Cung văn :

1. Xuân-thu kỷ dị, tuy thạch ngôn thần giáng
nhi tất thư :

Dã-sĩ chính di, phạm mai phách kênh tinh nhi
diệp lục.

2. Khởi tự cò xướng vi quái-thuyết :

Dục sử nhân đắc bị thần-gian.

Cổ :

3. Thái-Chân nhiên chiếu thủy chi tế, long-cung
thỉnh mệnh ;

Mã - Lượng tả nhập song chi thủ, quý-vật
kỳ ai.

4. Hoặc khử xuy hỏa chi tinh ;
Hoặc khước di sàng chi túy

5. Thị lịch đại cương-phương chi sĩ, bất phá
tả - yếu ;

Như bách niên hương-hỏa chi từ, cánh dung
xú - loại ;

Như mỗ giả :

6. Tinh tâm thủ chuyết ;
Sĩ hạnh phùng thời.

7. Nhất hoạn tiêu-điều, thêm thiết đại canh chi lộc ;
Bán khâm tịch-mịch, phiên hàm thất ngẫu chi bi.

8. Thùy tri nguyệt hạ kỳ phùng ;
Tiền thị sinh tiền nghiệp báo.

9. Cờ hoặc thần dĩ yếu tư diệm thái, phấn, đại,
chu, duyên ;

Hao-tồn thần dĩ nguyên-khi chân-tinh, thập :
tam, từ, ngũ.

10. *Phi ngộ thượng-y chi thủ ;*

Cơ thành tuyền hạ chi trần.

11. *Nhập giảng nhi viết : phi ngư, thùỳ kỳ tln giả ?*

Đĩ đức như hành kỳ phạt, phục vọng cẳng chi.

GIẢI-NGHĨA :

Kính nghe :

1. Kinh Xuân-Thu chép việc lạ, dù là truyện đã biết nói, thần sa xuống mà cũng biên vào ; (1) Sách Dĩ-Sử nhật điều sót, phạm vĩa cây mai, (2) tinh cây đèn (3) đều chép cả.

(1) — Sách Tả-truyện chép : Năm thứ 31 đời Lỗ Trang-Công (663 tr. c. n.) có thần sa xuống đất Sần 蓀. Bính-Sử 丙史 nói rằng : nước sắp hưng thịnh, thần hiện xuống để coi điều hay ; nước sắp suy thần cũng hiện ra để soi điều dở.

Cũng trong Tả-truyện : Năm thứ 8 đời Lỗ Chiêu-Công, (534 tr. c. n.) ở ấp Ngụy-Du 魯鄒 nước Tấn có hòn đá biết nói Tân-hầu hỏi lý do thì Sư-Khoảng 師曠 tâu : Đá không biết nói, có lẽ người ta nghe lầm do thôi. Song thần cũng nghe rằng : làm việc thất đức, dân gian ta-oan, loài không biết nói mà cũng lên tiếng. Nay xây-dựng cung-diệu cực kỳ xa-xỉ, nhân dân kiệt-quệ, tiếng than-òan nổi dậy, mọi vật không còn giữ nguyên bản-tính, thì đá phải nói chẳng cũng đáng ư ?

(2) — Sách Thuyết-lâm-lạc chép : Triệu-sư-Hùng 趙師雄 đời Tây, trong nam Khai-Hoàng (cuối thế-kỷ thứ 6), đi qua núi La-Pâu (Nam-Hải, Quảng-Châu), một hôm trời tối lạnh-lùng, thấy một chiếc nhà tranh bên cạnh quán rượu ở giữa rừng thông, có cô gái đẹp mặc áo trắng ra mời đón. Dưới bóng trăng mờ, Sư-Hùng cũng có gái chuyên tro thêu mặt, rồi gõ cửa cũng vào hàng uống rượu với nhau. một lát thì có đứa trẻ áo xanh ra cười đùa múa hát. Sư-Hùng say rượu lên và ngủ, gần sáng tỉnh dậy, té ra mình nằm dưới gốc một cây mai lớn.

(3) — Sách Viên-Cơ chép : Tống-Tiền 宋晉 làm chức tuần-kiểm ở Cam-Lãng, 甘陵 đơn bản là Triệu-Dương 趙常 đến nhà dạy trẻ học. Một đêm, Triệu thấy một người đàn bà đẹp đứng dưới đèn ngắm thơ rồi lả phật đèn đi, từ đó hai người đêm nào cũng quẩn-quít với nhau. Sau Tống-Tiền biết, sai người nhà vây bắt người đàn bà ấy, nắm cổ tay bắt tay, như ra thì là cái đèn đen. Bên dưới bộ cái đèn ấy đi.

2. Há phải từ xưa xương ra thuyết quái-dị :

Cốt là muồn cho người đời biết mà phòng-bị tà thần.

3. Cho nên : Thái-Chân đốt sừng tê soi xuống nước, mà long-thần đền trách (1).

Mã-Lượng viết vào bản tay luồn qua cửa sổ mà quý-vật phải van xin (2).

4. Lại có người đuổi con tinh thời lửa (3).

(1) — Ôn-Kiều 溫峯 đời Tần, tự Thái-Chân, đi qua bên Ngu-Chử 牛渚. Chỗ đó nước sâu thăm-thẳm, người ta vẫn đồn là có nhiều quái-vật. Kiêu bèn đốt một cái sừng tê soi xuống, một chốc vô-số những thủy-tộc kỳ-linh quái-trang hoặc đi xe đi ngựa, hoặc mặc áo đỏ, lộ-nhố hiểa ra. Đêm hôm ấy, Kiêu nằm chiêm-bao thấy có người bảo : « Ta cũng người đời ngã a-minh, sao lại soi nhau để làm gì thế ? », xem ý có vẻ tức-riên lắm.

(2) — Mã-công-Lượng 馬公亮 đời Tống, thưở nhỏ một đêm đọc sách dưới đèn trong cửa sổ, chợt thấy một lau tay lên bang cái quạt thò vào, đêm hôm sau lại như thế. Lượng bèn lấy bát nhắp nước hùng-hoàng viết một chữ HOA 花 lớn vào tay. Ngoài cửa sổ chợt có tiếng kêu to, bảo có rùa hồ ngay đi không. Lượng cứ mặc kệ. Gần sáng, tiếng kêu van càng tha-thiết cả tay vẫn không rút ra được; lại thấy nói : « Ông sắp làm nên đại-quý nên tôi đưa trên ông, sao nỡ làm cho tôi khốn-quần qua thế ! Há không biết việc Ôn-Kiều đốt sừng tê hay sao ? ». Lượng nghĩ ra bèn lấy nước rửa sạch chữ « HOA », cái quạt ấy cảm-tạ mà đi.

(3) — Đời Tam-Quốc, Quân-Lộ 管輅 một đêm đương ngồi dưới đèn, chợt có một con vật nhỏ cầm mớ lửa kê lên miệng thổi, xuyt làm cháy nhà. Lộ sai học-trò chém đứt đôi lưng, nhìn xem té ra là con cáo. Từ đó trong làng không có hỏa-tai nữa. (theo sách Viên-Cơ).

Hoặc người xua lũ quỷ khiêng giường (1).

5. Đố (là những việc) trải bao đời, kẻ sĩ vương-thắng chẳng sợ tà-ma ;

Thời miếu đèn trăm năm hương-lửa, sao còn dung loài xú-quỷ.

Như thần đây :

6. Luống thẹn về tình-tình vụng dại ; được làm quan (chẳng qua là vi) may đã gặp thời.
7. Cửa hoạn tiêu-diệu, trộm hưởng chút bổng-lộc thay việc đi cày (2).

Nửa chẵn vắng-vẻ, xui nên ngậm mối sầu mất bạn lứa đôi.

(1) — Sách Viên-Cơ chép : Ngụy-nguyên-Trung 魏元忠 đời Đường một đêm thấy có mấy người phụ-nữ xuất hiện đứng đầu giường. Ngụy bảo : « Đố các người khiêng được giường ta xuống nhà dưới ». Lũ quỷ quả khiêng được giường xuống. Ngụy khen « Giỏi ! Các người lại khiêng giường lên nhà được không ? ». Chúng lại khiêng giường lên đặt vào chỗ cũ. Ngụy lại bảo : « Đố các người khiêng được giường ta ra ngoài đường phố ». Họ đều cúi lạy và bảo nhau : « Đây là bậc trưởng-giả khoan-hậu, không thể đùa cợt như đối với người thường được ».

(2) — Trong nước lớn đất vuông trăm dặm, nhà vua ăn lộc gấp 10 quan Khanh ; lộc quan Khanh gấp 4 quan Đại-phu ; Lộc quan Đại-phu gấp đôi quan Thượng-sĩ ; lộc quan Thượng-sĩ gấp đôi quan Trung-sĩ ; Lộc quan Trung-sĩ gấp đôi quan Hạ-sĩ. Hạ-sĩ cùng thứ-dân mà làm quan thì chỉ hưởng lộc bằng công đi cày ruộng mà thôi. (theo sách Mạnh-Tử, thiên Vạn-chương hạ).

8. Ai biết được chuyện gặp-gỡ dưới bóng trăng ;
Lại là bởi có nợ-nần từ kiếp trước.
9. Nó mê-hoặc thần bằng dáng-dấp kiều-mị, tô-
diêm lộng-lẫy, phấn giời màu xanh, màu đỏ,
màu chì ;
Nó làm cho chân-tinh nguyên-khi thần bị hao-
tồn, mười phần mất đến ba, bốn, năm phần.
10. Nếu không được bạc thần-y cứu chữa cho ;
Có lẽ thần đã thành bụi dưới chín tuổi rồi,
11. (Dù sao) Đã xuống sông còn bảo rằng không
bắt cá, ai mà tin được ;
(Nhưng vì lẽ) Làm ơn mà bị hình-phạt, thần
cúi mong được (ơn trên) thương lại mà thôi.

Dịch ra văn tứ lục :

Kính nghe :

1. Xuân-Thu chép điều kỳ lạ, dấu thần sa đá nói
cũng biên rành ;
Đã-sử nhật chuyện đó đây, cả mai hóa đèn
thiêng còn chép rõ.
2. Há thuở trước đặt-bày quái-đản ;
Cốt người sau phòng-bị tà-thần.

Cho nên :

3. Thái-Chân soi nước đốt sừng tê, long-cung
xin miễn ;

*Mã-Lượng khoán tay luồn cửa sổ, quái-vật
van tha.*

4. *Nào người xưa quý khiêng giường :*

Nào kẻ trù ma thời lửa ;

5. *Áy kẻ sĩ cương-phương muốn thuở, chẳng sợ
tà-yêu ;*

*Thời miếu thờ hương-hỏa trăm năm, sao dung
xú-loại.*

Như tôi đây :

6. *Luống then vụng-về là tỉnh ;*

Cũng nhờ may-mắn nên quan.

7. *Tiêu-diêu cửa hoạn lộc thay cây,*

Tịch-mịch chôn đơn sào lẻ bạn.

8. *Ai biết trăng khuya gặp-gỡ,*

Lại là kiếp trước nợ-nần.

9. *Mé tôi bằng tà-thuật, mỹ-dung, phấn tô
xanh đỏ ;*

*Rút tôi lấy chân - tinh nguyên-khí, mười
mất năm ba.*

10. *Thần-ty ví chẳng ra tay,*

Hoàng-tuyền cơ-hồ bỏ mạng.

11. Xương sông còn bảo không mò cá, ai kể tin
chứng ?

Làm phúc mà ra bị xử hình, mong người
thương lại.

Tờ cung khai xong, dâng lên, Vương (1) cả giận
mắng :

— À ! Con ranh này gồm thật ! Không ngờ nó dám
ra dạ đảo-diên. Đã dở thói dâm-ô, còn manh tâm vu-
thác, phải đem giam nó vào ngục « rút lưỡi ». Rồi phê
chữ lớn rằng :

Nguyễn văn :

蓋聞：

1. 猿 鷓 虫 沙 之 化 周 代 曾 聞 ；
孤 狸 華 表 之 精 晉 朝 再 見 。
2. 世 運 寢 乎 愈 降 ；
邪 魔 弊 不 勝 妖 。
3. 故 道 家 以 三 尺 盪 蕩 ；
而 地 獄 以 尺 符 擗 召 。
4. 二 十 四 司 之 閻 掌 各 有
分 曹 ；

(1) — Đây là vị vua dưới quyền Đổng Vương, không rõ
tước hiệu là gì, xin đề chữ Vương theo nguyên văn.

- 百千萬狀之鬼妖舉皆
通迹。
5. 夫何穢濁，
敢肆猖狂。
6. 一生惟事於龜淫貪婪
殆甚；
再死猶懷於狙詐假冒
何多。
7. 謂罪名可以力逃；
謂冥府不能顯責。
8. 任之孤雀之虎變態愈滋，
劍為樹刀為山章條載舉。
9. 至如黃某，
亦有可言。
10. 志溺少剛，
心牽多欲。
11. 不能效顏叔子却都家
之女；
顧乃携武承嗣憲花月
之妖。

12. 罪不能無，

薄乎云耳。

13. 吾言止此，

主者奉行！

Phiên âm :

Cái văn :

1. Viên, hạc, trùng, sa chi hóa, Chu - đại
tăng văn ;

Hồ - ly hoa - biểu chi tinh, Tấn - Triều
tái kiến.

2. Thử vận tâm hồ dĩ giáng ;

Tà - ma khai bất thăng yếu.

3. Cổ đạo - gia dĩ tam xích dăng phân ;

Nhi địa - ngục dĩ xích phù mê triều.

4. Nhị thập tứ ty chi quan chưởng, các
hữu phân tào ;

Bách thiên vạn trạng chi quý yếu, cử
giai độn tích.

5. Phù hà uế - trọc ;

Cảm tứ xướng - cuồng.

6. Nhất sinh duy sự tr quy đôn, tham-
lun đại thâm ;

Tài từ do hoá tr thu - trã, giữ-
màu hà đư.

7. Vì tội danh khủ dĩ lực dào ;

Vị mình - phủ bất năng hiền trách.

8. Nhâm chi hồ, Thôi chi hồ, biến thái
dĩ tư ;

Kiểm vì thụ, đao vì sơn, chương-điều
lối cử.

9. Ckê như Hoàng - Mỗ ;

Đức kôn khủ ngôn.

10. Chi nhệ thiếu cương

Tam khie, đa dụ ;

11. Bất công hiệu Nhân-Hiến-Tử Chương
đi chử nư ;

Cử nãi học Võ-Lâm-Ty hoặc hoa nguyệt
chử gia

12. Tj bị mung vu.

hư hử vư nhữ.

13. Ngõ ngon chử thữ.

Chủ giả phụng hành.

GIẢI-NGHĨA

Mãng nghe :

1. (Truyện người) hóa ra vượn, hạc, sâu, cát, đã từng nghe thấy nói tự đời nhà Chu (1).

(Rời chuyện) con hồ-ly, cây hoa-biểu thành tinh, lại thấy hiện ra ở triều nhà Tấn (1).

2. Thế-vận dần-dần xuống mũi ;

Thời tà-ma càng quái-gỗ không kể xiết được.

3. Cho nên đạo-gia có ba thức kiểm trừ yêu :

Mà địa-ngục có thức bùa triệu quỷ.

(1) — Vua Mục-Vương 穆王 nhà Chu (cuối thế-kỷ thứ 10 trước công-nguyên) đi đánh phương nam, cả một đội quân đều biến-hóa, quân-tử hóa làm vượn làm hạc; tiều-nhân hóa làm sâu làm cát (theo sách Loại-tự).

(1) — Sách Tiên-đăng chép : Triều Tấn Huệ-Đế 晉惠帝, (290-306) mà Yên Chiếu-Vương 燕昭王 có con hồ-ly và cây hoa-biểu đã thành tinh. Một hôm hồ-ly bàn với hoa-biểu hóa làm người học-trò đến nghe Trương-Hoa 張華 giảng sách. Hoa-biểu sợ bị Trương khám phá, sẽ lụy đến mình, nhưng hồ-ly không nghe, cứ hóa ra cậu học-trò nhỏ đến yết kiến Trương. Khi ban đến văn chương, sữ-sách, Trương chịu không ung đáp được, than rằng : Trên đời sao lại có đứa nhỏ cứ-khỏi thế này được ! Nếu không phải loại quý-mị, thì hẳn là giống hồ-ly. Trương sai canh-phòng rất nghiêm rồi cho chỗ sàn ra thử xem, nhưng nó vẫn không sợ. Trương giận lắm nói : đúng là hồ-ly con, phải tìm được cây khô ngàn năm đốt lên mà soi mới biết. Sao Trương chặt cây hoa-biểu đốt soi, quả đúng là con hồ-ly, liền đem giết đi.

4. Hai mươi bốn ty giữ việc nghiêm-minh, đều đã phân từng tòa rõ rệt ;

(Cho nên) Trăm ngàn vạn giống quý-yêu, hết thấy đều trốn mất tích.

5. (Vây mà) sao loài nhơ-nhuốc kia ?

(Lại còn) dám dở thói lung lảng ?

6. Suốt đời sống chỉ ham việc dâm-dăng như giống rùa (1), tham-lam quá tẻ ;

Lúc chết còn khu-khu giữ tính lừa-dối như trò nuôi vượn (2) điều-ngoan lắm thế !

7. (Hắn nghĩ) rằng tội-danh có thể lấy sức mà trốn thoát ;

(1) — Văn-Uyên chép rằng : Khoảng năm Khai-Hoàng đời Tùy (cuối thế-kỷ thứ 6), trong cung đêm đêm thường có người vào trêu-gheo cung-phi. Có người tâu lên Vua. Vua phán : Cồng ngõ thâm-nghiêm, sao lại có người lọt vào được, đó hẳn là loài yêu-tinh, rồi dặn cung-nhân hễ thấy thì lấy gươm mà chém. Khi chém thì tựa như chém đồng xương khô và thấy vật đó trượt xuống giường chạy, người rượt theo đến bờ ao thì mất hút. Vua sai tát cạn ao thì bắt được con rùa trên lưng còn vết gươm chém, bèn đem giết đi, từ đó không thấy ai đến trêu gheo nữa. Sách Loại-tự lại chú rằng : giống rùa có tính đa dâm. Bắt một con rùa ốm yếu, để gương cho nó trông thấy một con rùa khác, rùa kia tiết dâm rồi khỏi ốm.

(2) — Nước Tống có ông Thư-công (狙公) thích nuôi vượn, song nhà lại thiếu-thốn, nên hạn chế bữa ăn. Ông bảo lũ vượn ban sáng cho ăn 3 bữa, chiều 4. Đàn vượn ra chiều giận-dối. Ông bèn bảo : Vây thì sáng 4 chiều 3. Đàn vượn đều mừng rỡ ! (theo sách Thi-Học Đại-thành).

Rằng minh-phủ biết đâu mà trách-cứ được.

8. (Xem những truyện) Lốt Cáo họ Nhâm, da hồ họ Thôi (1) biến ảo dã ghè ;

(Thì cũng có truyện) kiếm dựng cây, dao làm núi. (2) khếp vào điều luật.

9. Đến như Hoàng-Mỗ,

Cũng có điều đáng trách.

10. Chi bị chìm đắm, thiếu bề cương-quyết ;

Lòng bị nhiều dục-vọng khiến-chế.

11. Sao không biết theo gương Nhan-Thúc-Tử, khước-từ cô gái hàng xóm (3).

(1) — Nhâm-thị là con quý cái nhưng người rất đẹp, lấy chàng Trịnh-Sinh 鄭生. Sau mấy tháng, vợ chồng đưa nhau ra ngoài thành chơi, chợt gặp người đi săn dất chó. Nhâm-thị sợ quá ngã ngựa hóa thành con cáo rồi bị chó cắn chết. (Theo Hương-đài). — Sách Hương-Đài còn chép rằng : Thôi Thao 韜 đi đến quán Hiếu-Nghĩa, thấy một người đàn bà gói đầu vào mảnh da hồ mà ngủ say. Thao kéo lấy mảnh da hồ vớt xuống giếng. Người đàn bà sợ tỉnh giấc, mắt da hồ không biến được nữa. Thao lấy làm vợ. Sau ba năm, vợ hỏi Thao da hồ ở đâu ? — Thao bảo ở dưới đáy giếng. Vợ vớt lên khoác vào mình, hóa làm con hồ gài thét mà đi.

(2) — Sách Cương-mục chú : Nhà Tống đánh nước Nam-Hán, lấy được thành Xâm-Châu 肅州 (nay thuộc tỉnh Hà-Nam), và bắt được nội-thị là Dư-diên-Nghiệp 餘延業. Vua Tống hỏi về quốc-chính thì Dư tâu rằng : Chủ cũ y (vua Nam-Hán) dựng ra nhiều thăm-hình, nào đốt, nường, cát, thiến, nào núi đao, cây kiếm ; có khi còn bắt tội nhân đánh nhau với hùm, với voi. Vua Tống nói : Ta phải cứu vớt nhân-dân phương này mới được.

(3) — Nhan-Thúc-Tử đời Chu, người nước Lỗ, một mình ở một cái nhà. Gặp đêm mưa bão, nhà lảng-giếng mẹ bắc bị đổ, một cô gái chạy sang trú nhờ. Thúc-Tử bắt cô gái cầm cây nến ở tay, hết cây này lại thắp cây khác nối tiếp cho đến sáng. Giữ mình ngay thẳng đến như thế ! (theo Thương-hữu-lục).

Mà lại đi bắt-chước Võ-Thưa-Tự, mê say con
yêu hoa-nguyệt.

12. (Thế thì) không thể bảo rằng vô tội được ;
(Chỉ có rằng) tội nhẹ đó thôi.

13. Lời ta phân đến đây là hết .
Giao người giữ việc tuân hành.

Địch ra văn tứ-lục :

Mảng nghe :

1. Kia viên, học, trung, sa biển-bóa từng nghe
tự đời Chu ;

Nọ hồ-ly, hoa-biểu thành tình, lại thấy trong
triều Tấn .

2. Thế-vạn dần-dà xuống thấp ;
Tà-ma hồng-hách lên cao.

3. Nền đạo-gia có kiếm trưc yêu ;
Mà địa-ngục có bùa triệu quý.

4. Hai mươi bốn tòa nghiêm-mặt, phân-sự chia
đều ;

Trăm ngàn vạn giống, yêu-ma, hành - tung
trón biệt.

5. Tuồng chỉ loài nhơ-nhuốc ;
Giám đề thôi ngông-càn.

7. *Sống dở dưng-ô học nết rêu, thua-lem quá
lém.
Cắt cùn tráo trể tro mọi nước, điều-trà
vô cùng.*
7. *Nghĩ tài-danh trồn động la yên ;
Tương âm-phủ biết đũa mà trách.*
8. *Thôi, Nhàm đợi lối hùm cang cáo, biển-ô
nhiều hò ;
Đao, kiếm nên hình núi với cây, thi-hành này
khoản.*
9. *Còn như Hoàng-mỗ,
Cũng có phạm điều :*
10. *Chí thiếu cương-cường,
Lòng ham tá-dục.*
11. *Sao chẳng trông gương Nhen-Thúc-Tử, rầy-
ruồng cỏ ả lũng-giềng .
Lại màng theo gót Võ-Tam-Tư, mẹ-một của
yêu hoa-nguyệt.*
12. *Cũng là có tội,
Song nhẹ đó thôi.*
13. *Ta phàn xong rồi.
Thi-hành lập tức.*

Phê xong, quay lại bảo Hoàng rằng : « Nhà ngươi từ thuở nhỏ, theo rõi nghiệp nho, đã đọc sách thánh-hiền, nhớ cò-kim sự-tích, hẳn biết câu giới sắc, mà cứ rấn thân vào, rồi lấy bút phê rằng :

去剛 : khứ cương (bỏ chí cương-quyết)

印發 : tức dục (theo đường tình-dục)

減壽一紀 : giảm thọ nhất kỷ (giảm tuổi thọ một kỷ tức là 12 tuổi).

DỊCH :

Hoàng không tri-thủ chí cương,

Phạm điều giới sắc noi đường ham mê.

Pháp công giảm thọ thường lễ,

Bớt đi một kỷ sớm về cõi âm.

Đoạn sai hai tên lính dẫn Hoàng về tới nhà. Thế là Hoàng trở mình tỉnh dậy, mờ-hỏi toát ra như tắm.

Vài năm sau, Hoàng nhận đi công - cán, đến hạt Tam-Giang 三江, vào nghỉ ở dưới đền Phong-Châu, nhìn thấy cảnh đền-dài, tường vây bọc, hành-lang xiêu đổ, thần-tượng tối-tàn, hệt như quang-cảnh lúc chiêm-bao, mới biết ngày trước chính mình bị đời đến đây, bèn giục ngựa ruổi mau, không giãm ngoảnh cò lại. Hôm ấy nhằm ngày đinh-tị, tháng tám năm Thiệu-Bình (Lê-Thái-Tôn) thứ hai (1435).

PHẦN BÌNH-LUẬN

Than ôi! Quỷ dòm vào nhà, kêu trên nóc (1) đã là quái gỡ-chăng? Thưa rằng : chưa phải. Gấu Vũ-Uyên 有淵 (2) Lợn Bối-Khâu 貝丘 (3) đã là quái-gỡ chẳng?— Thưa rằng : cũng chưa phải. Vì : Xương-Lê làm văn «nguyên-quỷ» (4) Khâu-Minh 左丘明 giải nghĩa Xuân-thu thì quái cũng là thường. Xem thế thì câu chuyện Xương-tiang này chẳng có chi là quái-dị nữa. Phương-chi : thấy loài yêu-nữ mê người, vững chí kiêng dè sắc dục ; xem

(1).— Đời Hán, Dương-Hùng 揚雄 chép thiên Giải-Chào 解嘲 có câu : «Trời đã thu thanh, đất hút hết lửa, những nhà cao-minh, quỷ nhòm vào cửa».— Sách Chính-tự-thông cũng nói : nghe tiếng kêu trên nóc, hoặc đi ra có đụng-chạm vào ấy là ám-quỷ. Nhưng hãy còn ngờ, chưa rõ có thực hay không.

(2).— Sách Loại-tự chép : Vua Tấn ốm, chiêm bao thấy con gấu chạy vào cửa sổ. Hàn Tuyên-Tử 韓宣子 hỏi Tử-Sản 子產, Tử-Sản nói : «Đời xưa vua Nghiêu đẩy ông Côn ở Vũ-Sơn, Côn chết, hóa làm con gấu vàng vào ở Vũ-Uyên. Đời Tam-đại (Hạ, Thương, Chu) đều cúng tế. Nước Tấn từ khi làm minh-chủ chừng chưa cúng tế phải không? Thế rồi từ đó lại cúng tế thần gấu vàng.

(3).— Đời Xuân-Thu, Tề-Hậu sấn ở Bối-Khâu, thấy một con lợn lớn. Kể theo hầu nói : «Đó là công-Tử Bành-Sinh 彭生 (Bành-Sinh đã bị Tề-Hậu giết oan) hiện lên đấy». Tề-Hậu nói : «Bành-Sinh sao giảm như thế!» Nói rồi dương cung bắn một phát. Con lợn đứng lên như người mà khóc. Hậu sợ ngã xe, bị thương ở chân và rơi mất chiếc giày. (Theo Tả-truyện).

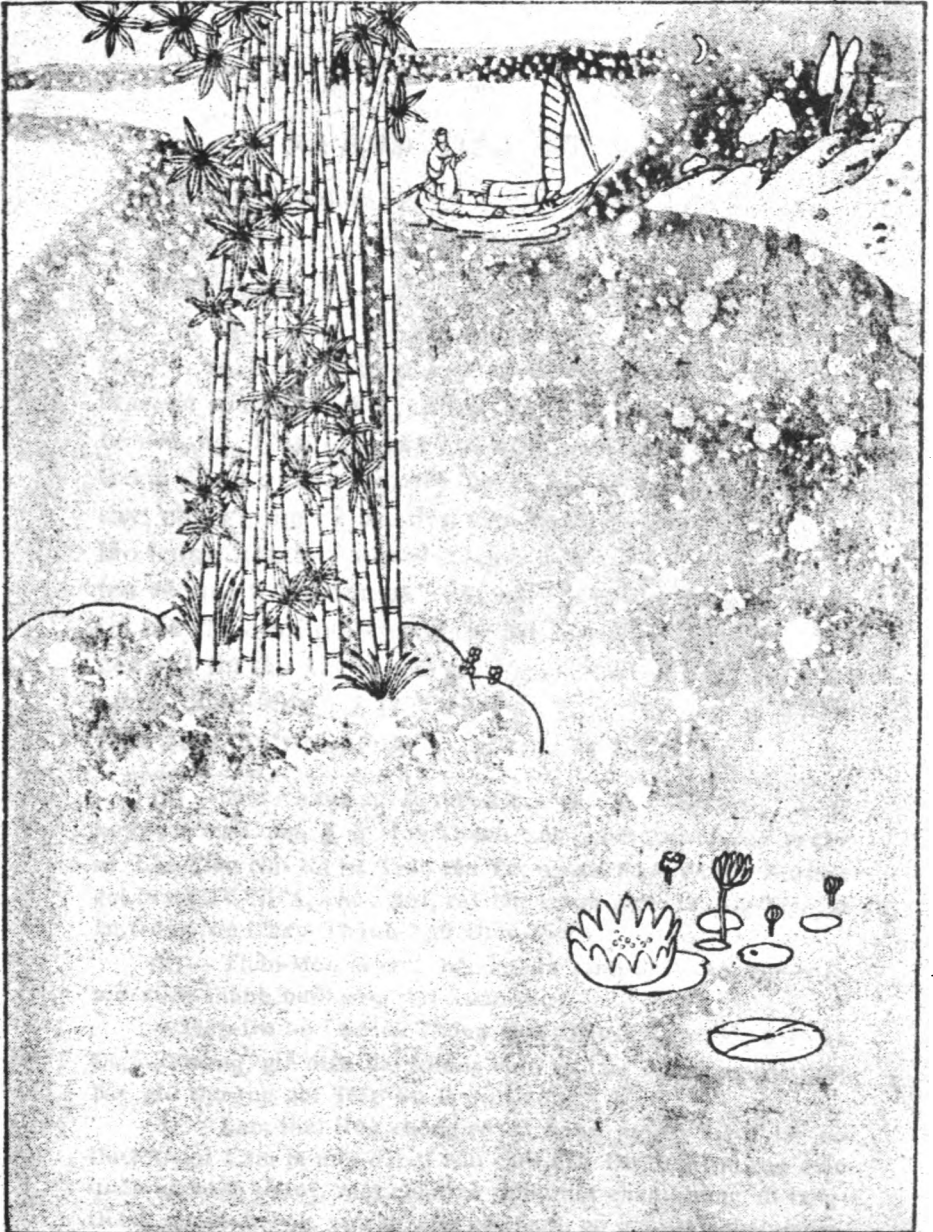
(4).— Trong bài văn Nguyên-quỷ của Hàn-dũ (Xương-Lê) có nói : Nghe tiếng kêu trên nóc nhà, giờ đước lên soi, không thấy gì... Có người đứng ngoài thềm nhà, chạy ra xem, chẳng thấy gì. Phải là ma-quỷ chẳng? — Thưa rằng không phải. Ma quỷ làm gì có nói năng, có hình hài (theo Loại-tự).

chuyện linh-từ phán án, đem lòng xa kính quý-thần. Nhớ câu : nghi đề truyền nghi, thì chẳng thấy chi là quá đáng ; tiến lên bước nữa, cả những chuyện của Lưu-Xoa, Can-Bảo (1) cũng thường thôi.

(1) — Sách Thượng-hữu-lục chú : Lưu-Xoa đời Đường thuở nhỏ làm hiệp-sĩ, về già thích đọc sách. Nghe tin Hàn-Dũ trọng đãi kẻ sĩ trong thiên-hạ, Lưu liền đi theo Hàn. Lưu có làm hai bài thơ «Xe tuyết» và «Cột băng».

Can-Bảo đời Tấn, cha là Oánh có yêu-dấu người nàng hầu. Vợ Oánh có tính quá ghen, lúc Oánh chết đem mai táng. Vợ Oánh đẩy nàng hầu đó xuống huyệt rồi lấp đất lên. Mười năm sau mẹ Bảo chết, bới đất trên mộ Oánh, nàng hầu phục trên quan tài, sờ còn thấy nóng, lại có hơi thở, liền đem về nhà, suốt một ngày bàn-bặt rồi tỉnh lại, kể chuyện Oánh thường cùng nàng ăn-uống, nằm ngủ như lúc sinh-tiền. Việc hay dở trong nhà nàng đều biết hết chẳng sai câu nào. Vài năm sau nàng mới chết. Nhân đó Can-Bảo làm ra chuyện «Sưu thần ký»

Truyện Yêu-Quái & Xương-Giang



(Tranh vẽ Nguyễn)

那 山 樵 對 錄

NA-SƠN TIÊU ĐỐI LỤC

TRUYỆN ĐỐI-ĐÁP CỦA LÃO TIÊU NÚI NA (1)

Đất Thanh-Hóa 清化 toàn núi, bát-ngát bao quanh đến vài ngàn dặm. Trong đó có một ngọn cao chót-vót tên gọi núi Na. Trong núi có một động sâu mà hiểm-trở, âm-ướt mà quanh-hiếu, chẳng chút bụi trần, không người bén-mãng. Thường ngày chỉ có lão Tiêu gánh củi từ trong động đi ra, đem đổi lấy cá và rượu ; cốt được no say, chứ không hề hỏi đến tiền-bạc bao giờ. Hễ gặp ông lão trong thôn hay đưa nhỏ ngoài nội là lại vui vẻ chuyện-trò về việc trồng dâu gai. Ai hỏi đến họ tên, nhà cửa, thì lão chỉ cười mà không trả lời. Cứ đến lúc mặt trời gác núi thì lão lại về động. Người thời ấy cho lão vào hàng Thần-Môn, 辰門 Tiếp-Dur, 接與 (2) chứ từ Thái-Hòa 泰和 (3) trở xuống đều không đáng kể.

(1) — Núi Na tục gọi là núi Nứa, ở về xã Cổ-Định 古定 huyện Nông-Cống, 農貢 tỉnh Thanh-Hóa, cách tỉnh chừng 30 cây số. Lão Tiêu Núi Na họ Trần tên Tu, người đương-thời thường gọi là cụ TU-NỮA, chân đời, cát lều tranh gọi là Am-Tiên, ở ẩn trong đó (theo Thành-Ngữ Điền-Tích).

(2) — Thần-Môn là một bậc ân-giả lánh đời vào giữ việc mở công thành buổi sớm đời Xuân-thu.

— Tiếp-Dur họ Lục tên Thông 陸通, người nước Sở, đời vua Chiêu-Vương, giả điền-dại không chịu ra làm quan, người thời bấy giờ thường gọi Tiếp-Dur là Sở-Cuồng.

(3) — Lam-thái-Hòa không rõ là hạng người nào, lại có thuyết nói Lam là một dật-sĩ vào cuối đời Đường, thường mặc quần áo rách tả-tơi, một chân xỏ dép, một chân không, đi lang-thang ngoài đường, vừa đi vừa gõ thanh gỗ mà hát nghèo-ngao. (Thiên-Hạ dị-kỷ 天下異紀).

Sau đến khoảng năm Khai-Đại nhà HỒ (HỒ Hán-Thương) (1403-1406), Hán-Thương 漢蒼 đi săn, chợt gặp lão Tiên ở giữa đường, vừa đi vừa hát rằng :

Nguyễn văn :

1. 那 之 山 有 石 蹟 坑
樹 蒼 蒼
煙 莫 莫
木 瀑 瀑
2. 朝 兮 吾 出
暮 兮 吾 還
3. 有 衣 兮 製 芟
有 佩 兮 劔 蘭
4. 聞 捧 音 兮 屏 曉 峰
回 護 絳 兮 枕 晴 津
5. 任 他 朝 市
任 他 車 馬
燭 塵 不 到 此 江 山
6. 幽 草 宋 朝 弓 劔
古 丘 晉 代 衣 冠
7. 王 諧 風 流
趙 曹 事 業
8. 算 往 古 來 今 鄉 相

石篆苔漫
9. 爭如我掉頭一覺
紅日三竿

Phiên âm :

1. *Na chi sơn hữu thạch toàn-ngoan.
Thụ thương thương,
Yên mạch mạch,
Thủy sản sản.*
2. *Triều hề ngộ xuất ;
Mộ hề ngộ hoàn.*
3. *Hữu y hề chế ky ;
Hữu bối hề nhận lan.*
4. *Thất bài thanh hề bình hữu chượng ;
Điền hộ lục hề chẩm tình than.*
5. *Nhậm tha triều thị ;
Nhậm tha xa mã ;
Truy trần bất đáo thử giang san.*
6. *U thảo Tống-triều cung kiếm ;
Cờ khâu Tấn-đại y quan.*
7. *Vương Tạ phong-lưu ;
Triệu Tào sự-nghiệp.*
8. *Toán vãng cờ lai kim khanh tướng ;
Thạch triện đài man.*
9. *Tranh như ngã trạo đầu nhất giác,
Hồng nhật tam can.*

GIẢI-NGHĨA :

1. Kia non Na có đá mọc chon-von,
Có cây xanh-xanh, có khói mờ-mịt, có nước
chảy lờ-dờ.
2. Buổi sớm ta ra đi, buổi tối ta lại trở về.
3. Ta chế gương ấu, lá sen làm áo mặc (1) ;
Ta xâu cỏ lan làm xiêm đeo.
4. Trước cửa động bày ra núi xanh làm tấm
bình-phong cho dịu bớt ánh sáng ;
Ruộng nằm bên bến nước trong như giúp
thêm màu lục.
5. Mặc ai ở chốn triều-đình hay ở ngoài chợ (nói
những người ham danh vụ lợi).
Mặc ai cưỡi ngựa hay đi xe ;
Bụi đen không vùn đến nước non này.
6. (Xem như) Cung kiếm triều Tống thành vùng
cỏ rậm ;
Áo đai đời Tấn cũng thành đồng gò cao (2).

(1) — Thi-học đại-thành có câu : Chế kỹ hà dĩ vi y, tập phù-dung dĩ vi thường 製芡荷以為衣集芙蓉以為裳 nghĩa là chế lá ấu, lá sen làm áo, xếp lá phù-dung làm xiêm.

(2) — Thơ Lý-Bạch : Ngô-cung hoa-thảo mai u-kinh, Tấn-đại y-quan thành cỏ-khâu 吳宮花草埋幽徑, 晉代表冠成古丘 Nghĩa là : Hoa-cỏ cung Ngô vùi ngõ tối, Áo đai đời Tấn lấp gò cao. (Đường-Thi).

7. Nào mức phong-lưu họ Vương, họ Tạ ; Nào sự-nghiệp họ Triệu, họ Tào (1).
8. Tỉnh lại các bức khanh-trưởng xưa nay, bia đá cũng rêu phủ mà thôi.
9. Đầu có bằng ta lúc ngàng đầu tỉnh dậy,
Mặt trời đỏ đã lên cao ba sào.

Dịch ra văn vần :

1. *Kìa non Na đá mọc chênh-vênh,
Cây xanh xanh,
Khói mờ-mịt,
Nước long-lanh.*
2. *Sớm ra khỏi động,
Tối lại về ghềnh.*
3. *Xiêm dây đeo mặc sức ;
Áo lá sẵn bên mình.*
4. *Cửa động rừng xanh non dịu sáng ;
Đầu ghềnh ruộng biếc bên thêm xanh.*
5. *Mặc ai xe ngựa ;
Mặc ai thị-thành.
Nước non đây không nhuộm bụi phù-sinh,*

(1) — Vương-Đạo, 王導 Tạ-An 謝安 là khanh-trưởng đời nhà Tấn ; Triệu-Phổ, 趙普 Tào-Bân 曹彬 là khanh-trưởng đời nhà Tống.

6. *Tống đề cung đao vùi dưới cỏ,
Tán xưa mũ áo chẳng còn manh.*
7. *Tạ, Vương phú-quý ;
Tào, Triệu công-danh.*
8. *Ngồi nghĩ lại cò-kim khanh-tướng,
Bia đá rêu quanh.*
9. *Ai đặng bằng ta choàng tỉnh giấc,
Ngàng trông ác đã đầu cành.*

Hát rồi, giũ áo đi thẳng. Hán-Thương đoán : hân đây là người ân-dật, bèn sai quan hầu là Trương-công 張公 đuổi theo mời lại. Nhưng Trương đi gần kịp thì lão đã rào bước vào động. Trương vội gọi lại nhưng không thấy thừa, chỉ thấy cuội mây, lách khói, thoăn-thoắt bước mau trong khoảng cảnh thông ngọn trúc. Trương biết không phải là người thường, cứ trông hút lặt-dật theo sau, vừa đi vừa vạch cỏ tìm lối tắt, được chừng hai ba dặm, nhưng đường núi gập-ghềnh, càng vào sâu lại càng hiểm-trở, khôn bề tiến bước. Trong chớp mắt đã chẳng thấy lão đâu nữa. Ngược trông lên mặt trời đã gác đầu non, cây cỏ đã bắt đầu lờ-mờ. Trương bàng-hoàng muốn quay gót trở lại thì đã không kịp rồi, chợt nghe tiếng gà gáy văng-vẳng từ chòm tre cao đưa lại. Trương mừng mà rằng :

— Từ đây đến chỗ có người ở chả còn xa là mấy. Thế rồi cứ chống gậy trèo dốc, lên tới nơi thấy một cái am cỏ, hai bèn tả hữu trông mấy khóm kim-tiền, xen kẽ có mấy cây hồng-hạnh, bích-đào, đều rườm-rà vui

mắt. Trong am có đặt cái giường mây, trên giường có đàn, có sách và một cái gối tựa. Hai bên vách đông tây đều quét trắng và đề mỗi bên một bài ca. Một bên là bài ca « Thích ngũ » và một bên là bài ca « thích cử ».

I.— Bài ca « thích ngũ » như sau :

Nguyên văn :

1. 吾 何 愛
愛 惟 眠
2. 愛 為 安 舒 適 性 然
3. 淺 墨 帳 添 新 富 貴
矮 藤 床 結 舊 因 緣
4. 梅 之 軒 竹 之 園
幽 居 趣 味 有 林 泉
5. 青 奴 擁 後
紅 友 羅 前
媒 引 :
6. 黑 甜 勝 景
涼 思 輕 便
7. 雙 掩 耳 紅 塵 世 上
小 曲 肱 白 屋 雲 邊
8. 寄 傲 草 廬 南 陽 間 日 月

	久	仲	雲	觀	趙	宋	窄	山	川
9.	北	廳	吟	魂	易	促			
	西	堂	春	夢	常	圓			
10.	書	樓	初	捲	夕				
	酒	店	欲	晴	天				
11.	玄	鶴	黃	州	夜	夜			
	美	人	湘	水	年	年			
12.	有	時	向	醉	鄉	打	卧		
	草	鋪	茵	花	鋪	幄	地	鋪	氈
13.	彭	澤	夜	深	半	簾	殘	月	
	濂	溪	院	靜	一	枕	啼	鷓	
	任	人	道	為	懶	夫	士		
	為	渴	睡	漢	為	隱	神	僕	

Phiên âm :

1. Ngô hà ái ?
— Ái duy miên.
2. Ái vị an thư thích tính nhiên.
3. Thiềm mặc trướng thiêm tân phú-quý ;
Ái (nuy) đặng sàng kết cữ nhân duyên.
4. Mai chi hiên, trúc chi viên.
U cư thú vị hữu lâm-tuyền.
5. Thank nó ủng hậu :

Hồng hũu la tiên.

Mời dẫn :

6. *Hắc điềm thặng cảnh ;
Lương tực khinh biên.*
7. *Song yếm nhĩ hồng trần thế thượng,
Tiêu khúc quảng bạch ốc vân biên.*
8. *Ký ngao thảo lư, Nam-dương nhân nhật nguyệt ;
Khiêm thân vân-quán, Triệu Tống trách sơn xuyên.*
9. *Bắc song ngám hồn dị xúc ;
Tây đường xuân mộng thường viên.*
10. *Thư lâu sơ quyền tịch,
Tứ điếm dục tình thiên.*
11. *Huyền hạc Hoàng-châu dạ dạ,
Mỹ nhân Tương-Thủy niên niên.*
12. *Hữu thời hương túy-hương dã ngọa,
Thảo phổ nhân, hoa phổ ốc, địa phổ chiên :*
13. *Bành-Trạch dạ thâm, bán liêm tàn nguyệt,
Liêm-kê viên tịnh, nhất chẩm đề quyền.*
14. *Nhậm nhân đạo vi lân phu sĩ,
Vi khát thủy hân, vi ăn thần-tiên.*

GIẢI-NGHĨA :

1. Ta thích gì ? — Thích ngũ thời ;
2. Thích ngũ vì được an-nhàn thư-thái hợp với tính mình.

3. (Mặc ai) màn ám muội đen đê mà thêm phận sang-giàu (1).
(Minh vẫn) cùng cái giường mây nhỏ kết mối nhân-duyên cũ.
4. Ngoài hiên có mai, ngoài vườn trồng trúc,
Ở ần, có rừng có suối làm thú-vị.
5. Có hầu xanh dờ dảng sau.
Rượu hồng-hũu bày dâng trước (2).
6. Khéo đưa lại : giấc ngủ ngon-lành.
Thần-trí mát-mẻ, nhẹ-nhõm.
7. Bịt hai tai (không nghe chuyện) hồng-trần trên đời ;
Co tay gối đầu nằm nơi nhà bạc bên mây.
8. Ngao-nghe nằm trong lều tranh, ngày tháng ở Nam-Dương nhân-nhã thật (3) ;

(1) — Phạm-trọng-Yêm 范仲淹 người nước Tống lúc còn nhỏ, rất chăm học, đêm đèn đèn trong màn học suốt đêm không ngủ. Sau nên quý-hiền, người vợ đem cái màn trên đình còn vết muội đèn đen như mực, bảo con cháu rằng : cha các con thuở nhỏ chăm học hãy còn lớp muội đèn đây. (theo Thượng-hữu-lục).

(2) — Mùa hè cho chí mùa đông, trúc vẫn xanh-tốt, nên gọi là thanh-nò (cò hầu xanh). Hoàng-lỗ-Trực 黄鲁直 gọi trúc là vợ, vì trúc dùng làm gối để đỡ tay yên nghĩ (theo Viên-Cơ).

Bạn đỏ (chữ Hán là Hồng-hũu) tên một thứ rượu (theo sách Quần-ngọc).

(3) — Gia-cát-Lượng 诸葛亮 lúc chưa ra phò Lưu-Bị, 劉備 nằm khênh trong lều gianh ở Nam-Dương, tiêu-dao tuế nguyệt (theo Tam-Quốc-Chí).

Nằm duỗi chân ở quán Văn-Đài, non sông của họ Triệu nước Tống coi nhỏ xíu (1).

9. Nằm bên cửa sổ hướng bắc mà hồn thơ lai láng (2).

Nằm nhà hướng tây mà giấc mộng xuân thường được tròn vẹn (3).

10. Ban chiều mới cuốn rèm nơi viện sách ;
Quán rượu muốn đề chờ lúc ban mai.

11. Đêm đêm mơ-mộng hạc tía bay qua đất Hoàng Châu (4).

(1) — Trần-Đoàn 陳搏, một cao-sĩ đời Tống, ẩn trong núi Vũ-Đương 武当 (còn có tên Thái-Hoa-Sơn, nay ở phía nam huyện Quán, Tỉnh Hồ-Bắc). Mấy triều vua với không chịu ra. Sau lại vào tu ở Hoa-Sơn 華山 (nay thuộc huyện Hoa-Âm, tỉnh Thiểm-Tây 陝西) tịch cốc luyện khí, mỗi lần ngủ trăm ngày không dậy. Tống Thái-Tôn 宋太宗 ban cho đạo-hiệu là希夷 Hi-Di tiên-sinh.

(2) — Thơ Tô-Đông-Pha : Bất như tam-phục nhật 高懸北窗涼. Nghĩa là : Gi bằng gặp giữa ngày tam-phục, cửa bắc nằm cao, mát-mẻ thay (theo âm-lịch thì những ngày « canh » sau tiết hạ-chí là sơ-phục, trung-phục ; ngày « canh » sau tiết lập-thu là mặt-phục).

(3) — Tạ-linh-Vận 謝靈運 rất thân cùng người em họ là Huệ-Liên 惠連 thường ở nhà hướng tây làm thơ. Có lúc bí không nghĩ ra, nằm mơ thấy Huệ-Liên mà nảy ra câu hay. Tạ cho là câu ấy có thần giúp (theo Sách Thị-tộc 氏族).

(4) — Tô-Đông-Pha đời Tống làm quan, bị đày ra Hoàng-Châu, cùng bạn bơi thuyền chơi trên sông Xích-Bích. Gần nửa đêm, chợt thấy con hạc bay qua thuyền, sa xuống kêu to. Đến lúc đi ngủ, Tô nằm mơ thấy người đạo-sĩ áo lông đến vái chào mà hỏi rằng : « Tiên-sinh chơi sông Xích-Bích có vui không ? ». Tô hỏi lại « Có phải lúc này bay qua thuyền ta mà kêu là người không ? ». Đạo-sĩ chỉ nhìn Tô mà cười. Tô giật mình tỉnh dậy. (theo sách Cổ-Văn tất đọc).

Quanh năm mơ-mộng người đẹp chơi trên sông Trương (1).

12. Có lúc đến làng say đánh một giấc,
Lấy cỏ làm đệm, hoa làm màn, đất làm chăn.
13. (Nhớ cảnh) đất Bành-Trạch lúc canh khuya,
trăng tà rèm cuốn (2) ;
Đất Liêm-Khê khi nhà tĩnh-mịch, tựa gối ngủ
nghe tiếng quỳên kêu (3).
14. Ai muốn bảo là anh chàng lười, anh đời ngủ,
hay là thần-tiên lánh đời thì cũng mặc.

Dịch ra văn vần :

1. *Hỏi thích gì đây ? — Thích ngủ thôi.*
2. *Bởi thú an-nhàn bên nết rời.*
3. *Màn muội, ai kia thềm phú-quý,*
Giường mây mình vẫn kết duyên-hài.
4. *Kìa vườn trúc, nọ hiên mai,*
Ấn náu rừng khe thú tuyết-vời.
5. *Sau sẵn thanh-nô đơn-đủ,*

(1) — Xưa có người được chiếc gối, lấy gối đầu ngủ. Đêm nào cũng nằm mơ thấy người đẹp đi chơi thuyền trên sông Trương (thợ Cờ-Văn).

(2) — Đào-Tiềm 陶潛 mẹ già, nhà lại nghèo, làm quan lệnh quận Bành-Trạch, sau từ quan về ở ẩn, nằm ngủ ở dưới cửa sổ đặng bác hóng mát, tự coi mình là người đời Hy-Hoàng 羲皇 (theo Thị-Tộc).

(3) — Chu-Liêm-Khê có cái gối, mỗi khi gối đầu ngủ lại nghe thấy tiếng quốc kêu, nhân đặt tên là « Đê quỳên chầm ».

Trước thêm hồng-hữu chào mời.

Khéo gạ :

6. *Mộng hồn túy-lý ;*

Thần-trí chơi-voi.

7. *Nhà bạc khoan tay kềm một giặc ;*

Bụi trần chuyện thế bít hai tai.

8. *Am cỏ ngủ khoèo, Nam-dương ngày tháng
dư nhàn hạ,*

*Quán mây năm khềnh, Triệu-Tống non sông
đáng mấy mươi.*

9. *Cửa bắc hồn thơ lại-làng ;*

Hiên tây xuân-mộng bài-hồi.

10. *Vườn vãn dành buổi tối ;*

Quán rượu đề ban mai.

11. *Hạc tía Hoàng-Châu quanh quần mãi ;*

Bóng hồng Trương-thủy nhỡn-nhờ hoài.

12. *Có lúc lại làng say ngã-ngón,*

Mượn gối cỏ, màn hoa, chấn đất giữa trời.

13. *Bánh-Trạch canh khuya, nửa rèm trăng chéch ;*

Liêm-kê nhà vắng chiếc gối quyền ai.

Ai muốn gọi :

14. *Rừng « đại-lân » hay rừng « đôi ngủ »,*

Rừng « ăn thần-tiên » cũng mặc đời.

II.— BÀI CA « THÍCH-CỒ »

Nguyễn văn :

- | | | | | | | | |
|-----|----|----|----|-----|----|----|----|
| 1. | 吾愛 | 何為 | 愛風 | ? 雲 | 愛變 | 惟態 | 棋奇 |
| 2. | 芳勝 | 成邊 | 類如 | 龍熊 | 蛇虎 | 失揚 | 勢成 |
| 3. | 車度 | 雙河 | 馳一 | 馬卒 | 雙靠 | 飛重 | 圓 |
| 4. | 北形 | 南勢 | 相相 | 界依 | 運 | | |
| 5. | 方妙 | 圓算 | 動無 | 靜道 | | | |
| 6. | 春手 | 寂搖 | 寂搖 | 乍攬 | 敲碎 | 殘香 | 夢泥 |
| 7. | 獨黃 | 樂州 | 園樓 | 中晚 | 賓酌 | 朋酌 | 初半 |
| 8. | 畫庵 | 永高 | 天子 | 留落 | 客聲 | 久遲 | 定醒 |
| 9. | 院簾 | 教許 | 慵小 | 妾重 | 掃窺 | | 候時 |
| 10. | 贏功 | 輸名 | 賭消 | 江得 | 山失 | 半閒 | 局機 |

11. 浮不覺一天向夕
月斜廳煙斜篆竹斜枝
12. 閑苑神像閣中度日
長安公子醉裡忘歸
相對處篆些琴篆些畫
篆些壁題詩

Phiên âm :

1. Ngô hà ái ? Ái duy kỳ.
Ái vị phong vân biển thái kỳ.
2. Liệt xư loại long xà thất thế ;
Thắng biên như hùng hổ dương uy.
3. Xa song trì, mã song phi,
Độ hà nhất tốt kháo trùng vi.
4. Bắc nam tương giới,
Hình-thế tương y.
Mặc vân :
5. Phương viên động tĩnh ;
Diệu toán vô di.
6. Xuân tịch tịch sạ xao tàn mộng ;
Thủ dao dao lung toái hương ni (né).
7. Độc-Lạc viên trung, tân bằng sơ định hậu ;
Hoàng-Châu lâu hiền, minh-đỉnh bán tỉnh thì.
8. Trú vĩnh thiên lưu khách cửu ;
Am cao tử lạc thanh trì.
9. Viên giao dung-thiếp tảo ;
Liêm hứa tiêu-đồng khuy.

10. Doanh thâu đồ giang-sơn bán cục ;
Công danh tiêu đắc thất nhân ky (cơ)
11. Hồn bất giác nhất thiên hương tịch.
Nguyệt tà song, yên tà triền, trúc tà chi.
12. Lãng uyển thân tiên nhân trung độ nhất.
Tràng an công-từ, tùy lý vọng quy.
Trong đối xử kiem ta cảm, kiem ta họa.
Kiem ta bích đề thi.

GIẢI-NGHĨA :

1. Ta thích gì ? — Thích cờ thoi.
Thích vì (đánh cờ giống như) gió mây biến-
chuyển la thường.
2. Bên bĩ như rân rồng thất thế ;
Bên thắng chống khác gì gấu, cạp lúc dương oai.
3. Hai bên kẻ ruồi, ngựa hay,
Một tốt qua sông hãm vòng ngoài.
4. Nam bắc chia đôi bờ cõi, hình-thế vẫn nương
nhau.
5. Lãng-lẽ vẫn xoay : vương, tròn, động, tĩnh (1).

(1) — Đời-Đường Huyền-Tôn (712-735), Lý-Bật 李泌 xin Trương-Thuyết 張說 cho nghe khái-niệm về Phương, Viên, Động, Tĩnh. Thuyết đọc : Phương nhược kỳ-cục, Viên nhược kỳ-tử, động nhược kỳ-sinh, tĩnh nhược kỳ-tử 方若碁局, 圓若碁子, 動若碁生, 靜若碁死. Nghĩa là : Vương như bàn cờ, tròn như quân cờ, động như quân còn, tĩnh như quân chết. Bật đọc fuôn: Phương nhược hành nghĩa, viên nhược dụng trí, động nhược sinh tài, tĩnh nhược đắc ý 方若行義, 圓若用智, 動若聘材, 靜若得意. Nghĩa là: Vương như làm điều nghĩa, tròn như dùng trí-khôn, động như trở tài, tĩnh như đắc ý. (theo Viên-Cơ).

- Toan tỉnh nhiệm màu, không để sót nước.
6. Chiều xuân yên-lặng, chợt khua tỉnh giấc mơ tàn ;
Tay lay-động đánh tan mùi thơm (ở quán cờ) (1).
 7. Trong vườn Độc-Lạc (2), bạn bè vừa ngồi xuống,
Buổi sớm trên lầu đất Hoàng-Châu (3), rượu say mới nửa tỉnh.*
 8. Ngày dài, trời lưu khách ở lâu ;
Âm cao, tiếng quân rơi chầm-chập.
 9. Nhà dề cỏ hầu quét ;
Rèm dề bà vợ gấp-ngó trông.
 10. Cá cuộc hơn thua, tranh-giành nửa giang-sơn ;

(1) — Những nhà sang ở đất Quan-Trang dựng lối cây từ-dàn làm cửa cờ nên có mùi thơm (theo Hạp-Bích). Con cờ vì có nhiều tay người đánh cầm vào làm cho mùi thơm phai-lạt.

(2) — Tư-Mã Ôn-Công 司馬溫公 làm bài ký vườn Độc-Lạc có câu: tôn-tửu lạc dư-xuân, kỳ cục tiêu trường hạ 樽酒樂餘春暮局消長夏. Nghĩa là: Chén rượu dư-xuân còn đượm thú, cuộc cờ trường-hạ cũng mau qua. (theo Cồ-Văn).

(3) — Vương-nguyên-Chí 王元之 làm bài Ký lầu trúc ở Hoàng-Châu có câu: Hạ-nghi cấp vũ, hữu bích-bổ thanh, đông nghi mật tuyết, hữu toái ngọc thanh, nghi vi kỳ tử thanh đình đình nhiên. 夏宜急雨,有瀑布聲,冬宜密雪,有砒玉聲,宜篔簹子聲,丁丁聲. Nghĩa là: Mùa hạ nên mưa rào, có tiếng như thác chảy; mùa đông nên tuyết dày, có tiếng như ngọc vỡ; nên đánh cờ, tiếng quân đập lát-chát... Khi men rượu tỉnh, hương trà hết, tiễn mặt trời, đón mặt trăng, đều là những thú ở lầu Trúc (Cồ-Văn).

Bỏ hết tâm-cơ về sự thành bại trên bước
đường công-danh.

- 11. Tuyết không biết đến trời đã xế chiều, trăng
xế cửa, khói lá ngọn, trúc lá cành.
12. Thần-tiên vườn Lãng. (đánh cờ đề tiêu khiển)
cho qua ngày nhàn-hạ ;
Cùng-Tử đất Tràng-An, lúc say-sưa (đánh cờ)
quên cả đường về.
13. Cùng đối cảnh (với cờ) có cả đàn, có cả họa,
có cả thơ đề trên vách.

Dịch ra văn vần :

1. Lấy chi làm thú ? — Đánh cờ chơi,
Biển ảo phong-vân thực lạ đời.
2. Bĩ tựa rần rờng khi thất thế ;
Thắng nhường gấu cạp lúc dương oai.
3. Đồi hàng xe ngựa rười dài,
Một tốt sang xông hãm mặt ngoài.
4. Trận đồ một cuộc ;
Nam bắc đôi nơi.
5. Trù liệu :
Vương tròn động tĩnh.
Suy tính không sai.
6. Êm-ả trời xuân khua mộng tỉnh,
Dập-dlu ngón ngọc quét hương phai.
7. Độc-lạc vườn kia, hò-hẹn người chung hội ;
Hoàng-Châu gác họ, say-sưa rượu nửa vơi.
8. Ngày rộng dùng-dăng lưu khách lại,

Am cao, vắng-vắng tiếng quân rơi.

9. Ngoài viện có hầu quanh-quần quét ;
Trong rèm bà chủ thập-thò coi.

10. Mảng cuộc hơn thua giành nửa nước ;
Lảng đường danh-lợi chẳng hoài hơi.

11. Cũng chẳng biết khi trời sắp tối,
Khi khói tỏa, khi trăng nghiêng, khi cánh trúc
lả-loi.

12. Vườn Lãng thần-tiên, thông-thả chơ qua ngày hạc;
Kinh-Kỷ công-tử mê say quên trở gót hài.

13. Đối cảnh có : này đờn, này họa,
Này thơ trên vách một đôi bài.

Lúc đó, lão Tiều đang ngồi ở hiên đá dạy chim vẹt học nói, bên cạnh có mấy trẻ nhỏ đương đánh cờ.

Lão Tiều thấy Trương-Công đến, kinh-ngạc hỏi :

— Nơi đây vắng vẻ, đất thẳm rừng sâu, chim núi lều-lo giọng hót, thú rừng chẳng-chịt vết chân. Có việc chi ông lần mò đến tẻ-xá, há chẳng cũng khó nhọc lắm ư ?

Trương-Công thưa rằng :

— Tôi làm chức cung-phụng đương triều. Vì ngài là bậc cao-sĩ, nên tôi vâng chỉ đem mệnh cung-tĩnh (1) đến tuyên triệu, sẵn có xe loan, xin ngài chút lòng huệ-cố.

Lão Tiều cười mà rằng :

— Ta là kẻ dật-dân (2) trốn đời, lão phu lánh bụi, gọi

(1) — Mời quan Sĩ thì dùng cung-nỗ, mời quan đại-phu thì dùng cờ tĩnh (theo Lễ-Kỷ).

(2) — Người có đức mà đi ẩn gọi là dật-dân (Luận-Ngữ).

tính-mệnh chốn lều tranh ngô hẻm ; tìm sinh-nhai nơi
búa gió riu trắng ; ngày rồi lối làng say (1), cửa không
chân khách tục ; bạn-bè cùng tìm cá hươu nai, đan-điu
với phong hoa tuyết nguyệt. Ta chỉ biết hè đơn mà
đông kép, ngũ khối lại nằm mây ; bởi núi mà ăn,
múc khe mà uống, có biết chỉ đến việc bên ngoài :
triều-đại nào, vua quan nào ? Nhân lưu Trương ở lại
ngủ đêm, cơm thổi bằng hạt điều-hồ (2), canh nấu
bằng rau cầm-dơi, luộc-thuộm bày lên mâm, lại thêm
vài món rau sống nữa. Hai người đối diện chuyện trò
cho đến canh khuya, đều là những điều lý-thú, nhưng
tuyệt không có câu nào đã-dộng đến thời-sự cả.

Hôm sau, Trương-Công lại mời nói :

— Những bậc quân-tử đời xưa không phải là không
muốn giúp đời hành đạo, sở dĩ còn giấu-giếm tên tuổi
là cốt để giá cao đó thôi. Cho nên tất phải có tiểu-
tượng đi cầu rồi sau đồng Thương mới dầm nước (3) ;
tất có hậu-xa đi đón mà sau nội Mục (牧野) mới thành

(1) — Làng say (Túy Hương) là nói ở ẩn vào một cõi say-
sưa riêng biệt. Hoàng-phủ-Tùng 皇甫松 có soạn ba quyển « Túy-
Hương nhật-nguyệt ». Vương Tích có tập « Túy hương ký ».

(2) — Điều Hồ 雕胡 cũng là một thứ lục cốc, hạt to mà dẻo-
có thể ăn thay cơm.

(3) — Vua Cao-Tôn nhà-Thương nằm-mộng thấy Thượng,
để cho một kẻ tội hiền, bèn theo trong mộng vẽ một bức ảnh
rời sai người đem ảnh ấy đi khắp nơi tìm kiếm, sau quả tìm
được Ông Phó-Duyệt, đương đắp đập ở đất Phó-Nham (nay
thuộc Sơn-Tây), đón về lập làm Tướng (Tướng Văn). Vua bảo
Ông Duyệt : « Khi trời đại-hạn, dùng khánh làm mưa rào ». (theo
Thượng Thư).

công (1). Nay phu tử đem tắm thân kim-ngọc, ôm một bọc kinh-luân ; giấu thanh-danh ngoài trường vinh-lợi, vui thịnh-đức trong thú ngư-tiêu ; tuy hình còn nấu chồn sơn-khê, mà tiếng đã lọt tai thánh-chúa. Nay chính là lúc phu-tử xé áo lá, đốt xiêm sen rồi đây. Xin sớm bỏ bờ đập Phó-Nham (傅巖), vớt cầu cầu Vị-Thủy (渭水), để khỏi ưởng lòng khát-vọng của dân đen.

Lão Tiều đáp :

— Kẻ sĩ mỗi người có một chí-hướng, có phải ai cũng thế đâu. Kia Nghiêm-Tử-Lăng 嚴子陵 không màng chức gián-nghị ở Đông-đô để phải xa cảnh yên-ba bến Đồng-Lại 桐汭 (2), nọ Khương-Bá-Hoài 姜伯淮 không vì bức họa-đồ của Thiên-tử mà đánh đổi thú non-nước đất Bành-Thành 彭城 (3). Ta đâu tài hèn so với người xưa còn cách bức, nhưng may mà giàu hơn

(1) — Chu-Văn-Vương đi săn, gặp Lã-Thượng 呂尚 (Lã-Vọng) ngồi câu cá trên bờ sông Vị, mời lên xe sau chở về, tôn lên làm bậc thầy. Sau ông Lã-Vọng bày trận Bát-Quái phá nhà Ân ở Mỵc-Dã (nay thuộc huyện Hồng tỉnh Hà Nam) vào năm 1122 trước công-nguyên, tức năm thứ 13 đời Chu-Vũ-Vương.

(2) — Nghiêm-tử-Lăng đời Hán, vua Quang-Vũ 光武 mấy lần vời ra cho làm quan gián-nghị đại-phu, nhưng Nghiêm không nhận, bỏ đi câu ở núi Phú-Xuân, cạnh sông Đồng-Giang (huyện Đồng-Lư, tỉnh Chiết-Giang), trên sông có đền cầu của Nghiêm-Tử-Lăng.

(3) — Khương-bá-Hoài đời Hán người đất Bành-Thành 彭城, cùng hai em là Trọng-Sửu 仲丑 và Quý Giang 季江 có lòng hiếu-hữu, tiếng đến Triều-đình, vua Hoàn-Đế sai thợ vẽ hình đi mời, Khương không đến, vào ẩn ở cõi Thanh-Châu 青州, xem bói độ nhật. Đến năm 77 tuổi mới trở về. (theo Hán Cương-Mục).

Kiểm-Lâu 黔良 (1), thọ hơn Vệ-Giới 衛玠 (2), no hơn Viên-Tĩnh 袁敬 (3), dạt hơn Phụng-Thiến 奉倩 (4), kể ra cũng là được trời đất ban cho khá nhiều rồi. Nếu còn tham cầu quá phận, mưu-toan vào đường sĩ-hoạn thì không những thẹn cùng các bậc hiền-giũ đời xưa, mà còn tệ với những loài viên-hạc núi cũ. Ông về đi, đừng nói lời thối nữa.

Trượng lại nói :

— Ngài cho hiện-thời không bỏ làm chăng ? Thực ra, nay thánh-nhân ngự-trị, bốn bề trông chờ. Người Chiêm 占 cắt đất xưng thần ; quân Minh 明 nộp người

(1) — Kiểm Lâu nhà nghèo, lúc chết chỉ có một manh áo, đắp kín đầu thì hở chân, đắp kín chân thì hở đầu. Lúc ấy Tăng-Tây 曾西 lại viếng, trông thấy bảo rằng : đắp lệch đi thì kín được cả đầu lẫn chân. Người vợ Kiểm-Lâu không nghe, nói : Nhà tôi lúc sống vẫn ngay-thẳng, lúc chết lại để lệch lạc, thế là không hợp lý. Đắp lệch mà có thừa sao bằng đắp ngay mà không đủ. Vợ lại đặt tên thụy là Khang. Tăng-Tây nói : Tiên-sinh ăn không đủ no, áo không đủ kín mình, sao gọi là « khang » được ? Bà vợ Kiểm-Lâu nói : Vua muốn cho làm Trượng-Quốc mà không làm, thế là thừa sang rồi ; cho thóc mà không nhận, thế là thừa giàu rồi, đặt tên thụy là Khang, chẳng cũng đáng lắm ru ? (theo chuyện Cao-St).

(2) — Vệ-Giới đời Tấn, người đẹp văn hay, thọ được có 27 tuổi thì mất (theo Thị-Tộc).

(3) — Viên-Tĩnh là học-trò, chết đói ở dọc đường, có kẻ trộm là Khâu-Hồ-Phủ 丘狐父 nấu hồ đồ cho. Viên hỏi tỉnh hỏi : Có phải người là kẻ trộm không ? Sao lại nuôi ta ? Nói rồi mửa hết ra, chịu nằm mà chết. (theo Bạch-My Cổ-Sự 白眉故事).

(4) — Tuân-Sán đời Ngụy, tự là Phụng-Thiến, có người vợ đẹp lắm. Sau vợ ốm chết. Phụng-Thiến cũng chết theo (theo sách Thị-Tộc).

(Trần-thiền-Bình 陳添平) xin rút (1). Các nước Đại-Lý 大理, Lão-Qua 老撾 (nay thuộc tỉnh Vân-Nam bên Tàu) tranh nhau quy phục. Hiện chỉ thiếu mặt đất-sĩ núi rừng chịu về phò-tá, khiến cho công-dức chúa-thượng sánh tầy vua Nghiêu 堯, vua Thuấn 舜 đời xưa. Nếu ngài định trọn đời ẩn lánh như Vụ-Quang 務光. Quyển-Tử 涓子 (2), thì như vậy mãi cũng không sao, như còn có chút lòng vì dân, mà bỏ lỡ dịp này không ra thì tôi e rằng sẽ cùng cỏ cây cùng mục nát, không còn có cơ hội-ngộ nào nữa.

Lão Tiều biến sắc nói :

— Theo lời ông nói há chẳng là khoe khoang thái-quá sao ? Khiến người nghe phải thẹn mặt hồ lòng. Tôi xin hỏi : Ông vua đang ngự-trị phải chẳng người họ Hồ.

Trương-Công thưa rằng :

— Phải.

Lão Tiều hỏi :

(1) — Nhà Minh sai lữ Hàn-Quan, 韓觀 đem quân sang xâm lấn, mượn tiếng đưa Trần-thiền-Bình về nước. Hán-Thương sai bọn Hồ-Xạ chặn ở cửa ải Chi-Lăng, 支陵 quân Minh bèn đưa trả Thiền-Bình và xin rút quân về (theo Quốc-Sử).

(2) — Vụ-Quang người nhà Hạ, 夏 vua Thang 湯 đánh chúa Kiệt 桀 đến bàn với Quang. Quang nói là không phải việc mình. Khi được thiên-hạ rồi, vua Thang lại nhường cho Quang. Quang nói : Bỏ vua không phải là nghĩa, giết dân không phải là nhân ; người phải gian-nan, mình hưởng quyền-lợi, không phải là liêm. Ta không nỡ trông thấy cái đời vô-đạo này nữa, rồi tự buộc đá chìm mình xuống sông mà chết. Quyển-Tử người nước Tề, cũng là một nhà ẩn-dật ở Nham-Sơn.

— Có phải nhà Vua đã bỏ khu Long-Đổ 龍肚 (Hà-Nội) mà về đóng ở đất An-Tôn 安孫 (1) không ?

Trương-Công thưa rằng :

— Phải.

Lão Tiều nói :

— Ta tuy chân không bước vào thành-thị, mình không ở chốn đơn-tri, nhưng cũng từng nghe ông vua ngày nay là người thế nào. Ông ấy nói hay đối-lá, tinh lại tham-lam ; xây cung Kim-Âu, kiệt sức nhân-dân ; dựng điện Hoa-Nhai cực kỳ xa-hi (2), đã rẻ-rụng gấm-là, lại coi thường châu-ngọc. Dựng vàng như cỏ rác, tiêu tiền tra đất bần. Ngục-tù có cửa đút là xong, quan-trước có tiền mua là được. Người hiền diều ngay, chưa thốt lời đã bị giam-bình ; kẻ dưng câu nịnh, lại được thưởng mà không tội-vạ. Bời xao-xuyến lòng dân mà xây việc trần quàn sông Đáy 底江 (3) ; gây rối-ren ngoài cõi phải cam bề mặt đất Cồ-Lâu 古樓 (4). Vậy mà các kẻ đình-thần : trên dưới theo hùa, trước sau

(1) — Long-Đổ tức là thành Thăng-Long (Hà-Nội) ; An-Tôn là tên một làng ở huyện Vĩnh-Phúc (nay là Vĩnh-Lộc) tỉnh Thanh-Hóa, họ Hồ thiên đô từ Thăng-Lông vào đây.

(2) — Kim-Âu, Hoa-Nhai là hai lăng thuộc huyện Vĩnh-Phúc, nhà Hồ xây dựng cung-thất, điện-đài ở đây.

(3) — Đáy đây là sông Tiều-Đáy ở địa-hạt tỉnh Vĩnh-Yên bây giờ. Tháng 8 năm Kiến-Tân thứ 2 đời Trần Thiệu-Đế (1399), Nguyễn-nhữ-Cải 阮汝燕 nổi lên làm giặc ở đây, có đến hơn một vạn quân, tung hoành khắp mấy huyện. Sau do Nguyễn-bằng-Cử dẹp yên được.

(4) — Nhà Minh sai sứ sang đòi đất Lộc-Châu, tỉnh Lạng-Son. Hồ Quý-Ly cho Hoàng-hối-Khanh ra cắt đất Cồ-Lâu cả thảy 59 thôn trả cho nhà Minh (theo Quốc-Sử).

nổi vết. Duy còn lữ : Nguyễn-bằng-Cử 阮鵬舉 (1) tuy có lượng nhưng mà chậm-chạp ; Hoàng-hối-Khanh 黃晦卿 (2) tuy có học song lại lơ-mờ ; Lê-cảnh-Kỳ 黎景琦 (3) giỏi mưu-mô lại không quyết-đoán ; Lưu-thúc-Kiệm 劉叔儉 (4) dù quân-tử mà chưa khoan-nhân. Còn ngoài ra chẳng lữ tham tiền thì phường bét rượu ; phi lấy yên-vui tự mãn thì dùng thế-lực tương khuynh ; chưa thấy ai có mưu cao chước lạ để lo việc cho dân-chủ ng cả. Nay ta ẩn-tích ở chốn núi rừng, lánh đi chưa được, há còn rấn thân vào nữa hay sao (5). Xỉa ông vui lòng trở về, làm ơn vì ta mà từ-tạ hộ cho. Ta không thể đem viên ngọc Côn-Sơn để cúng cháy chung trong ngọn lửa ở Côn-Sơn 崑山 (6) được.

Trương-Công nói :

— Sự xuất-xứ của hiền-nhân lại cố-chấp đến thế kia ư ?

(1) — Nguyễn-bằng-Cử người huyện Đông-Ngan, tỉnh Bắc-Giang 北江 làm quan đời Trần đến chức Đông-Lộ An-phủ sứ (theo Quốc-Sử).

(2) — Hoàng hối Khanh đỗ Thái-học-Sinh đời Trần Phế-Đế 陳廢帝. Cuối đời Hồ làm đến Thị-Lang kiêm lãnh Tiết-độ.

(3) — Lê cảnh Kỳ trước tên là Nhân-Thống, làm quan với nhà Trần đời vua Thuận-Tôn (1388-1397). Sau nhà Hồ cướp ngôi, Lê lại làm quan với nhà Hồ đến chức Hành-Khiển (theo Quốc sử)

(4) — Lưu-thúc-Kiệm đỗ đầu khoa Thái-học-Sinh cuối đời Trần (theo Quốc-Sử)

(5) — Trương-Hoa đời Tấn đón mời ẩn-sĩ là Vi-Trung 韋忠. Trung thác bệnh không ra. Người ta hỏi cơ. Trung nói : « Ta còn đương lo sống rớt ở cái vực sâu kia nó tràn đến há lại còn xấn áo mà lội vào ư ? »

(6) — Trong Kinh-Thư, thiên Thuán-Điền 夬典 có câu : Hỏa viêm Côn-Cương, ngọc thạch cầu phản 火炎昆岡玉石俱焚 nghĩa là : Lửa đốt non Côn, ngọc đá đều cháy.

Lão Tiều đáp :

— Không phải ta cố-chấp đầu, ta chỉ ghét những kẻ khéo nịnh-bợ, đã thốt thân vào trong cái triều-đình trọc-loạn, lại còn toan lôi kéo người khác vào để cùng chìm-dắm với mình.

Trương-Công im-lặng không còn biết nói sao được nữa, bèn xin cáo-từ trở về phục mệnh. Trương về đem hết những lời của lão Tiều tâu lại với chúa. Hồ Hán-Thương tuy không bằng lòng, nhưng còn muốn đem xe đi cố đón mời cho bằng được, bèn sai Trương-Công đi lần nữa.

Trương vào đến nơi thì rêu phong cửa động, gai-góc đầy non, dây leo, cành rậm đã lấp mất lối đi bữa trước rồi. Chỉ còn thấy trên vách đá, chỗ mài nhẵn có đề hai câu thơ rằng :

奇 羅 海 口 吟 魂 斷
高 望 山 頭 冢 思 愁

Kỳ-La hải khẩu ngâm hồn đoạn ;
Cao-Vọng sơn đầu khách tứ sầu.

DỊCH :

Kỳ-La cửa bề hồn thơ đứt (1) ;
Cao-Vọng đầu non dạ khách sầu (2).

(1). Cửa bề Kỳ-La ở xã Kỳ-La, huyện Kỳ-Hoa tỉnh Hà-tĩnh bây giờ. Ngày 11 tháng 5 năm Đinh-Hợi (1407), Hồ Quý-Ly bị bắt ở đây, (theo Quốc-Sử)

(2) — Núi Cao-Vọng ở làng Bình-Lễ 東禮, huyện Kỳ-Hoa 奇華, tỉnh Hà-Tĩnh. Ngày 12 tháng 5 năm Đinh-Hợi (1407), Hồ Hán-Thương bị bắt ở đây (theo Quốc-Sử)

Xem lời văn có giọng trào-phúng như họ Nguyễn, họ Bạch 元, 白 (1) ; nét chữ theo lối triện-lệ của ông Lưu 留, ông Tư 斯 (2), nhưng chẳng hiểu là nói gì.

Hán-Thương cả giận, hạ lệnh đốt núi. Núi cháy ết mà vẫn chẳng thấy gì, chỉ thấy con hạc đen liệng trên không, lững-lờ bay múa.

Sau hai cha con họ Hồ bị họa, đều đúng như câu thơ trên. Còn lão Tiều kia, có phải là người đắc đạo rồi chăng ?

PHẦN BÌNH-LUẬN

Có cái « thần » dễ hay biết việc tương-lai, có cái « tri » dễ ăn-làng điều quá vãng, (3) đó là việc của thánh-nhân. Lão Tiều đâu là hiền-giả nhưng đâu đã được vào bậc ấy. Tuy nói việc họ Hồ táng bại rõ như bói rùa, bói cỏ, chẳng qua là nghiệm với lẽ trời. xét theo lòng người, nói nhiều may có điều trúng là lẽ cố-nhiên.

Bậc làm vua-chúa phải lấy việc CHÍNH lòng mình để làm gốc CHÍNH Triều-đình, CHÍNH trần quan và CHÍNH muôn dân, đừng dễ cho kẻ xử-sĩ bàn ngang vào là hay hơn cả.

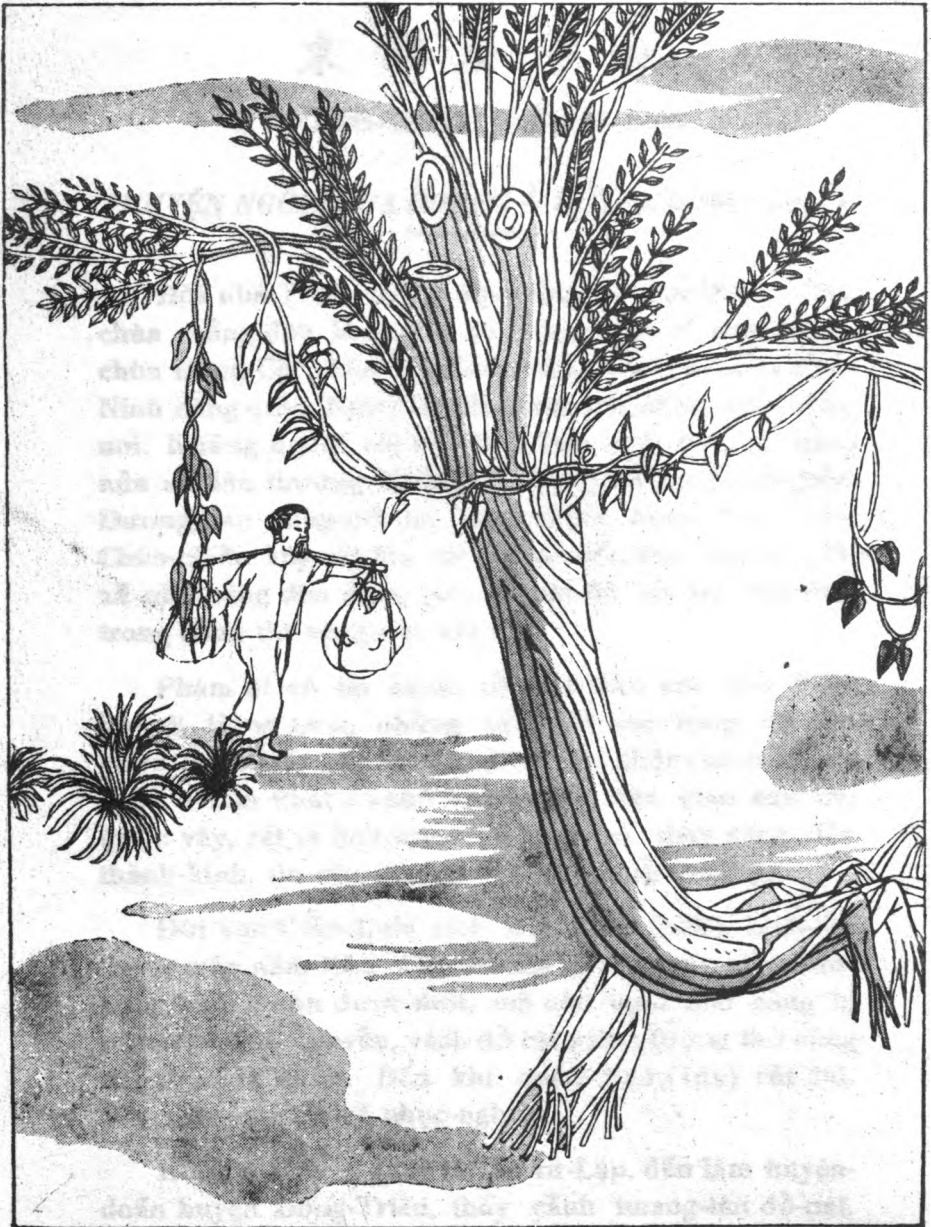
(1) — Nguyễn-Chân, 元稹 tự là Huy-Chi về đời Đường, người tỉnh Hà-Nam, đỗ đầu Chế-Khoa triều Nguyễn-Hòa (806-820) rất hay thơ, làm quan tả-thập-di.

Bạch-Cư-Dị, tự Lạc Thiên, người Thái-Nguyên đỗ tiến-sĩ cũng về triều Nguyễn-Hòa, làm quan Tả-thập-di, làm thơ rất nhiều. Thời bấy giờ nói đến Nguyễn-Bạch tức là đề trở hai ông này. (theo Thượng Hữu Lục)

(2) — Thái-sử-Lưu nhà Chu chế ra lối chữ đại triện. Thừa-Tướng Lý-Tư nhà Tần chế ra lối Tiều-triện.

(3) — Câu : Thần dĩ tri lai, tri dĩ tàng vãng 神以知來知以藏往 là câu hệ từ trong kinh Dịch.

Chuyện đời-đáp của lão Tiều Núi Na



(Tranh vẽ Nguyễn)

東潮廢寺錄

DÔNG-TRIỀU PHÉ-TỰ LỤC

TRUYỀN NGÔI CHÙA HOANG Ở HUYỆN ĐÔNG-TRIỀU

Đời nhà Trần, có tục sùng-thượng quý-thần. Đền, chùa chẳng đâu là không có, như chùa Hoàng-Giang, chùa Đồng-Cổ, chùa Yên-Sinh, chùa Yên-Tử, chùa Phổ-Ninh cùng quán Ngọc-Thanh, dựng lên nhan-nhãn khắp nơi. Những người cắt tóc đi tu làm tăng, làm ni bằng nửa số dân thường. Nhất là về huyện Đông-Triều (Hải-Dương), sự sùng-bái lại càng thịnh hành hơn nữa. Chùa-chiền xây cất lên, xã lớn có đến trên mười ngôi, xã nhỏ cũng đến năm, sáu. Ngoài thì lũy tre rậm-rạp, trong chùa thì vàng dát son tó.

Phàm ai có tật bệnh, đều tin theo vào đạo Phật hư-vô. Hàng năm, những tuần-tiết sóc vọng thì nào rượu thịt tế lễ, nào cờ dù cúng vái, nhộn-nhip không ngớt. Thần Phật có chỗ tựa-nương, dân gian cầu sao được vậy, rất là linh-ứng. Cho nên ai thấy cũng đều thành-kính, tin-cậy, không ai dám khinh thường.

Đời vua Giản-định nhà Hậu-Trần (1407), binh-lửa trong mấy năm liền. Chùa-chiền bị cháy gần hết, mười phần không còn được một, mà còn ngôi nào cũng bị mưa rung gió chuyền, vách đổ cột xiêu; tượng thờ cũng nát cốt, rữa mình. Đến khi quân Ngô (Tần) rút lui, dân-gian mới trở về phục-nghiệp.

Hồi ấy, có viên quan là Văn-tư-Lập, đến làm huyện-đoãn huyện Đông-Triều, thấy cảnh hoang-tàn đồ-nát,

đón-độc dân-dinh đánh gianh, ken nửa, tu-sửa sơ-sài. Ngôi huyện này được một năm, thấy đâu quanh huyện khổ về cái nạn trộm cắp, từ lợn, gà, ngan, ngỗng trong nhà, cho đến cá dưới ao, trái cây ngoài vườn, phàm cái gì ăn được đều bị mất hết, Tu-Lập than rằng :

« Ta nay được nhậm chức ấp-tề, đã không có óc sáng-suốt để xét cho ra kẻ gian, lại không có oai cứng dấn dè chế-phục kẻ ác, bởi nhân-nhu nên hồng việc, thì ra mình chỉ là cái hư vị ». Song Tu-Lập cho là những đám trộm vặt, không đáng lo ngại cho lắm, nhưng cũng chia phiên cho thôn-dân đêm đêm phải gia-tâm canh phòng. Trông khoảng tuần-nhật canh-gác chẳng thấy chi cả, nhưng tài vật vẫn mất như trước. Lâu dần, càng thấy chúng không kiêng-sợ chi nữa. Thậm chí lặn vào bếp mà khoảng cả vô rượu; lên vào buồng mà trêu ghẹo vợ con người ta. Khi đến vầy bắt thì chẳng thấy đâu, mịt-mờ như theo gió, duỗi bóng, không bắt được kẻ phạm.

Tu-Lập cười mà rằng :

« Té ra lâu nay vẫn ngờ oan cho kẻ trộm, đây chỉ là lũ yêu-ma quỷ-quái quấy nhiễu đầy thời ; những chuyện rắc-rối bấy nay đều do loại này mà ra cả ».

Thế rồi cho đi khắp nơi tìm kiếm danh-sur, đón mời thầy pháp cao tay, làm bùa trấn-yểm, dùng thuyền-bè giấy-mã tiễn đưa. Nhưng càng trấn-yểm, tiễn-tống thì sự quấy-nhiều lại càng tệ hơn. Tu-Lập sợ lắm bèn họp người trong thôn xã mà bàn rằng :

— Các người ngày thường thờ Phật rất là kính-cần. Chỉ vì mới đây gặp cơn binh lửa mà hương-khói vắng-tanh cho nên yêu-nghiệt hoành-hành mà Phật cũng không cứu giúp cho, sao không thử đi kêu cầu đến Phật, tưởng cũng là một cách quyền-nghi, may ra có thể giúp mình được.

Mọi người đều lên chùa thắp hương, lễ Phật mà khẩn rắng :

— Bọn chúng-sinh này vẫn thành-kính Phật Trời, quy-y đã lâu, dốc lòng trông cậy Phật-pháp. Nay bị yêu-quái quấy nhiễu dân lành, họa lây súc-vật, thế mà Phật cứ lặng-thình ngồi nhìn, chẳng hóa ra từ-bi quá lắm ru? Cúi xin rủ lòng thương-xót, ra uy trừ-khử, khiến Thần, Người khỏi bề hỗn-tạp (1) mà dân-gian cùng vạn-vật đặng hưởng an-ninh. Hết thấy chúng sinh đều tâm-niệm báo ơn. Song loạn-lạc vừa yên, sinh-kế chưa hồi phục được. Từ tắc gỗ, viên ngói trở đi, đều chưa biết xoay vào đâu. Đợi sau này dân-gian được phú-túc, sẽ xin xây dựng chùa mới để báo đền công-đức. Ngay đêm ấy, lại càng mất-mát tệ hơn trước. Tu-Lập không biết tính sao được, nghe nói có Vương tiên-sinh ở huyện Kim-Thành (Hải-Dương), giỏi nghề bói dịch, bèn đến bói một quẻ xem sao.

Bói được quẻ rằng :

有 馬 而 騎

Hữu mã nhi ky,

有 犒 而 披

Hữu hạt nhi phi.

皮 索 錫 符

Bì nang tích tiến,

(1) Đời vua Thiệu-Hiệu 少昊 (2597-2514 trước công-nguyên), vợ Cửu-Lê 九黎 làm loạn đạo-đức; thần, dân hỗn-tạp. Sau vua Chuyên-Húc 顓頊 (2513-2436 trước Công-nguyên) dẹp yên loạn Cửu-Lê. Thần và người hết xen lẫn vào nhau, muôn vật đều có thú-tự, nhân-dân được sống yên-đn (theo sách ngoại-kỷ 外紀).

的 是 神 師

Địch thị thần si (sư).

DỊCH :

Có người cười ngựa,

Mặc áo sợi bông,

Túi da, tên thiếc,

Đủ phép thần-thông.

Thầy bói lại dặn thêm rằng :

— Ông muốn được việc, thì sớm mai do mé tả công huyện, nhằm hướng nam mà đi; hễ thấy người nào ăn mặc, mang xách như thế, thì người ấy quyết trừ hại được đó, nên cố mời cho kỳ được, dù họ cố từ-chối cũng đừng nghe.

Sáng hôm sau, Tư-Lập bèn cùng các phụ-lão theo đúng lời của Vương tiên-sinh đi đón xem, thấy người đi nam, kẻ đi bắc, đông như mắc cửi, mà chẳng một ai giống thế cả. Xế chiều, ai nấy đều lặng-lẽ, chán nản muốn trở về, chợt có một người trong núi đi ra, mặc áo vải bông, đeo cung, cưỡi ngựa đi đến, mọi người đều chạy đến trước mặt sụp lạy.

Người kia kinh-ngạc hỏi thì mọi người nói rõ ý muốn.

Người kia cười mà rằng :

— Các ông sao lại quá tin bói-toán như vậy? Tôi từ nhỏ làm nghề săn bắn : thân không rời yên ngựa ; tay không bỏ cung tên. Hôm qua nghe nói núi Yên-Phu có nhiều nai béo, thỏ ngon, ngẫu-nhiên ra đó săn bắn, chứ có biết lập đàn bắt tà là gì đâu ?

Tư-Lập nghĩ thầm : người này hẳn là thầy Pháp cao tay, không muốn nổi tiếng về việc bùa-chú, để mang lụy vào người, nên ngao-du trong chốn núi khe, mượn cung-tên để mà ẩn tích. Nghĩ vậy rồi năn-nỉ cố mời, không chịu bỏ qua.

Người kia xem chừng không thể đi thoát, miễn-cưỡng nghe theo.

Tư-Lập đón vào ở trong huyện. Giường-chiếu, chăn màn, đều dùng đồ mới, tiếp-đãi rất châu-đáo, coi như một vị thần-minh.

Người kia tự nghĩ rằng : Sở-dĩ họ đón tiếp, cung-kính minh thế này là tưởng mình có tài trừ quỷ. Nhưng tự xét mình chẳng biết tí gì về việc ấy cả mà cứ hưởng sự cung-cấp quá hậu, đâu có hợp lý người xưa nuôi kẻ có công. Nếu không sớm liệu bỏ đi, ắt sẽ bị nhục.

Đến nửa đêm, nhân lúc mọi người ngủ say, người kia rón-rén ra khỏi huyện. Khi đến phía tây cái cầu ván gỗ, lúc ấy trời tối lờ-mờ, trăng sương chưa ló, bỗng thấy mấy người cao lớn dầy-dà, từ ngoài cánh đồng hơn-hở đi vào. Người kia bèn lặn vào chỗ khuất, nhìn xem bọn này làm gì. Giờ lâu thấy chúng thò tay khoắng xuống một cái ao bắt cá tươi, bắt, kỳ lớn bé, đều cho vào miệng nhai nghiền-ngấu, nuốt rồi lại nhìn nhau vừa cười, vừa nói :

— Phong-vị cá ngon quá chỉ cần nhai kỹ ! Tuyệt hơn những món hương-hoa nhạt-nhẽo mà họ thường đem cúng chúng mình. Chỉ đáng tiếc là mình biết quá muộn mà thôi.

Một người cười mà rằng :

— Chúng mình thật to đầu mà dại, bấy lâu bị người đời lừa dối. Ai đời lại đem lưng thưng vục đầu gạo xôi oản đồ vào cái bụng khổng-lồ này rồi mình cứ đứng giữ cửa cho chúng nó mãi bao giờ ? Nếu không được mấy bữa như hôm nay, thành ra cứ bị chúng đem sự ăn chay mà dối chúng mình thật là phí mất một đời.

Lại một người nữa nói :

— Tôi bình-sinh vẫn được hưởng huyết thực, không phải ăn chay như các bác. Nhưng hiện nay dân-sự từng kiết, không ai cúng tế ; bụng đói miệng thèm, không thể nhịn được, không biết đến mùi thịt đã bấy lâu nay, đầu phải chuyện nằm ở nước Tề ăn chay ba tháng mà thôi (1). Song đêm nay trời rét, giá lạnh, không thể đứng đầu lâu được. Chi bằng lần sang vườn mía mà bắt chước Hồ-đầu tướng-quân ngày trước (2).

Đoạn, chúng dắt nhau đi lên, kéo vào vườn mía, nhổ mấy cây, vừa tước, vừa hút nước ngọt, tựa như người uống nước trà.

Người thợ săn bèn dương cung, đặt tên, đứng chỗ cao bắn ngầm, liền trúng hai người. Chúng kêu rú lên rồi co giò chạy trốn, chừng vài mươi bước; thoát chẳng thấy đầu nữa, song còn nghe chúng cả tiếng mắng nhau :

(1) Đức Khổng-Tử sang nước Tề nghe nhạc thiếu ba tháng, không biết mùi thịt (theo sách Luận-ngữ).

(2) Đời vua Tấn An-Đế 晉安帝 (đầu thế-kỷ thứ 5), Cố Khải-Chi 顧愷之 làm chức Hồ-Đầu tướng-quân, người ta gọi là Cố Hồ-Đầu (顧虎頭). Mỗi khi Cố ăn mía, ăn từ trên ngọn xuống đến gốc. Có người hỏi thì Cố nói : có ăn như thế thì mới thấy thú-vị.

— Đã bảo gặp ngày giờ bất lợi thì đừng ra đi. Không nghe lời ta. Giờ tỉnh sao đây ?

Người thợ bần liền kêu réo rầm-rĩ khắp xa gần, dân làng chòng tỉnh dậy, đốt đuốc, chia đường truy-nã, theo vết máu còn vấy trên mặt đất đi về phía tây. Đi chừng hơn nửa dặm vào một ngôi chùa hoang, còn thấy hai pho tượng hộ-pháp nát, trên lưng mỗi pho tượng có một mũi tên cắm vào sâu lắm. Mọi người đều lắc đầu, lè lưỡi, cho là một sự lạ xưa nay chưa từng thấy.

Họ bèn đập phá hai pho tượng. Lúc cốt tượng vỡ nát, còn nghe thấy tiếng nói rằng :

— Những tưởng kiếm bừa no bụng, ai ngờ đến bị họa nát thân. Chúng ta đánh đã vậy, nhưng còn như lão thủy-thần kia, y chủ mưu vụ này, lại được thoát họa. Chúng ta chỉ theo y mà bị tai-nạn, thực đáng buồn cười.

Khi sai người sang miếu Thủy-thần, thì thấy pho tượng đất, bỗng rung biến sắc, mặt như chàm đỏ, trên mép hãy còn dính mấy cái vẩy cá. Bèn đập tan cả pho tượng ra.

Văn-Tur-Lập đem hết tiền của ra tạ người di sản. Người này chất nặng, mang đi. Từ đó yêu-tà tuyệt không thấy tăm-hơi nữa.

PHẦN BÌNH LUẬN

Than ôi ! Thuyết-lý nhà Phật thực không ích gì mà còn có hại. Nghe lời nói năng, có vẻ từ-bi quảng-đại ; tìm điều báo-ứng lại như trò bắt gió mịt-mờ. Nhân-dân kính tin, có người phá sản đem cúng vào chùa-chiền.

Nay xem cái dư-nghiệt ở ngôi chùa nát mà còn gờm-ghe là thế. Hưởng chỉ thời bình, việc thờ-phụng linh-

đình thì còn hại đến đầu mà kể. Vậy mà các vị vua sáng, chúa hiền có muốn trừ bỏ cũng không thể được, bởi các bậc cao-minh quân-tử có nhiều người phò-tá đại-đề như Tô Học Sĩ (1) đời Tống, như Lương Trạng-nguyên (2) triều Lê.

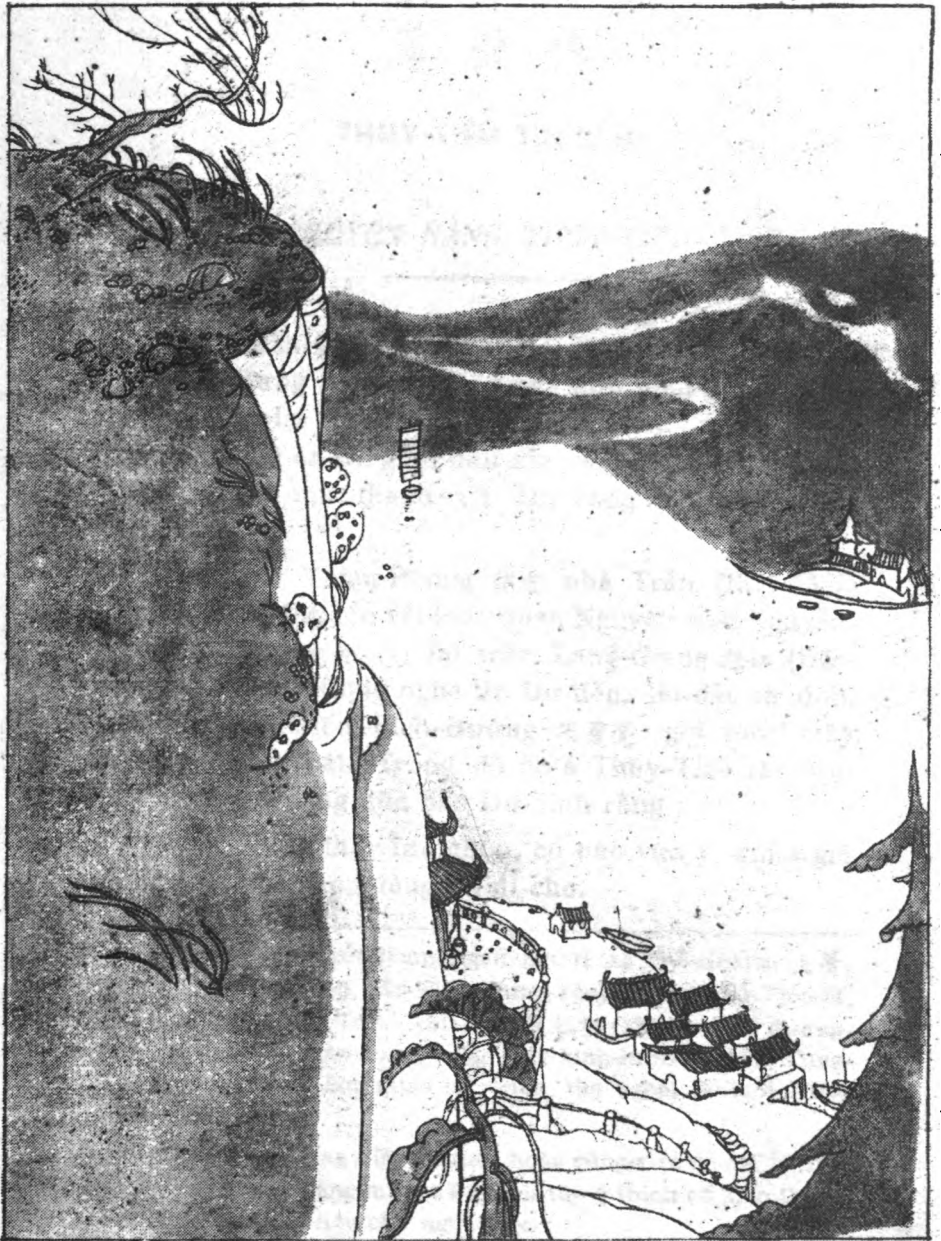
Ước sao có được trăm ông Xương-Lê (3) ra đời, xúm lại trừ diệt, đốt hết sách và chiếm hết nhà mới có thể được.

(4) Tô Đông-Pha (tức Tô Học-Sĩ) giao-đụ thân-mật với trụ-trì chùa Kim-Sơn rồi tặng nhà sư cái đai-ngọc, nhà sư lấy áo cà-sa để tạ lại (theo Viên-Co),

(5) Lương-thế-Vinh 梁世榮 (tức Lương Trạng-Nguyên) triều Lê-thánh-Tôn rất mộ đạo Phật.

(6) Hàn-Dũ (được phong Xương-Lê bá) rất ghét đạo Phật, có bài biểu công-kích đạo Phật dữ lắm.

Truyện Ngôi Chùa Hoang ở Huyện Đông-Triều



Tranh vẽ **NGUYỄN**

翠 綃 傳

THÚY-TIÊU TRUYỆN

TRUYỆN NÀNG THÚY-TIÊU

Dư-Nhuận-Chi 余潤之 tên là Tào-Tân 造新, người đất Kiến-Hưng 建興, có tiếng hay thơ, nhất là về những bài hát, Dư lại càng nổi danh ở kinh-sư. Cứ làm được một thiên thì ca-công lại đến xin và tặng tiền rất hậu. Cũng vì thế mà thanh-giá Dư càng lên cao trong tao-dân.

Cuối đời Thiệu-Phong 紹豐 nhà Trần (1341-1357) Dư nhân có việc đến yết-kiến quan Nguyễn-soái Nguyễn-Trung-Ngạn 阮忠彥 (1) tại trấn Lạng-Giang 諒江 (Bắc-Giang). Nguyễn-Công nghe tin Dư đến, lật-dật ra đón, thiết tiệc tại Phiếm-Bích-Đường 泛碧堂, gọi mười mấy cô đào ra ca hát. Trong đó có ả Thúy-Tiêu rất xinh đẹp. Nguyễn-Công đùa bảo Dư-Sinh rằng :

— Đấy, tùy thầy lựa chọn, có nào vừa ý, xin « gió đong » tự tiện cang-dáng (2) đi cho.

(1) — Ông Nguyễn-trung-Ngạn người xã Thổ-Hoàng, 土黃, huyện Thiên-Thị 天施 (Ấn-Thị, Hưng-Yên), 16 tuổi đỗ Tiến-Sĩ, vào năm thứ 12 đời Trần Anh-Tôn 陳英宗 (1304), người đương-thời gọi ông là thần-dồng. Ông làm kinh-lược-sứ trấn Lạng-Giang, sau lại vào làm quan tại triều, thọ ngoài 80 tuổi (theo Quốc-Sử).

(2) — Cang-dáng: lĩnh người hoặc công-việc dở mà lo-liệu, do chữ 幹當 cang-dáng mà ra. Đây nói tùy ý thích có, nào thì cứ việc lĩnh đi mà lo-liệu cho người ấy.

Rồi âm-nhạc nổi lên, Sinh ngâm thơ rằng :

Nguyên văn :

1. 蓮 花 朵朵 倚 紅 酣，
2. 曾 對 侯 家 玉 麈 談。
3. 醉 挽 銷 衣 呼 得 起，
4. 兼 餐 好 喝 望 江 南。

Phiên âm :

1. Liên-hoa đóa đóa ỷ hồng hằm,
2. Tăng đối tiên-gia ngọc-chủ đàm.
3. Tủy vãn tiêu y hó đắc khởi,
4. Sở thanh hảo xướng « Vọng Giang-Nam ».

Giải nghĩa :

1. Mấy đóa hoa sen dựa vào sắc đỏ như say-sưa (1)
2. Từng được kề cận các tiên-gia cầm đuôi con Chủ (2) trong khi đàm-luận.
3. Say rượu thì nư áo lụa mà gọi đấy. (3)

(1) — Câu này trở các ca-kỹ

(2) — Con thú giống con hươu mà lớn hơn gọi là con Chủ. Sách Bản thảo Cương-Mục 本草綱目 chú : đàn hươu đi theo con Chủ thường trông đuôi con này vẫy làm chuẩn-đích mà đi. Thế nên ngày xưa những cuộc đàm-luận có tiêu-chuẩn gọi là « chủ-dàm ». Sách Thư-Ngôn Cố-Sự 書言故事 chú : Vương-Điển 王衍 đời Tấn, mỗi khi giảng về đạo Lão 老 道 Trang 莊 thường cầm đuôi con Chủ có chuỗi bằng ngọc mà nói.

(3) — Áo lụa do chữ tiêu-y, có ý trở vào nàng Thúy-Tiên.

4. Nghe mấy tiếng hát khúc « Vọng Giang-Nam »
(1) thật là hay.

Dịch ra thơ :

1. Ngây-ngất sen hồng mấy đóa hoa,
2. Dẫn đàn góp mặt với tiên-gia.
3. Say dlu áo lụa tai còn vọng :
4. Khúc « vọng Giang-Nam » mấy điệu ca.

Nguyễn-Công cười bảo Thúy-Tiêu rằng :
— Thầy Tú đề ý tới người đó.

Hôm ấy Sinh quá chén say ngủ li-bì, canh khuya
sực tỉnh thì đã thấy Thúy-Tiêu ở bên cạnh, trong lòng
cảm ơn Nguyễn-Công khôn xiết. Hôm sau, Sinh vào bái-
tạ Nguyễn-Công.

Nguyễn-Công nói :

— Cô ta có vẻ phong-lưu đấy chứ? Thầy nên khéo
thương yêu lấy. Sinh bèn từ-tạ đưa Thúy-Tiêu về
Kiến-Hung.

Nàng sẵn khiếu thông-tuệ, mỗi khi nghe Sinh đọc
sách nàng chỉ lăm-rhăm mà thuộc hết. Thấy vậy, Sinh
liền đem những sách cổ kim nói về thi ca, từ khúc ra

(1) — Nhà sư chùa Nhân-Vương 仁王 hay hát khúc « Vọng
Giang-Nam », sau đi xuống núi đến đứng chủ một ngôi chùa
khác. Nhưng chưa được bao lâu, nhà sư đã muốn trở về cảnh
cũ. Trong bài thơ nhớ chùa Nhân-Vương có câu : hà tự Nhân-
Vương cao các thượng, ý lan gian xướng « vọng Giang-Nam »
何似仁王高閣上, 倚閣間唱望江南 ». Nghĩa là : đâu có được
như ở trên gác cao chùa Nhân-Vương, ngồi tựa lan-can mà hát
khúc « Vọng Giang-Nam ».

dạy nàng. Mới chưa đầy một năm mà bất luận lối trường-thiên, đoán-tập nào nàng làm cũng ngang với Sinh.

Năm Mậu-Tuất (1358) có mở khoa thi hương. Sinh sắm sửa hành-trang tiến kinh, không nỡ dời nhau nên cho nàng cùng đi. Hai vợ chồng đưa nhau vào trọ ở Phường-Thái 坊泰 ngay cửa sông.

Gặp ngày mừng một tết (nguyên-dán), Thúy-Tiêu rủ mấy người bạn gái đến tháp Báo-Thiên 報天 dâng hương lễ Phật. Lúc ấy có quan Trọ-Quốc họ Thân 申柱國 ngầm đi chơi phố, ngó thấy Thúy-Tiêu vừa ý, liền sai bắt đem về làm của mình. Sinh đem việc này kiện tới Triều-đình, nhưng chỗ nào Thân cũng có thế-lực; các to, tòa, hết thầy tránh kẻ quyền-hào, đều gác bút không dám xét-xử. Sinh đành ôm mối đau thương, buồn-bã bỏ cả thi cử. Một hôm đang đi tản bộ ngoài đường phố, Sinh gặp một đoàn người ngựa xem hoa trở về, tiền hô hậu ủng, hồng tía rợp đường, trăm hoa rơi rắc, gần xa tấp-nập. Sau cùng thấy Thúy-Tiêu ngồi trong kiệu che rèm, đi qua dưới rặng liễu. Sinh muốn chạy tới than-thở nỗi-niềm, ngặt vì trong đám đi đó đều là bậc quyền-qui cả, nên không dám đường-đột, đành đứng bần-thần mà nhìn, lệ rơi tầm-tã, không nói được nửa lời.

Nhân Thúy-Tiêu trước có nuôi một đôi chim vẹt, Sinh về trở bảo chim rằng :

— Chúng mi là loài vật nhỏ-mọn còn được suốt ngày quẩn-quít với nhau, không đến nỗi như ta phải chẵn đơn gối chiếc. Ước gì chúng mi đôi cánh tung mây, vì ta mà đưa thơ cho nàng được chăng ?

Chim vệt nghe nói nhảy-nhót riu-rit, ra dáng muốn
xin đi. Sinh bèn viết thơ buộc vào chân vệt. Thơ rằng:

Nguyễn văn :

1. 昨者：
柳陰一過，
道遠無由。
2. 寄雙眼於片時；
曾咫尺而千里。
3. 始信侯門之似海；
第嫌客思之如秋。
4. 備述舊由，
倍增深感。
5. 憶昔：
我倍詩席，
子倍侑歌筵。
6. 不勞綠綺之彈，
辱荷紫雲之惠。
7. 笑未酬於縫綵，
恨已早於分飛。
8. 鴻別燕而秋聲，
雲愁秦而暝色。

9. 一 則 暖 流 蘇 之 帳 ，
 一 則 寒 糊 紙 之 衾 。
10. 但 貪 綉 葦 之 歡 ，
 豈 念 書 樓 之 苦 。
11. 每 聽 雨 ；
 短 牆 壁 寒 蟹 。
12. 長 天 霜 鴈 之 征 難 ，
 寂 宵 風 笛 之 唱 晚 。
13. 每 有 ；
 含 掩 對 不 語 吁 ！
14. 景 能 已 已 。
15. 噫 ！ 之 不 作 ；
 許 崑 崙 峯 奴 之 已 非 。
16. 應 無 反 壁 之 期 ；
 空 負 尋 芳 之 約 。
17. 是 憑 寸 楮 。

Phiên-âm :

1. Tạc giả :
Liều-âm nhất quá,
Đạo đạt vô do.
2. Kỹ song nhân ư phiên thời ;
Tăng chỉ-xích nhi thiên lý.
3. Thủy tín hầu-môn chi tự hải ;
Đệ hãm khách-từ chi như thu.
4. Bị thuật cự-do,
Bội tăng thâm cảm.
5. Ưc tích :
Ngã bồi thi-tịch ;
Từ hựu ca-diên.
6. Bất lao Lục-ý chi đàn ;
Nhục hạ Tử-Vân chi huê.
7. Tiểu ư thủ ư khiến-quyền ;
Hàn dĩ tảo ư phân phi.
8. Hồng-biệt yển nhi thu thanh ;
Vân sâu Tân-nhi-minh sắc.
9. Nhất tắc-noãn lưu-tổ chi trường ;
Nhất tắc hàn hồ-chỉ chi khâm.
10. Đản tham tá-mục chi hoan ;
Khởi niệm thư-lâu chi khổ.
11. Mỗi thính :
Đoản tương trệ vũ,
Phế bích hàn-tương.

12. *Trường-thiên sương-nhạn chi chinh ly ;*
Tịch-tiên phong-địch chi xướng văn.

13. *Mỗi hữu :*
Hàm tình bất ngữ,
Yêm quyền trường hu.

14. *Đối cảnh quan hoài,*
Bất năng dĩ dĩ . . .

15. *Y !*
Hứa Ngu-Hầu chi bất tác ;
Côn-Luận nô chi dĩ phi.

16. *Ung vô phản bích chi kỳ ;*
Không phụ tâm phương chi ước.

17. *Viên băng thốn chữ.*
Dụng tả ai thiên.

GIẢI-NGHĨA :

1. Bữa trước đi qua dưới bóng liễu,
Muốn gởi lời cho nàng mà không có cách nào.
2. Đành rán cặp mắt trông một hồi,
Trong gang-tấc mà xa đường ngàn dặm.
3. Mới hay : cửa quyền sâu tựa bề,
Lại hiềm lòng khách sâu như mùa thu.
4. Thuật hết nỗi xưa,
Càng thêm cảm-dộng sâu xa.
5. Nhớ lại ngày trước :
Tôi dự chiếu thơ,

Nàng hát giúp vui trong bữa tiệc.

6. Chẳng nhọc tiếng đàn Lục-ý (1) ;
Luống thẹn mang ơn được nàng Từ-Vân (2).
7. Nực cười tình quyến-luyến chưa được đền-bù ;
Đã mang mối hận sớm phải chia-lìa.
8. Chim HỒNG biệt chim Yến mà tiếng buồn như
trời thu (3) ;

(1) Lục-Ý là tên cái đàn của Trường-Khanh 長卿, tức Tư-Mã Trương-Như 司馬相如 đời Hán. Trường-Khanh đã bảnh trai, lại văn hay chữ tốt và gảy đàn rất giỏi. Một hôm, Trường-Khanh sang đất Lâm-Cung 臨邛 (ở phía tây-nam tỉnh Tứ-Xuyên), vào nhà Trác-Vương-Tôn 卓王孫 gảy khúc « Phụng-câu-hoàng » mà con gái Vương-Tôn là Trác-văn-Quân 卓文君 mới hóa chồng phải say mê, rồi đến đêm nàng lên theo Trường-Khanh. Khi ấy Trường-Khanh sắp lấy người con gái ở Mậu-Lãng (nay thuộc Hưng-Binh, Thiểm-Tây) làm vợ. Trác-văn-Quân liền làm bài « Bạch-đầu-ngâm » để tự-tuyệt. Trường-Khanh cảm-động quá, thôi không lấy người con gái kia nữa (theo Thượng-hữu-lục).

(2) — Đỗ-Mục đời Đường làm quan Ngự-Sứ phân-ty ở Lạc-Dương, đến dự tiệc nhà Lý-Thông 李通. Lý cho nhiều danh-kỹ ra hầu tiệc. Rượu say, Đỗ hỏi Lý : Nghe đồn nhà ngài có ả danh-kỹ là Từ-Vân, chẳng hay là cô nào vậy ? — Lý trở cho biết. Đỗ trừng-trừng nhìn hồi lâu rồi nói : Lời đồn không ngoa. ngài cho tôi quách. Bọn ca-kỹ ngoảnh lại nhìn rồi phá lên cười, Đỗ nhân làm một bài thơ tức cảnh tiệc « Hoa-Đường ». (theo Viên-Cơ).

(3) — Thơ cổ có câu : Cảnh văn phong điệp hạ, tích-lich độ thu-thanh 更聞楓葉下，若濕度秋聲. Nghĩa là : vắng nghe phong rụng lá, xào-xạc tiếng thu sang (theo Vận-thụy 韻瑞).

Áng mây nước Tần sâu mà âm-đạm (1).

9. Một người êm-ấm trong trường lưu-tô (2) ;
Một kẻ lạnh-lùng trong chốn hồ giấy (3).

10. Mảng ham cuộc vui trong màn gấm, (4)
Há nghĩ tới nỗi đau khổ của người trong
viện sách.

11. Hằng nghe :
Mưa rơi tí-tách đầu tường đỏ ;
Tiếng ve rộn-rã dưới vách xiêu.

12. Chiếc nhận bay trong vòm trời bát-ngát ;
Tiếng sáo gió vi-vu trong đêm khuya tịch-mịch-

13. Thường khi :
Ngậm sầu chẳng nói,
Gấp sách thở dài !

(1) — Sách Viên-Cơ nói : Hàn vân như bố, Sở vân như nhật, Chu vân như luân, Tần vân như mỹ-nhân 韓雲如布，楚雲如日，周雲如輪，秦雲如美人。 Nghĩa là : Mây nước Hàn trông như vải ; mây Sở như mặt trời, mây nhà Chu như bánh xe ; mây nước Tần như người đẹp. — Trong bài phú Lý-Bạch đưa bạn là Vương-Viên 王夷 vào đất Thục 蜀 cũng có câu : Hồng biệt yển hồ thu thanh, vân sâu Tần nhi minh sắc.

(2) — Trường-lưu-tô là diêm màn có những tua bằng lụa màu kết hình trái cầu hay trái đồng-tâm rủ xuống. (theo Văn-Thụy).

(3) — Sách Thượng-hữu-lục chép rằng : Dương-Tục 羊續 đời Hán làm quan Thái-thủ hai quận Nam-Dương 南陽 và Lư-Giang 廬江, đẹp yện giặc-giũ, săn-sóc đến nỗi khổ-sở của dân. Dương thường mặc áo rách, cưỡi ngựa gầy, đắp chăn vải, chân rách thì lấy giấy và hồ dán dề vá lại.

(4) — Thơ của Lý-Hạ 李賀 đời Đường có câu : La-vi tú-mạc vi xuân-phong 羅幃綺幕圍春風. Nghĩa là Trường là màn gấm học gió xuân (theo Thi-học Đại-Thành 詩學大成).

14. Đối cảnh tranh niêm,
Không thể dừng được.

15. Hỡi ôi !

Không người hành-động được như Hứa Ngụ-Hầu (1) ;

Đây tớ như người ở Côn-Luân cũng chẳng có (2)

16. Đã không trả ngọc bích đúng kỳ (3)
Thôi đành lỗi hẹn tim hoa (4)

17. Bèn nhờ tác giấy,

Đề viết bức thư thương tâm này.

(1) Hứa Ngụ-Hầu tức là Hứa-Tuấn (xem chú trong truyện « Người nghĩa phụ ở Khoái-Châu »).

(2) Kheảng năm Đại-Lịch 大曆 đời Đường (766-779) Thôi-Giốc 崔角 làm chức khiên-ngưu, một hôm vâng lời cha sang thăm quan Nhất-phẩm đương triều. Quan sai một nàng ca-kỹ mặc áo lụa đỏ (Hồng-Tiêu 紅綃) rót rượu mời Giốc. Lúc Giốc ra về, quan lại sai Hồng-Tiêu tiễn chân ra đến cổng. Giốc về rồi ngo-ngần buồn-rầu, quên ăn quên ngủ. Đây tớ nhà Giốc tên là Ma-Lặc 麻勒, người ở Côn-Luân, biết chuyện, tìm cách đánh chết con chó giữ cửa viện ca-kỹ bên nhà quan Nhất-phẩm. Đoạn cũng Giốc sang gặp Hồng-Tiêu, rồi lại cũng luôn cả Giốc và Hồng-Tiêu vượt tường chạy hơn mười dặm về nhà ở với nhau trong thư-viện. (Theo Thiên-Hạ Di-Ký).

(3) Sách Tả Truyện chép : Đời Lỗ Hi-Công, Tấn Trùng-Nhĩ chạy sang nước Tào (nay là phủ Tào-Châu, tỉnh Sơn-đông), được Hy-phụ-Cơ đãi cơm và tặng ngọc-bích. Trùng-Nhĩ đói quá, nhận cơm ăn, còn trả lại ngọc cho Hy.

(4) Thơ Đỗ-Mục có câu : Tự hận tâm phương khứ hiệu tri.
自恨尋芳去較遲。 Nghĩa là : giận mình tìm hoa trễ mất rồi.

Dịch ra văn tứ-lục :

1. *Hôm trước :*
Qua nhìn rặng liễu.
Khôn hở ra lời.
2. *Dù tác-gang coi tựa ngàn trùng ;*
Trong khoảnh-khắc nhìn nhau khóe mắt,
3. *Mới biết cửa quyền sâu tựa bề ;*
Mà xui lòng khách thăm đường thu.
4. *Kề rõ tình xưa,*
Càng rầu nghĩa cũ.
5. *Nhớ lại trước đây :*
Tôi lấy văn-thơ bồi tiệc,
Nàng đem giọng hát giúp vui.
6. *Chẳng đàn Lục-ý cũng vương tơ ;*
Nhớ chuyện Từ-Vân thêm thẹn mặt,
7. *Chửa mấy vui niềm xum-hạp ;*
Sớm đã mang hận chia-ly.
8. *Giã-từ hồng yếm nữ-non ;*
Thâm-đạm mây Tần mờ-mịt.
9. *Người êm-ấm lưu-tô trưởng rủ ;*
Kẻ lạnh-lùng hồ-chỉ chẵn đơn.
10. *Mảng say-mê trưởng gấm vui-vầy ;*
Há bứt-rứt phòng văn đau-đớn.
11. *Lẳng nghe :*
Mưa tuôn tường đổ ;
Ve rộn vách trơ.

12. *Trời cao sương lạnh chiếc chim bay ;
Canh vắng gió reo hồi sáo thổi.*
13. *Cũng có lúc :
Nuốt sầu lặng-lẽ ;
Gấp sách thở-than !*
14. *Đối cảnh trạnh niềm,
Khôn bề yên dạ.*
15. *Ôi !
Đã chẳng thấy Ngu-Hầu Hira-Tuấn ;
Lại tìm đâu nghĩa-bộc Côn-Luân ?*
16. *Nếu không trả ngọc đúng kỳ ;
Át hẳn tìm hoa lỡ hẹn.*
17. *Đánh nhờ mảnh giấy,
Đề tả tình thương.*

Chim vẹt tức thời bay đi, đến đậu trong màn Thủy-Tiêu. Nàng nhận được thơ, bèn mở giấy Tiết-đào (1), dầm ngọn bút Lâm-xuyên (2), viết thơ trả lời. Thơ rằng :

(1) — Nàng Tiết-Đào 薛涛, đời Đường Hiến-Tôn 唐憲宗 (806-820) là một danh-kỹ ở đất Thục 蜀, hay làm những bài thơ ngắn, vì tiếc giấy nên cắt những mảnh nhỏ để viết. Từ đó, tài-tử đất Thục lấy thế làm tiện, cũng cắt giấy nhỏ để viết thơ và gọi là giấy Tiết-Đào (theo sách Quân-Ngọc).

(2) — Vương Hi-Chi 王羲之 đời Tấn viết chữ rất tốt, làm chức nội-sử đất Lâm-Xuyên 臨川, cho nên người ta thường nói ngòi bút Lâm-Xuyên. Bài tựa Đẳng-Vương-Các 藤王閣 của Vương-Bộ 王勃 có câu: Nghiệp-Thủy chu hoa, quang chiếu Lâm-Xuyên chi bút 鄴水朱華, 光照臨川之筆. Nghĩa là: Hoa đỏ ở Nghiệp-Thủy, sáng soi ngòi bút Lâm-Xuyên.

Nguyễn văn :

1. 妾翠銷：
少倚市門，
長投樂籍。
2. 調歌接曲徒誇河右之風流；
舉按齊眉未識孟光之態度。
3. 誰知好席，
便是良媒。
4. 綠綺琴心不假長卿之調；
華堂詩句不聽杜牧之才。
5. 自喜針芥之有緣；
深慶藤蘿之得托。
6. 天台客逢客未盡歡；
章臺人送人載將離恨。
7. 佳偶翻成怨偶；
好緣轉作惡緣。
8. 恥忍接鴉，
懼頻打鴨。
9. 出入起居之際未免從權；

別離契潤之懷不勝感舊。

10. 惟餘： 翠蛾倦掃， 綠鬟慵梳。
11. 粉壁燈殘， 傷春腸斷。
12. 香奩繡倦， 別淚痕多。
13. 昨承寄鴈之書； 倍切離鸞之想。
14. 雖然韓柳暫折長條； 合浦之珠當還故郡。
15. 悠悠心緒， 書不盡言。

Phiên âm :

1. Thiếp Thúy-Tiên ;
Thiếu ý thị môn,
Trưởng đầu nhạ tịch.
2. Điều ca tiếp khúc, đồ khoa Hà-Hữu chi
phong-lưu ;
Cử án tề mỹ, vị thức Mạnh-Quang chi thái-đô.
3. Thùy tri hảo-tịch,
Tiền thị lương môi.

4. *Lục-ý cầm tâm, bất giả Trương-Khanh
chi điệu ;
Hoa-Đường thi cú, dẫn lân Đỗ-Mục chi tài.*
5. *Tự hỷ châm giới chi hữu duyên ;
Thâm khánh đẳng la chi đắc thác.*
6. *Thiên-Thái khách phùng khách, vị tận thâm
hoan ;
Chương-dài nhân tống nhân, tài tương lý hận.*
7. *Giai-ngẫu phiên thành oán-ngẫu ;
Hảo-duyên chuyển tác ác-duyên.*
8. *Sĩ nhĩn thế nha,
Cụ tàn đả áp.*
9. *Xuất nhập khởi cư chi tế, vị miễn tòng quyền ;
Biệt-ly khiết-khoát chi hoài, bất thặng cảm
cự.*
10. *Duy dư :
Thùy nga quyện tảo ;
Lục mấn dung sơ.*
11. *Phấn bích đấng tàn,
Thương xuân trường đoạn.*
12. *Hương liêm tú quyện,
Biệt lệ ngân đa.*
13. *Tạc thừa ký nhận chi thư ;
Bội thiết lý loan chi tướng.*
14. *Tuy Hàn-Hoành chi liễu, tạm chiết trường
điều ;*

Nhiên Hợp-phổ chi châu, đương hoàn cố-quận.

15. Du du tâm tự,
Thư bất tận ngôn.

GIẢI NGHĨA :

1. Thiếp là Thủy-Tiêu :
Thuở nhỏ tựa cửa đón khách ; (1)
Lớn lên vào sổ nhạc-quan (2).
2. Lựa giọng hát, tiếp khúc nhạc, từng khoe vẻ phong-lưu đất Hà-Hữu (3) ;
Nâng án ngang mày, chưa hiểu thói-phép nàng Mạnh-Quang (4).

(1) — Sách Sĩ-Ký Hóa-Thực 史記貨殖 có câu : thích tú văn bất như ý thị môn 刺綉文不如倚市門 . Nghĩa là : thêu-thùa không bằng tựa cửa đón khách, tức là nói người con gái làm ăn vất-vả không lợi bằng đón khách đến mua cười. (Theo Từ-Hải).

(2) — Sổ nhạc-quan : Sổ ghi tên những người ca-nhạc.

(3) — Thuận-Vũ-Khôn 淳于髡 nói : Trước kia Vương-Báo 王豹 ở đất Kỳ 其 mà đất Hà-Tây khéo ngâm ; Miên-Câu 綿駒 ở đất Cao-Đường 高唐 mà nước Tề có người hát giỏi (theo sách Mạnh-Tử 孟子).

(4) — Sách Thượng-hữu-lục chép : Nàng mạnh-Quang xấu lại béo đen, sức khỏe cắt nổi cối đá, nhưng là người có đức-hạnh. Nàng kén chồng, đến năm 30 tuổi chưa lấy ai. Cha mẹ hỏi thì nàng nói : Có được người tiết-thảo như Lương-Hồng 梁鴻 mới vừa lòng. Sau quả Lương-Hồng hỏi lấy nàng. Nàng vẫn giữ thói què mùa, quần sợi áo vải. Mỗi khi lấy thức ăn cho chồng, nàng bưng dâng lên mà không dám ngẩng lên nhìn chồng, cho nên có câu « nâng án ngang mày ».

3. Ai ngờ bữa tiệc tốt,
Lại hóa mối duyên lành.
4. Cung-dân Lục-ý, không cần mượn điệu của
Trương-khanh.
Nhưng câu thơ Hoa - Đường, rất ưa tài
Đỗ - Mục (1)
5. Những vui thăm kim-cải gặp duyên may (2)
Lại rất mừng chút sản-bim được gửi phạn (3).
6. Động Thiên-Thai khách gặp khách, chưa hẳn
ái-ân (4)
Chốn Chương-Đài người đưa người, đã om,
mối hận li-biệt (5).
7. Lừa-dối tốt biến thành đời si-oán,
Duyên may lại hóa ra duyên ối.
8. Nhịn nhục như con quạ đậu ;

(1) — Hai điều này đã chú ở bài thơ trên.

(2) — Bản thảo Cương-Mục chú : đá nam-châm hút kim ;
ngọc hồ-phách hút hạt cải.

(3) — Trong Viên-Cơ có câu : Quân vi nữ-la thảo, thiếp tác
thổ-ti hoa, bách trượng thác viên tùng, chiến-miền thành nhất gia.
君為女蘿草，妾作无絳花，百丈托遠松，纏綿成一家 Nghĩa là :
người làm cỏ nữ-la, thiếp làm hoa thổ-ty, cùng gửi vào cây
tùng trăm trượng, quấn quít nên một nhà.

(4) — Xem chú thích trong « Truyện người nghĩa-phụ ở
Khoái-Châu ».

(5) — Xem chú thích trong « Truyện người nghĩa-phụ ở
Khoái-Châu ».

- Hải-hùng khi con vịt phải đánh (1).
9. Những lúc ra vào ăn ở, đánh phải tòng quyền ;
Ôm sấu xa-cách chia ly, khôn xiết cảm
người cũ.
 10. Những là :
Mày biếc lười tó ;
Tóc xanh biếng chải.
 11. Vách phấn đèn tàn,
Thương xuân ruột đứt.
 12. Hộp hương bỏ mốc,
Nước mắt ly-biệt thành ngấn đã nhiều.
 13. Mới đây nhận được thơ chàng gửi nhận đến (2) ;

(1) — Ngụy Tần thi-thoại 魏秦詩話 chép rằng : Lữ-Sĩ-Long 呂士隆 hay đánh đập kỹ-nữ trong nhà. Một hôm có người kỹ-nữ ở Hàng-Châu đến, Sĩ-Long rất vừa ý. Hôm ấy các kỹ-nữ trong nhà có lỗi nhỏ, Sĩ-Long lại muốn đánh. Các kỹ-nữ nói : Ông đánh, chúng tôi không dám kêu-ca-gi, chỉ e cô ở Hàng-Châu mới đến kinh-sợ mà thôi. Sĩ-Long liền tha, không đánh nữa. Mai-thánh-Du 梅聖俞 làm thơ có câu rằng : Mạc dả áp kinh uyên-ương 莫打鴛鴦鴛鴦. Nghĩa là : đừng đánh vịt đẻ uyên-ương phải kinh-sợ.

(2) — Hán-Sử chép rằng : Tô-Vũ 蘇武 sang sứ Hung-Nô 匈奴 Hung-Nô gởi ở lại, cho ra bờ bể Bắc-Hải chăn dê. Đến lúc Thuyền-Vu 單于 lên làm vua nước Hung-Nô, trong nước chia-lia, Vệ-Luật 衛律 mưu cùng nhà Hán hòa thân, Hán sai sứ đến đòi Tô-Vũ. Thuyền-Vu nói dối là Tô-Vũ chết rồi. Thường-Huệ 常惠 xúi sứ-giả trách Thuyền-Vu rằng : Thiên-Tử vừa bắn trong vườn Thượng-Lâm được một con nhạn, chân có buộc lá thơ của Tô-Vũ nói là hiện bị đây. Thuyền-Vu cả sợ, phải trả Tô-Vũ về nước.

- Lại càng bội phần xót-xa nhớ khúc ly-loan (1).
14. Dẫu cảnh liễu Hàn -Hoành, tạm bẻ cảnh dài (2)
Song hạt Châu Hợp-Phổ, mong về cố-quận (3).
15. Mỗi sầu rắng-rức,
Thơ nói không hết.

Dịch ra văn tứ-lục :

1. *Thiếp Thúy-Tiêu :*
Ngây-thơ đón khách hào-hoa ;
Khôn lớn vào làng ca-nhạc:
2. *Điều ca tiếp khúc, phong-lưu chỉ biết thú Hà-Tây ;*
Nàng án ngang mày, thói-phép chưa quen lễ
Mạnh-thị.
3. *Ai hay tiếc ngọc,*

(1) — Sách Tây-Kinh Tạp-Ký 西京雜記 nói : Trương-An-Thế 張安世 lúc 15 tuổi làm chức Thị-Trung triều vua Hán Thành-Đế hay gảy khúc đàn « song phượng ly loan » (theo Viên-Cơ).

(2) — Xem chú-thích trang truyện người Nghĩa - phụ ở Khoái-Châu.

(3) — Huyện Hợp-Phổ ở phủ Liêm-Châu 廉州 tỉnh Quảng-Đông 廣東. Quận này không cấy lúa, nhưng bề có nhiều hạt châu. Đời Đông - Hán, triều vua Thuận-Đế (126-144), Mạnh-Thường đến làm thái-thủ quận Hợp-Phổ. Hạt châu ở quận này khi trước gặp quan thái-thủ tham-tàn bỏ sang quận Giao-Chỉ cả. Mạnh-Thường đến trị nhiệm chức được một năm, hạt châu lại trở về quận Hợp-Phổ (theo thượng-hạ-lục).

Đem lại duyên may.

4. *Đàn Lục-ý vài cung, chẳng lọ Trường-Khanh
lựa khúc ;*

*Thơ Hoa-Đường mấy vận, chửn ưa Đổ-Mục
khoe tài.*

5. *Đã mừng lòng kim-củ bén duyên ;*

Lại phải nguyện sấn-bìm nương bóng.

6. *Động Thiên-Thai khách gặp khách, chưa thỏa
ái ân ;*

Chốn Chương-Đài tay chia tay, đã sàu ly-biệt.

7. *Bạn tốt phút thành ra bạn oán ;*

Duyên may đâu bỗng hóa duyên ôi.

8. *Nín đường quạ gửi thân,*

Sợ khi vịt phải đánh.

9. *Những lúc ra vào ăn-ở, tạm phải tòng quyền ;*

Ôm sàu gian khổ chia-ly, biết bao nhớ bạn !

Có lúc :

10. *Tóc mây biếng chải ;*

Mây biếc ngại tó.

11. *Vách phấn đèn tàn ;*

Thương xuân ruột đứt.

12. *Hộp hương bỏ mốc ;*

Lệ biệt thành quầng..

13. *Xem thơ chiếc nhận mới đưa tin ;*

Tưởng khúc ly-loan thêm xót dạ.

14. *Cành liễu Hàn-Hoành tuy đã bẻ ;*

Hạt châu Hợp-Phổ vẫn mong về.

15. *Tâm sự còn dài*

Thơ khôn nói hết.

Từ đó Thúy-Tiêu nhân buồn thành bệnh. Tru-Quốc hỏi nàng :

— Chắc là ái-khanh lại nhớ thẳng cha bán thơ phải chăng?

Thúy-Tiêu đáp :

— Vâng, quả có thế. Thiếp cùng chàng tình sâu đôi lứa, hờn nặng chia ly; nguyên chung sống chưa phai, hện trăm năm đã phụ. Ngày nay Yên tạnh Sở mưa, đào tười liễu ú; cách xa mờ-mịt, ôm hận ngàn năm. Cho nên người trước coi nhẹ giàu sang trước mắt, mà không quên người bán bánh năm xưa (1); xem thường cảnh phồn-hoa quá phận, cam gieo lều tạt vẫn (2). Nói rồi nàng toan lấy khăn là thắt cổ.

- Tru-Quốc bèn nói gạt rằng :

— Ta cũng đang suy-nghĩ về việc đó. Nàng cứ yên tâm bảo dưỡng thân-thể, gắng mà ăn uống, sớm muộn thế nào rồi ta cũng cho gọi Đư-lang đến đây để cùng nàng nối lại mối nhân-duyên nợ cũ, can chi coi rẻ sinh-mạng mà hấp-tấp chết một cách không đầu như vậy.

(1) — Đường Ninh-Vương 唐寧王 (?) thấy vợ người bán bánh ở gần có nhan-sắc xinh đẹp, liền chiếm lấy. Được một năm, Vương hỏi nàng có nhớ chồng cũ không thì cho gọi đến để nàng được thấy mặt. Khi người chồng cũ đến, vợ trông thấy khóc sụt-mướt. Vương bèn cho về với chồng (theo Bản-Sự tập 本事集) .

(2) — Thạch-Sùng 石崇 đời Tấn, nhà giàu lắm, có người thiếp là nàng Lục-Châu 綠珠, nhan-sắc rất xinh-đẹp. Triệu Vương-Luân 趙王倫 trông thấy, sai Tôn-Tú đến cầu mà không được. Tú xúi Luân tìm cách giết Thạch-Sùng. Sùng bảo Lục-Châu rằng: Ta vì nàng mà phải tội.— Lục-Châu nói: Vậy thiếp xin chết trước mặt chàng. Nói rồi đứng trên lầu gieo đầu xuống tự-tử (theo Văn-Uyển).

Thủy-Tiên nói :

— Nếu thực được như lời, thiếp xin vâng mệnh. Bằng không tính-mệnh thiếp đến hôm nay là hết.

Trụ-Quốc không dùng được, sai người đi triệu Du-Sinh đến, đổ-dành ngờ ý sẽ trả châu về chủ cũ (1) và bảo rằng :

— Ta ngồi ở chức thượng-công, quyền cao lộc trọng, hàng ngày tốn-phí vào việc khoản đãi khách-khứa có đến ngàn chung. Nay ta mời thầy đến là do hậu-tình, chứ không phải vì bạc-ý dàu. Hướng chỉ ở đất Trảng-An gao châu củi quế (2) này, thầy khó lòng tự cung-cấp lấy được. Nếu thầy không ngại tiếng-tăm, thì cứ ở đây cho đỡ tốn về khoản gao nước, củi lửa. Nói rồi cho

(1) — Sách Thượng-Hữu-Lục chép rằng : Lâm-Tích 林積 thuở nhỏ đến kinh-sư, dọc đường ngủ trọ tại một nhà hàng ở Súi-Châu 蔡州, bắt được một túi ngọc châu đến mấy trăm hạt. Tích hỏi chủ quán ai đã đến trọ trước. Chủ quán đáp là trước có Chu-trọng-Tàn, 周仲彦 người ở Tầm-Dương trọ ở đây. Tích kể họ tên cùng chỗ ở của mình và dặn chủ quán hãy Trọng-Tàn trở lại thì bảo đến tìm, vì mình muốn gặp. Sau mấy hôm, Chu-trọng-Tàn quả đến tìm châu, Chủ quán bảo Tàn tìm đến Tích. Tích hỏi thì Tàn trả lời đúng số hạt châu đã mất, bèn đưa ra trả tất cả. Trọng-Tàn muốn đưa lại một phần để tạ ơn, nhưng Tích nhất định không lấy. Trọng-Tàn bèn bỏ ra hơn trăm quan tiền làm lễ cầu phước cho Tích. Sau Tích thi đỗ làm đến chức Thái-Trung đại-phu. Con Lâm-Tích là Lâm Đức-Tàn cũng làm đến Lại-Bộ Thị-Lang. Nhà ấy kế-thế trăm-ảnh không bao giờ hết.

(2) — Tô-Tàn 蘇秦 đến nước Sở, ba ngày không được yết-kiến vua Sở, bèn lên ngựa về nước Triệu. Sở-Uy-Vương nghe tin, thân hành chạy theo xin lỗi. Tô-Tàn thưa : Gạo ăn nước Sở quý như ngọc châu, củi quế như cây quế. Kể đến xin bái-yết. Khó lòng được thấy mặt nhà vua, chẳng khác loài tiêu-quỷ không được thấy Thượng-Đế. Sở-Vương tái tam xin lỗi rồi đón Tàn về triều mời ngồi đề thỉnh giáo (theo Sử-Ký Thế-Gia).

dọn cái gác nhỏ làm chỗ cho Sinh đọc sách. Hàng ngày để một đĩa tiêu-hoàn ở hầu-hạ luôn bên cạnh. Mỗi khi yến ẩm gặp Sinh, Tru-Quốc lại lấy lời lẽ dịu-dàng mới mọc, nhưng tuyệt không dả-động gì đến việc Thúy-Tiêu cả. Hễ Sinh lán-la muốn hỏi tới, thì Tru-Quốc vội gạt đi mà rằng :

— Chút lòng luyến-ái ai ai cũng lòng. Thầy nhớ nàng làm sao thì nàng nhớ thầy làm vậy. Nhưng nàng đương khó ở, chưa thể cùng thầy tương kiến được. Việc đó hãy thông-thả rồi sẽ bàn tới.

Về phần Thúy-Tiêu nghe Du-sinh đến, cũng muốn gặp mặt hỏi-ban, nhưng trong nhà hầu thiếp rất nhiều, lại phòng-giữ nghiêm-nhặt, chưa có dấy lát nào được dịp thuận-tiện để lại chỗ Sinh.

Một hôm, thừa cơ Tru-Quốc đi châu sớm chưa về, hầu thiếp hãy còn ngủ cả, nàng lên đến thư-phòng, nhưng lại phải lúc Sinh ra ngoài nên không được gặp. Nàng trông lên vách thấy có đề hai bài thơ như sau :

BÀI THỨ NHẤT

1. 小 階 破 履 落 苔 衣 。
2. 客 舍 凄 涼 獨 掩 扉 。
3. 青 鳥 不 來 春 信 晚 。
4. 莎 庭 漠 漠 又 斜 暉 。

Phiên Âm :

1. Tiêu giai phá lý lạc đài y,
2. Khách xá thê-lương độc yểm phi.
3. Thanh điều bất lai xuân tín vãn,
4. Sa đình mạc-mạc hựu tà huy.

GIẢI NGHĨA :

1. Thềm nhỏ, dếp nát vết in trên rêu,
2. Một mình khép cửa ngời trong thư-phòng hiu-quạnh.
3. Chim xanh không đến tin xuân muộn (1),
4. Sân cỏ um-tùm bóng xế chiều.

Dịch ra văn vần :

*Quanh thềm dếp nát gót in rêu,
Khép cửa phòng vắng cảnh quạnh hiu.
Mong mãi chim xanh tin vắng ngắt,
Cỏ sân san-sát bóng nghiêng chiều.*

BÀI THỨ HAI

1. 月 殿 長 寒 鎖 翠 眉 ，
2. 僊 娥 何 日 是 歸 期 ？
3. 相 思 豈 直 無 佳 句 ，
4. 不 把 文 章 怨 別 離 ？

Phiên Âm :

1. Nguyệt-diện trường hàn tỏa thủy-mi,
2. Tiên-nga hà nhật thị quy kỳ ?

(1) — Hàn Vũ-Đế (140-87 trước công-nguyên) đương ngồi ở điện Thừa-Hoa, chợt có hai con chim xanh từ phương tây bay lại, đậu ở trước điện. Đông-phương-Sóc nói : Bà Tây-Vương-Mẫu sắp đến chơi, cho nên chim lại báo tin trước. Một lát, quả thấy Vương-Mẫu đến, có hai người thị-nữ áo xanh theo hầu. Người ta nói hai tên thị-nữ này tức là hai con chim xanh lúc trước.

3. Tương tư khởi trực vô giai cú.
4. Bất bả văn-chương oán biệt-ly ?

GIẢI NGHĨA :

1. Cung trăng lạnh mãi khóa mây xanh.
2. Biết ngày nào Hằng-Nga lại trở về (1).
3. Nhớ nhau chẳng lẽ không có câu thơ thống-thiết.
4. Chẳng đem văn-chương oán nỗi chia-lìa sao ?

Dịch ra văn vần :

1. Cung trăng lạnh mãi khóa mây xanh,
2. Trở gót tiên-đài hen chữa rành.
3. Mông như le nào không lựa vận ?
4. Chẳng đem văn-tự oán chung-tình ?

Nàng đem họa thơ để lại, bỗng nghe thấy tiếng ngọc kha (2) về đến cổng rồi, nên không kịp đề nữa.

(1) — Sách thiên-hạ dị-kỷ chép rằng : Hậu-Nghệ đời nhà Hạ được thuốc trường-sinh bắt từ cửa bà Tây-Vương-Mẫu cho ; vợ Nghệ là Hằng-Nga lấy trộm thuốc ấy uống rồi bay lên cung trăng, Nghệ truy-tìm không được. Thơ vịnh-sử có câu : Hằng-Nga thiết được xuất nhân gian, tiềm tại thiên-cung bất khảng hoàn, Hậu-Nghệ biến tìm vô xứ mịch, thủy tri thiên thượng diệp dung gian. 嫦娥竊藥出人間, 潛在蟾宮不肯還, 后羿遍尋無處覓, 誰知天上亦容奸。 Dịch nghĩa : Hằng-Nga trộm thuốc lãnh phàm trần, Nguyệt-diện ngồi lý đề náu thân. Hậu-Nghệ ra công tìm chẳng thấy, ai ngờ trời cũng chứa gian-nhân.

(2) — Ngọc-kha là thứ đá giống như ngọc, có thứ gọi là Mã-nã, trắng trong như tuyết ; có thứ là loài ốc biển. Thơ Quang-Hy 光義 có câu : Ngũ-Lăng quý công-tử, song-song minh ngọc-kha. 五陵貴公子, 雙雙鳴玉珂. Nghĩa là : khách Vương-tôn công-tử, rộn-rã tiếng Ngọc-Kha. Đây là nói tiếng báo hiệu Tru-Quốc đi châu về.

Lại một hôm, Thúy-Tiêu cho con hầu thân-tín là Kiều-Oanh 嬌娥 đến buồng Sinh ngủ, nhưng Sinh không cho vào, Kiều-Oanh liền nói :

— Thúy-Tiêu nương-tử cho thiệp đến đây là vì người thấy lang-quân không có ai bầu-bạn, nên sai thiệp đến hầu-hạ chầu gối, cũng như chính người được kê-cận lang-quân vậy. Sinh nghe nói vậy mới bằng lòng. Từ đó mới có tin - tức qua lại mà Sinh được rõ tình-hình chốn buồng the.

Sắp đến ngày trừ-tịch, Sinh lựa dịp nói với Tru-Quốc rằng :

— Tôi vì có mối ân-tình mà lặn-lội tới đây làm người khách trọ. Song non Vu gang-tắc mà tin-tức không hay ; tháng lại ngày qua, năm đã gần hết. Cái việc trả châu không dám nói đến nữa. Chỉ mong trước rằm được thấy mặt nàng trong chốc-lát để có đôi lời từ-biệt mà thôi.

Tru-Quốc bằng lòng nói :

— Chỉ mấy hôm nữa là đêm tốt lành, ta sẽ làm cái việc Xương-Lê trả nàng Liễu-Chi (1). Nghi-Thành 宜成 buồng ả Cầm-Khách 琴客 (2), quyết không ngăn cấm lòng ham muốn của người để thỏa cái vui tai mắt riêng mình. Thầy hãy nán chờ, đừng ngại chàm-trề.

Sinh vàng dạ lui ra.

Đến đêm hôm đã hẹn, Sinh chong đèn không ngủ, ngóng trông hàng giờ, mới thấy tiếng dép đi lẹp-kẹp bên

(1) — Xem chú-thích trong « Truyện cây gạo ».

(2) — Cầm-Khách là thiếp yêu của Liễu Nghi-thành, gảy đàn rất hay. Nghi-Thành cáo lão hồi hưu cho Cầm-Khách về đi lấy chồng (theo Lệ-Tĩnh-Tập).

khóm trúc, Sinh mở cửa ra đón, té ra là con hầu áo xau. Sinh hỏi nó đến làm gì thì ra nó mang trà lại. Sau một lúc lại thấy tiếng sột-sạt ở trước khóm hoa rồi có tiếng gõ cửa. Sinh xốc áo ra xem, lại thấy thằng nhỏ đi chân không. Sinh hỏi nó lại làm gì thì ra nó mang rượu đến. Sinh chờ đến quá nửa đêm chẳng thấy tăm hơi, rất là thất vọng.

Sáng hôm sau, Sinh bảo Kiều-Oanh rằng :

— Ta nhờ em về nói với Thúy-Tiêu rằng : Ta bị tình riêng côi đục ràng-buộc mà vui-vẻ nghe lời ngon-ngọt gat-gẫm. Có đâu chỉ xin chuốc chén, bày tỏ chút tình mà còn chưa được, thì mong chi đến chuyện trả con đòi cho Thôi-Giao 崔交 (1), hoặc chuyện Xử-Trọng 處仲 mở cửa gác tha người nữa (2). Sợ khi muôn một thế

(1) — Thôi-Giao là một nhà học-giã, ngụ ở Hán-Thượng 漢上, nhà nghèo, có nàng hầu đẹp lại giỏi đàn. Giao phải đem nhờ Vu-Liên-Súy 于連帥 nuôi dưỡng. Súy đem lòng yêu dấu. Thôi-Giao cũng rất nhớ nàng, liền đến phủ Liên-Súy để tìm cách gặp mặt. Chàng đứng ở dưới bóng cây liễu, thấy nàng hầu ra, liền đưa cho bài thơ trong có câu : Hầu môn nhất nhập thâm như hải, Tông thử Tiêu-Lang thị lộ nhân : 侯門一入深如海, 從此蕭郎是路人 Nghĩa là : Vào-thấy cửa quyền sâu tựa bể, Tiêu-Lang rày giống kẻ qua đường. Có người không ưa Giao biết chuyện, viết câu thơ đó lên tường. Liên-Súy sai người tìm Giao đến. Giao lo sợ và hối-hận vô cùng, nhưng phải đến yết-kiến Liên-Súy. Súy chỉ trách qua-loa sao không cho mình hay, rồi trả nàng hầu cho về với Giao (theo Thiên-Trung-Ký 天中記).

(2) — Vương-Xử-Trọng được đòi khen là bậc cao-thượng, nhưng phải nét háo sắc. Mọi người cản ngăn thì Xử-Trọng nói : Ta không ngờ các ngươi lại kỳ-quặc đến thế ! Nói rồi mở cửa gác sau đuôi lết mấy chục tý-thiếp ra đường, để mặc ai muốn đi đâu thì đi. Người đương thời lại càng kính nể Xử-Trọng (theo Thiên-Trung-Ký).

nào, lòng lang nghi-ky, nứt rùa nổi ghen (1) thì mũi gai rất dễ gây tai vạ, cành ngả từng phen chịu búa-riêu (2), thế là mình thất cơ, mà họ đắc kế. Về đi thôi! Về đi thôi! Há vì lẽ tìm châu mà lại đến năm trước hàm con ly-long (rồng đen) bao giờ (3).

Thúy-Tiêu sai Kiều-Oanh đến nói lại với Sinh rằng :

— Thiếp sở dĩ nấn-ná lâu ngày, chưa làm được cái chết như nàng Lục-Châu là vì lang-quân còn ở đây, ngày nay nghe nói chàng về, còn có ước hẹn điều chi chẳng? Thiếp nghe lệ cũ bản-triều cứ đêm mong một tết có đốt cây bông ở bến Đông-Tân 東津. Hầu hết

(1) — Xem chú-thích trong « Truyện yêu-quái ở Xương-Giang ».

(2) — Hàn-Nguy-Công đời Tống 宋韓魏公 làm quan tại đất Trung-Sơn 中山, có người môn-khách đêm vượt tường sang ngủ nhà con hát. Nguy-Công dò biết, bèn làm bài thơ trông trúc có câu : Ân cần tây dịch gia bồi thực, mạc khiến cuồng chi loạn xuất tường 慇懃洗滌加培植, 莫遣狂枝亂出牆. Nghĩa là : Siêng-năng tưới tắm cùng vun bón, không để cành ngang vượt khỏi tường. Người khách liền đáp lại bằng hai câu : Vương-nhân nhược dã liên cao tiết, mạc vị cuồng chi tặng phủ cân 王人若也憐高節, 莫為狂枝贈斧斤. Nghĩa là : Gióng cao ví được quan thương lại, đừng để cành ngang chịu búa riêu. Nguy-Công liền tặng khách một ả nữ-tý (Theo Cổ-Sự).

(3) — Hà-Thượng-Ông nhà nghèo, người con trai lặn xuống sông mò được một hạt châu đáng giá ngàn vàng. Ông bảo : Ngọc-Châu này tất ở hàm con ly-long. Nay may gặp lúc nó ngủ; chứ nếu nó thức thì đã chết với nó rồi, còn đâu mà lấy được ngọc nữa, (Theo sách Quần-Ngọc).

nhân-dân trong thành kéo nhau đi xem đông như kiến cỏ. Nếu chàng chưa nở rẻ bỏ thiếp, thì đến đêm đó xin chờ đợi nhau. Loan chia, phượng hợp, quyết ở phen này. Thiếp xin hoãn cái chết để chờ chàng.

Ý Sinh bèn nhất-quyết.. Tru-Quốc thấy Sinh xin đi, lấy làm vừa lòng, tặng cho rất hậu, vàng bạc, tơ lụa không tiếc chút gì. Sinh chất đầy lên xe chở về. Giữa đường, Sinh gặp người lão-bộc.

Lão hỏi Sinh :

— Hẳn cậu có điều chi buồn thì phải? Sao người gầy vồ hẳn đi, không được như ngày xưa?

Sinh nói rõ duyên cớ và bảo cho biết lời ước-hẹn của Thủy-Tiên.

Lão-bộc nói :

— Việc này rất dễ, tôi xin hết sức giúp cậu.

Đến hôm mồng một Tết, thầy trò cùng nhau ra bến Đông-Tân, quả thấy trong đám mấy cỗ xe có Thủy-Tiên đang xem ở đó. Lão-bộc rút dùi sắt dật sẵn trong tay áo ra đập bừa vào đám người hầu cận, khiến bọn phu kiện, phu tán chạy tán-loạn rồi lên vào cướp Thủy-Tiên giữa đám rừng người đem đi. Dư-sinh và Thủy-Tiên được thấy nhau, nửa phần thương-xót, nửa phần mừng vui. Nhưng còn sợ bọn kia biết, đuổi theo bắt lại.

Thủy-Tiên bàn rằng :

— Hẳn là kẻ tư-cách đê-hèn mà nắm quyền Vê 衛

Hoặc 霍 (1) Vì y hay mới-câu, chạy chốt nên trong nhà nhộn-nhập khách ra vào. Vàng bạc, châu báu chứa-chất đầy kho. Ngoài sự gặp hỏa tai dữ-dội, thì của cải nhà ấy tưởng không có cách nào phá-tán được. Nhưng y tội ác sâu cay, oán hờn đầy dẫy, thế tất chẳng được lâu dài. Chính e hiện giờ thời-vận của y như là thế lửa đường định, sức nóng ghê người. Chỉ bằng ta hãy tạm ăn năn nấu vết, tránh về thốn què cho khỏi mất mọi người, mới khỏi mắc vòng tai họa.

Sinh theo kể ấy, Mạt đưa nhau xuống Thiên-Trường (Xuân-Trường, Nam-Định). Ở đó tại nhà người bạn họ là 何.

Năm Đại-Trị 大治 (Trần Du-Tôn 陳裕宗) thứ 7 (1364) Tru-Quốc vì xa-xỉ mà bị tội, Sinh mới trở về kinh-sư, thì đã tiến-sĩ, vợ chồng ăn ở với nhau đến già.

PHẦN BÌNH-LUẬN

Than ôi ! Trai bất trung, ông vua trung-chính xấu

(1) - Vệ, Hoắc : tức Vệ-Thanh 衛青 và Hoắc-khứ-Bệnh 霍去病.

Vệ-Thanh tên tự là Trọng-Khanh 仲卿, người đời Hán, ở đất Bình-Dương 平陽, có người chị là Vệ-Tử-Phu 衛子夫 được Hán-Vũ-Đế sủng-ái. Vệ-Thanh nguyên trước họ Trịnh, mẹ nhận họ mẹ. Khi Hán-Vũ-Đế đánh Hung-Nô 匈奴, Thanh làm đại-tướng-quân, lập được nhiều công và được phong Trường-Binh-Hầu (theo Từ-Hải).

Hoắc Khứ-Bệnh, cũng người đời Hán, quê Bình-Dương, là con bà chị Vệ-Thanh, Triều Hán-Vũ-Đế làm chức Phiêu-ky-Tướng-quân, sang đánh Hung-Nô 6 lần, có nhiều công-trạng, được phong Quán-quân-hầu, và được nhà vua rất trọng-vọng. (Theo Từ-Nguyên).

hồ lấy làm bày tôi ; gái bất chính, kẻ sĩ trung-chính xấu hồ lấy làm vợ.

À Thủy-Tiêu xuất thân ở nhà hát, vốn không có đức đoan-trang ; chẳng hiểu sao Dư Nhuận-Chi lại lấy ả và mê-mệt đến thế được. Tại ả hiền chẳng ? — Thời hết lấy chàng Trương 張 lại gạ họ Lý (1) 李. Tại nàng đẹp chẳng ? — Thời đã làm mẹ Dương-Thành 陽城 lại hộc Hạ-Sái 下蔡 (2).

Dư lại coi thường cả sự lui tới, nhẫn nhục đem thân vào ở với người, sờ đầu cọp, vuốt râu cọp, thiếu chút nữa là không thoát khỏi miệng hùm.

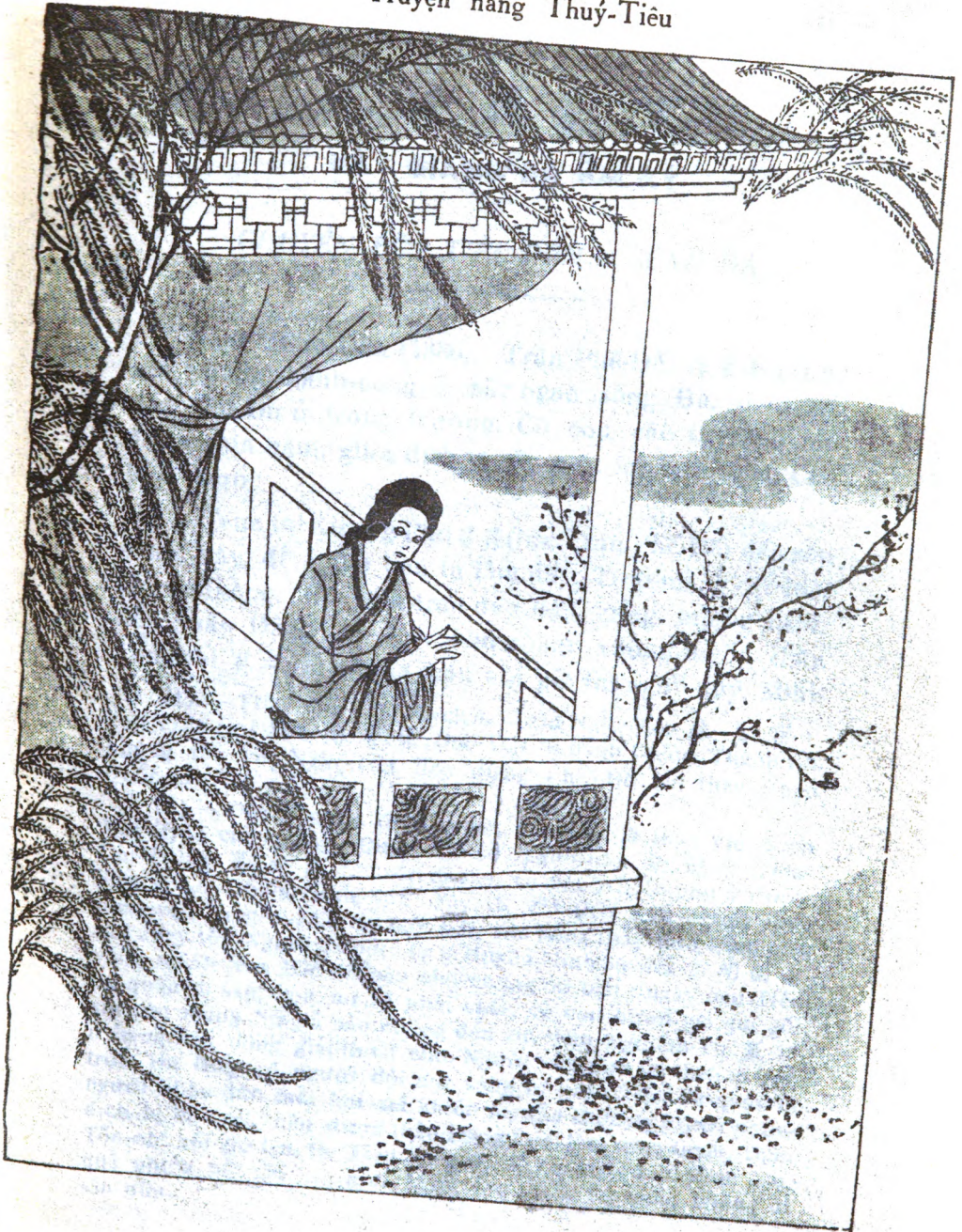
Như chàng Dư Nhuận-Chi thật là người ngu-quần vậy.

(1) — Bài tự-sự của La Ái-Khanh 羅愛卿 có câu : Đòng-gia thực nhi tây-gia túc, cửu tập di phong ; Trương-Lang phụ nhi Lý-lang thê, bản vô định-tính 東家食而西家宿，久習遺風，張郎婦而李郎妻，本無定性. Nghĩa là : Ăn nhà đòng lại ngủ nhà tây, quen tuồng lừa-lận ; Vợ họ Trương còn hầu họ Lý, vốn tính đong-đưa.

Lại có truyện : Lý-Quý 李季 có hai vợ, lại hay đi chơi xa. Vợ có tư-tình với người khác. Một hôm Quý về, gian-phu còn ở trong nhà. Vợ cả sợ hãi quá. Vợ lẽ bày mưu rằng : Bảo chàng (tức gian-phu) cởi trần, xoắn tóc đi thẳng ra cổng, Bọn mình giả tảng không trông thấy gì. Gian-phu theo kế ấy, cởi trần xoắn tóc chạy nhanh ra cổng. Quý trông thấy vội hỏi : Ai chạy ra đó ? Mọi người đáp : Có ai đâu, chúng tôi chẳng thấy chi hết. — Quý nói : Vậy ra ta trông thấy quỷ ư ? Bây giờ làm thế nào ? — Vợ nói : Vậy phải lấy nước ngũ-tính — 五姓 mà tắm gội. Quý nghe theo.

(2) — Dương-Thành, Hạ-Sái là hai huyện thuộc nước Sở đời Xuân-Thu, là nơi các quý công-tử được phong đến đấy. Bài phủ của Tống-Ngọc 宋玉 có câu : « Hoặc Dương-Thành mê Hạ-Sái ». Đây ý nói sắc đẹp làm mê cả các bậc công-tử Vương-Tôn.

Truyện nàng Thủy-Tiêu



Tranh vẽ NUYÊN

沈江夜飲記

ĐÀ - GIANG ĐẠ ẨM KÝ

CHUYỆN BỮA TIỆC ĐÊM Ở SÔNG ĐÀ

Năm Bình-Dần (1386), Trần Phế-Đế 陳廢帝 (1) đi săn, đóng hành-cung ở bắc-ngạn sông Đà, đêm mở tiệc yến-âm ở trong trướng. Có con cáo từ châu núi đi về phía nam, giữa đường gặp một con vượn già. Cáo bảo vượn :

— Vua tôi Xương-Phù 昌符 (tức Trần Phế-Đế) đến săn ở núi này, đề ý đến bọn ta lắm đấy. Tính-mạng các loài chim muông, thật như treo đầu dây cung, miệng lưới. Nếu thần Đẳng-Lục 滕六 còn chậm xuống tuyết, thần Tốn-Nhị 異二 (2) không mau nổi gió thì nguy đấy. Minh

(1) — Trần Phế-Đế là cháu Trần Nghệ-Tôn 陳藝宗, con Trần Duệ-Tôn 陳睿宗 Duệ-Tôn đi đánh Chiêm-Thành rồi không trở về. Nghệ-Tôn liền dựng Phế-Đế lên thay (theo Quốc-sử).

(2) — Đẳng-Lục là thần tuyết, Tốn-Nhị là thần gió. Sách Văn-Üền chép rằng : Quan thứ-sứ Tấn-Châu 晉州 là Tiêu-Chí-Trung 蕭至忠 lúc sắp đi săn, có người tiên-phu ở Hoắc-Sơn 霍山 (thuộc tỉnh Sơn-Tây 山西) thấy một người lớn, quay vào hang núi hú lên một hồi, rồi bỗng thấy hơn trăm con thú chạy tới. Người đó nói : Ta là Huyền-Minh-Sứ-Giả 玄明使者 vâng mệnh vua Bắc-Đế báo cho chúng mi biết : ngày mai Tiêu-Sứ-quân đi săn, bọn mi sẽ phải chết, có con hươu già quì gối xin cứu mạng. Sứ-giả bảo chúng đến xin thần Nghiêm-Tứ 嚴四 ở hang bên đông giải-thoát cho. Người tiên-phu lại theo đi ngó trộm thì thấy có người đội mũ vàng ra nói : Tiêu-Sứ-quân là người nhân-đức mỗi khi sai khiến ai, vẫn thương người phục-dịch bị đói rét, nếu được thần Đẳng-Lục làm mưa tuyết, thần Tốn-nhị nổi gió lên, thì Tiêu-Sứ-quân sẽ bãi cuộc săn. Hôm sau, quả nhiên nổi gió to, mưa tuyết lớn. Tiêu-Sứ-quân không đi săn nữa.

mà không đi cầu-cạnh, thì đến sào huyết cũng bị phá tan. Tôi định ngang-nhiên vào kiểm lời ngăn cản, anh có vui lòng đi với tôi không?

Vượng già đáp :

— Nếu anh có thể đem lời lẽ sắc bén mà giải vây được, thì thật là thú quá. Nhưng chỉ sợ nói không ăn-thua gì, họ lại sinh nghi, thì sao cho thoát khỏi nạn cháy thành và lây (1), há không nhớ chuyện Hồ-tĩnh, hoa-biểu đó ư (2)?

Cáo nói :

— Những người theo nhà vua đi săn, phần nhiều là hàng võ-biên, bụng đã không có tài bác-học như Trương-Hoa 張華, (3), mắt lại chẳng thấy xa như Ôn-Kiệu (4) thì còn có điều chi mà ngại.

(1) Cháy thành và lây là do câu «Thành trung thất hỏa, họa cập tri ngư 城中失火禍及池魚». Nghĩa là : trong thành xảy việc hỏa-tai, tai và lây đến đàn cá dưới ao. Sách Bách-Gia-Thư 百家書 chép rằng : cửa thành nước Tống phát hỏa, người ta lấy nước ao chữa cháy. Ao cạn hết nước làm cá phải chết khô.

(2) — Sự-tích Hồ-ly, Hoa-biểu đã chú-thích trong «Truyện yêu-quái ở Xương-Giang».

(3) — Trương-Hoa đời Tấn, tự là Mậu-Tiên 茂先 người đất Phương-Thành 方城 học nhiều xem rộng, sách nào cũng nhớ, lại có tính thành nhân chí mỹ, gặp người nghèo hèn mà có chút sở-trường đều được ông tàn thưởng, cất nhắc. Trương có công trong việc đánh Ngô, được phong Quảng-Vũ-Hậu 廣武侯 Nam Vĩnh-Hy 永熙 (Tân Huê-Đế) (290), con Trương-Hoa là Đề 題 thấy sao Trung-Thai sa xuống, khuyên cha tạm lánh đi, nhưng Hoa không nghe, sau bị Triệu-Vương-Luân sát hại. Phàm sách bí-mật, kỹ-lạ đều do tay Trương-Hoa chép cả, Hoa còn làm ra sách Bắc-Vật-Chí. Người thời bấy giờ ví Trương-Hoa như Tử Sản nước Trịnh đời xưa. (Theo Thượng-Hữu-Lục).

(4) — Sự-tích Ôn-Kiệu đã chú-thích trong «Truyện yêu-quái ở Xương-Giang» .

Chúng bèn hóa ra hai người đàn ông mà đi: một người xưng là tù-tài họ Viên 袁 (1), một người xưng là xử-sĩ họ Hồ 胡 (2), đang đem đến cỗ cửa hành-cung, nhờ kẻ nội-thị đệ lời tâu vào rằng:

— Chúng tôi nghe: Thánh-nhân trị vì thì cần-khôn trong lặng; minh-vương sửa đức thì chim-muông hoà vui. Nay Chúa-thượng đương thời hanh-thái, làm chúa muôn loài, chỉ nên quảng lưới vét người hiền, đừng chài thu kẻ sĩ, đương gọi đầu thì vội quăn tóc (3), ngồi trong xe thì dành bên tả (4); đem xe Bồ ngựa Tứ mà sẵn người hiền nơi thôn-dã, (5), lấy lễ hậu lời khiêm mà đón kẻ

(1) — Viên 袁 đây là họ Viên, đồng âm với Viên 猿 là con Vượn.

(2) — Hồ 胡 là họ Hồ, đồng âm với hồ 狐 là con cáo,

(3) — Chu-Công đã là bậc đại-thánh mà tất-tả tiếp-kiến người hiền. Có lần gọi đầu mà phải vội quăn tóc đến ba lượt để chạy ra tiếp khách (Theo sách Tính-Lý 性理).

(4) — Đời xưa Ngụy Công-tử là Tin-Lãng-Quân Vô-Kỵ 信陵君無忌, có đức yêu người tài, kính kẻ sĩ. Trong nhà có đến ba ngàn thực khách, nghe trong nước có bậc ẩn-sĩ là Hầu-Doanh 侯嬴, đã 70 tuổi lại nhà nghèo, Vô-Kỵ đặt tiệc lớn, họp đủ tân-khách. Ai nấy an-toạ rồi Vô-Kỵ tự cưỡi xe ra đi, bỏ trống chỗ ngồi mé tả, để đi đón Hầu-Doanh. Hầu-Doanh đến, công-tử mời ngồi chỗ cao: Tân-khách đều kinh-ngạc. Chú: Theo phép ngồi xe, người được tôn-trọng nhất ngồi mé tả. Sở-đĩ Ngụy-Công-Tử ngồi xe mà để trống mé tả là để tỏ lòng tôn-kính người hiền (Theo sách Chu-Kỷ),

(5) — Bồ 蒲 là thứ cỏ ở dưới nước, có thể dùng làm chiếu được. Xe Bồ là lấy cỏ bồ bọc bánh xe để ngồi cho đỡ xóc. Tứ mã 馭馬 là cỗ xe có bốn ngựa kéo. Tây Hán-Sử chép rằng: Hán Vũ-Đế (140-87 trước công-nguyên) dùng xe bồ để đón Mai-Sinh, lại sai sứ đem lụa là, ngọc bích, xe êm, ngựa tứ đi rước 中 公 Thân Công,

cao-sĩ minh-hồng (1), để trong triều sẵn người gương mẫu mà ban ân-trạch cho muôn dân, đưa cuộc đời chúng sinh vào cõi nhân-thọ (2). Có sao lại đi săn gấu bắt thỏ, tranh cãi công việc của chức sơn-ngu (3) như vậy.

Lúc ấy nhà vua đang say rượu muốn đi nằm, bèn sai quan thủ-tướng Quý-Ly 季荳 mời hai người vào tiếp kiến, bày tiệc ở thềm khách và hiệu-dụ cho biết việc săn bắn là phép tắc đời xưa, không thể bỏ được.

HỒ xứ-sĩ nói :

— Những việc đuổi loài tẻ, tượng là để trừ tai, mở lễ sưu-miêu (4) là để giăng võ. Cuộc săn ở đất Vi-Dương

(1) — Vua Chiêu-Vương 昭王 lên làm vua rồi, đi thăm-viếng người mệnh-một, săn-sóc kẻ mờ-côi, chia sường khổ cùng trăm họ; nhún mình, hậu lễ để đón người hiền (Theo sách Chu-Kỷ).

Bốn vị ân-giã ở Thương-Sơn 商山, thường gọi là Tứ hạo, được Hán Cao-Tô mời ra giúp nước, Tứ-hạo không chịu ra, làm bài hát có câu rằng «Hồng phi minh minh, đặc giả hà tư? 鴻飛冥冥, 弋者何思? - Nghĩa là : Chim Hồng bay cao-tít, người săn nghĩ thế mô? (theo sách Hán-Thư).

(2) — Nhân-thọ là nói chúng-sinh được yên-nghiệp và sống lâu (Theo Từ-Nguyên).

(3) — Sơn-ngu : tên một chức quan đời Chu, trông nom đo-dạc, xem núi lớn nhỏ và sản-vật có những gì (Theo Từ nguyên). Thiên Thuấn-Điền kinh Thư chú : Vua Thuấn 舜 sai Bá-lịch 伯益 làm chức Ngu-Công để coi công việc núi chằm.

(4) — Sưu 蒐 là lễ đi săn về mùa xuân ; Miêu 苗 là lễ đi săn về mùa hạ.

渭陽 là vì « ông già không phải gấu » (1). Vì muốn khoa-trương sĩ-tốt mà có cuộc săn ở đất Hồng 虹 (2) ; muốn kỳ-thị rợ Hồ 胡 mà có cuộc bắn ở Trường-Dương 長揚 (3). Nay thì không thể, đang mùa hè lại bày việc làm khổ dân là không phải thời (4) ; giẫm lên lúa-mả cho thỏ cái thích đuổi chim là không phải chỗ ; quanh chăm mà vây, bọc núi mà đốt là không phải lễ (5). Sao ngài không tâu thánh-chúa tạm lui xa-giá để người cùng loài vật đều được yên-ôn.

(1) — Cảnh-Hồi 景回 ăn ở bên sông Vy 渭 (sông này phát nguyên ở Điều-Thử-Sơn, Cam-Túc, chảy qua tỉnh Thiểm-Tây rồi đổ vào sông Hoàng-Hà). Chu Văn-Vương sắp đi săn đến xin Cảnh-Hồi xem bói cho. Cảnh-Hồi bói rồi nói : chuyến này nhà vua sẽ săn được không phải gấu cũng chẳng phải hùm, mà được người về phò-tá nên nghiệp Bá-Vương. Quả-nhiên gặp Thái-Công 太公 (tức Khương-Tử-Nha), rước về tôn làm thầy, (Theo sách Sử-Ký Thế-Gia).

(2) — Sách Tả-Truyện 左傳 có ghi việc Lỗ-Chiêu-Công 魯昭公, năm thứ 8 (534 trước công-nguyên), đi săn ở đất Hồng, (nước Lỗ) đem đi đến hàng ngàn cỗ xe.

(3) — Sách Thiên-Trung-Ký chép rằng : Trường-Dương vốn là cung nhà Tần, nhà Hán sửa lại làm nơi nghỉ chơi. (Vì ở đây có nhiều cây thùy-dương nên gọi là Trường-Dương). Hán Bình-Đế 平帝 (1-5) muốn khoe khoang chim muông với rợ Hồ, mà đến săn ở đây, có đem theo đi rất nhiều chim muông.

(4) — Đang mùa thịnh-hạ, cây cỏ đương lớn, nếu đi săn bắn thì giẫm nát lúa mả và hại cả khí dương đương lên, thế là làm việc không đúng thời. Sách Vũ-Kinh Tư-Mã pháp 武經司馬法 có nói : mùa đông, mùa hạ không dấy quân là vì lòng kiêm-ái muốn dân.

(5) — Sách Lễ-Ký chép : Chớ tát khô chăm lạch, đừng đốt hết núi rừng. Lại theo Vương-Chế 王制 thì Thiên-Tử không nên vây kín; Chư-hầu không úp cả đàn, còn-trùng chưa ăn-nấp thì đừng đốt ruộng.

Quý-Ly nói :

— Không được.

Hồ lại nói :

— Đó là tôi thương chim con, thú nhỏ mà nài xin cho chúng, chứ còn những giống tài cao, chân lẹ, thì há chúng lại chả biết xa chạy cao bay đến mé nam núi nam, mé bắc núi bắc (1), đâu có dại như hạng ấp cây đợi thỏ nữa (2).

Quý-Ly nói :

— Nhà Vua đi săn chuyển này, không phải vì ham-mê thú nội, chim rừng (3), mà chỉ vì lắng nghe ở đây có con hồ-tinh ngàn tuổi, cho nên ngài muốn một phen đại-cử để tiêu-trừ, khiến loài gian hết đất dong thàn, khôn bề tác quái, còn ngoài ra không can chi cả.

Viên đưa mắt cho Hồ và mỉm cười. Quý-Ly hỏi tại sao mà cười, thì Hồ chợt đáp rằng :

(1) — Tiêu-Đại-Viên 蕭大圍 người thời Nam-Bắc Triều, mới lên 4 tuổi mà đã đọc được bài phú Tam-Đò cùng sách Luận-Ngữ và sách Hiếu-Kinh, lòng rất an-nhàn, phóng-khoảng. Tiêu thường nói : Đồng què có cái thú tiêu-dao, triều-đình phải cái luy cái trâm. Phía bắc núi bắc hết vết chân người, phía nam núi nam, ngoài vòng trần-tục. (Theo sách Thượng-Hữu-Lục)

(2) — Đời Tống có người cày ruộng, đêm kia thấy một con thỏ chạy dục đầu vào gốc cây mà chết. Từ đó anh bỏ nghề cày bừa, cứ ra ngồi đợi dưới gốc cây chờ thỏ chạy va đầu vào gốc cây để bắt, nhưng chẳng bao giờ được thỏ cả. Ai cũng cười anh là đồ ngu-ngốc. (Theo sách Ấu-Học 幼學)

(3) — Sách Ngoại-Kỷ 外紀 chú : Hậu-Nghệ, đời nhà Hạ, cày tài bản giỏi; không nghĩ tới việc trị dân, chỉ ham-mê săn bắn.

— Hiện còn giống sai-lang đầy đường, sao đã hỏi đến giống hồ-ly làm chi (1) ?

Quý-Ly hỏi :

— Ông nói vậy là ý thế nào ?

Hồ nói :

— Nay thánh-hóa chưa khắp, bờ-cõi chưa yên ; Bồng-Nga 蓬峨 (2) là con chó dại cắn cắn ở phương nam ; Lý-Anh 李瑛 (3) là con hổ đói gầm thét ở tây-bắc ; Ngô-Bệ 吳陛 (4) cú kia dù tuyết-diệt, song Đường-Lang 唐郎 (5) chuột nợ vẫn rình-mò. Sao không

(1) — Hán Thuận-Đế 漢順帝 (126-144) sai bọn Đổ-Kiều 杜橋 và Trương-Cương 張綱 đi tuần-hành các châu quận, bọn Kiêu thì tuân mệnh nhà vua ra đi, còn Trương-Cương nằm lì ở Lạc-Dương và nói rằng : hiện giống sai-lang còn đầy-dẫy, chưa trừ, đi hỏi đến Hồ-ly làm chi ? Bèn bắt chước Đại-tướng-quân là Lương-Ký 梁冀 ăn ở ra dạ vô-quân. (theo Đông-Hán-Sử 東漢史).

(2) — Vua Chiêm-Thành 占城 là Chế Bồng-Nga hỏi ấy thường đem quân vào quấy rối nước ta. (Theo Quốc-Sử).

(3) — Nhà Minh sai quan Cầm-y-vệ là Lý-Anh đến mượn đường sang đánh Chiêm-Thành. Lý-Anh đòi phải cho 50 con voi. Từ phủ Nghệ-An 乂安 phải đặt đường dịch-lộ và phải cấp lương-thảo đưa đến phủ Vân-Nam 雲南 (Theo sách Quốc-Sử).

(4) — Năm Mậu-Tuất đời Trần Dụ-Tôn (1358), mùa thu tháng 8, Ngô-Bệ, người làng Trà-Hương 茶鄉 họp đảng làm loạn ở núi Yên-Phụ, dựng cây cờ lớn ở trên núi, tiếm vị xưng Vương, yết bảng rằng : «Chân cứu dân nghèo». Từ đất Thiên-Liêu 天梁 (?) đến huyện Chí-Linh 至靈 (Hải-Dương) đều thuộc về y, sau bị quân địa-phương bắt được, đóng cũi đem về Kinh chém. (Theo Quốc-Sử).

(5) — Đời Trần Phế-Đế năm thứ 3 (1379), Nguyễn-Bổ 阮補 ở lộ Bắc-Giang, tự xưng là Đường-Lang Tử-Y 唐郎紫衣 dùng pháp-thuật tiếm hiệu xưng vương, làm loạn, rồi sau bị giết. (Theo Quốc-Sử).

đương này cung thánh-nhân, tuốt lưới grom thiên-tử ; lấy nhân làm lưới làm giã, lấy nghĩa làm phên làm mốc ; lấy trung-tín làm giáp làm trụ, (1), lấy hào-kiệt làm vượt làm nauh ; bền lòng coi để cầm chân những tướng khó chễ-ngự, (2) chuốt cung tên để thị uy những nước chừa phục tòng, đón chẹn quân cùng khẩu, bắt gạc bon hung-dồ, mình chẳng mất một mũi tên, mà giặc không còn một mảnh giáp. Cớ sao bỏ những việc đó không làm mà chỉ quanh-quần trong việc săn bắn thì du có được chim muông chất đầy như núi, tôi cũng cho là không đáng kể vậy.

Quý-Ly bẳng lòng nghe theo.

Hai người mừng thầm rằng lời thỉnh-cầu của mình đã đạt rồi. Bèn nâng chén rượu lên uống, rồi bàn luận đầu ra đũa, nói trôi như nước chảy, không hề bị đuối lý.

Quý-Ly giận nói :

— Ta từng lên mặt cùng Minh-Quốc (người Tàu), đấu khẩu với Chiêm-Thành, hùng biện kinh cả dăm,

(1) — Kinh Lễ, thiên Nho-hạnh 儒行 ghi : Nhà nho có trung-tín để làm giáp trụ, có lễ-nghĩa để làm phên-mốc. Chú : Trung, tín, lễ, nghĩa để chống lại kẻ khinh-mạn, cũng như giáp, trụ, phên, mốc để che đỡ khi gặp nguy-cấp.

(2) — Vua nước Tiền Tần là Kiên (苻堅) muốn cho Mộ-Dung-Thùy 慕容暐 (Vua nước Hậu-Yên) ra ở biên-giới phía bắc. Quyển-Dực 權翼 can rằng : Thủy vốn là kẻ dũng-lực hơn người, là thế-gia đất Đông-Hạ, chỉ vì lãnh nạn mà đến, bản tâm đâu có phải chỉ muốn làm một chức quân-quân mà thôi. Nuôi y cũng như nuôi chim ưng, chỉ lúc đói thì theo người, mỗi khi nghe gió to nổi lên, lại muốn bay bổng trên mây từng mây. Ta phải riết giây lồng cho chặt, hà lại thả lỏng cho y muốn đi đâu thì đi hay sao ? Kiên không nghe. (theo Tấn-Sử).

chưa từng chùn-nhụt bao giờ, mà nay lại chịu thua các người. Nếu không phải là yêu rừng quỷ nội, thì sao lại lẽ lại sắc nhọn và có sức mạnh đến thế ?

Hai người cũng nổi giận nói :

— Ông là một vị thủ-tướng, đáng lẽ nên tiến-dẫn hiền-tài để làm đỡ-dùng cho Nhà-nước (1). Sao lại ghen người hiền, ghét kẻ có tài, há không nhớ Kinh Thư đã có câu « thấy người có tài cũng như mình có » đó du ?

Quý-Ly bèn dỗi sắc mặt xin lỗi và an- ủi rằng :

— Tôi nghĩ hiền nay không có nhân-vật nào được như các ông, sao không đốt bỏ áo lá, từ-giã cá tôm ; như : đất Nam-Dương 南陽 rộng năm chôi dậm (2) ; Bàng Sĩ-Nguyên 龐士元 vô ký ruồi-rong (3) ; bỏ ăn-dật ra làm khanh-tướng, thay áo vải mà vận xiêm-y ; Làm nên công cao một thời, danh vang muôn thuở, lại nằm chết khô trong hang núi, còn ai biết đến nữa ?

(1) — Tây-Hán-Sử chép rằng : Thừa-tướng Điền-Phân 田蚡 đời Hán đón mời tân-khách, tiến-cử hiền-tài, dựng nhà lớn để chứa khách. Vương-Bao 王褒 làm thơ ca-tụng vua thánh được tâu lên có câu : Hiền-giả quốc-gia chỉ khi-dụng 賢者國家之器用。

(2) — Từ-Thư 徐庶 yết kiến Lưu-Bị mà thưa rằng ; Chư-Cát Khổng-Minh 諸葛孔明 (thường đọc là Gia-Cát, là con rồng đương nằm ngủ ở Nam-Dương. Lưu-Bị thân-hành đến cầu ba lần mới được Gia-Cát-Lượng dậy ra giúp (Hậu-Hán-Sử) .

(3) — Lưu-Bị đặt Bàng-Thống 龐統 (tức Bàng-Sĩ-Nguyên) làm chức lệnh ở Lôi-Dương, Thống không chịu làm việc gì hết, suốt ngày chỉ uống rượu. Lưu-Bị nghe tin giận lắm. Khổng-Minh nói : Bàng-Sĩ-Nguyên không phải là tài một trăm dậm, nếu cho ở chức trị-trung biệt-giá, thì người đó mới chịu tung chân ngựa Kỳ. (Hậu-Hán-Sử) .

Hai người cười mà rằng :

— Chúng tôi gửi mình nơi ngọn khói, nấu vết chốn hang mây; ngũ thời lấy cỏ làm đệm êm, khát thời có suối đưa rượu ngọt; mây khói quần chân, hươu nai kết đảng; bạn lâu ngày cùng lữ khí, bạn vong-niên với đàn dê. Chỉ biết ăn bách nhai từng, ngâm trăng vịnh gió, ngộ hầu khỏi vương lưới trần, hoài công đâu lo việc thiên-hạ, dù là chỉ phải nhờ một mảy lông (1). Rồi bảo nhau :

— Chúng ta quen tuồng phóng-lãng, không chịu được trong vòng trời buộc. Trước vẫn hay thơ, ngâm vang hang động, đêm nay hầu tiệt, chẳng lẽ lại không có câu nào đề kỷ-niệm sao ?

Hồ bèn ngâm rằng :

Nguyên văn :

1. 飲 了 清 泉 又 碧 灘
悠 悠 名 利 不 相 干
2. 雲 邊 石 窟 跳 身 易
世 上 塵 籠 著 腳 難
3. 日 落 眠 殘 山 峙 迥
更 聞 聽 倦 夜 冰 寒
4. 煙 霞 此 去 無 踪 跡
子 我 相 期 久 遠 看

(1) — Dương-thị 楊氏 chỉ biết mình, không nghĩ đến ai, dù chỉ mất một sợi lông mà có lợi cho thiên-hạ cũng không chịu làm. (Theo sách Mạnh-Tử 孟子).

Phiên Âm :

1. Âm liễu thanh toàn hựu bích than,
Du-du danh lợi bất tương can.
2. Vân biên thạch quật khiêu thân dị ;
Thế thượng trần lung trước cước nan.
3. Nhật lạc miền tàn sơn trĩ quỳnh,
Cánh lan thính quỵện dạ băng hàn.
4. Yên hà thử khứ vô tung-tích ;
Tử ngã tương kị cứu viễn khan.

GIẢI NGHĨA :

Đại ý. — Bài thơ này con cáo tự-sự, đồng thời đề từ-biệt con vượn.

1. Lúc uống nước suối trong, lúc lại uống nước thác biếc.
Không vương-viu vào vòng danh-lợi nhiều-khê.
2. Trong hang đá bên mây muốn nhảy ra rất dễ ;
Còn ở lồng bụi trần thì khó lòng mà nhấc chân ra được.
3. Mặt trời lặn, tỉnh ngủ rồi nhìn chỉ thấy núi cao trơ đó ;
Cánh tàn, đêm lặng, lắng nghe tiếng băng tan thành nước chảy (1).

(1) — Sách Viên-Cơ bài Thuật-Chính Ký 述征紀 chú :
Tuyệt ở sông mới dòng lại thành băng, cần cho con cáo qua sông trước, rồi quân mới qua sau, vì loài cáo muốn sang sông nước đóng thành băng, nó phải lắng tai nghe không có tiếng băng tan ra nước chảy, rồi nó mới sang.

4. Ra đi phen này vào chốn khói mây biệt tích
Xin hẹn cùng anh sau này còn nhiều phen
gặp gỡ.

Dịch ra văn-văn :

1. Suối trong, thác biếc uống quen mùi,
Danh-lợi nhiều khe chẳng bén mùi.
2. Hang đá bên mây mình dễ téch,
Vòng trần dưới thể bước khôn lui.
3. Tỉnh mơ, ác lặn, non tro-trên,
Mỗi lảng canh khuya tuyết xấp-xùi.
4. Mây khói phen này đi biệt tích,
Còn nhiều gặp gỡ để chung vui.

Viên cũng ngâm rằng ;

Nguyên văn :

1. 萬壑千溪有徑通
悠然拂袖任西東
2. 興來逐伴春山雨
愁去分携別浦風
3. 湘嶺無聲啼落日
楚天有淚泣鸞弓
4. 我投林木君巖穴
堪笑求安計不同

Phiên Âm :

1. Vượt khe Thiên khe hạo khí-thông,
 Muôn phất tay áo ai kỳ đong.
2. Hạng Tử hực bạn xuân-sơn vũ ;
 Sơn Thâm phân hử Biệt-phố phong.
3. Tự tại-dình vô thanh đề lục nhật ;
 Số-thiên hứa lệ khớp loan-cung.
4. Ngộ đầu lâm, mộc, quảa nham huệ-t,
 Kham tiêu cầu an kế bất đồng.

GIẢI NGHĨA :

Đại-ý : Bài này con vượt làm đề tự-sự mình và cũng đề từ-biệt con cáo.

1. muôn ngách ngàn khe có lối thông (1).
— Vứt một cái, phất tay áo, mặc lòng muốn đi về phương nào thì đi.
2. Thích lên theo bạn trên núi Xuân-Sơn lúc trời mưa (2).

(1) — Ý nói con vượt đi khe ngách nào cũng lọt.

(2) — Tôn Khắc 孫恪 lấy Viên-thị 袁氏, một hôm theo vợ về Nam-Hải thăm nhà, qua đất Thụy-châu 瑞州, ghé vào chùa Thiêm - Sơn 陝山 để thăm người học trò cũ. Đến nơi, nhìn kỹ đường lối, cầm vòng bích-ngọc dâng nhà sư. Sau khi ăn cơm xong, thấy hơn chục con vượn khoác tay nhau đi xuống. Viên-thị động lòng đề thơ rằng : Bất như trực bạn quy sơn khứ, trường khiếu nhất thanh yên vụ thâm 不如逐伴歸山去, 長喙一聲烟霧深. Nghĩa là : Sao bằng theo bạn đi về núi, một tiếng kêu vang đám khói mây. Đề xong quẳng bút rồi hóa ra con vượn mà đi (Theo Thi-học đại-thành).

- Buồn lúc chia tay cùng kẻ mang đồ-vật cho mình (1) trong khi gió thổi bến sông.
- 3. Tại đỉnh núi Tương không gào lúc mặt trời lặn (2).
- Ở nước Sở có lần sa lệ khóc lúc giương cung (3)
- 4. Tôi về rừng cây, anh về hang núi, Nực cười cho cái chức cầu yên của chúng ta thực khác đời.

Dịch ra văn vần :

1. Ngàn vách muôn khe có lối thông,
Phất tay nào ngại bước tây đông.
2. Vui khi theo bạn con mưa núi ;
Buồn lúc chia tay ngọn gió sông.

(1) — Trong Chu-Thư có chữ : tả hữu huê bộc 左右僕僕 là nói người đầy tớ đem đồ-vật cho mình.

(2) — Vận-Thụy có câu : Đề thời mạc cận Tiêu-Tương lĩnh, Minh nguyệt cô chu hữu lữ-nhân 啼時莫近瀟湘嶺，明月孤舟有旅人。 Nghĩa là Vượn có kêu thì đừng đến gần núi Tiêu-Tương mà kêu, vì dưới bóng trăng, trong chiếc thuyền lẻ-loi có người khách phương xa ngụ. Câu này ý nói không muốn cho người nghe vượn kêu buồn mà thêm trạnh niêm cố quận (theo Viên-Co). Núi Tiêu-Sơn nay thuộc đạo Cối-Kê (會稽) tỉnh Chiết-Giang (浙江). Núi Tương-Sơn còn gọi là Động-Đình sơn vì ở trong hồ Động-Đình 洞庭, về phía Tây-Nam huyện Nhạc-Dương 岳陽, tỉnh Hồ-Nam 湖南 (theo Từ-Nguyên).

(3) — Sách Ấu-học Kỹ-Nghệ loại 幼學技藝類 chép rằng : Sân nước Sở có con Vượn trắng gọi là thần Bạch-viên, bao nhiêu tay thiện-xạ đều không bắn trúng được. Sau Sở Trang-Vương sai Dưỡng-Do-Cơ ra bắn. Dưỡng-Do-Cơ 養由基 vừa xách cung tên ra chưa bắn, Vượn trông thấy đã ôm cột mà khóc. Khi vừa bắn ra thì Vượn theo tên rơi xuống.

3. *Tiếng bật trời Trương khi hết nắng ;
Lệ tràn đất Sở lúc dương cung.*

4. *Tôi về rừng rậm, anh về núi,
Cười chước an thân thực lạ lòng.*

Ngâm rồi, hai người cáo từ xin đi. Quý-ly mặt sai người theo rồi. Đi gần đến lưng chừng núi, chúng hóa thành con cáo và con vượn mà đi mất.

PHẦN BÌNH - LUẬN

Than ôi ! Trời đất sinh ra muôn vật, mà hậu đãi riêng có loài người (1), cho nên người khôn hơn loài vật, dẫu phượng - hoàng là chim thiêng, kỳ-lân là giống thú có nhân, cũng chỉ là loài vật mà thôi.

Cuộc nghị-luận ở sông Đà, có sao loài người lại chịu thua loài vật? - Ôi! thực có lý-do thay! Bởi Quý-Ly tâm-thuật bất chính, nên loài vật thành yếu mới dám dõ thối khinh nhờn. Giả-sử ngay thẳng như Nguyên-Trung 魏元忠 (2) tận trung như Trương-Mậu-Tiên 張茂先 (3), thì chúng nghe giảng sách giữ lễ lửa chưa xong, còn dám đâu tranh-biện gì nữa.

(1) — Trời đất sinh muôn vật mà riêng hậu với loài người ; trời đất sinh loài người mà riêng hậu với bậc thánh-nhân. (Theo Kinh Thư, thiên Thái-Thệ).

(2) — Nguyên-Trung đời Đường vốn tính cương-trực lúc còn hàn vi, nhà nghèo, chỉ có một đũa hầu gái, nhân lúc nó phải bỏ bếp đê ra ngoài múc nước, có con vượn già vào ngồi coi bếp. Con hầu trở vào bếp trông thấy sợ quá, lên bẩm với Nguyên-Trung. Trung nói : Ý hẳn nó thấy ta thiếu người sai khiến, nên vào coi bếp hộ. Như vậy càng hay chứ sao ? Sau quả không có sự gì khác. (Theo Văn-Uyển).

(3) — Trương Hoa tự Mậu-Tiên đời Tấn, làm chức Thị-Trung, hết lòng trung-trực giúp vua, tiếng vang một thời. Sau bị Phùng-Thống gièm-pha, phải đổi ra làm đô-đốc U-Châu 幽州 vô yên Di Hạ 夷夏, tiếng-tâm lại càng vang-dội, Giả-Hậu là người hiểm-ác mà vẫn phải kính-trọng Trương-Hoa. (Theo sách Thượng-Hữu-Lục).

Ồi! Nước sông Thương-Lang (滹沱) (1). Uống thì
dễ giặt mũ, đục thì dễ rửa chầu (2). Việc gì cũng là tự
minh hết.

(1) — Sông Thương-Lang nay gọi là sông Hán 漢水 là
một chi lưu lớn của sông Giang (Chương-Tiểu) 滹沱江
phát nguyên ở phía bắc Bắc-Trung-sơn, huyện Núi-Quang, tỉnh
Thiểm-Tây, chảy qua địa-lối sắc-phủ: Hán-Trung 漢中, Hưng
An 興安, Vân-Dương 雲陽, Trưng-Dương 滹陽, An-Lục
安陸, và Hán-Dương 漢陽, rồi đổ vào sông Giang. (Từ-
Nguyễn).

(2) — Trẻ con thường hát rằng: Nước sông Thương-Lang
chứ! Uống thì dễ giặt mũ, nước sông Thương-Lang chứ! Đục
thì dễ rửa chầu. Đức-Không-Tổ nghe tiếng bảo học-trò rằng:
Các con nghe đây. Nước sông dễ giặt mũ, nước sông dễ rửa
chầu. Các con liệu mà tự-giả-mình (Theo sách Mạnh-Tử).

Truyện bữa tiệc đêm ở Sông Đà



TÂN-BIÊN TRUYỀN-KỶ MẠNH-LỤC

QUYỂN THỨ IV

南昌女子傳

NAM-XƯƠNG NỮ-TỬ TRUYỆN

TRUYỆN NGƯỜI CON GÁI Ở NAM-XƯƠNG

Vũ-Thị-Thiết, 武氏設 quê ở Nam-Xương (Nam-Xang, Hà-Nam), đã dịu-dàng hiền-thục, lại nhan-sắc xinh-tươi. Trong làng có Trương-Sinh 張生 say nết yêu người, xin với mẹ đem trăm lạng vàng cưới nàng làm vợ. Nhưng chàng có tính cả ghen, phòng ngừa thái quá, song nàng vẫn một mực khuôn phép, không hề nặng mặt sa mày.

Cuộc đoàn-viên chưa được bao lâu, trong nước có việc đi đánh Chiêm-Thành, bắt nhiều binh lính. Trương-dấu vốn dòng hào-trưởng, song không theo nghiệp thi thư, lại đương tuổi nhập-ngũ. Theo tên trong sổ đầu quân, chàng phải ra lính đầu. Lúc chàng ra đi, mẹ dặn rằng :

— Nay con ra tòng quân, xa lìa dưới gối, dẫu là hội công-danh từ xưa hiếm có, nhưng trong vòng tên đạn, phải lấy sự giữ mình làm trọng (1), cần phải biết

(1) — Sách Mạnh- Tử có chữ : Thủ thân vi đại 守身為大 nghĩa là việc giữ thân mình là trọng đại.

đường tiến-thoái, liệu sức giao-phong, chớ nên tham miếng mồi thơm, để mang vạ mắc vào lưới cá (1). Quan cao, trước hậu, để nhường bạn khác, có thể mẹ mới đỡ lo-âu.

Chàng quý mọp vàng lời mẹ dạy.

Vũ-nương cũng rót chén rượu đầy mà thưa rằng :

— Lang-quân ra đi phen này, thiếp chẳng giám mong chàng đeo ấn phong hầu (2), mặc áo gấm về quê (3). Chỉ xin ngày nào hát khúc khải-hoàn mang theo hai chữ bình-an là đủ. Chấn e việc binh khó liệu, thế địch khôn dò ; man-mọi mà còn lần-lút, vương-sur phải dẹp lâu-lai ; công-huân đâu có dễ-dàng, kỳ-hạn còn nhiều trắc-trở, khiến cho vợ trẻ nhớ mong, mẹ già khắc-

(1) — Sách Vũ-Kinh Văn-Thao 武經文韜 chú : Trọng-lộc chi hạ, tất hữu tử sĩ ; phương-nhị chi hạ, tất hữu huyền ngư 重祿之下必有死士, 芳餌之下必有懸魚 Nghĩa là : dưới bả bổng-lộc, tất có kẻ sĩ phải chết ; dưới miếng mồi thơm, tất có cá phải mắc câu.

(2) — Vương Xương-Linh 王昌齡 đời Đường làm bài « Khuê oán thi 閨怨詩 » (nỗi oán hận chốn phòng the) có câu : Khuê trung thiếu-phụ bất tri sầu, xuân-nhật ngưng trang thương thúy lâu, Hốt kiến mạch đầu dương-liễu sắc, hốt giao phu-tế mịch phong hầu : 閨中少婦不知愁, 春日凝妝上翠樓 ; 忽見陌頭楊柳色, 悔教夫婿覓封侯。 Nghĩa là : Người thiếu phụ chốn buồng the chưa hiểu nỗi buồn thảm, ngày xuân lên trang điểm trên gác Thúy, chợt trông thấy liễu rủ bên đường, mới hối-hận để chồng ra đi tìm bước công-danh.

(3) — Liễu-Khánh-Viên 柳慶遠 làm thứ-sử châu Ung 雍 (vùng Thiểm-Tây, Cam-Túc, Thanh-Hải ngày nay). Lương Vũ-Đế 梁武帝 (502-549) nói : khanh đã mặc áo gấm về quê, trăm không phải lo về phía tây nữa. (Thượng-Hữu-Lục)

khỏi. Nhìn mảnh trăng kinh-địa, trạnh nhớ người quan-âi lạnh-lung; trông bóng liễu tha-ma, thêm thương kẻ chời canh tịch-mịch. Dầu rằng : ngan hàng kẻ-lẻ gần xa, cánh hồng. tìm cá đầu mà nhẩn-nhe ? Nàng nói đến đó, mọi người đều bùi-ngùi sa lệ.

Rồi đó, chèn đưa vira cạn, dặt áo ra đi. Đoái trông phong-cảnh y-nguyên, mà người đã quan-sáu cách-biệt.

Bấy giờ nàng đã có mang ; sau khi tương biệt, vira đủ tiệp-tuần 決旬 (12 ngày), nàng sinh con trai, đặt tên là Đản 誕. Ngày qua tháng lại, thoát đã nửa năm. Mỗi khi thấy : bướm bay vườn trước, núi phủ mây Tần (1), trạnh nhớ người góc bể bèn trời, càng thêm chua xót.

Bà mẹ cũng vì nhớ Sinh lâu ngày thành bệnh. Nàng hết sức thuốc-thang, lễ-bái, xem bói cúng lễ và tìm lời ngọt-ngào đủ cách khuyên lơn mẹ chồng. Song bệnh tình ngày thêm trầm-trọng, khôn bề qua khỏi. Bà trở lại nàng rằng :

— Tươi héo bởi trời, ngắn dài có số. Mẹ không phải là không muốn đợi chồng còn về, mà gắng-gượng thuốc thang cơm cháo ; nhưng dầu lòng còn muốn sống mà hạn đã đến nơi ; số tận mình cùng, canh tàn chuông

(1) — Trong bài thơ Tư-biên thi 思邊詩 (nhớ người biên thú) của Lý-Thái-Bạch 李太白 có câu: Khứ tuế hà thời quân biệt thiếp ? nam viên tuyền thảo phi hồ-diệp. Kim tuế hà thời thiếp ức quân ? Tây-sơn bạch tuyết ám Tần-Vân 去邊何時君別妻？南園綠草飛蝴蝶；今歲何時妾憶君？西山白雪暗秦雲。 Nghĩa là : Năm ngoài hỏi nào chàng giã thiếp ? Hồi đó bướm vờn lối cỏ vườn nam ; Năm nay hỏi nào thiếp nhớ chàng ? Nhớ chàng những lúc mây Tần phủ đầu non Tây đầy tuyết trắng. (theo Cổ-văn).

điêm (1). Tắm thân tàn-tạ, nguy tại hôm mai, không khỏi phiền lụy đến con. Chồng con xa vắng, sống chết nơi đâu, không thể đền ơn con cho phu được. Sau này, trời giúp người lành, ban cho phúc trạch, giống-dòng tươi-tốt, con đông cháu đàn. Mẹ cầu đấng cao xanh kia chẳng phụ con, cũng như con đã không nỡ phụ mẹ vậy. Bà cụ nói xong thì mất. Nàng rất đổi đau thương, phàm việc ma-chay, tế-lễ, nàng nhất-thiết lo-liệu như đối với cha mẹ đẻ vậy.

Đến năm sau, giặc Chiêm hàng phục, quân lính khải hoàn. Trương-Sinh về đến nhà thì mẹ đã từ trần, con đương học nói. Sinh hỏi mồi mẹ táng ở đâu, rồi một mình ẩm con đi thăm. Đứa trẻ khóc không chịu theo cha. Sinh nựng con :

— Con ơi ! Thôi con nín ngay, đừng khóc nữa. Lòng cha cũng đang đau-dớn cảm thương đây.

Đứa trẻ hỏi :

— Ồ ! Ông cũng là cha Đản à ? Sao ông lại biết nói nhi ? — Ông không giống cha Đản khi trước, chỉ ngậm miệng chẳng nói tiếng nào.

Chàng lấy làm lạ, gạn hỏi cho tường, thì đứa trẻ nói :

(1) — Điền-Dự 田預 đời Tam-Quốc làm quan ở nước Ngụy, sau lãnh chức Thú ở Nam-Dương (thuộc tỉnh Hà-Nam), đẹp tan đạo-tặc, dân-cư yên-ôn, mấy lần cáo quan không được, nói rằng : Tuổi đã 70 mà còn làm quan thì chẳng khác chuồng vắng lúc canh tàn, đem đi không nghỉ, thế là tội-nhân, bèn cáo bệnh bỏ đi. (theo Thượng-Hữu-Lục). (Chú thêm : Nước Ngụy thời Tam-Quốc gồm những tỉnh : Trục-Lệ, Hà-Nam, Sơn-Đông, Sơn-Tây, Cam-Túc, trung bộ tỉnh Thiểm-Tây, Hồ-Bắc, Giang-Tô, bắc bộ tỉnh An-Huy, trung-bộ, tây-bộ tỉnh Phụng-Thiên và tây-bắc bộ Triều-Tiên ngày nay).

— Lúc ông không ở nhà thường có một ông đèm nào cũng đến, mẹ Đản đi cũng đi, mẹ Đản ngồi cũng ngồi, nhưng chẳng ăm Đản bao giờ cả.

Sinh bản tính hay ghen, khi nghe con nói vậy, thì mới ngờ - vực càng thêm thắt chặt, nổi giận sâu cay, không còn cách nào cởi mở ra được nữa. Sinh về nhà, buông lời mắng nhiếc vợ cho hả giận.

Vũ-nương khóc-lóc mà rằng :

— Thiếp vốn nhà nghèo may được vào làm đầu lệnh tộc. Tình gối-chăn đương lúc mặn-nồng, cơn binh-lửa chia đường rong-ruổi. Ba năm cách-biệt, một tiết vẹn-tròn. Điềm phấn thoa hương, lòng đá nguội lạnh, đường hoa xóm liễu, chẳng đặt vết chân, có lý đầu sinh lòng bạc-hãnh như lời chàng nói. Vậy xin biện-bạch khúc nhôi đề giải lòng ngờ-vực. Xin đừng coi thiếp tựa Huyền-Thê 玄妻 (1) đề phải hàm oan như Tiều-Ngọc 小玉 (2).

(1) — Sách Tả-Truyện chú rằng : Đời xưa, Nhung-Thị 仍氏 sinh được người con gái tóc đen rất đẹp, lông - lạnh soi gương được. Vì mái tóc đen nhánh nên gọi nàng là Huyền-Thê. Quan nhạc-chính Hậu-Quý 后萇 lấy Huyền-Thê sinh ra Bá-Phong 伯封 là người có thú tính, lại tham-lam, sau bị Hậu-Nghệ ở Hữu-Cung 有窮 tuyệt diệt, nên Quý không có người thờ cúng.

(2) — Đời Đại-Lịch 大曆 nhà Đường (766-779), Hoắc Tiều-Ngọc là con gái người tỳ-thiếp của vua nước Hoắc 霍 (nay thuộc huyện Hoắc, tỉnh Sơn-Tây, em Chu-Vũ-Vương được phong ở đây, từ đó lấy chữ Hoắc làm họ), nhan-sắc mặn mà, thường hay ngâm câu « khai liềm phong động trúc 開簾風動竹, nghi thị cố nhân lai 疑是故人來 » nghĩa là : lật rèm gió lay-động, lại ngỡ cố nhân sang. (Câu này của Lý Thập Lang 李十郎, tức Lý-ích 李益 người ở Lũng-Tây 隴西) Tiều-Ngọc cùng Lý-ích mê nhau lắm, lại có lời nguyên-ước cùng nhau. Nhưng sau Lý bội ước, không đến với nàng. Vì tương-tư Lý mà Tiều-Ngọc thành bệnh. Một hôm, Hoàng-Sam-Khách 黃衫客 bắt Lý phải đi. Lý tới nơi, Tiều-Ngọc vừa thấy mặt Lý thì khóc nức một cơn, rồi rũ ra mà chết. Tường-Phòng 蔣防 viết thành truyện đề ghi sự-tích.

Sinh vẫn không tin, nhưng vợ hỏi chuyện kia tự đầu mà ra thì chàng giữ kín không kể lại, chỉ kiếm chuyện khác dẫn chứng để si-nhục nàng đủ điều, thời thường xua đuổi nàng đi. Dù xóm làng phân-giải, thân-thích cản ngăn, Sinh cũng chẳng để vào tai.

Nàng bắt đắc dĩ nói ;

— Thiếp sở-dĩ lấy chàng là mong có lạc-thú gia-dinh và có chỗ tựa-nương cao-cả. Ngờ đâu : Ân-tình tựa lá, si-nhục như non. Nay đá trâm gãy bình rơi (1), mây tan mưa tạnh (2). Ao lạnh sen vàng ú-rũ, gió tấy dương-liều toi-bời ; khóc sương hoa phải lìa cành, kêu xuân én đành bỏ trướng. Nước thắm, bướm xa, chẳng lẽ lại lên núi Vọng-Phu 望夫 望夫 望夫 (3).

(1) — Trong bài thơ «Người dâm-phụ bị chồng bỏ» (Dâm-phụ kiến khí thi 淫婦見棄詩) của Bạch cư Di có câu : Tỉnh đề dẫn ngân-bình, dục thượng ty thẳng tuyết. Thạch thượng ma ngọc trâm, dục thành trung-trương chiết. Bình trâm trâm chiết tri nại hà, tránh tự kim triều dĩ quân biệt. 井底引銀瓶，
從上絲繩絕，石上磨玉簪，
欲成中央折。瓶沉簪折知奈何？
爭似今朝與君別。 Nghĩa là : Kéo bình từ đáy giếng, gần miệng lại đứt dây. Lấy đá mài trâm ngọc, gần xong lại gãy ngay. Trâm gãy bình rơi đành sự thế, bửa nay chàng, thiếp phải chia tay.

(2) — Thơ Đỗ-Phủ có câu: Lộ minh tàn nguyệt tại, sơn tĩnh túc vân thu 路明殘月在山靜宿雲收 Nghĩa là : Đường rõ, vầng trăng lợt, núi lạnh bóng mây tan. (theo Vận-Thụy) Đại ý nói tình ân-ái vợ chồng không còn nữa.

(3) — Trên núi phía bắc huyện Vũ-Xương (nay thuộc huyện Ngạc-Thành, 鄂城 tỉnh Hồ-Bắc) có phiến đá «Vọng phu» trông như người đứng. Tương truyền đời xưa có người triah-phụ ra núi bày tiễn chân chồng đi hành dịch ở nơi xa. Chồng đi rồi, vợ đứng trên núi đó trông chồng rồi hóa ra phiến đá cho nên gọi là đá Vọng-Phu: (Theo Tam-Chú Cổ-Sự).

Đoạn nàng trai-giới, tắm gội, đến sông Hoàng-Giang (thuộc huyện Nam-Xang, Hà-Nam), ngửa mặt lên trời mà than rằng :

— Kê bạc mệnh này : duyên kiếp lỡ-làng, chông con ruộng-rẫy. Oan tình chịu tiếng không đầu, nên nổi mang danh bất-chính. Thần Sông có thấu, xin chứng giám cho. Nếu thiếp ở ăn cần-nguyện, một dạ trung-thành, thì xin : ở dưới nước cho hóa làm hạt ngọc My-Nương (1) ; vùi xương dất cho hóa làm cỏ thơm Ngu-Mỹ 虞美 (2). Vì bằng nét không trinh-bạch hay lòng chẳng thủy-chung thì : Ở dưới sông cam phận giải lời cá nuốt, ở trên bộ xin đành thân quạ mổ điều tha, phi

(1) — My-Châu 媚珠 (Mị - Nương), con gái Thục An-Dương-Vương 安陽王, là vợ Trọng Thủy 仲始 bị chông lừa đem nỏ thần cho chông xem, rồi chông thay đổi cái lẫy nỏ. Sau Triệu-Đà 趙陀 (cha Trọng-Thủy) sang đánh. An-Dương-Vương bị thua, đem cả My-Châu lên ngựa chạy về phía nam. Đến bờ biển, Thần Kim-Quy hiện lên bảo : «Giặc ngồi sau lưng nhà vua đó, sao không giết đi?» Vương giơ gươm lên sắp chém My-Châu thì nàng khấn rằng : «Thiếp vốn trung-thành một dạ, bị người lừa dối, chết xin hóa làm châu-ngọc để rửa mối hận này. ». Vua chém My-Châu rồi, máu chảy lênh-láng trên mặt nước, các giống hậu, trai, ngâm huyết nàng mà hóa ra những hạt minh-châu (theo Quốc-Sử).

(2) — Ngu Mỹ-Nhân (Ngu-Cơ) là vợ Sở-Vương Hạng-Võ 楚王項羽. Khi Hạng-Võ thế cùng, chạy đến Cai-Hạ (nay ở phía đông-nam huyện Linh-Bích 靈璧 tỉnh An-Huy 安徽), nàng rút gươm ra tự vẫn. Tương truyền hương hồn nàng không tan, hóa thành hai khóm cỏ trên mộ, ngày đêm cứ quấn-quít vào nhau, người ta gọi là cỏ Ngu-Cơ. Sách Thành-ngữ điển-tích cũng chú : Ngu Mỹ-Nhân thảo là cỏ mọc trên mộ Ngu-Cơ, gần sông Ô-Giang, tương truyền cỏ này màu xám úa.

chỉ bị người đời phi-nhỏ là gái Hà-Gian 河間 dâm-dăng (1). Than rồi, nàng gieo mình xuống sông mà chết.

Sinh dẫu giận nàng thất tiết, nhưng đã âm-dương cách-biệt, cũng động lòng thương, cố công tìm vớt thấy nàng, nhưng chẳng thấy đầu cả.

Đêm đêm phòng không chiếc bóng, Sinh ngồi khêu ngọn đèn khuya, thao-thức không sao ngủ được, chợt đưa con nói ;

— Ờ ! cha Đản lại đến kia rồi !

Sinh hỏi đầu, thì nó chỉ bóng chàng trên vách mà nói :

— Cha đây này !

Vì bình nhật vợ chàng ở nhà một mình thường chỉ bóng nàng trên vách mà bảo đùa con : đó là cha nó. Bấy giờ chàng mới tỉnh ngộ ra nỗi oan-khuất của vợ, nhưng không làm sao được nữa.

Hồi đó, có người cùng làng với Vũ-nương là Phan-Lang 潘郎, trước làm lái đò bến Hoàng-Giang, một đêm nằm mộng thấy một người con gái mặc áo xanh đến van xin tha mạng. Sáng hôm sau, có gã thuyền chài đem biểu Phan một con rùa mai xanh, Phan sực nhớ đến giấc mộng vừa qua, bèn phóng sinh con rùa ấy.

Cuối đời Khai-Đại nhà Hồ (1403-1406), tên phản nghịch Trần Thiêm-Bình (2) về nước, phạm vào cửa

(1) — Liễu-Tôn-nguyên 柳宗元 đời Đường viết truyện người dâm-phụ ở Hà-Gian (nay thuộc tỉnh Trục-Lệ), từ đó hàng quốc-thích mới nghe đến tên Hà-Gian 河間 đều bịt mũi nhắm mắt không muốn nói họ tên người đó, nên chỉ nói tên đất mà thôi.

(2) — Trần-Thiêm-Bình là gia-nô Trần-Nguyên-Huy 陳元暉 tên gọi Nguyễn-Khang 阮康. Thiêm-Bình được quân Minh đưa về nước (sự-tích đã chú trong «Truyện Đối đáp của lão Tiều núi Na»).

ải Chi-Lăng 支陵 (tức ải Nam-Quan, Lạng-Sơn 嶺山). Phan-Lang cùng người làng vượt bể lánh nạn. Thuyền gặp gió to, bị vỡ, người đều chết đuối. Xác Phan-Lang trôi dạt vào qui-dộng (động rùa) ngoài hải-đảo. Linh-Phi 靈妃 trông thấy chàng, nói :

— Đây là vị ân-nhân đã cứu sống ta ngày trước.

Nói rồi sai lấy khăn hồng cho chàng lau, và cho uống viên Hỏa-lục thần-đan. Chỉ trong giây lát, Phan-Lang hồi tỉnh, nhác thấy cung gấm, cửa ngọc, nhưng còn thần loạn, mắt mờ, không biết là mình đã lạc vào cung thủy-tinh. Lúc đó, Linh-Phi mặc áo cầm-vân dát ngọc, đi giày tằm-hà nạm vàng, cười bảo Phan rằng :

— Tôi là Linh-Phi ở Quy-dông, vợ Quảng-Lợi Vương 廣利王 (1) ở bể nam đây. Nhờ hồi còn nhỏ, thường ra chơi bên sông, bị người thuyền chài bắt được, ngẫu-nhiên báo mộng, quả được nhờ ơn. Nay lại gặp ông đây, há chẳng phải lòng trời đun-dũi cho tôi được dịp đền ơn ông đó sao ?

Linh-Phi sai đặt tiệc ở gác Triều-Dương thết-dãi, có mặt không biết bao nhiêu là phi-tần, vị nào cũng quần là, tóc rủ. Trong đám này có một người, mặt chỉ phớt qua một chút phấn hồng, trông hệt Vũ-nương

(1) — Trong bài văn bia ở đền thờ thần Nam-Hải, Hàn-Dũ nói rằng : Thần Nam-Hải ở trên cả các hải-thần, hà-bá tại các phương bắc, đông, tây, hiệu là Chúc-Dong 祝融. Đời Thiên-Bảo 天寶 nhà Đường (742-755), Thiên-Tử phán rằng : Theo cổ-tước thi Công, Hải là trên hết, nên việc thờ thần núi, thần biển cũng phỏng theo tước đó, hiện nay Vương cũng là tước mà việc phong sắc thi Sơn, Hải-thần vẫn theo tước Công, Hầu, còn tước Vương chỉ để hư-vị không dùng đến, thế là chưa tỏ được hết ý sùng-thượng thần-minh. Từ đó mới tôn phong sắc Nam-Hải-Thần lên là Quảng-Lợi-Vương.

(tức Vũ-thị-Thiết, vợ Trương-Sinh). Phan thường nhìn trộm, nhưng không dám nhận.

Tiệc tan, người ấy trách Phan-Lang rằng :

— Tôi với ông vốn cùng làng mạc, vừa mới cách mặt, đã ra người rung, sao ông vô tình đến thế ?

Bấy giờ Phan mới lĩnh ngộ biết đích là Vũ-nương rồi, liền gạn hỏi ngọn-ngành.

Nàng đáp :

— Khi trước tôi chẳng may bị người vu cho những chuyện xấu-xa, phải gieo mình xuống sông tự-tử. Quàn-tiên ở thủy-cung thương tôi vô tội, mở đường thủy-lộ, cứu cho khỏi chết. Nếu không thì thân đã chôn bụng cá, đâu còn được gặp ông nữa.

Phan-Lang nói :

— Nương-tử : nghĩa chẳng giống Tào-Nga 曹娥 (1), hờn khác xa Tinh-Vệ 精衛 (2), vì giận chồng mà gieo

(1) — Nàng Tào-Nga, đời Đông-Hán, người đất Thượng-Ngu 上虞, là con thầy đồng-bóng tên gọi Tào-Hãn 曹衍. Ngay mồng 5 tháng 5, Hãn uống rượu say, đứng trên thuyền mùa may, rủi té xuống sông chết, năm ấy Tào-Nga mới 14 tuổi, đi dọc theo mé sông kiếm thầy cha, suốt bảy ngày, đêm dòng-dã khóc không dứt tiếng, ma kiếm không được, nàng gieo mình xuống sông tự-tử. Sau ba ngày, nàng ôm được thầy cha mà nổi lên. Người làng cho là việc thần-kỳ, lập đền thờ nàng. (Văn-Uyên)

(2) — Con gái vua Viêm-Đế (họ Phục-Hy) vượt bể bị sóng đánh, chết đuối ngoài khơi. Sau hòa làm con chim Tinh-Vệ ngâm đá ở núi tây, quyết lấp cạn bể đông để báo cái thù đã làm mình chết đuối. Do tích này mà người ta thường lấy câu ngâm đá lấp biển để tỏ mối hờn sâu xa. (Theo Từ Nguyên)

minh xuống sông. Đến nay thấm-thoát đã một năm trời, chẳng lẽ lại không có lòng nhớ quê hương nữa sao ?

Vũ-nương nói :

— Tôi đã bị ruồng bỏ, đành già đời ở trong làng mây nước này, không muốn gặp mặt chồng nữa.

Phan-Lang nói :

— Tôi trộm nghĩ về phần tiên-nhân nương-tử : sản nhà dâu tốt thành rừng, mỡ-mả cây lên ngập mắt. Nương-tử dù chẳng nao lòng, nhưng tiên-nhân vẫn mong nhớ Nương-tử thì sao ?

Nghe tới đó, Vũ-nương châu rơi tầm-tã, biến sắc đôi gọng nói :

— Dễ thường tôi không thể ăn-dấu tông-tích được nữa, vì đã lâu ngày mắc vòng trần-tục. Lại nhớ câu : « Ngựa Hồ gầm gió bắc, chim Việt đậu cành nam » (1) mà xúc động can-trường, bất nhật tôi sẽ tìm về quê quán.

(1) — Ngựa Hồ sinh ở đất bắc, cho nên thấy gió bắc nổi thì hí lên vì nó nhớ đất cũ.

Chim Việt sinh ở đất Việt, cảm thụ khí âm-áp đã quen, cho nên khi sang xứ khác, khi đậu, tất đậu ở cành phía nam là phía có khí ấm hơn. (Theo Viên-Cơ). Theo sử nước ta, đời Hùng-Vương 雄 王 đem cống Trung-Hoa một con bạch-trĩ (chim trĩ trắng). Chim bạch-trĩ tìm nhánh cây ngô về hướng nam mới chịu đậu. Lại có tích : rợ Bắc-Hồ đem dâng Hán Vũ-Đế một con ngựa hay. Từ khi ngựa qua tới Hán, thì không ăn, bỏ uống ; đợi khi có gió bắc mới hí lên một cách buồn thảm. Theo nghĩa bóng thì thành-ngữ «Chim Việt ngựa Hồ» là nhớ cảnh, nhớ nước non. Có câu : Chim Việt ngựa Hồ ngo-ngào đó, Hươu Tàn yển Tà lạc-loài mô ? (Theo Thành-Ngữ Cô-Tích).

Sáng hôm sau, Linh-Phi lấy một cái khăn là sắc tía gói mười hạt minh-châu, sai Xích-Hồn Sứ-giã 赤鯉使者 (1), đưa Phan-Lang lên khỏi mặt nước, Vũ-nương cũng đưa gửi một chiếc hoa cánh bèo bằng vàng để làm kỷ-vật mà dặn :

— Nhờ ông về nói với Trương-Lang rằng : Nếu chàng còn nhớ chút tình xưa, thì nên lập một đàn giải oan bên sông, đốt cây đèn thần soi xuống nước, tự nhiên, tôi sẽ hiện lên.

Về đến nhà, Phan sang nhà Trương-Sinh thuật lại. Lúc đầu Trương còn không tin, nhưng khi trông thấy chiếc hoa vàng chàng mới kinh-hãi mà rằng :

— Đây quả là hoa vàng của vợ tôi đeo lúc ra đi !

Thế rồi, chàng theo lời lập một đàn-tràng ở bên sông Hoàng-Giang, cúng lễ suốt ba ngày đêm. Quả thấy Vũ-nương ngồi trong kiệu hoa đứng ở giữa dòng sông, có đến hơn năm mươi cỗ xe đi theo, cờ quạt phất-phới, chói lọi bên sông, lúc ẩn lúc hiện. Thấy nàng, Trương vội gọi, nhưng nàng vẫn ở giữa sông, nói vọng vào :

— Thiếp đội ơn đức Linh-Phi, đã thề ở cùng bà cho hết kiếp. Đa tạ lang-quân, thiếp chẳng thề trở về nhân-gian được nữa. Nói rồi thoát đã biến mất.

PHẦN BÌNH LUẬN

Những sự-kiện « giống như thực » thật là rắc rối : Nó dễ làm cho người ta mù thêm, mà khó làm cho người ta sáng-suốt. Cho nên, mẹ bậc đại-hiền, còn có

(1) — Hồn là một giống cá hay ăn cỏ, nên còn gọi là Thảo-ngư 草魚.

lúc quăng thoi ngò-vực (1) ; con nhà hàng xóm, mắc phải điều trộm búa khôn phân (2). Quả thực chở ý-dĩ đầy xe, mà Quang-Vũ 光武 sinh ngò lão-tướng (3) ; thoáng nghe câu « trói lại chọc tiết », đề Tào-Man 曹瞒 phải phụ ân-nhân (4). Việc nàng Vũ-Thị-Thiết cũng náná như thế. Nếu không được trời chứng-giám tắc thành, nước không gia hại, thì minh hương vóc ngọc đã chôn vùi bung cá đui sòng, dầu có được lại thông tin-tức đề đức trinh-thuần được bọc bạch ra nữa. Những kẻ làm chông, tưởng đứng nên đề giai-nhân hàm oan nhường này.

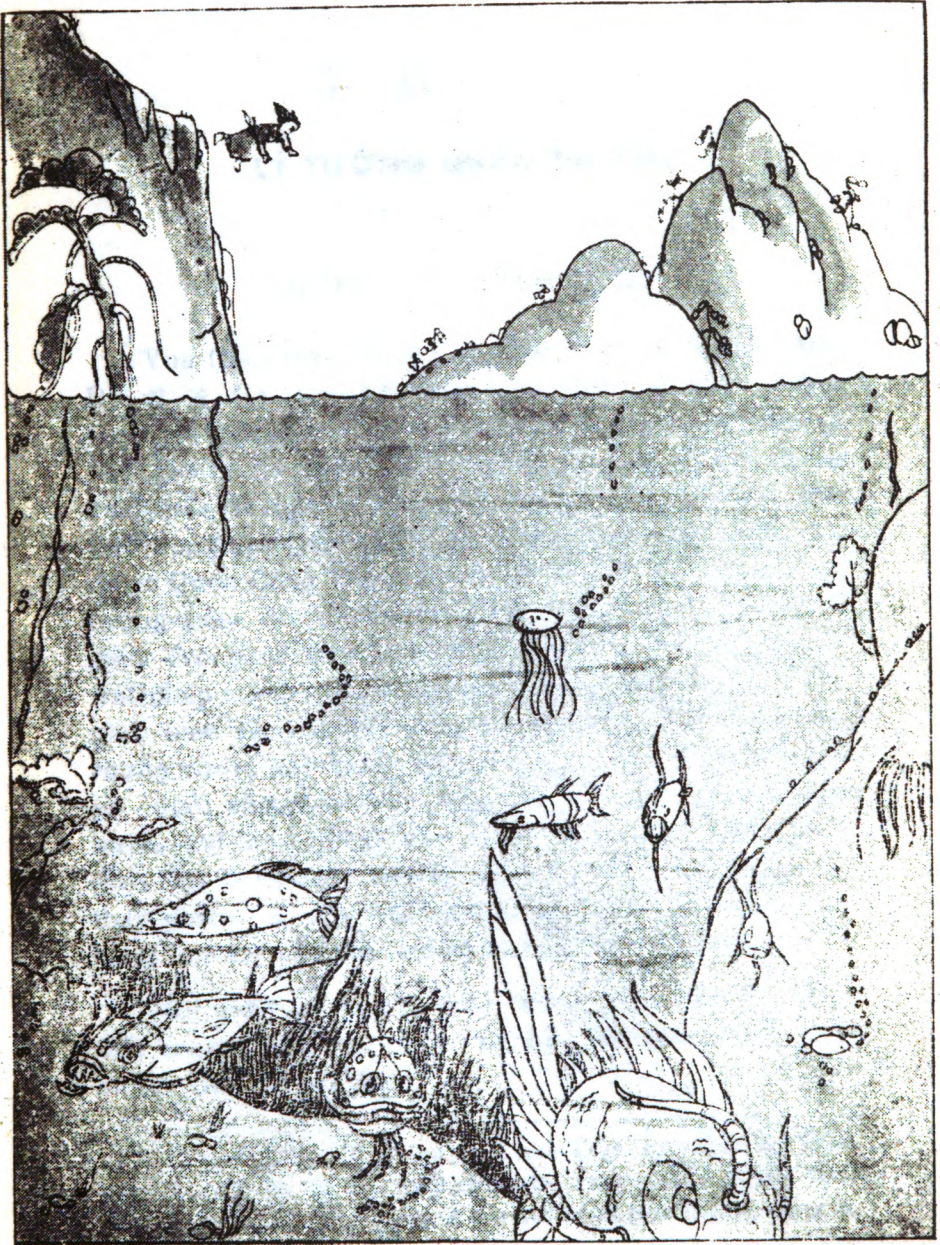
(1) — Chín a-Quốc-Sách chú : Nước Lỗ có kẻ trùng tên họ với bực đại-hiền Tăng-Sâm 曾參 giết người. Người ta tưởng chính ông, đến báo tin cho mẹ ông biết. Hai người đến báo, bà mẹ vẫn thản nhiên ngồi dệt cửi, vì tin là con mình không khi nào làm việc sát nhân. Nhưng khi có người thứ ba đến báo, bà cũng đăm ngờ con mà quăng thoi đứng dậy (Ngữ-Vận).

(2) — Người thầy bùa mất cái búa, ngờ cho đứa con nhà hàng xóm. Nhìn cách cử-động, ăn nói của nó, nhất nhất đều thấy tỏ ra là nó ăn trộm búa. Nhưng rồi lại tìm thấy búa, hôm sau lại nhìn đứa nhỏ đó, thì thấy cách cử-động của nó chẳng có cái gì tỏ ra nó lấy trộm búa cả. (Theo sách Liệt-Tử)

(3) — Đời Đông-Hán, Mã-Viện 馬援 sang lán nước ta, thích ăn ý-dĩ. Khi về Tàu, Viện chở một xe đầy ý-dĩ về. Sau Mã-Viện chết rồi, có người dâng thơ gièm Mã-Viện lên vua Hán Quang-Vũ là xe đó chở châu-ngọc và da văn-tê. Hán Quang-Vũ bưng-bưng nổi giận (Quang-Vũ Sử-Ký).

(4) — Tào-Tháo trốn nạn, đến nhà người bạn của cha là Lữ-Bá-Xa 呂伯奢. Bá-Xa sang tây-thôn mua rượu về thết. Tháo nghe sau nhà có tiếng mài dao, liền lên vào hậu-đường đề nghe động tĩnh, lại có người nói « trói lại mà giết ». Tháo xông vào, bắt luận đàn ông, đàn bà, giết cho kỳ hết. Vào đến trong vườn, thấy một con lợn trói đề đó. Trần-Cung báo Tháo : Thôi : ông giết lầm người tốt rồi! Bèn vội-vã kéo nhau đi, được vài dặm, bọn Tháo gặp Lữ Bá-Xa cười lừa đeo hũ rượu trở về. Tháo lại giờ dao chém luôn, đề khỏi lo về chuyện Bá-Xa báo thù. (Theo Tam-Quốc-Chí).

Truyện người con gái ở Nam-Xương



Tranh vẽ NGUYỄN

李將軍傳

LÝ TƯỚNG-QUÂN TRUYỆN

TRUYỆN LÝ TƯỚNG-QUÂN

Vua Giản-Định 簡定 nhà Hậu-Trần lên ngôi ở Mô-Độ 模渡 (1). Các hào-kiệt bốn phương, gần xa đều hưởng-ứng, chiêu-tập đồ-dảng làm quân cần-vương. Bấy giờ có Lý Hữu-Chi 李友之 ở Đông-Thành 東城 xuất-thân là người diên-phủ (làm ruộng) nổi lên, vốn tinh hung-tợn, nhưng có sức khỏe mà thiện-chiến. Lý được Quốc-Công Đặng-Tất 鄧悉 tiến-cử cho làm chức tướng-quân và sai lãnh một đạo hương-binh đi đánh giặc. Trong tay đã nắm quyền-hành, Lý dám ra làm điều trái phép : o-bế phường trộm cướp, thù ghét mặt văn-nho, ham sắc mê tài, lòng tham không đáy ; tậu lắm ruộng vườn, xây nhiều dinh-thự ; đào đồng-nội để làm ao, đui xóm-thôn cho rộng đất. Lý lại còn bắt sang huyện-hạt lân-cận lấy hoa thơm, đá lạ. Nhân-dân phục-dịch thật là vất-vả ; anh về em phải thế, chồng nghỉ vợ thay phiên. Ai nấy vai phồng, tay nát, cực nhọc vô-cùng, mà Lý vẫn thân-nhiên chẳng chút động tâm.

Một hôm có người thầy tướng đến cửa ăn mày, biết xem đường họa-phúc. Lý bảo lão xem tướng cho mình. Thầy tướng nói :

(1) — Hồ Quý-Ly chiếm ngôi nhà Trần. Con thứ vua Trần Nghệ-Tôn 陳藝宗 lên ngôi ở Mô-Độ (nay thuộc huyện Yên-Mô, Ninh-Bình) ngày 12 tháng 10 năm Đinh-Hợi (1407), xưng là Giản-Định-Đế.

— Không có gì lợi cho việc làm bằng lời nói thẳng, không gì chữa khỏi bệnh cho bằng liều thuốc đắng (1). Nếu ngài rộng cho, tôi xin nói hết, đừng vì nói thẳng mà mất lòng, khiến tôi phải dè-dặt, kiêng-ky mới được.

Lý nói :

— Được, cứ nói, không hề chi.

Thầy tướng nói :

— Điều thiện-ác tích lâu mới rõ, cơ báo-ứng chẳng chút sai-lầm, cho nên bàn lý trước khi luận số, tướng diện không bằng tướng tâm. Nay tướng-quân chỉ có bạo-tàn mà không nhân-đức, khinh người trọng của, mượn oai-quyền ngược-đãi sinh-linh, buông tham-dục lừng danh kiêu-hãn. Đã trái lòng trời, tất bị trời phạt, còn cách nào tránh tai-ương được nữa !

— Lý cười nói :

— Ta đây, đã sẵn binh-quyền, lại xây đồn-lũy, tay không rời kiếm-kích, sức lướt kịp phong-vân, Trời dù có giỏi, cũng phải tránh ta không kịp, còn giáng họa cho ta sao được ?

— Thầy tướng nói :

— Tướng-quân ý sức ngang-tàng, chưa thể lấy lời nói cho hiểu được. Tôi có chuỗi hạt châu nhỏ bé, trông vào

(1) — Bái-Công vào Quan-Trung thấy cung-thất nhà Tần đầy đủ màn-trướng, chó ngựa, châu báu và rất nhiều phụ-nữ, muốn đóng lại đó. Phàn-Khoái 樊噲 can ngăn và xin rút về Bá-Thượng 霸上, không nên ở lại, nhưng Bái-Công không nghe. Trương-Lương tâu : Lời ngay-thẳng trái tai nhưng lợi cho việc làm ; thuốc đắng khó uống nhưng chữa khỏi được bệnh, xin chúa-công nghe lời Khoái. Bái-Công bèn rút quân về Bá-Thượng. (Hán-Kỷ).

sẽ rõ cát hung, tướng-quân có muốn xem không ? Vừa nói vừa lấy chuỗi hạt châu trong tay áo ra. Lý đưa mắt nhìn xem thấy trong đó : nào lò lửa, nào vạc sôi, bên cạnh có những người đầu quý ghê-gớm, kẻ cầm thùng-chảo, kẻ cầm dao cưa, còn mình thì bị gông xiềng, bỏ lê đến bên vạc-dầu, nhón-nhác sợ-sệt. Lý hỏi có cách nào cứu được chẳng thì thầy tướng đáp :

— Góc ác đã sâu, mầm họa sắp nảy. Cái kế gấp-rút ngày nay là không gì bằng thái hết cơ-thiếp, phá bỏ vườn ao, trút hết binh-quyền, nương nhờ cõi phúc. Tuy chưa thể sạch hết tội được, cũng có thể giảm trong muôn một.

— Lý trầm-ngâm hồi lâu rồi nói :

— Thôi thầy đừng nói nữa. Tôi không thể theo kế ấy được. Có lý đâu lại vì lo cái vạ mai sau chưa chắc đã có, mà vội-vàng vứt bỏ những công-cuộc xoay-xở trong mấy năm trường đến lúc sắp thành công đi bao giờ ?

— Rồi từ đó, Lý càng thêm dảm-dật càn-dỡ, chém giết sừng tay. Bà mẹ Lý tức-giận bảo :

— Ham sống ghét chết, lòng người ai ai cũng vậy. Đạo trời sáng tỏ, sao một mình mày dám đa-sát đến thế được ? Không ngờ ta đến lúc tuổi già, lại phải nhìn thấy cái cảnh con bị hình-lục.

— Con trai Lý là Thúc-Khoản 叔 杲 cũng thường can-gián cha luôn, nhưng vẫn chẳng hối cải chút nào.

— Sau Lý chết ở nhà vào năm 40 tuổi. Người đi đường xôn-xao bàn-tán : «Người làm điều lành có khi phải bỏ mạng dưới gươm dao ; còn kẻ làm điều ác, lại

được chết toàn mạng ngay trong nhà. Không biết đạo Trời dẫu nhi ? »

— Trước đây có người cùng hạt là Nguyễn-Quý 阮達, tinh tình khảng-khải, lại chuộng khi-tiết, vốn chơi thân với Thúc-Khoản, nhưng chết đã ba năm rồi. Một hôm Thúc-Khoản đi chơi sớm, bỗng gặp Quý ở ngoài đường. Quý bảo Thúc-Khoản rằng :

— Sắp có việc tra hỏi phu-thân anh đó. Tôi vì tình quen thân đến báo cho anh biết trước. Nếu anh muốn đi xem, tối mai tôi cho người lại đón, anh xem sẽ rõ. Nhưng anh nhớ cho : xem rồi phải bưng kín miệng bình, một lời tiết-lộ ra là vạ tới tôi ngay đó. Nói rồi biến mất.

— Đến hẹn, Thúc-Khoản ngồi trong trai-phòng ngóng đợi. Tối nửa đêm, quả thấy mấy người đến đón, đưa tới tòa cung-diện lớn. Có vị Vương-giả đã ngồi trên điện. Người thị-lập dõng bèn đều giáp sắt, trụ đồng, tay cầm gươm đao, phủ-việt, hàng ngũ tề-chỉnh, oai-nghiêm.

— Một lát thấy bốn viên phán-quan từ dãy hành-lang mé tả rào bước đi ra, trong đó Nguyễn-Quý là một, đến đứng trước án, trong tay đều có bản tâu.

— Một viên phán-quan tuyên đọc :

— Vị quan tên Mỗ, ở trên trần-thế, giữ nét cương-cường, ngay thẳng, không sợ quyền-quý, càng cao tước-vị lại càng khiêm-cung, còn biết vì nước bỏ mình, làm rạng-rỡ cho quốc-gia. Thần cúi tâu bệ ngọc, xin cho y-viên dặng thành tiên.

— Một viên tâu :

— Ở nhà nọ có tên Mỗ, vốn tính tham-ô, người đến hỏi-lộ đầy nhà, lại cậy quyền-lộc, rở thói hợm đời, khinh người đức-độ, chưa từng cất nhắc hiền tài cho ra giúp nước, thần xin chuyển báo Nam-tào, tước bớt tuổi thọ.

— Một vị tâu :

— Ở châu kia, có người họ Hà gắng làm điều thiện, cặm-cui suốt ngày. Mới đây, sau cơn binh-lửa, nạn tạt-dịch hoành hành, y lại cho đơn cấp thuốc, cứu sống đến hơn ngàn người. Thần muốn tâu xin cho y được đầu thai cửa phúc, hưởng lộc ba đời, để đền ơn đã cứu sống nhiều người.

— Vị thứ tư tâu :

— Trong thôn nọ, có gã họ Đinh bắt mực với anh em, bắt hòa cùng tôn-tộc, bắt nạt lũ cháu thơ-đại, thay đổi chúc-thư để chiếm ruộng nương, khiến chúng không còn có chỗ cắm dùi (1). Thần tâu xin bắt gã ấy thác sinh vào nhà túng-đói, hèn-hạ, sống vất-vưởng bên ngoài, bờ lạch, để đền tội ác tranh-đoạt của người.

— Vương-gia đều chuẩn tâu.

— Kế đó, có người mặc áo lụa đỏ, từ bên hành-lang mé hữu đi ra. quỳ xuống tâu rằng :

— Tòà-sở do thần cai-quản, có tên Mỗ, họ Mỗ, ngang ngạnh bất-pháp, giam-cầm trong ngục đã một năm nay chưa kết án, thần xin đưa ra thỉnh mệnh trước Vương-đình.

— Tâu rồi tuyên-đọc bản văn hặc tội sau đây :

(1) — Ý nói không còn được tý đất-cát nào.

Nguyên văn :

伏聞：

1. 玄黃肇判分陽清陰濁之形
民物稟生有惡業善緣之異

2. 如斯種種
固可枚枚

3. 蓋：

天能以理賦人不能使人皆賢
聖能以身率性不能無性或昏
人明

4. 故：

有倚而不中
有流而為惡

5. 吉凶果之動判然北壯顯黃
因果之來必爾形聲影響

6. 顧此夫理本來是顯著惡
奈夫一人是顯著惡

7. 競起怒嗔
妄生物我

8. 煙河落井汨汨何深
塞壑填坑滔滔皆是
9. 幽沉至此
隕越堪憐
10. 此：
九天垂拔度之科將警迷而覺
十暗地具輪迴之獄欲戒往而懲
來
11. 過刑而之弗必悛至
12. 今李某：
蟲沙之質軀
13. 緯交時覆雨翻雲
萌心處妖精厲鬼
14. 視文學實同柶鑿
重貨財殆若丘山
15. 占人田類漢紅陽
縱虛殺殺邁隋楊素

16. 戕人扇禍較豺狼猛獸有加
縱欲窮奢雖溪壑丘山不足
17. 畢竟會心所使
真是奸人之雄
18. 盍寘嚴條
用懲來者

Phiên âm :

1. *Phục văn :*
Huyền-Hoàng triệu phán, phán dương thanh
âm trọc chi hình ;
Dân-Vật bầm sinh, hữu ác nghiệp thiện duyên
chi dị.
2. *Như tư chủng chủng,*
Cố khả mai mai.
3. *Cái :*
Thiên năng dĩ lý phú nhân, bất năng sử nhân
giai hiền thánh ;
Nhàn năng dĩ thân suất tính, bất năng vô tính
hoặc hôn minh.
4. *Cố :*
Hữu ý nhi bất trung ;
Hữu lưu nhi vi ác.
5. *Cát hung chi động, phán nhiên tẫn, mẫu, lý,*
hoàng ;

- Nhân quả chi lai, tất nhĩ hình, thanh, ảnh,
hưởng.
6. Cố thử lý bản lai hiên-trừ ;
Nại phù nhân nhất thị ngoan-ngu.
7. Cạnh khởi nô-sân,
Vọng sinh vật-ngã.
8. Yên hà lạc tỉnh, mịch-mịch hà thâm ;
Tắc tạm điền khanh, thao-thao giai thị.
9. U-trầm chí thử,
Vãn-việt kham liên.
10. Thử :
Cửu thiên thùy bát-độ chi khoa, tương cảnh
mê nhi giác ám ;
Thập-địa cụ luân-hồi chi ngục, dục giới vãng
nhĩ trường lai.
11. Quá nhi phát thuân,
Hình chi tất chí.
12. Kim Lý-Mỗ :
Trùng-sa chi chất,
Nghĩ-sắt chi khu.
13. Đê giao thời phúc-vũ phiên-vân ;
Manh tâm xừ yêu-tinh lệ-quý.
14. Thị văn-học thực đồng nhuế-tạc ;
Trọng hoá-tài đãi nhược khâu-son.
15. Chiếm nhân điền loại Hán Hồng-Dương ;
Túng ngược sát mại Tùy Dương-Tổ.

16. *Tường nhân phiến họa, hiệu sai-lang mãnh-thú
hữu gia ;*

*Túng đục cùng xa, tuy khê-hác khâu-sơn bất
túc.*

17. *Tất cánh tham-tâm sở sữ ;*

Chân thị gian-nhân chí hùng.

18. *Hạp trí nghiêm-điều.*

Dụng trờng lai-giả.

GIẢI-NGHĨA :

1. Kinh nghe :

Từ thuở bắt đầu phân ra sắc đen, sắc
vàng (1), đã chia hình-thể : khí dương trong
khí âm đục ;

Muôn dân và loài vật được trời sinh ra, khác
nhau ở chỗ người hưởng duyên lành, kẻ
cam nghiệp dữ.

2. Sự-trạng là như thế,

Có thể trình bày từng việc.

(1) — Sắc đen sắc vàng do hai chữ huyền-hoàng 玄黃 .
Kinh Dịch có câu «Phù huyền-hoàng giả, thiên địa chi tạp dã,
thiên sắc huyền nhi địa sắc hoàng 夫玄黃者天地之雜
也, 天色玄而地色黃». Nghĩa là : Nói đến huyền-hoàng
tức là nói lúc trời đất hãy còn hỗn-tạp ; trời sắc huyền (đen) mà
đất sắc hoàng (vàng). Bài của Dương-Hùng 揚雄 cũng có câu
«Huyền-hoàng phẩu phán 玄黃剖判». Nghĩa là sắc đen (trời),
sắc vàng (đất) tách riêng ra. Đại ý câu này là nói thuở khai
thiên lập địa.

3. Bởi lẽ rằng :
Trời chỉ lấy lý phải cho người, không có thể
khiến cho người thành thánh hiền cả được ;
Còn con người phải noi theo tính, nhưng tính-
tình không khỏi có kẻ sáng người ngu.
4. Vì thế mà :
Có kẻ thiên-lệch, không giữ đạo trung ;
Lại có người xoay-xở làm điều ác-nghiệp.
5. Mọi việc lành dữ, rõ-ràng như con đực, con
cái, sắc đen, sắc vàng (1) ;
Nhân-duyên, quả-báo, chẳng khác tiếng,
vang, hình, bóng.
6. Ngắm lẽ ấy vốn là rõ-rệt ;
Nhưng người đời thật đã ngoan-cổ, ngu muội.
7. Tranh đua nội lòng ghen tức ;
Càn-rỡ sinh chuyện tây-riêng.

(1) — Tàn Mục-Công 秦穆公 hỏi Bá-Nhạc 伯樂 : Khanh
già rồi, còn ai có thể tìm được ngựa tốt không ? — Nhạc tâu :
Cửu-Phương - Cao 九方皋 coi tướng ngựa còn giỏi hơn thần
nhiều. Mục-Công bèn sai Cao đi mua ngựa. Ba tháng sau, Cao về
trình là đã kén được ở Sa-Khâu 沙丘 một con ngựa cái, sắc
vàng. Đến khi cho người đi lấy ngựa thì lại là ngựa đực, sắc đen,
Tàn Mục-Công không bằng lòng, vời Nhạc đến bảo : Hồng rồi,
khanh ă ! Người khanh sai đi mua ngựa, màu sắc không biết,
được cái không hay, thì còn nói chi đến chuyện xem tính ngựa
nữa. — Nhạc tâu : Điều Cao xem giống như thiên-cơ vậy : biết
việc tinh-tế mà quên điều thô-sơ, trong rõ bên trong mà quên
bên ngoài. Quả-nhiên con ngựa đó là ngựa hay thật. (theo Văn-
Uyển)

8. Dim sông ngã giếng, dầm-duối càng sâu ;
Lấp hào vùi hố, đầy-dẫy khắp nơi.
9. Đắm chìm đến thế,
Trụy lạc càng thương.
10. Vì thế nên :
Chín tầng trời mở đường bạt-độ, dễ răn kẻ
u-mê, thức tỉnh người mờ tối ; (1)
Mười phương đất có ngục luân-hồi dễ răn kẻ
trước, khuyên người sau. (2).
11. Lỗi mà chẳng sửa,
Tội đến không sai.
12. Nay Lý-Mỗ :
Sâu-cát thân hèn (3),

(1) — Chín tầng trời là : 1) Uất-Thiên Vô-Lượng thiên 鬱單無量天 — 2) Thiên-Bồ Vô-Lượng Thọ-Thiên 禪菩無量壽天 — 3) Phạm-Giám-thiên 梵監天 — 4) Đâu-Suất thiên 兜率天 — 5) Kiêu-Lạc thiên 騎樂天 — 6) Hóa-Ứng-thiên 化應天 — 7) Phạm-bảo thiên 梵寶天 — 8) Phạm-Ma Gia-Di thiên 梵摩迦彌天 — 9) Ba-Lê Đáp-Thứ thiên 波黎答怒天 Mỗi tầng lại dẫn thêm 3 tầng nữa. Cả thảy là 36 tầng (Thiên-Trung Ký)

(2) — Dưới địa-phủ có mười điện gọi là Thập-Điện-Minh-Vương 十殿冥王 : 1) Tàn-Quảng Vương 秦廣王 — 2) Sơ-Giang Vương 初江王 — 3) Tống-Đế Vương 宋帝王 — 4) Ngũ-Quan Vương 伍官王 — 5) Diêm-La Vương 閻羅王 — 6) Biến-Thành Vương 變成王 — 7) Thái-Sơn Vương 泰山王 — 8) Bình-Chính Vương 平正王 — 9) Đô-Thị Vương 都市王 — 10) Chuyển-Luân Vương 轉輪王。

(3) — Sự-tích đã chú trong truyện Yêu-Quái ở Xương-Giang.

Kiến giun phận mọn.

13. Kết bạn thời tráo-trở như là bóng mây, cơn mưa ;
Trong tâm thời toàn những chuyện gớm-ghe như loài ma-quái.
14. Cõi đạo học như mộng tròn xả vương (1) ;
Trọng của-cải như núi như non.
15. Chiếm-đoạt ruộng người như Hồng-Dương đời Hán (2) ;
Giết mạng người hơn Dương-Tổ đời Tùy (3).
16. Hại người gieo vạ, so với hùm beo, thú dữ còn tệ hơn ;

(1) — Hán Cao-Tổ ngồi trên lưng ngựa lấy được thiên-hạ rồi, coi đạo học như là đồ bỏ, khác nào xả vương mà lỗ mộng tròn, không ăn khớp với nhau, không ích gì. (Tây Hán-Kỷ)

(2) — Đời Hán Thành-Đế 漢成帝 (32-7 trước công-nguyên), Hồng-Dương Hầu là Vương-Lập 王立 chiếm đất đê người khẩn ruộng cho mình rồi cho quan-tước, có đến mấy trăm mảnh ruộng tốt bán rất đắt. Sau có người phát-giác ra, Hồng-Dương Hầu bị cắt chức. (Theo Cương-Mục)

(3) — Đời Tùy Văn-Đế 隋文帝 (589-604), Dương-Tổ mỗi khi ra quân lại tìm kẻ làm-lỗi đem chém đầu hàng trăm người, máu chảy lênh-láng trong doanh-trại, mà Tổ vẫn cười nói như không. Đến khi giáp trận, đầu tiên Tổ cho vài trăm người ra đối địch, nếu không giữ vững được mặt trận quay chạy trở về là đem chém hết, lại sai vài trăm người khác tiến ra, nếu quay chạy về cũng lại bị giết. Tướng-sĩ thấy đều sợ-hãi, vì ai nấy đều cảm vững cái chết, mà phải đánh liều mạng, nên trận nào cũng thắng. Tổ được vua yêu, nói gì cũng nghe. Công nhỏ của Tổ cũng được ghi sổ, còn các tướng khác dù có công lớn, phần nhiều bị bọn văn-thư bỏ qua. Vì thế mà Tổ tuy tàn-nhân, tướng-sĩ vẫn lắm người xin theo. (Tùy Văn-Đế cương Mục).

Lòng ham muốn, nứt xa-xi, đến khe lạch, núi non còn kém.

17. Hết thấy đều bởi lòng tham xui khiến,
Thực là thủ-đoạn của kẻ gian-ngoan (1).

18. Xin khép nghiêm-hình,
Đề răn kẻ khác.

Dịch ra văn Tứ-lục :

1. Từ thuở khai thiên lập địa, đã phân hình âm
đục dương trong ;

Đến khi dựng vật sinh dân, đã khác nẻo duyên
lành nghiệp dữ,

2. Sự-tình xiết kể
Bày tỏ một hai.

3. Bởi lẽ rằng :

Lý kia trời phú cho người, người đâu thấy là
hiền, là thánh ;

Thân nọ người noi theo tính, tính vẫn còn hoặc
sáng hoặc ngu.

4. Cho nên :

Có lắm kẻ thiên-tư ;

Lại nhiều người gian-ác.

(1) — Mạnh Thường-Quân 孟嘗君 thời Chiến-Quốc nuôi khách, bất luận hiền ngu, không phân xấu tốt, trộm lộc vua để gây bè-đảng cho mình ; khoa-trương danh hảo, trên khinh-mạn nhà vua, dưới là sâu-mọt hại dân. Đó là thủ-đoạn của kẻ gian-hung, không nên bắt chước (Theo Chu-Sử)

5. Dữ lành việc trước, rõ như đực, cái, đen, vàng ;
Nhân quả duyên sau, giống hạt tiếng, vang, hình.
bóng.
6. Ngẫm lẽ ấy rất là rõ-rệt :
Song người nay thật quá ngoan-ngu.
7. Nồi tình hờn ghen,
Sinh lòng hơn thiệt.
8. Chìm sông ngã giếng, đắm-đuối càng sâu ;
Vùi hố lấp hào, toi-bời thế cả.
9. U-trầm quá đổi,
Truy-lạc đáng thương.
10. Vì thế nên :
Chín tầng trời bát-độ mở đường, thức-lĩnh
người mê-muội ;
Mười phương đất luân-hồi sẵn ngục, khuyê-n
răn kẻ trước sau.
11. Không sửa lỗi-làm,
Tất mang tội-vạ.
12. Nay Lỵ-Mỗ :
Thân hèn sâu-cát,
Phận mọn kiến-giun.
13. Kết bạn-bè tráo-trở mây mưa ;
Mang tâm-địa gớm-ghê yêu-quái.
14. Coi văn-học như ngàm-đổ lệch,
Trọng bạc tiền tựa núi non cao.

15. *Chiếm ruộng người tựa Hán Hồng-Dương ;
Giết sinh-mạng quá Tùy Dương-Tổ.*
16. *Gieo tai rắc vạ, so hùm beo lang sói khôn tày ;
Cực dục cùng xa, dù khe suối núi non chưa đủ.*
17. *Chỉ tại lòng tham thúc-đầy ;
Mà sinh thủ-đoạn gian-ngoan.*
18. *Phải khép trọng-hình,
Đề răn kẻ khác.*

— Tuyên đọc xong, thấy người lại-dịch giải Hữu-Chi ra, để nằm phục trước cửa, rồi lấy roi quất dữ-dội, máu tươi bắn ra nhầy-nhụa. Hữu-Chi giãy-giụa, rên-rỉ, đau không chịu nổi. Chợt trên điện có tiếng phán-truyền :

— Chia tòa giữ việc là chức-phận của lũ người. Có sao việc này bỏ bề-trễ hàng năm nay ?

— Người mặc áo đỏ tâu :

— Vì y tội ác đầy-dẫy, thần không dám luận tội một cách sơ-suất. Nên nay mới tâu trình ngự-đuyệt để nghiêm hình-pháp. Rồi tâu kể các tội sau đây :

— Y cướp bắt vợ người, hiếp-dâm con người, nên xử thế nào ?

— Diêm-Vương phán :

— Đó là y đắm chìm trong bể ái (1), nên lấy nước sôi rửa ruột, để lòng dục khỏi phát-sinh.

(1) — Kinh Phật có câu : Ái-hà thiên xích lãng, khổ hải vạn trùng ba ; dục miễn luân-hồi khổ, cấp-cấp niệm Di-Đà 愛河千尺浪，苦海萬重波；欲免輪迴苦，急急念彌陀。 Nghĩa là : Sông Yêu ngàn thước sóng, bể Khổ rộng bao la ; Luân-hồi như muốn tránh, kịp niệm phật Di-Đà.

— Tả hữu liền lời Hữu-Chi bỏ vào vạc nước sôi, mình-mẩy đều nát rữa ra. Nhưng đem nước thần vẩy vào, phút chốc lại trở lại lạnh-lạnh như người thường.

— Người mặc áo đỏ lại tâu :

— Y chiếm ruộng nương và phá-hủy tài sản của người, nên xử thế nào ?

— Diêm-Vương phán :

— Đó là vì tuổi tham chìm nó (1). Nên lấy lưỡi trùy-thủ (2) moi ruột, để lòng tham khỏi nổi dậy.

— Tức thời, tả hữu mổ bụng, moi hết phủ-tạng ra ngoài, rồi lại lấy nhánh dương sẽ phát, chỉ trong giây-lát, thân-thể lại nguyên- vẹn.

— Người mặc áo đỏ lại tâu :

— Đến như việc phá-hủy mồ-mả cổ-nhân, mất cả luân-thường với người ruột thịt, nên xử cách nào ?

(1) — Xưa tướng Nam-Việt là Lữ-Gia chừa đá ở sông đê ngăn quân Hán nên gọi sông đó là Thạch-Môn (ở phía bắc Phiên-Ngung, Quảng-Đông) Người già-cả đời xưa truyền lại rằng : nước sông Thạch-Môn-gọi là suối Tham. Uống nước đó, kẻ sĩ thanh-liêm cũng đổi ra lòng tham-lam. Ngô-Ân 吳隱 đời Tấn, bản-tính thanh-liêm, làm quan Thứ-Sử Quảng-Châu 廣州 (Quảng-Đông) uống nước sông Thạch-Môn rồi làm thơ rằng : Cổ-nhân vân : thử-thủy, nhất âm hoài thiên cảm (kim) ; thí sử Di, Tề âm, chung đương bất dịch tâm 古人云此水，一飲壞千金；試使夷齊飲，終當不易心。 Nghĩa là : Cổ-nhân nói : nước này, ai uống vào đều muốn có ngàn vàng ; thử lấy cho Di, Tề (Bà-Di Thúc-Tề) uống, tưởng suốt đời cũng không đổi dạ. Từ đó Ngô-Ân càng thanh-liêm hơn trước (Hán Vũ-Đế Cương-Mục).

(2) — Lưỡi dao ngăn, mũi giống hình cái thìa nên gọi là trùy-thủ 匕首 (Su-Cô 師古)

— Diêm-Vương trăm-ngâm hồi lâu rồi phán :

Đây là một sự bạo ngược vô-cùng, thì cho xử hình núi đao cây kiếm (1), nước đồng gây sắt cũng chưa vừa. Phải đem giam vào ngục Cửu-U (2), lấy dây da chằng đều, lấy dùi lửa đóng vào chân, cho chim cắt mổ vào ngực, rắn độc cắn vào bụng, trăm-luân khổ-ái, đời đời kiếp kiếp, không bao giờ thoát khỏi nữa. Quý sứ lại điệu Hữu-Chi đi.

Lúc đó, Thúc-Khoản đứng ở khe tường ngó trộm cơ-hồ phát khóc thất-thanh. Mấy tên quỷ vội lấy tay bưng miệng y lại đưa về, rồi từ trên không quăng xuống. Thúc-Khoản sợ quá, giật mình tỉnh giấc, thấy người nhà đang ngồi quanh mà khóc và kể lại là mình chết đã hai ngày rồi. Nhưng sờ ngực hãy còn thoi-thóp, nên chưa thu-liệm và mai-táng.

Thúc-Khoản liền bỏ cả vợ con, đốt hết văn-tự nợ, bỏ đi vào rừng hái thuốc tu-luyện. Câu chuyện này giữ kín không tiết-lộ cho ai hay. Chỉ có Thúc-Khoản và mấy người nhà được biết mà thôi, cho nên ít người biết mà truyền lại.

(1) — Đã chú-thích trong truyện Yêu-quái ở Xương-Giang.

(2) — Cửu-U là 9 địa ngục : 1) Vô-gian a-tuy địa-ngục 無間阿鼻地獄 — 2) Đao-Sơn Hỏa-Luân địa-ngục 刀山大輪地獄 — 3) Kiếm-Thụ Nhập-Hàn địa-ngục 劍樹入寒地獄 — 4) Nhập-Nhiệt Hỏa-Võng địa-ngục 入熱大網地獄。 — 5) Đò-Cát Thân-Ngâm địa-ngục 屠割呻吟地獄 — 6) Thiết-Sách Thiết-Thành địa-ngục 鐵索鐵城地獄 — 7) Thiết-Xa Thiết-Hoàn địa-ngục 鐵車鐵丸地獄 — 8) Thiết-Sàng hôi-hà địa-ngục 鐵林灰河地獄 — 9) Trăm-Chước Hắc-Ám địa-ngục 新斫黑闇地獄。

PHẦN BÌNH-LUẬN

Than ôi! Đạo Trời chí công, vô tư! Lưới Trời dẫu thưa mà chẳng lọt! Cho nên có người tuy lúc sinh thời không mang tai-vạ, nhưng chết rồi mới bị cực-hình. Chỉ có điều : tai-họa lúc sống đã không ai thấy, cực-hình lúc chết lại chẳng ai hay. Vì thế mà ở đời có nhiều loạn-thần tặc-tử. Vì thử, đề đời trông thấy thì dù có giục làm điều ác cũng chẳng ai dám làm. Thế mà Lý-Mỗ, mắt đã trông rõ còn cứ làm càn-dỡ, thì thật là hạng mặt sứa gan lim, không cần bàn đến vậy.



Truyện Lý-Tướng-Quân



麗娘傳

LÊ - NUƠNG TRUYỆN

TRUYỆN LÊ-NUƠNG

Nguyễn-thị-Diễm 阮氏瑛, vốn dòng họ cả ở huyện Đông-Sơn 東山, là em họ ngoại Trần-Khát-Chân 陳渴真, cùng Lý-thị, một thương-gia ở Cẩm-Giang 錦江 (Hải-Dương), đều mở tiệm bán phấn tại ngoài thành Tây-Đô 西都 (Thanh-Hóa). Hai nhà là chỗ xóm-diềng gần-gũi, đi lại với nhau ngày thêm thân-mật, nhưng đều chưa có con cái gì.

Một hôm, đến động Hồ-Công 壺公 (1) lễ thần cầu tự, Lý-thị bảo Nguyễn-thị :

— Chúng ta ở ngoài phố đã là chỗ quen thân, cả việc hôm nay cũng không hẹn-mà gặp. Vì bằng phải duyên hương-lửa, quyết cho con trẻ sau này thành bạn lứa-đôi, theo kiểu gả bán cho Trần-Bình 陳平, hà tất phải bắt-chước Thôi, Lư, Lý, Trịnh 崔, 盧, 李, 鄭 (2). Nói có sơn-thần chứng-giám, quyết chẳng sai lời.

(1) — Động Hồ-Công ở xã Thiên-Vực 天域 huyện Vĩnh-Phúc 永福.

(2) — Trần-Bình muốn lấy vợ, người giàu-sang không ai chịu lấy chàng. Trái lại, người nghèo hèn thì chàng lại không lấy. Sau một phú-gia là Trương-Phụ 張負 có cô gái gả chồng đã năm lần đều bị chồng chết, nên không ai dám hỏi cô ta nữa. Bình rắp-ranh lấy cô này. Trương-Phụ nói cho con trai là Trọng 仲 hay rằng mình muốn gả cô con cho Bình, thì Trọng chê Bình nghèo, không chịu-sinh cơ lập nghiệp. Phụ nói : « Con người mỹ-mạo như Trần-Bình không có lý chịu nghèo hèn mãi sao ». Rồi đem gả con cho Bình. (Văn-Uiên).

Đời vua Đường Thái-Tôn có bốn họ Thôi, Lư, Lý, Trịnh là cao-môn lệnh-tộc, mỗi khi gặp việc hôn-nhân lại yêu-sách nhiều tiền bạc. (Loại-Tự).

Sau, quả Nguyễn-thị sinh gái, đặt tên là Lệ-Nương
麗娘 Lý-thị sinh trai, đặt tên là Phật-Sinh 佛生. Đến
khi hai trẻ lớn khôn, chúng đều ham việc bút nghiên.
Vì lẽ đôi bên thân-mật, đôi trẻ cũng đi lại tự-do, thường
cùng nhau xướng-họa văn thơ. Tuy chưa làm lễ nghinh-
hôn mà tư-tình gắn-bó, chẳng khác chi đôi vợ chồng
vậy.

Niên-hiệu Kiến-Tân 建新 (Trần-Thiếu-Đế) năm kỷ-
mão (1399), xảy ra cái vạ Trần-khát-Chân (1). Lệ-
Nương bị bắt vào cung, Phật-Sinh rất là thất vọng. Đến
đêm trừ-tịch, cuối canh năm, Sinh còn đang ngủ, chợt
nghe có tiếng xôn xao, vội vùng dậy mở cửa ra xem
thì thấy hơn trăm kiệu hoa, rầm-rộ đi qua, Sinh nhìn
lên câu-lơn cửa đã thấy một bức thư viết vào mảnh
lụa giắt ở đó, xem ra chính là bút-tích của Lệ-Nương.

Thơ rằng :

Nguyễn-văn :

妻聞 :

1. 天有陰陽天道以之而備
人有夫婦人道以之而成
2. 嗟我何情
與君不偶

(1) — Hồi Hồ-Quy-Ly giết vua, cướp ngôi nhà Trần.
Thượng-Tướng-Quần Trần-Khát-Chân mưu giết Quy-Ly,
nhưng việc chưa thành đã bị bại-lộ, Lữ Khát-Chân đều bị giết
sạch. Đàn bà con gái có họ với Khát-Chân đều bị bắt làm tỳ-
thiếp. (Quốc-Sử).

3. 昔時心事久已相聞
 今日此離翻成永感
4. 竟落樓前之影
 長城院裡之春
5. 每怕：鸞鶴
 鏡舞離列
6. 春城日暮柳斜寒食東風
 流水水御溝腸斷上陽宮女
7. 但有：種種
 幽愁淚波波
8. 悵笑宿此願生之
 多遠度
9. 柳氏重歸之約
 好會難期
 玉蕭再合之緣他生未卜
10. 願君自愛媒
 別歸良日
11. 無以一日之恩
 而誤一百年之計

12. 悠 悠 心 緒
書 不 盡 言
13. 未 得 鈞 旨
先 此 申 覆

Phiên Âm :

Thiếp văn :

1. Thiên hữu âm-dương, thiên-đạo dĩ chi nhi bị ;
Nhân hữu phu-phụ, nhân-đạo dĩ chi nhi thành.
2. Ta ngã hà tu ?
Dĩ quân bất ngẫu.
3. Tích thời tâm-sự, cửu dĩ tương quan ;
Kim nhật ty-ly, phiên thành vĩnh cảm.
4. Cảnh lạc lâu tiền chi ảnh ;
Trường giam viện lý chi xuân.
5. Mỗi phạ :
Kính vũ lý loan,
Cầm thao biệt hạc.
6. Xuân-thành nhật-mộ, liễu tà hàn-thực đông-phong ;
Lưu-thủy Ngự-câu, trường đoạn Thượng-dương cung-nữ.
7. Đăn hữu :
U-sâu chủng chủng,
Thanh-lệ ba ba.

8. *Trương túc-nguyên chi đa vi ;
Tiểu thử-sinh chi lãng độ.*
9. *Liễu-thị trùng-qui chi ước, hảo-hội nan kỳ ;
Ngọc-Tiêu tái-hợp chi duyên, tha-sinh vị bốc.*
10. *Nguyễn quân tự ái,
Biệt đế lương môi.*
11. *Vò dĩ nhất nhật chi ân ;
Nhĩ ngộ bách niên chi kế.*
12. *Du-du tâm tự,
Thư bất tận ngôn...*
13. *Vị đắc quân-chỉ,
Tiền thử thân phúc.*

GIẢI NGHĨA :

Thiếp tôi nghe rằng :

1. Trời có khí âm, khí dương, đạo trời do đó mà được hoàn-bị ;
Người ta có chồng có vợ, đạo người do đó mới nên.
2. Thương mình vì dầu ?
Chẳng được cùng chàng vẹn lứa đôi.
3. Tâm-sự ngày xưa, từ lâu có mối tương-quan ;
Ly-biệt bữa nay, chuyển thành mối sầu vĩnh-viễn.

4. Trước lầu bóng đã rơi mất,
Trong viện xuân bị giam-cầm.

Những e :

5. Gương chiếu ánh chia loan (1) ;
Đàn vang cung biệt-hạc (2).

6. Thành Xuân bóng chiều, tiết hàn-thực (3), liễu

(1) — Vua nước Kế-Tân 尉 賈 nuôi một con chim loan, muốn cho nó hót, làm đủ cách trong ba năm mà nó vẫn chẳng chịu hót tiếng nào. Phu-nhân nói : loan có thấy đồng-loại mới hót. Bèn đem gương treo trước mặt nó. Loan thấy hình trong gương tưởng đồng-loại đến, quả-nhiên cất tiếng hót rất ai-oàn một đêm rồi chết (Theo Viên-Cơ).

(2) — Chàng Mục-Tử ở Thương-Lăng 商 陵 lấy vợ đã năm năm mà chưa có con. Cha mẹ chàng muốn lấy vợ khác cho chàng. Người vợ hay tin, đương đêm khóc-lóc rất thảm-thiết. Chàng Mục-Tử cảm-thương làm ra khúc hát biệt hạc có câu rằng :
Trương quai tị-dục hề cách thiên-đoan, sơn-xuyên du-viên
hề lộ man-man, lăm khâm bất mị hề thực vong xan 將 乘 比
翼 兮 隔 天 路 , 山 川 悠 遠 兮 路 漫 漫 , 攬 衾 不 寐
兮 食 忘 餐 . Dịch : Lia cảnh từ đây chừ, cách bèn trời,
núi sông diệu-vợi chừ, đường xa vơi, ôm chăn trần-trọc chừ,
ăn quên mùi. (Văn-Uiên).

(3) — Hàn - thực là tiết mừng ba tháng ba âm - lịch. Ngày xưa trong ngày tết này cấm khói lửa, chỉ ăn đồ nguội, cho nên gọi là hàn-thực, đề truy-niệm Giới-Tử-Thôi 介 子 推 , một công-thần nước Tấn trong thời Chiến-Quốc, đã tòng-vong công-tử Trùng-Nhĩ 重 耳 . Có lúc đói quá không có gì ăn, Tử-Thôi cắt thịt đùi mình nấu để dâng chúa ăn đỡ đói. Khi Trùng-Nhĩ về nước làm vua hiệu là Tấn-Văn-Công, lại quên mất công Giới-Tử-Thôi. Sau có người tìm cách khéo-léo nhắc Tấn-Hầu. Tấn-Hầu cùng bọn tùy-tùng đi tìm Tử-Thôi để báo ơn. Tử-Thôi không chịu ra, công mẹ vào ăn trong rừng Miên-Thượng. Tấn-Hầu nghe lời cận-thần, hạ lệnh đốt rừng để Tử-Thôi phải chạy ra. Nhưng mẹ con Tử-Thôi vẫn không chịu ra, ôm nhau ngồi chết cháy ở trong rừng. (lược theo Thành-Ngữ Điền-Tích). Về sau ngày Hàn-Thực thành lễ vui chơi. Theo truyện Tiên-Hiên 先 賢 傳 , ở Tinh-Châu 并 州 ăn tiết hàn-thực trong một tháng mùa đông. Lại có chỗ nói : Sau tiết đông-chí 105 hay 106 ngày, có mưa to gió lớn, ngày đó là tiết hàn-thực.

lả cảnh trước ngọn gió đông (1) ;

Nước chảy ngòi Ngự, khiến người cung-nữ
trên điện Thượng-Dương (2) phải đứt ruột (3).

7. Luống những :

Mối sầu thăm kín dài dằng-dặc.

Mạch lệ chan-hòa.

8. Đã xót duyên xưa bao lỡ-dở,

Lại nực cười kiếp này ưởng-phí.

(1) — Hàn-Hoành đời Đường Đức-Tôn (780-804) có câu thơ : Xuân-thành vô xứ bất phi hoa, hàn-thực đông-phong ngự-liễu tà 春城無處不飛花，寒食東風御柳斜. Nghĩa là : Khắp thành Xuân, không chỗ nào là không có hoa bay ; ngày hàn-thực, gió đông thổi, cây liễu trong vườn ngự lả cành. (Thượng-Hữu-Lục).

(2) — Cung Thượng-Dương nay thuộc huyện Lạc-Dương, tỉnh Hà-Nam.

(3) — Chuyện Cố-Hướng 顧况 đời Đường bắt được trên ngói, Ngự một chiếc lá cây đồng có đề bài thơ rằng : Nhất nhập thâm-cung lý, niên-niên bất kiến xuân ! hoàn bằng nhất phiến diệp, ký dữ hữu-tình nhân. 一入深宮裡，年年不見春。還憑一片葉，寄與有情人。 — Dịch nghĩa : Đã vào trong chốn cung vi, năm năm còn có thấy gì là xuân. Lá thư mượn gửi đôi vắn, Hữu-tình với khách hồng quần là ai ? Cố-Hướng cũng lấy lá viết bài thơ sau đây thả xuống ngói Ngự : Hoa lạc thâm-cung loan diệp bi, Thượng-Dương cung-nữ đoạn trường thi. Để-thành bất cảm đông lưu thủy. Diệp thượng đề thi ký dữ thủy ? 花落深宮鸞亦悲，上陽宮女斷腸時，帝城不棄東流水，葉上題詩寄以誰 ? Dịch là : Thâm-cung loan thăm lúc hoa rơi, đề khách cung-phí dạ ai-hoài. Dòng Ngự để-đỏ còn chảy mãi, Lá thư tâm sự gửi cho ai ? (Văn-Uyển)

9. Ước hẹn như Liễu-Thị (1) còn trở về, nhưng
khó mà gặp dịp ;
Còn chuyện Ngọc-Tiêu tái-hợp nhân-duyên(2),
kiếp sau chưa rõ (3).
10. Xin chàng bảo-trọng lấy thân,
Kết mối lương-duyên chỗ khác.
11. Đừng vì một chút ân-tình,
Đề lỡ mất kế trăm năm.

(1) — Tích Liễu-Thị sau lại trở về với Hàn-Hoành đã chú-thích trong truyện người Nghĩa-phụ ở Khoái-Châu.

(2) — Vi-Cao 韋皋 đời Đường thuở nhỏ qua chơi Giang-Hạ 江夏, có mối tình khăng-khít với Khương-Ngọc-Tiêu. Lúc chia tay, Vi có hẹn nàng : chóng thì năm năm, chầy là bảy năm sẽ trở lại đón, để lại tặng cho nàng một cái nhẫn ngọc và một bài thơ. Sau bảy năm Vi không đến, Ngọc-Tiêu nhịn ăn mà chết. Vi được tin, rất đổi thương tâm, khắc kính tô tượng để đáp nghĩa nàng. Đêm, Vi mơ thấy Ngọc-Tiêu đến bảo rằng : Đa tạ ơn chàng, thiếp xin đi thác-sinh lên trần để làm nàng hầu. Sau Vi làm đến chức trung-thư-lệnh, nhân ngày làm lễ sinh-nhật, các trăn-thuộc đều đem tiến quý-vật rất nhiều, duy trăn Đông-Xuyên 東川 dâng một người con hát cũng tên là Ngọc-Tiêu, ngón tay giữa có một vòng thịt giống hệt hình chiếc ngọc minh tặng ngày trước. (Thiên-Trung-Ký)

(3) — Lý Thương-Àn 李商隱 đời Đường làm bài Mã-Ngôi-thi 馬嵬詩 có câu : Hải-ngoại đờ văn cánh cửu châu, tha sinh vị hốc thử sinh hưu 海外徒聞更九州, 他生未卜此生休 — Dịch là : Ngoài biên nghe đồn có chín châu, Kiếp sau chưa biết kiếp này âu. Đây là nói Dương Quý-Phi 楊貴妃 chết rồi, sau lại cùng Đường Huyền-Tôn 唐玄宗 kết làm vợ chồng trên đảo Bồng-Lai, việc đó chưa rõ có hay không, còn kiếp này thế là hết rồi (Theo Đường-Thi Cờ-Xúy 唐詩鼓吹) .

12. Tâm-sự còn dài,
Thơ không nói hết.
13. Chưa biết tôn-ý thế nào,
Xin gởi chàng trước bức thư này.

Dịch ra văn tứ-lục :

Thiếp nghe rằng :

1. Trời có âm-dương, luật tạo-hóa mới mong
hoàn-bì,
Người vì chồng vợ, đạo nhân-luân do đó
vuông-tròn.
2. Phận thiếp hãm-hiu,
Cùng chàng lỡ-dở.
3. Tâm-tình buổi nọ, khăng-khít bấy lâu ;
Ly-biệt hận này, đắng-cay vô hạn.
4. Trước lầu bóng đã rơi đầu mắt ;
Trong viện xuân còn để đó giam.
5. Những bản-khoản :
Gương rọi ánh ly-loan,
Đàn vang cung biệt-hạc.
6. Thành xuân bóng xế, ngày hàn-thực liễu lá
trước nồm đông ;
Khe Ngự nước xuôi, cung Thượng-Dương,
người dứt từng khúc ruột.

7. *Chỉ những :*
Mối sầu chông-chất,
Mạch lệ chứa-chan.
8. *Đã đau lòng duyên trước lỗ-làng,*
Lại cười nỗi kiếp này ường-phí.
9. *Nguyễn-ước trùng-phùng Liễu-thị, dịp tốt*
khôn mong ;
Nhân-duyên tái-hợp Ngọc-Tiêu, kiếp sau
nào biết.
10. *Xin chàng bảo trọng,*
Kiểm chốn xe duyên.
11. *Xá chi một buổi tình chung ;*
Đề lỗ trăm năm việc lớn.
12. *Còn nhiều tâm-sự,*
Thơ chẳng hết lời.
13. *Tôn ý chưa hay,*
Mấy lời thưa trước.

Sinh được thơ lại càng thương xót, bỏ ngũ quên ăn. Sau thấy hôn-sự hỏng rồi, liền dời chỗ ở sang miền đông. Vì nặng tình với Lệ-Nương, chàng chưa chịu lấy ai.

Cuối đời nhà Hồ, tướng nhà Minh là Trương-Phụ 張輔 chia quân vào lấn cướp, chiếm đóng kinh-kỳ (1).

(1) — Tháng 9 năm Bình Tuất (1406), nhà Minh sai Phó-Tướng Trương-Phụ lĩnh 40 vạn quân phạt ai Pha-Lũy 坡里關. Tháng 12 năm ấy, quân Minh vào tới Đông-Đô (Hà-Nội) cướp bóc con gái, châu-ngọc, lụa-là. (Quốc-Sử).

Sinh nghe tin Hán-Thương 漢倉 phải bỏ thành mà chạy (1), đoán chắc là Lệ-Nương cũng bị đem đi theo, bèn từ-biệt mẹ vào nam, mong được gặp mặt. Lặn-lội hàng tuần mới đến cửa bể Thân-Phù, lại được tin tướng giặc Lã-Nghị 呂毅 cướp mấy trăm phụ-nữ, đóng ở phủ Thiên-Trường, hiện lâm vào thế cô, không quân tiếp-viện, Sinh đoán hẳn Lệ-Nương có ở trong đó. Nhưng tay không ở chốn quê người, không làm cách nào được. May vừa gặp khi vua Giản-Định dẫn quân ở châu Trường-An, nhưng vì quân mình ít không thể địch lại với quân giặc quá nhiều, muốn lui về giữ Nghê-An. 乂安. Sinh muốn mượn thế quân nhà vua, đánh úp để cướp lại Lệ-Nương, bèn đến trước ngựa dâng một bài sách đại lược như sau :

Nguyên văn :

1. 臣聞：
拯漢成功固因興運
禦戎得策實本廟謨
2. 故攻人必審於致人
而破敵當明乎料敵
3. 昨者：
胡朝失御
吳子生心
4. 韓觀乘孤托之威螞爭遠微
沐晟運鷓張之惡蜂螫郊畿

(1) — Hồ-Hán-Thương bỏ thành chạy vào tháng 5 năm Đinh-Hợi (1407).

5. 致轉 今作 百數 餘十 年合 安紛 樂孥 之之 區地
6. 析骸 粉骨 供為 鑿根
7. 沿河 據郡 之之 億四 萬方 生豪 靈傑 誰咸 無有 切戰 齒心
8. 必方 須建 撥扶 亂顛 宏偉 材績
9. 情奮 今陳 大家 王之 不圖 造回 之之 兵寇 之之 勢功 方張 可必
10. 持當 二五 千道 不莫 滿疆 從復 而而 以以 迹師
11. 雷霧 方如 望何 固宜 招留 鄧肇 悉基 於於 演漢 州渡
12. 方如 望何 固宜 招留 鄧肇 悉基 於於 演漢 州渡
13. 固宜 招留 鄧肇 悉基 於於 演漢 州渡

14. 海道犀舟勁棹直抵平灘
步軍長轂高鋒徑趨賊子
15. 或命將以扼木丸之口
或分兵以撞古弄之城
16. 鯁賊牙於白鶴灣頭無令轉食
植椿木於慢廚津尾用過奔波
17. 陸勿容方執之車
水莫共長江之險
18. 夜則燃芻相接
晝則抱鼓相聞
19. 西都之形勢既張
東土之藩維自固
20. 將見：應
韓攻則趙衛孤
從合則衛孤
21. 我轉戰而無前師行席上
彼扶傷而不服敗在眼中
22. 縱猶豫而孤疑
恐狗嗅而鼠竄

23. 時難再得
王請勿疑

24. 伏望：
樹漢之旗
反唐之旆

25. 吾軍霆擊倘同時合力以併攻
彼虜天亡將匹馬隻輪之不返

Phiên âm :

Thần văn :

1. *Chĩnh hoán thành công, cố nhân hưng vận ;
Ngự nhung đặc sách, thực bản miếu mô.*
2. *Cố công nhân tất thâm ư trí nhân ;
Nhi phá địch đương minh hồ liệu địch.*
3. *Tạc giả :
Hồ-triều thất ngự,
Ngô-tử sinh tâm.*
4. *Hàn-Quan thừa hồ thác chi uy, oa tranh
viễn-khiếu ;
Mộc-Thanh sinh trương chi ác, phong thích
giao-kỵ.*
5. *Trí linh bách dư niên an-lạc chi khu ;
Chuyền tác sở thập hợp phân nó chi địa.*

6. *Tích hải cung thoán,
Phấn cốt vi lương.*
7. *Duyên hà chi trư vạn sinh - linh, thù vô thiết
xỉ ?
Tứ quận chi tứ phương hào kiệt, hàm hữu
chiến tâm.*
8. *Tất tu bát loạn hoành tài,
Phương kiến phù điền vĩ tích.*
9. *Kim Đại-Vương :*
*Phấn Trần-gia chi bất tạo ;
Phấn Hạ-lữ dĩ đồ hồi.*
10. *Trì nhị thiên bất mãn chi binh ;
Đương ngũ đạo mạc cường chi khấu.*
11. *Lôi oanh điện xé (xiết), tông thiên chi thế
phương trương ;
Vũ lãng vân thanh, phục thổ chi công khả tất.*
12. *Phương vọng hoàn đồ nhi trắc tích ;
Như hà ngộ địch dĩ ban sư ?*
13. *Cố nghị :*
*Chiêu Đặng-Tất ư Diển-Châu ;
Lưu Triệu-cơ ư Mò-Độ.*
14. *Hải-đạo tề chu kính trạo, trực đề Bình-Than ;
Bộ-quân trường cốc cao phong, kính xu Hàm-
Tư.*

15. *Hoặc mệnh tướng dĩ át Mộc-Hoàn chi khâu ;
Hoặc phân binh dĩ chàng Cờ-Lộng chi thành.*
16. *Ngạnh tắc-nhà ư Bạch-Hạc loan đầu, vô linh
chuyển thực ;
Thực trang mộc ư Mạn-Trù tân vĩ, dụng át
bốn-ba.*
17. *Lục vật dụng phương quỹ chi xa ;
Thủy mạc cộng Trường-giang chi hiểm.*
18. *Dạ tắc nhiên số tương tiếp ;
Trú tắc phù cở tương vấn.*
19. *Tây-Đó chi hình-thể ký tương ;
Đông-thở chi phiên-duy tự cố.*
20. *Tương kiến :
Hàn công tắc Triệu trng ;
Tung hợp tắc Hành cô.*
21. *Ngã chuyển chiến nhi vô tiền, sự hành tịch
thượng ;
Bỉ phù thương nhi bất hạ, bại tại nhân trung.*
22. *Tùng do-dự nhi hồ-nghi ;
Khủng cầu tiêu nhi thử thoán.*
23. *Thời nan lái đắc,
Vương thỉnh vật nghi.*
24. *Phục vọng :
Thụ Hán chi kỳ,
Phản Đường chi báí.*

25. Ngạc quân đình kích, thắng đồng-thời hợp lực
dĩ tinh công ;

Bỉ lỗ thiên vong, tương thất mã chích luân
chi bất phản.

GIẢI-NGHĨA :

1. Thần trộm nghe :

Cứu được cảnh nghiêng-dỗ, dành nhân có
thời-vận ;

Chống giặc đặc sách, thực gốc ở mưu-mẹo
chốn miếu-đường.

2. Cho nên : muốn đánh người phải biết như
người (1) ;

Mà phá giặc phải tỏ-tường bề liệu sức giặc.

3. Mối dây :

Nhà Hồ sụp đổ.

Quân Ngô sinh lòng.

(1) — Tôn-Tử 孫子 nói: kẻ thiện-chiến phải dụ địch đến,
chứ đừng để địch dụ mình đi, vì dụ địch đến thì mình được
nhân-hạ, mà để địch dụ mình đi thì mình mệt-nhọc. Tỉ như
Cảnh-Yêm 耿弇 sai chặt cây, phao ngọn là đề lấp hào sang
đánh Cự-Lý, cốt nhử cho Trương-Bộ 張步 đến rồi đánh tan.
(Vũ-Kinh 武經)

4. Hàn Quan như cáo mượn oai thiêng (1) oa tranh bờ cõi (2) ;

Mộc-Thạnh giương cái dũ con cú-mèo, nhờ chuyện ong đốt chốn kinh-kỳ (3).

5. Làm cho khu-vực yên vui hơn trăm năm nay ;
Biển thành đất nước mấy mươi nơi rối loạn.

6. Chè xương làm củi đun,

(1) — Hàn-Quan lãnh tướng-sĩ và 40 vạn quân vào xâm-lấn nước ta tháng 4 năm Bình-Tuất (1406) (Quốc-Sử). Phương ngôn có câu «Cáo mượn oai hùng» là nói mượn thế người khác để đi nạt người. Vua Sở hỏi quần thần : Phương bắc sợ Chiêu-Hề-Tuất 昭 其 恤 như thế nào ? — Giang-Ất tâu : «Có con hùng bắt được con cáo. Cáo bảo hùng : Người chớ ăn thịt ta. Trời sai ta xuống làm anh cả các giống thú. Chả tin thì người để ta đi trước, người theo sau mà xem sẽ rõ, thế rồi hai con cùng đi. Các giống thú trông thấy hùng đều chạy trốn. Hùng không biết là chúng sợ mình mà lại ngỡ là sợ cáo thật. Phương Bắc ngày nay có sợ là sợ quân nhà Vua, chứ có sợ gì Chiêu-Hề-Tuất». (Chiến-Quốc-Sách 戰 國 策).

(2) — Oa đây là con oa-ngru (sên), một loài côn-trùng nhỏ có hai sừng. Kinh Nam-Hoa 南 華 chú : Họ Man. 蠻 và họ Xúc 觸 ở hai sừng con oa-ngru cũng đánh nhau để tranh giành đất-cát. Hán-việt tự-điền cũng chú : oa-giác vì danh 蝸 角 微 名 (cái danh nhỏ xíu) là nói khí-cục nhỏ bé.

(3) — Niên-hiệu Nguyên-Gia 元 嘉 (Hán Hoàn-Đế 漢 桓 帝) năm đầu (151) có bọn thảo khấu hơn trăm tên ở quận Kiến-An 建 安 vào quận-lỵ cướp bóc tài-sản, bắt-bớ con gái lại chực vào kho vơ-vét của quý. Quận-Công có nuôi ong để riêng một nơi, lúc giặc đang phá cửa, thì có đến mấy vạn con ong mật xông ra đốt. Đám giặc thân-thể đau nhức, mắt sưng húp không mở ra được, đành bỏ hết đồ-đạc mà chạy lầy người.

Tán xác làm lương ăn (1).

7. Hàng ức vạn sinh-linh rỏ duyên-giang, ai không nghiêng răng cắn giận ?

Hào-kiệt bốn phương giữ các quận huyện, thấy đều muốn đánh.

8. Phải có những bậc tài cao đẹp loạn,

Mới lập được kỳ-công trong khi thế nước chông-chênh.

9. Nay Đại-Vương :

Ôm mối hận nhà Trần gặp cơn chuân-bĩ,

Phấn-khởi lòng quân nhà Hạ (2) để mưu đồ khôi-phục.

10. Cầm toán quân chưa được hai ngàn,

Đương đầu với năm đạo binh giặc không ai mạnh bằng.

(1) — Lỗ Tuyên-Công 魯宣公 năm thứ 14 (595 trước Công-nguyên) tháng 9, quân Sở vây quân Tống; người nước Tống sợ hãi. Vua Tống sai Hoa-Nguyên 華元 đang đêm lên vào trại Sở, đến tận giường Tử-Phản 子反 lay dậy mà nói rằng : «Chúa công tôi sai tôi sang cho lão-gia hay về tình-trạng đau thương bên tặc-quốc: dân phải đói con dê ăn thịt, chẻ xương khô làm củi đun; tuy nhiên cuộc minh-thệ dưới chân thành, dù chết cả nước cũng đành chịu, không thể theo được. Lão-Gia có chịu lui binh ra ngoài ba mươi dặm thì bảo sao chúng tôi cũng xin theo». Tử-Phản cả sợ, ước hẹn lui binh. Đoàn tàu Sở-Vương lui binh ra ngoài ba mươi dặm. Thế rồi hai bên giao-ước bãi binh (Tả-Truyện).

(2) — Vua Thiếu-Khang 少康 (2079-2058 trước Công nguyên) nổi quân trung-hưng co-nghịệp nhà Hạ.

11. Sấm vang chớp giết, phải làm như thế mạnh
tự lung trời mới buông ra (1) ;
Mù sáng mây quang, việc lấy lại đất-cát có
cơ thành-tựu.
12. Đã rắp mong trở về kinh-kỳ gây lại nghiệp cũ;
Có sao thấy giấc lại rút quân lui ?
13. Tướng nên :
Voi Đặng-Tất ở Diên-Châu sang (2) ;
Lưu Triệu-Cơ ở lại Mô-ĐỘ (3).
14. Đường bề thì dùng thuyền bèn chèo cứng, đến
thẳng Bình-Tham (4),

(1) — Chu-Á-Phu đời Hán hỏi đánh nhau với bảy nước, đem quân từ Huỳnh-Dương 滎陽 đến Bá-Thượng 霸上 Triệu-Thiệt 趙涉 ngăn lại nói: «Sao tướng quân không đem quân đi về phía hữu, qua Lam-Điền 藍田 ra ải Vũ-Quan, rồi đến Lạc-Dương, vào thẳng Vũ-Khố 武庫. Có thể thì chư-hầu nghe tin mới hoảng hồn, tướng chừng như tướng-quân tự trên trời sa xuống (Tây-Hán kỷ).

(2) — Đặng-Tất người xã Đông-Thành 東城 phủ Diên-Châu, lại có chỗ nói Đặng-Tất là người huyện Hải-Lăng 海陵 phủ Triệu-Phong 峯豐 (Thuận-Hóa). Hồi quân Minh sang xâm-lấn, Vua Giản-Định nhà Trần đi đánh phương nam. Tất nghe tin, đem quân đến góp sức, phá giặc ở đất Bô-Cò, 逋姑 tiếng-tâm lừng-lẫy, được vua phong tước Quận-Công (Quốc-Sử).

(3) — Trần Triệu-Cơ người phủ Thiên-Trường, xứ Sơn-Nam (Quốc-Sử).

(4) — Sông Bình-Tham còn gọi là Bàn-Tham 盤灘 hay Bài-Tham 排灘 ở huyện Chí-Linh (Hải-Dương) là hợp-lưu sông Xương-Giang 昌江 và sông Thị-Kiều-Giang 市橋江 chảy tới hai rặng núi Chí-Linh và Phủ-Lại 普賴 thì thành một khu mòng-mềnh bát-ngát ; đến cửa sông Đờ-Lỗ 徒魯 lại chia làm hai chi-lưu mà đổ ra biển.

Quán bộ thi xe lớn giáo dài, thẳng tới cửa
Hàm-Tử (1).

15. Hoặc sai tướng chẹn cửa Mộc-Hoàn (2) ;

Hoặc chia binh đánh thành Cờ-Lộng (3).

16. Ngăn-chặn đường tiếp-tế lương-thực ở đầu
vũng Bạch-Hạc (4) ;

Đem cọc đóng ở cuối bến Mạn-Trù (5) không
để giặc tháo chạy.

17. Đường bộ không đề cho xe địch đi sóng đôi,
Dưới nước không chọi địch chia hiềm của
Trường-Giang (6).

(1) — Cửa Hàm-Tử nay thuộc xã Hàm-Tử 鹹載 huyện
Đông-An 東安 phủ Khoái-Châu.

(2) — Cửa Mộc-Hoàn ở xã Mộc-Hoàn, huyện Tiên-Phong
先豐 phủ Tam-Đới 三帶 (Sơn-Tây).

(3) — Thành Cờ-Lộng ở xã Cờ-Động 吉峯 huyện Thanh-
Liêm 靑廉 phủ Ly-Nhàn 離仁 (Hà-Nam).

(4) — Vũng Bạch-Hạc ở sông Bạch-Hạc, huyện Bạch-Hạc,
tỉnh Vĩnh-Yên 永安.

(5) — Bến Mạn-Trù ở xã Mạn-Trù, huyện Đông-An, phủ
Khoái-Châu, Hưng-Yên.

(6) — Trương-Chiều 張昭 nói với Tôn-Quyền 孫權 « Sở-dĩ
Tướng-Quân mà chống được Tào-Tháo 曹操 là nhờ thế hiềm
sông Trường-Giang. Nay Tháo lấy được Kinh-Châu 荊州 tức là
chia mất thế hiềm sông Trường-Giang với ta rồi » (Tam-Quốc).

18. Đêm thi đốt cỏ liên-tiếp (1),
Ngày thi thúc trống vang tai (2).
19. Hình-thế Tây-Đo đã tiến-triền,
Bờ-cối Đông-Thỏ tự-nhiên bền vững.
20. Sẽ thấy rằng :
Hàn bị đánh thì Triệu ứng-cứu,
Thế « TUNG » kết hợp được thì thế « HÀNH »
bị tan (3).
21. Ta chuyên đánh không kẻ dám đương, quân
dường đi trên chiếu trái (giải) ;
Giặc cứu nguy không kịp, thất-bại trông thấy.
22. Nếu mình còn do dự (4) hồ-nghĩ ;
Lẽ rằng chó xua, chuột chạy.

(1) — Trương-Tề-Hiền 張齊賢 đời Tống làm quan ở Đại-Châu 代州, rợ Khất-Đan 契丹 đến xâm-lấn, Trương liền sai hai trăm quân, mỗi tên mang một lá cờ và một bó cỏ. Cờ cắm rải-rác một quãng đường dài ba mươi dặm, rồi đốt lửa lên. Khất-Đan nhìn thấy ánh lửa sáng có cờ xí la-liệt, cả-sợ, đang đêm kéo quân trốn chạy. Trương đuổi đánh phá tan quân địch (Tống-Sử).

(2) — Điền-Đan 田單 nước Tề, đánh nước Địch 狄 ba tháng không hạ được thành, sau nghe lời Trọng-Liên 仲連 tự mình ra trước trận thúc trống liền đánh, ba quân ai nấy hăm-hở cố đánh, thế là hạ được. (Chu Noãn-Vương 周赧王 kỷ).

(3) — Tô-Tần 蘇秦 thời Chiến-Quốc đi du-thuyết sáu nước (Yên, Triệu, Hàn, Ngụy, Tề, Sở) liên-kết lại gọi là thế «liệp-tung» để chống Tần. Trái lại, Trương-Nghi 張儀 bày ra kế «Liên-hành» liên-kết sáu nước lại để thờ Tần.

(4) — Do và Dự là hai giống thú, có tính đa nghi. Về sau tiếng «do-dự» để chỉ người làm việc ngàn-ngừ, không quả-quyết.

23. Dịp tốt khó có hai lần,

Xin nhà Vua đừng nghi-ngờ gì nữa.

24. Cúi mong :

Dựng cờ nhà Hán (2),

Trở biển nhà Đường (3).

25. Quân ta đánh bất thình-linh, đồng thời các nơi
hợp lực tiến công ;

Giặc kia trời bắt diệt-vong, một con ngựa, một
cỗ xe không còn mà trở về

Dịch ra văn tứ-lục :

Thần trộm nghe :

1. *Cứu đặng cơ nguy, vẫn tùy thời-vận.*

Đánh lui quân giặc, cốt có muru-mô.

2. *Nên đánh người cần biết cách như người,*

Mà phá giặc phải sành bề liệu giặc.

3. *Mới đây :*

Hồ vừa mất nghiệp,

Ngó đã sinh lòng.

4. *Hàn-Quan kia cáo mượn oai thiêng, sên giành*

bờ-côi.

(2) — Hàn-Tin 韓信 đánh Triệu, dùng kỹ-binh nhỏ cờ
Triệu, dựng cờ Hán lên (Tây-Hán sử).

(3) — Đường Túc-Tôn 唐肅宗 (756-762) thu quân ở Linh-
Vũ 靈武 trở cờ tiến về phía đông đánh An Lộc Sơn 安祿山
(theo Đường-Sử).

Mộc-Thạnh nọ điều giương mỏ dừ, ong đối
kính-kỳ.

5. *Khiến cho khu-vực ngoài trăm năm trong cảnh
yên-vui ;
Biến thành bờ-cõi mấy mươi đoạn làm vòng
điều-dừng.*
6. *Chẻ xương làm củi,
Tán xác làm lương*
7. *Rẻ duyên-giang یر van sinh-lĩnh, nghiêng răng
cầm giặc ;
Khắp châu-quận bốn phương hào-kiệt, đốc chỉ
tiêm cứu.*
8. *Muốn về-vang trước cuộc phò nguy ;
Phải thao-lược trong cơn dẹp loạn.*
9. *Nay Đại-Vương :
Buồn vận Trời gặp cơn truân-bĩ ;
Nỗi quân Hạ tính cuộc trùng-hưng.*
10. *Cầm nghĩa-binh chưa đủ hai ngàn,
Chống cường-khẩu có thừa năm đạo ;*
11. *Sấm vang chớp giật, tự lưng trời thể mạnh
tung ra ;
Mù tạnh mây quang, dồn mặt đất công cao
thu lại.*
12. *Đã ráp về kinh xây nghiệp cũ,
Có sao gặp giặc rút quân lui.*

13. *Tướng nên :*
Qua Diển-Châu, Đặng-Tất triệu về ;
Giữ Mộ-Độ, Triệu-Cơ lưu lại.
14. *Dưới nước thuyền bèn chèo cứng, thẳng tới*
Bình-Than ;
Trên đường xe rộng gươm dài, tất sang
Hàm-Tử.
15. *Lại chia quân đánh thành Cỗ-Lộng ;*
Cùng sai tướng chặn cửa Mộc-Hoàn.
16. *Đầu sông Bạch-Hạc đặt quân canh, cản đường*
tiếp-tế ;
Cuối bến Mạn-Trù đem cọc đóng, ngăn lối
tháo lui.
17. *Bộ chớ dung xe địch sóng hàng ;*
Thủy không để quân thù chia hiềm.
18. *Đêm đốt lửa hồng liên-tiếp ;*
Ngày khua trống trận vang-lừng.
19. *Thanh-thế Tây-Đô nổi bật lên ;*
Phên rào Đông-Thổ bền vững lại.
20. *Phải trông gương :*
Hàn nguy nhờ Triệu cứu,
« Tung » lập tất « hành » tan.
21. *Nếu mình chuyển thế bất ngờ, tiến binh*
mau-lẹ ;
Hắn giặc trở tay không kịp, thua trận rõ-ràng.

22. *Vi còn bụng ngại lòng nghi ;
E đề chó xua chuốt chạy.*
23. *Thời-cơ khôn gặp-gỡ,
Thánh-Chúa chó nghi-ngờ.*
24. *Cúi mong :
Cờ Hán dựng lên,
Biên Đường quay lại.*
25. *Thế nhường sét đánh, ta đồng-thời hợp lực
tấn-công ;
Trận tựa ngói tan, địch mảnh giáp khôn bề
toàn-vẹn.*

Bài Sách dâng lên, vua Giản-Định khen là kỳ-diệu, cấp cho năm trăm quân, sai đi đánh phủ Thiên-Trường. Sinh khảng-khái tuyên lời thệ-sự, đem việc khôi-phục nghiệp Trần ra đề hiệu-dụ. Ba quân nghe xong thấy đều hăm-hở nức lòng. Ngay hôm ấy, nhân nước triều lên, đang đêm tiến đánh. Quả nhiên Lã-nghị phải nhờ trại chạy trốn, lui lên phía bắc, đóng trại trên sông Xương-Giang. Sinh phá luôn trận nữa, giặc lại phải lui lên giữ Bắc-Nga 北 城 thuộc Lạng-Sơn. Sinh đóng quân án-ngũ tại Qui-môn-Quan 龜 門 關, điều-động tải lương-thảo đến.

Bồng Yên-Kinh 蓬 京 (Tàu) có chiếu ban-sự. Trương-Phụ đốc-suất ba quân sắp-sửa lên đường kéo về. Bản-tâm của Sinh là vì việc tìm vợ mà đến đây, không có chí lập công-danh, nên khi nghe quân Tàu sắp rút về, liền cùng các tướng-sĩ chia tay từ-biệt. Rồi ngay chiều hôm đó vào trạm Bắc-Nga, nhưng nhà trạm vắng tanh,

không có ai đề dò tin. Chợt thấy một bà lão đi qua, Sinh đón hỏi thì bà ta cau mày nói :

— Đây là chỗ ba quân mới đóng, sát khí còn đầy, Trời sắp tối rồi, chàng ở đâu đến đây, còn chưa tìm chỗ trọ ?

Sinh buồn-rầu kể rõ sự-tình, và ý định đến đây làm gì.

Bà già nói :

— Tội nghiệp ! Quả có người họ tên và trạc tuổi như người chàng nói đó, nhưng chẳng may nàng đã oan-thác rồi.

Sinh hỏi lại đầu đuôi thì bà già nói :

— Trước đây năm hôm, quân Tàu sắp rút, nàng Nguyễn-thị ấy có nói với hai vị phu-nhân họ Chu và họ Trịnh rằng : « Bọn ta tám thân bồ-liễu, chút phận hồng-nhan, gặp phải buổi nước mất nhà tan, trời-giật đến đây. Nay mà theo họ sang bên kia quan-ải, tức là non nước quê người, sao bằng chết vùi, chết dập, khe ngòi bờ lạch còn được gàn-gũi quê-hương, chẳng hơn sang làm cô-hồn đất Bắc ». Thế rồi mấy người đều tự-tử. Tướng Tàu thương là những người có tiết-tháo, làm lễ an-táng tại chốn sơn-đầu.

Kể xong, bà già đưa Sinh đến, trở từng ngôi mã cho biết và bảo :

— Trinh-thuần cương-liệt duy có mấy người này thôi, ngoài ra đều bị ô-nhục cả.

Nghe đoạn, Sinh bắt giắc bật tiếng khóc rống lên. Đêm hôm ấy, chàng ngủ trên mã Lệ-Nương, khóc mà than rằng :

— Tôi vì nàng lặn-lội tới đây, nàng có thể cho tôi gặp-gỡ trong lúc chiêm-bao đề cùng nhau có đôi lời an-ủi được chăng?

Đến nửa đêm, Sinh quả thấy Lê-Nương lững-thững đi đến, khóc-lóc mà tự-sự rằng :

Nguyên văn :

- 妾 ；
1. 出 自 凡 流
過 蒙 厚 遇
 2. 緣 未 諧 於 錦 帳
分 已 薄 於 春 冰
 3. 時 與 志 而 俱 違
妾 辭 君 而 遠 逝
 4. 朱 樓 有 恨 幾 對 斜 暉
青 鳥 無 媒 誰 將 來 信
 5. 悵 容 光 之 減 舊
度 歲 月 以 偷 生
 6. 誰 料 ；
赤 嘴 歌 殘
紅 顏 禍 起
 7. 燕 兵 胡 騎 莫 過 侵 陵
禁 柳 宮 花 幾 愁 攀 折

- 8. 悵 殘 軀 之 多 誤
 嗟 厄 運 之 重 遭
- 9. 始 不 能 全 節 以 從 夫
 終 又 忍 甘 心 而 降 虜
- 10. 寄 隻 身 於 萬 死
 度 一 日 如 三 秋
- 11. 涉 水 踰 山
 備 艱 嘗 險
- 12. 將 隨 緣 而 苟 合 則 狼 子 難 馴
 欲 出 塞 以 遠 征 則 狐 丘 易 感
- 13. 是 以 ：
 不 貪 生 活
 不 怕 拘 囚
- 14. 冷 落 燈 前 魂 隨 戰 鼓
 倉 黃 客 裡 命 寄 羅 巾
- 15. 今 則 ：
 靈 性 雖 存
 殘 骸 非 舊

16. 愧良人之遠訪
撫任事以長嗟

17. 敢述幽懷
幸垂知悉

Phiên-âm :

Thiếp :

1. Xuất tỵ phạm-lưu,
Quá mộng hậu-ngô.
2. Duyên vị hải tr cảm-trương ;
Phận dĩ bạc tr xuân-băng.
3. Thời dữ chí nhi câu vi ;
Thiếp tì quân nhi viễn thệ.
4. Chu-lâu hữu hận, kỷ đối tà-huy ;
Thanh-điều vô mối, thùy lương lai tín ?
5. Trương dung-quang chỉ giảm cự ;
Độ tử-nguyệt dĩ thâu sinh.
6. Thùy liêu :
Xích-Chủ ca tàn ;
Hồng-nhan họa khởi.
7. Yên binh Hồ ky, mạc át xâm-lãng,
Cấm liễu cung hoa, kỷ sàu phan-chiết.

8. *Trương tàn-khu chi đa ngộ ;
Ta àch-vạn chi trùng tạo.*
9. *Thủy bất năng toàn liết dĩ lòng phu ;
Chung hựu nhữn cam tâm chi hàng lộ.*
10. *Kỳ chích thần ư vụn tử ;
Độ nhất nhật như tam thục.*
11. *Thiếp thủy du sơn.
Bị gian thường hiểm.*
12. *Tương tùy duyên nhi cần hợp, tắc lang-lữ
nan thuận ;
Dục xuất lai dĩ dao chinh, tắc hồ-khâu dĩ cảm.*
13. *Thị dĩ :
Bất tham sinh-hoạt,
Bất phạ cầu-lũ.*
14. *Linh-lạc đấng tiền, hồn tùy chiến-cổ ;
Thương-hoàng khách-lý, mệnh ký la-cân.*
15. *Kim tắc :
Linh-tinh tuy tồn,
Tàn-hải phi cư.*
16. *Quý lương-nhân chi viễn-phông,
Phủ vãng-sự dĩ trường ta.*
17. *Cảm thuật u-hoài,
Hạnh thùy tri tất.*

GIẢI NGHĨA :

1. Thiếp tôi :
Vốn dòng-dõi tầm-thường,
Được gặp chàng thật là quá hậu.
2. Duyên chửa dầm-thắm nơi màn gấm ;
Phận đà tan-rã như băng-giá ngày xuân (1).
3. Thời cùng chi đều lữ-dở ;
Thiếp già chàng dễ di xa.
4. Lâu son ôm hận, bao phen đổi cảnh tà-dương;
Chim xanh (2) không mới-lái, ai kể đưa tin.
5. Đau lòng dong-nhan đã kém xưa ;
Lần-lữa tháng năm trộm sống.
6. Ai tưởng :
Con đỏ-mỏ (3) khúc hát đã tàn,
Má hồng còn mang vạ.

(1) — Lạnh quá, nước đóng lại thành băng-giá. Băng-giá gặp tiết xuân ấm-áp lại tan ra thành nước. Câu này nói việc hôn-nhân chưa thành đã phải ly-tán như băng-giá ngày xuân.

(2) — Tịch chim xanh đã chú-thích trong truyện Từ-Thức lấy vợ Tiên.

(3) — Tháng ba năm Giáp-Tuất đời Trần Thuận-Tôn (1394) đức Thượng-Hoàng Trần Nghệ-Tôn năm chiêm-bao thấy vua Dụ-Tôn về đọc bài thơ trong có câu «Trung-gian duy hữu Xích-Chủy hầu, ân-cần tiếm thượng Bạch-kê». Đức Thượng-Hoàng chiết tự xem biết chữ miệng đỏ ứng vào Hồ Quý-Ly muốn cướp ngôi. (Quốc-Sử). Câu Xích-Chủy ca tàn là ý nói nhà Hồ mất, má-hồng lại bị vạ khác.

7. Quân Yên (Tàu), ngựa Hồ kéo sang, khôn ngăn
cuộc xâm-lấn này,
Hoa và Liễu nơi cung-cấm, mấy phen bị vịn-
bể cay-dắng (1).
8. Đau lòng một mảnh thân tàn gặp nhiều lần
lỡ-dở ;
Thở-than vận-ách chông-chất mãi lên.
9. Trước đã không thể vẹn tiết theo chông ;
Sau lại nở cam tâm hàng giặc.
10. Gửi chiếc thân vào nơi muôn thác ;
Qua một ngày xem bằng ba thu.
11. Lặn suối trèo non,
Trái gian nếm hiểm.
12. Muôn ép duyên toan bãi cầu-hợp, lại e lang-
sói hung-tàn ;
Muốn qua ai đi xa, lại cảm nỗi cáo chết quay
đầu về núi (2).
13. Cho nên :
Chẳng ham sinh-sống,
Không sợ ngục-tù.

(1) — Câu này nói trong nước bị giặc-già xâm-lấn, các phụ-nữ trong cung-cấm, bị hiếp trọc đau-dớn.

(2) — Thái Công 太公 được phong ở Quân-Khâu (?) liên-tiếp năm đời, đều đem về táng ở đất Chu. Cổ nhân có câu: «cáo chết quay đầu về núi» là nhân. (Lễ-Ký 禮記).

14. Lạnh-lẽo trước đèn, hôn theo trống trận ;
Bàng-hoàng dất khách, mạng gửi khăn là.
15. Nay thời :
Linh-tính dầu còn,
Thẻ-xác dầu có như xưa.
16. Thẹn cùng chàng lặn-lội đến đây thăm,
Nghĩ chuyện cũ luống những thở dài.
17. Dám bày tỏ khúc-nhôi.
Xin chẳng chừng giám cho.

Dịch ra văn tứ-lục :

1. Thiếp vốn :
Dòng họ tâm-thường,
Đội ơn hậu-đài.
2. Tình chữa mẫn-nồng nơi trướng gấm ;
Phận đà tan-rã mảnh băng xuân.
3. Thiếp cùng chàng hai ngã sảm-thương,
Thời với chí đòi đường lữ-dở.
4. Ôm hôn lâu lía, lặng ngắm chiều tà ;
Vắng bóng chim xanh, khôn mong tin lại.
5. Tê-lái dung-quang kếm cũ,
Lần-lữa tuế-nguyệt cho qua.
6. Nào hay :
Mỏ đỏ hết thời,
Mà hồng mang vạ.

7. Yên, Hồ, người ngựa, một chuyến xăm-lãng ;
Hoa, Liễu cấm cung nhiều phen xơ-xác.
8. Đã xót thân tàn lăm-lỡ mãi ;
Lại rầu vắn xúi đuổi theo hoài.
9. Trước không hay trọn tiết theo chồng ;
Sau lại nở cam tâm hàng giặc.
10. Mệnh bạc gói vào muôn thác ;
Ngày dài xem tựa ba thu.
11. Lặn tuổi trò non,
Trải nguy rấn hiểm.
12. Toan ép duyên cầu-thả, ngại sói rừng nết từ
khôn thuần ;
Muốn qua ải lênh-đênh, nhớ cáo chết đầu quay
lại núi.
13. Cho nên :
Không ham sinh-sống,
Chẳng sợ giam-cầm.
14. Lạnh-lẽo trước đèn, hồn theo trống trận ;
Bàng-hoàng dậm khách, mạng gởi khăn là.

Nay thì :
15. Linh-tính dấu còn,
Tàn-hài đã mất.
16. Luống thẹn lòng chàng đeo-đẳng ;
Thêm buồn chuyện cũ thờ than.

17. *Giải-lở khúc-nhời,*
Mong người soi thấu.

Hai vợ chồng ái-ân, trò chuyện như lúc còn sống.

Sinh hỏi :

— Chẳng may nàng đã thác đi, vậy đề tôi đưa linh-thần về quê, cho khỏi uổng một chuyến đi không về rồi.

Nàng nói :

— Đa tạ tấm tâm-tình ấy, biết lấy chi báo-đáp. Song thiếp cùng hai vị mỹ-nhân gần-gũi lâu ngày, tình giao-kết đã nèn thân-mật, không nỡ một sớm xa-rời. Huống chi ở đây : núi khe tươi đẹp, mây khói lững-lờ, thần yên phách ổn, bất-tất phiền chàng di-chuyển nữa.

Đến lúc canh gà dờn-đập, hai người vội-vàng trở-dậy từ-biệt. Hôm sau, Sinh đem mấy lạng bạc, mua quan-tài và nước ngũ-vị cải tạng cho nàng cùng hai vị mỹ-nhân. Đêm hôm sau, Sinh mộng thấy cả ba hiện về tạ ơn ; chàng đang muốn giữ lại đề cùng trò chuyện, thì cả ba người đã biến mất.

Sinh buồn-bã ra về, sau cũng không lấy ai nữa. Đến khi vua Lê Thái-Tổ dấy binh ở Lam-Son 藍山, Sinh vì mối thù cũ chưa trả, đem quân ứng-mộ, hễ gặp tướng-sĩ nhà Minh đều chém giết hết cho hả giận. Việc dẹp quân Tàu thuở ấy, Sinh cũng góp công phần lớn vậy.

PHẦN BÌNH-LUẬN

Than ôi ! chữ tín rất gần chữ nghĩa, vậy nói lời phải giữ lấy lời. Nếu điều nghĩa chưa ổn, thì lời hứa lại không cần giữ đúng.

Chàng họ Lý kia, vì mối ân-tình, giữ bền ước cũ, đầu gặp bước lưu-ly hoạn-nạn, vẫn chẳng quên lời ước hẹn, tình thật đáng thương, nhưng nói về điều-nghĩa thì chưa được ổn. Tại sao vậy ?

— Nếu vì cảm tình mà đi tìm thì nên, liều chết mà đi tìm thì không nên. Hướng chi lại không lấy vợ nữa, đề tuyệt dòng-dõi tổ-tiên, liệu có nên không ?

Cho nên người quân-tử phải biết tòng quyền, không nên chấp nhất. Giữ được điều nhỏ để mất nghĩa lớn, chẳng là gã Lý-Sinh này ru ?

Truyện Lệ-Nương



Tranh vẽ **NUYÊN**

金華詩話傳

KIM-HOA THI-THOẠI TRUYỆN

CUỘC BÌNH-LUẬN THƠ Ở KIM-HOA

Ở huyện Kim-Hoa có vị nữ-sĩ họ Ngô 吳 tên gọi Chi-Lan 芝蘭 (1) là nội-tướng giỏi một vị tiên-sinh họ Phù 符. Nàng đã chữ tốt văn hay, lại càng sở-trường về mặt thi-ca.

Đức Thuần Hoàng-đế 淳皇帝 (Thành-Tôn) triều Lê (1460-1497) mến tài học rộng, triệu nàng vào cung để dạy cung-nhân. Mỗi khi nhà vua đi dự yến-tiệc, nàng lại được mang 觚 cò (2) đứng bên châu-chực. Hễ vua truyền làm thơ là nàng vâng mệnh làm được ngay ; văn thơ nàng không ai có thể sửa được một chữ nào. Nàng mất năm ngoài bốn mươi tuổi, táng ở nội Tây-Nguyên 西原.

Cuối đời Đoan-Khánh 端慶 (1505-1508), có một người học trò là Mao-Tử-Biên 毛子編 đến kinh-sur du học đã lâu ngày, nhớ nhà, về thăm quê ở huyện Đồng-Hỷ 同喜, Thái-Nguyên. Trên đường về, phải đi qua huyện Kim-Hoa, bỗng gặp cơn mưa gió, cách xa

(1) — Nàng Ngô Chi-Lan người xã Phù-Lỗ 扶魯, huyện Kim-Hoa, xứ Kinh-Bắc, nay là huyện Kim-Anh, tỉnh Phúc-Yên (福安).

(2) — Cò: cái bình rượu hình lục lăng hay hình bát-giác. Cò đây là cái biển hay cái thẻ bằng tre xưa dùng để viết chữ, vì thế nên người viết lách khinh-xuất gọi là « Suất nhĩ thao cò 率爾操觚 » (Hán-Việt Tự-Điền).

làng-mạc, trời lại sập tối, Tử-Biên đưa mắt nhìn về phía nam, thấy thấp-thoảng ánh đèn, bèn rảo bước tới; đến nơi thấy mấy gian nhà cổ, xung-quanh cây-cối um-tùm, tre-pheo rậm-rạp. Chàng bí quá, đành vào xin ngủ nhờ, nhưng người canh cổng không cho. Chàng nhìn vào phía trong thấy một ông cụ già ngồi trên ghế mây, bên cạnh là một mỹ-nhân, hài cườm trâm ngọc, có vẻ một bậc phi-tần. Mỹ-nhân nói với ra bảo người canh cổng :

— Canh khuya đêm vắng, trời lại mưa gió tối-tăm, người ta vào xin ngủ nhờ, người còn cự-tuyệt không cho, thì để họ đi đâu bây giờ ?

Nghe chủ-nhân nói vậy, Tử-Biên vén áo bước vào, nằm nhờ ở mái hiên phía nam nhà khách.

Gần sang canh hai, chàng thấy một người rần mây đốm bạc, hai vai nhô cao, cuỡi con lừa tía đi đến, ông già vái chào và nói với khách :

— Tiên-sinh không quản đường xa lặn-lội, thực chịu khó quá.

Khách nói :

— Trót đã hẹn lời, dẫu giám sai ước, chớ e mưa gió đầy thành mà cuộc ngâm thơ của Bàn-Lão 邨老 đến phải bỏ dở mất (1).

(1) — Phan đại Lâm 潘大臨 đời Tống, tự là Bàn-Lão có tiếng hay thơ. Một hôm nghe tiếng gió mưa ào ạt mới khởi đề được một câu: Mãn thành phong vũ cận trùng-dương 滿城風雨近重陽. Nghĩa là: đầy thành mưa gió gần đến tối trùng-dương. Chợt có người đến thúc thuế, thế là bị cụt hứng, không làm tiếp được nữa (Nguyệt-lệnh Quảng-Nghĩa). Đây ông khách kể diễn này là có ý như mình cũng gặp cảnh mưa gió đầy thành rồi cũng e bị cụt hứng như Bàn-Lão.

Đoạn chia ngôi chủ khách, ngồi đối-diện bàn luận văn-chương. Phu-nhân cũng dự cuộc, song ngồi ở chiếu dưới.

Ông khách thấy trên bức bình-phong bằng đá vân-mẫu (1) phu-nhân có đề bốn bài từ về bốn mùa, liền đọc :

BÀI THỨ NHẤT

Nguyên văn :

1. 初 晴 熏 人 天 似 醉
 艷 陽 樓 臺 浮 暖 氣
2. 隔 簾 柳 絮 度 鶯 梭
 繞 檻 花 鬢 穿 蝶 翅
3. 階 前 紅 線 日 添 長
 粉 汗 微 微 沁 綠 裳
4. 小 子 不 知 春 思 苦
 傾 身 含 笑 過 牙 牀

Phiên âm :

1. Sơ tình huân nhân thiên tự túy,
 Diễm-dương lâu-dài phù noãn-khí.

(1) — Vân-Mẫu là thứ đá ngũ-sắc rất đẹp. Sách Kinh-Nam-Chi 荆南志 nói: Núi Phương-Đài 方臺 là nơi sản-xuất đá vân-mẫu. Thổ-dân ở đó rình chỗ có sắc mây dùn lên, đào xuống lấy được những tảng rất lớn, có tảng dài tới bốn, năm thước, đem về làm bình-phong. Nhưng cần nhất là lúc đào phải im lặng như tờ. Cũng vì đá này là gốc rễ sắc mây nên gọi là đá vân-mẫu. (Bản-Thảo Cương-Mục 本草綱目).

2. *Cách liêm liểu như độ oanh thoa,
Nhiều hạm hoa-tu xuyên điệp-sí.*
3. *Giai tiền hồng-tuyến nhật thêm trường,
Phần hân vi-vi tẩm lục-thường.*
4. *Tiểu-tử bất tri xuân-tứ khờ,
Khuyh thân hàm tiểu quả nha sàng.*

GIẢI NGHĨA :

1. Nắng mới sưởi ấm cho người, trời như ngày-ngát,
Ánh dương-quang tươi đẹp (1), lâu-đài nổi
giữa làn hơi ấm áp
2. Cách rèm, liểu buồng tơ, (2), oanh đưa thoi (3),
Quanh hiên nhị hoa cài cánh bướm.
3. Trước thềm lấy dây đo đo bóng thấy dài
thêm (4).

(1) — Thơ Đỗ-Phủ có câu : Cảnh trong minh-my sắc, chiếu
nhãn diễm-dương thiên 競將明媚色，照眼艷陽天。 Dịch
là : đua phô màu tươi-đẹp, rực-rỡ ánh dương-quang. (Đường-
Thi).

(2) — Cây liểu về cuối xuân, lá dài, hoa kết thành những hạt
nhỏ li-ti. Hoa rụng, tơ trắng như bông tung bay theo chiều gió,
hạt dính vào quần áo hay đồ vật thì hóa ra cùn-trùng, rớt xuống
nước thì hóa ra bèo.

(3) — Về mùa xuân, chim oanh bay đi bay lại không ngớt
giữa các bụi hoa như thoi dệt cửi, cho nên gọi là thoi oanh.

(4) — Về đời Tấn-Nguy 晉魏, lấy dây đo đo bóng mặt trời,
từ ngày đông-chí, bóng ngày một dài thêm. (Thư-Ngôn).

Mồ-hôi dom-dóp thắm xiêm màu xanh-lọt.

4. Con nít biết đâu đến nỗi lòng áo-não trong ngày xuân,
Chúng cứ ngật-nghẹo nhe răng ra mà cười.

Đại ý : Bài này nàng Ngô Chi-Lan tả cảnh đẹp mùa xuân. Mọi vật đều tươi-vui hơn-hở. Nhưng riêng nàng nhìn cảnh xuân càng thêm áo-não, như nhớ-nhung hay luyến-tiếc điều gì, thật là một người đa sầu đa cảm. Tâm sự của nàng đúng với câu : người buồn cảnh có vui đâu bao giờ.

Dịch ra văn vần :

1. *Nắng xuân bao-phủ lâu-dài,
Đề người ảm-áp, đề trời say-sưa.*
2. *Quanh hiên bướm giòn, hoa đùa,
Liều, oanh ; tơ rủ, thoi đưa cách rèm.*
3. *Trước thềm bóng dề dài thêm.
Mồ-hôi dom-dóp, áo-xiêm đượm mùi.*
4. *Thấy xuân lòng những bồi-hồi,
Tho-ngày trẻ vẫn cợt-cười ngả-nghiêng.*

BÀI THỨ HAI

Nguyên văn :

1. 風吹榴花紅片片
佳人閑打鞦韆院
2. 傷春背立一黃鶯
惜景哀啼雙紫燕

3. 停針無語翠眉低
倦倚紗窗夢欲迷
4. 却怪捲簾人喚起
香魂終不到遶西

Phiên Âm :

1. Phong xuy lưu hoa hồng phiến-phiến,
Giai-nhân nhàn đả thu-thiên viên.
2. Thương xuân bôi lập nhất hoàng-oanh.
Tịch cảnh ai đề song tử-yến.
3. Đình châm vô ngữ thùy-mi đê,
Quyện ý sa song mộng dục mê.
4. Khước quái quyền liêm nhân hoán khởi,
Hương-hồn chung bất đáo Liêu-Tê (tây).

GIẢI NGHĨA :

1. Gió thổi, hoa lưu bay lả-lả.
Người đẹp nhõn-nhờ đánh đu trước viên,
2. Thương xuân một con oanh vàng đứng ủ-rũ.
Tiết cảnh đôi én tía nỉ-non.
3. Lặng-lẽ dừng kim, mảy xanh rủ thấp,
Mỗi-một tựa cửa sổ căng the, ngủ chập-chờn.
4. Bực mình với kẻ cuốn rèm gọi đây,

Khiến mộng hồn không sang được tới Liêu-Tây (1).

Định ý : Bài này nàng Chi-Lan tả cảnh mùa hạ, ca tụng cái thú ngời khâu rồi ngủ thiu-thiu thả hồn mộng tận đầu đầu, giận cho kẻ làm mình phải kinh-tĩnh, để mất thú mơ-màng.

Dịch ra văn vần :

1. *Tơi-bời hoa lựu gió đưa,
Viện du, người đẹp tranh-đua dập-dìu.*
2. *Thương xuân oanh đậu buồn thiu,
Tiệc xuân, đôi én giọng kêu nã-nùng.*
3. *Biếng khâu đường chỉ bước chùng,
Rấp-rim mây liễu, tựa song mơ-màng.*
4. *Cuộn rèm ngán kẻ gọi vang,
Khiến cho hồn mộng lờ đàng Liêu-Tây.*

BÀI THỨ BA

Nguyên văn :

1. 清商浮空澄霽景
霜信遙將孤鴈影

(1) — Tài-Thượng khúc 塞上曲 của Đỗ-Tử-Mỹ 杜子美 có câu : Đả khởi hoàng-oanh nhi, mạc giao chi thượng đề. Đề thời kinh thiếp mộng, chung bắt đáo Liêu-Tê. 打起黃鸝兒, 莫教枝上啼. 啼時驚妾夢, 終不到遼西. Dịch là: Đuổi cái oanh vàng đi, đề trên cành hót chi. Làm cho thiếp tỉnh mộng, chẳng đến được Liêu-Tê.

2. 十丈蓮殘玉井香
三更楓落吳江冷
3. 飛螢夜度碧闌干
衣薄難禁剪剪寒
4. 聲斷洞蕭凝立久
瑤臺何處覓驂鸞

Phiên Âm :

1. Thanh-thương phù không trùng lễ cảnh,
Sương-tin dao tương có nhận ảnh.
2. Thập trượng liên tàn, ngọc tỉnh hương,
Tam canh phong lạc Ngô-giang lãnh.
3. Phi huỳnh dạ độ bích lan-can,
Y bạc nan cảm tiễn-tiền hàn.
4. Thanh đoạn đồng tiêu ngưng lập cửu,
Đao-Đài hà xứ mịch tham-loan.

GIẢI NGHĨA :

1. Hơi may lơ-lửng vòm trời lọc mây trong,
Đã thấy bóng nhận lễ đem tin sương từ xa
đến (1).

(1) Đến mùa thu, chim nhận từ phương bắc bay về, có nhận về là có sương xuống. Vì thế nên gọi là «tin sương» «Vân-Uyển».

2. Bông sen mười trượng đã tàn, giếng ngọc thoảng mùi hương (1).
 Canh ba lá phong rụng, sông Ngô lạnh (2).
3. Ban đêm, đom-đóm bay trước lan-can,
 Áo mỏng khôn ngăn trời lạnh căm-căm.
4. Dứt tiếng đồng-tiêu (3), đứng bần-thần giờ lâu,
 Chốn Dao-Đài tìm đầu cho thấy vết xe loan (4).

(1) — Hàn-thi 韓詩 có câu: Thái-Họa phong-dầu ngọc tỉnh liên, hoa khai thập trượng ngẫ như thuyền: 泰華峯頭玉井蓮, 花開十丈蕊如船. Nghĩa là: Sen trong giếng ngọc trên đầu núi Thái-Họa, bông hoa cao mười trượng, gương sen to như cái thuyền.

(2) — Trương-Hàn 張翰 người nước Ngô, thời Tam-Quốc làm quan ở Đông-Tào 東曹, cảm thấy thời-thế sắp loạn-lạc, muốn thôi quan tìm thú Lâm-tuyền. Một hôm thấy gió thu thổi mà tránh lòng quê, nhớ mùi rau thuần, cá vược liền làm một bài ca trong có câu: thu phong khởi hề ngọc-diệp phi, Ngô giang lãnh hề lư ngư phi 秋風起兮玉葉飛, 吳江冷兮鱸魚肥. Nghĩa là: gió thu nổi lên, lá ngọc bay; Sông Ngô nước lạnh, cá lư béo. (Thượng-hữu-lục).

(3) — Đồng-tiêu là ống tiêu rỗng suốt, không có đáy. Bài Xích-Bích phú 赤壁賦 của Tô-đông-Pha 蘇東坡 có câu: Khách hữu xuy đồng-tiêu giả, y ca nhi họa chi, kỳ thanh minh minh nhiên, như oán, như mộ, như khấp, như tổ 客有吹洞簫者, 倚歌而和之, 其聲嗚嗚然, 如怨如慕如泣如訴. Nghĩa là: Khách thổi đồng-tiêu, dựa vào tiếng ca mà họa theo, tiếng nghe não-nuột, như oán than, như mến tiếc, như khóc-lóc, như kê-lê. (Cổ Văn).

(4) — Tiết-Phùng 薛逢 đời Đường, trong bài Hán-Vũ-cung-từ 漢武宮詞 có câu: Bích Đào hà xứ mệnh tham loan 碧桃何處覓驂鸞. Nghĩa là: Vườn Bích-Đào tìm đầu cho thấy vết xe loan. Đương-Thi Cổ Xúy chú: Thái-Chân cưỡi xe bạch-loan đi chơi Cửu-Nguyên (Cửu-Nguyên ở phía bắc huyện Giang 絳, lại có chỗ nói ở phía tây-bắc huyện Thuận-Hòa, tỉnh Sơn-tây).

Đại ý : Bài này nói thấy cảnh mùa thu lại nhớ đến phong-vị quê-hương ; nghe tiếng đồng-tiêu mà thần-trí phiêu-diêu tận nơi tiên-cảnh.

Dịch ra văn vần :

1. Hơi may mù sạch bốn bề
Xa khơi nhận lẻ đi về tin sương.
2. Sen tàn giếng ngọc còn hương,
Ba canh phong rụng, Ngô-Giang lạnh-lùng.
3. Ngoài hiên đóm lượn chập-chùng,
Phong-phanh áo mỏng khôn mong ngựa hần.
4. Đồng tiêu dỉt tiếng bàn-hoàn,
Đào-Đài chưa tỏ xe loan nỏ nào.

BÀI THỨ TƯ

Nguyên văn :

1. 寶 爐 扒 火 銀 瓶 小
一 盃 羅 浮 破 清 曉
2. 雪 將 冷 意 透 疎 簾
風 遞 輕 冰 落 寒 沼
3. 美 人 金 帳 掩 流 蘇
紙 護 雲 窗 片 片 糊
4. 暗 裡 挽 回 春 世 界
一 株 芳 信 小 山 孤

Phiên âm :

1. *Bảo-lô bát hỏa ngân bình tiêu,
Nhất bôi la-phù phá thanh hiều.*
2. *Tuyết tương lãnh ý thấu sơ liêm,
Phong đê khinh băng lạc hàn chiều.*
3. *Mỹ-nhân kim-trướng yếm lưu-tố,
Chỉ hộ vân-song phiến-phiến hồ.*
4. *Ấm lý văn hồi xuân thế-giới,
Nhất châu phương-tín tiêu sơn-cô.*

GIẢI NGHĨA :

1. Lò bấu nhóm lửa hâm bình nhỏ bằng bạc,
Một chén rượu La-phù phá tan hơi lạnh ban mai.
2. Tuyết đưa hơi lạnh lọt qua rèm thưa,
Gió thổi băng nhẹ rơi xuống ao lạnh.
3. Người đẹp buồng trướng vàng, diềm có tua rủ xuống (1),
Giấy che cửa sổ thành từng mảnh có dính hồ.
4. Ngắm-ngâm kéo thế-giới Xuân trở về (2),

(1) — Đã chú-thích trong truyện Thúy-Tiêu.

(2) — Câu này nói mùa đông thăm-đạm sắp hết để xoay sang mùa xuân tươi-đẹp.

Núi Tiêu-son-cô đã thấy một chồi hoa thơm báo tin (1).

ĐẠI Ý : Bài này tả mùa đông, nói các cách ngự hàn trong những nơi đài-các. Câu kết nói mùa đông tàn-tạ nhưng ngẫm xoay thế-giới sang một mùa xuân huy-hoàng. Ngoài ra tác-giả còn ngụ một vẻ cao-quý hơn đời,

Dịch ra văn-vần :

1. *Hâm bình bạc, đốt lò than,
Rượu nồng buổi sớm phá tan hơi mờ.*
2. *Tuyết rơi lạnh lọt rèm thưa,
Phất-phơ băng rụng gió đưa mặt hồ.*
3. *Giai-nhân trưởng rử lưu-lò,
Cánh mây phất giấy song hồ im hơi.*
4. *Ngẫm xoay xuân lại cho đời,
Tin hoa báo trước một chồi mai tươi.*

(1) — Chồi hoa thơm báo tin đây là nói hoa mai. Thơ vịnh Mai có câu: Bách hoa đầu thượng khai thiên tảo 百花頭上開偏早. Nghĩa là: Riêng nở sớm trước trăm hoa. Trong truyện Tống ân-dật 宋隱逸傳 có chép truyện một vị xử-sĩ tại núi Cô-Son ở Tây-Hồ (Hàng-Châu, Chiết-Giang) không lấy vợ, chỉ trồng mai, nuôi hạc (Sư-Loại Thống-Biên). Thơ vịnh mai của Từ-ngọc-Toàn 徐玉泉 có câu: Vạn hỷ thiên ba nhận vị chân, Sơn-cô Tiên-tử độc tinh-thần. Thái-quan vị thí điều-canh thực, Tiên chiếm hoàn trung đệ nhất xuân 萬卉千葩認未真山孤仙子獨精神太官未試調羹實先占震中第一春
Dịch nghĩa: Muốn cỗ ngàn hoa nhận chữa rành, Sơn-Cô tiên-tử khác tinh-anh. Hòa canh chưa thử tài cao vợi, Đầu xuân hoàn-vũ trước nều danh.

Ong khách đọc xong than rằng :

— Năm Châu nếu không có tôi, thì ai biết bài tuyệt tác của phu-nhân, mà tôi không gặp được phu-nhân thử hỏi còn có ai biết đến bài văn hay nhất đời này? Hèn chi cổ nhân nói « tiếng đồn chẳng ngoa » là phải lắm.

Phu-nhân nói :

— Tôi tài mọn như mớ chỉ dệt tất (1), đầu giám so-độ với ngài trong muôn một. May mà gặp được Tiên-triều, hàng ngày châu-hầu nghiên-bút, nên mới tạm hiểu niêm-luật, vá-viu thành bài đó thôi.

Rồi nàng nói tiếp :

— Một hôm tôi đi chơi núi Vệ-Linh là nơi đức Phù-Đổng Thiên-Vương 扶董天王 bay lên trời ngày xưa, có làm đề một bài rằng :

Nguyên văn :

1. 衛靈春樹白雲閑
2. 萬紫千紅艷世間
3. 鐵馬在天名在史
4. 英威凜凜滿江山

(1) — Hàn-Chiều 韓昭 nước Thục văn chương cùng tài-nang rất lâm-thường mà được Hậu-Chủ trọng-dụng, làm đến chức Lễ-Bộ Thượng-Thư, Van-Tử-Điện Đại-Học-Sĩ. Lý-thái-Hổ 李台 叔 chò rằng: Tài của Hàn như mớ chỉ bít-tất rách, gỡ ra không có được lấy một sợi dài (Thiên-Trung-Ký).

Phiên Âm :

1. *Vệ-Linh xuân thụ bạch vân nhân,*
2. *Vạn tử thiên hồng diệm thế-gian.*
3. *Thiết mã tại thiên danh tại sử,*
4. *Anh-uy lẫm-lẫm mãn giang-san.*

GIẢI NGHĨA :

1. Trên núi Vệ-Linh (1) cây cối xanh tươi, mây trắng lững-lờ,
2. Muôn tia ngàn hồng, như một thế-giới huy hoàng.
3. Ngựa sắt về trời, danh ghi sử-sách (2),
4. Oai-linh lẫm-liệt khắp non sông.

Dịch ra văn vần :

1. *Vệ-Linh mây trắng tỏa cây xanh,*
2. *Hồng tia đua chen, cảnh hữu tình.*

(1) — Núi Vệ-Linh nay đổi là Ninh-Sóc-Son 寧朔山 thuộc huyện Kim-Hoa (tức Kim-Anh), Phúc-Yên.

(2) — Đời Hùng-Vương thứ 6, một phú-ông ở làng Phù-Đông 扶董 sinh một cậu trai, lên ba tuổi vẫn chưa biết nói, cười gì cả. Gặp lúc trong nước có giặc, Vua hạ chiếu sai sứ đi cầu hiền. Cậu nhỏ nghe tin, tự nhiên biết nói với mẹ mời Sứ vào nhà và thưa với Sứ-giả về tàu Vua : xin ban cho một con ngựa và một thanh kiếm để đi bình giặc. Vua y lời tàu. Thế rồi cậu cưỡi ngựa, tuốt gươm đi trước, quan quân theo sau. Đánh tan quân giặc ở chân núi Vũ-Ninh 武寧. Hoạn cả người ngựa về đến núi Ninh-Sóc-Son thì bay vọt lên trời.

3. Ngựa sắt về trời. danh sử chép,

4. Non-sông đầy-dẫy khí anh-linh.

Vài tháng sau, bài thơ ấy truyền khắp trong cung, nhà Vua rất đỗi khen-ngợi, ban thưởng cho một cặp áo.

Lại một hôm, vua ngự chơi cửa Thanh-Dương 青陽, sai quan thị-thư họ Nguyễn làm bài uyên-ương từ khúc 鶯鶯詞曲. Bài làm xong đứng lên, nhưng nhà Vua chưa vừa ý, ngoảnh lại bảo tôi :

— Nàng cũng là tay giỏi thơ, lời gấm câu hoa đầu cho Trâm nghe đi.

Tôi liền vâng mệnh cầm bút viết xong ngay, câu cuối thế này :

凝碧飛成金殿瓦

皺紅織就錦江羅

Ngưng bích phi thành kim điện ngọa.

Trừu hồng chức tựu Cầm-Giang la.

DỊCH LÀ :

Điện ngọc ngói bay mùi biếc đọng,

Cầm-Giang lụa dệt sắc hồng chun.

Vua khen ngợi hồi lâu, lại gọi tôi là nữ-học-sĩ nhà họ Phú. Từ đó tôi lại nổi danh một thời và được tao-nhân mặc-khách kính nể, rút lại đều nhờ ơn Tiên-hoàng cả.

Đến khi Thuần Hoàng-Đế thăng hà, ngày làm lễ đại-hành (đặt thụy-hiệu), tôi có làm bài thơ khóc Tiên-hoàng rằng :

Nguyên văn :

1. 三十餘年拱紫宸
九州四海圍同仁
2. 東西地拓輿圖大
皇帝天恢事業新
3. 雪擁真遊無處覓
花催上苑爲誰春
4. 夜來猶作釣韶夢
悵望橋山拭淚巾

Phiên Âm :

1. Tam thập dư niên củng Tử-thần,
Cửu châu tử hải hữu đồng-nhân.
2. Đông tây địa thác dư đồ đại,
Hoàng-đế thiên khôi sự-nghiệp tân.
3. Tuyết ủng chân-du vô xứ mịch,
Hoa thời thượng-uyển vị thụ xuân ?
4. Dạ lai do tác quân-thiếu mộng,
Trướng vọng Kiều-Sơn thức lệ cân,

GIẢI NGHĨA :

1. Hơn ba chục năm, trị vì nơi điện-tía (1),
Chín châu, bốn bề được nhờ đức đồng-nhân (2).
2. Đông-tây mở đất làm cho bức dư-dờ lớn thêm,
Sự-nghiệp mới của Hoàng-Đế to lớn bằng trời,
3. Tuyết đón lên chơi tiên-đỉnh (3), không biết
đâu mà tìm,
Giục hoa vườn Thượng-Uyên nở để cho ai
thưởng (4) ?

(1) — Ngày xưa gọi nơi nhà vua ở là phong-thần 楓宸 đân-thần 丹宸 hay Tử-Thần 紫宸, vì đời Hán, trong cung-diện nhà vua hay trồng cây phong, cứ đến lúc có sương thì lá nó đỏ, nên tên gọi cung vua đều ngụ màu đỏ (phong, đân, tử) (theo Hán-Việt tự-điền). Sách Quần-Ngọc cũng chú rằng : Nhà Hán gọi điện phía trước là tử-thần ; nhà Chu lại gọi nơi nhà vua ngụ là Tử-thần.

(2) — Khắp trong nước không còn ai là bất nhân gọi là đồng-nhân ; một người không làm một việc gì bất-nhân cũng là đồng-nhân.

(3) — Đây là nói cảnh chết rồi.

(4) — Tháng chạp năm Thiên-Thụ 天授 thứ hai (691) đời Đường, Vũ Tắc-Thiên tuyên chiếu rằng : Minh triều du Thượng-Uyên, Hỏa-tốc báo xuân tri : Hoa tu liên dạ phát, mạc đãi hiệu phong xuy 明朝遊上苑, 火速報春知, 花須連夜發, 莫待曉風吹 Dịch là : Sáng mai chơi thượng-uyên, lập tức báo xuân hay : đừng chờ gió sớm giục, hoa phải nở đêm nay. Tờ mờ sáng, các danh hoa đều nở hết. Câu này tuy nói hoa quý vườn Thượng-uyên nở để ai thưởng thức mà cũng ngụ ý nói Vu mất rồi, còn ai thưởng thức văn-thơ của mình nữa.

4. Đêm còn mơ thấy nghe khúc nhạc quân-thiều (1),

Ngâm ngùi nhìn núi Kiêu-Sơn (2) lấy khăn lau nước mắt.

Dịch ra văn vần :

1. Ba chục năm dư ngự điện vàng,
Chín châu bốn bề gọi ân quang.
2. Đông-tây mở đất miền cương-giới,
Sự-nghiệp ngang trời mệnh Đế-vương.
3. Tuyết phủ xe Tiên mờ-mịt bóng,
Hoa chờ vườn Ngự bẽ-bàng hương.
4. Quân-thiều canh vắng còn mơ-mộng,
Sầu ngấm Kiêu-Sơn lệ mấy hàng.

Ông khách nghe xong nói :

— Bài thơ này tuy phần mới lạ không đủ, song niềm thương nhớ thì có thừa, đi rất sâu vào ý-trí cồ-

(1) — Quân-thiều là khúc nhạc trên trời. Viên-Cơ chú: Tần Mục-Công nằm mơ thấy được lên Thiên-Đình nghe nhạc trên đó lại được Thượng-Đế ban sách cho. Từ đó nước Tần được thịnh-vượng.

(2) — Vua Hoàng-Đế 黃帝 (2697-2598 trước C.N.) băng-hà táng ở Kiêu-Sơn (còn gọi là núi Tỷ-Ngọ 子干 nay thuộc tỉnh Thiểm-Tây) chỉ có quan-tài không, không có thi-thể. Hán Vũ-Đế nhân cuộc bắc-tuần, lên núi Kiêu-Sơn tế lăng Hoàng-Đế, hỏi quần thần rằng: Trẫm nghe nói đức Hoàng-Đế bất tử, sao lại còn có lăng-tâm?» Công-Tôn-Khanh 公孫卿 tâu rằng: «Đức Hoàng-Đế thành tiên lên trời; các triều-thần thời bấy giờ chỉ táng mũ áo mà thôi» (Sử-Ký).

nhân. Cái lối văn-thơ ngày xưa là thế, lấy hùng-hồn làm gốc, lấy bình-dạm làm hay. câu ngắn mà ý rộng, lời gần mà tứ xa. Còn ngày nay thì khác hẳn : không hỏng về kinh-bạc phù-phiếm thì phạm vào riêu-cột cay-chua. Giọng phú Cao-Đường, bêu như Thần nữ (1) ; điệu ca Thất-tịch cười riêu Thiên tôn (2). Phỉ-báng phao-vu, thực là quá tệ. Vì thế mà tôi ngán-ngảm cảnh đời.

Phu-nhân lắng tai nghe ông khách nói bất giác sa lệ. Ông khách hỏi thì phu-nhân đáp :

— Tôi đã lâu ngày châu-hầu Thuần-Đế, thị-phụng Hiến-Tôn 憲宗 ; nghĩa cả tuy là tôi chúa, tinh thần chẳng khác cha con ; yến-tiệc đã chẳng ty-hiếm ; vãng-lai không còn bác bạc. Ngờ đâu những phường đơn-bạc, dặt giọng nói quàng, chép ra có đến hàng tấp.

Nào là :

君王要欲消閑恨
應喚金華學士來

(1) — Phú Cao-Đường của Tống-Ngọc nước Sở nói việc Thần-Nữ trăng gió với Sở-Vương (Sự-tích đã chú-thích trong truyện « Người nghĩa phụ ở Khoái-Châu »).

(2) — Trương-văn-Tiêm 張文潛 đời Tống đỗ tiến-sĩ năm 12 tuổi, làm bài ca thất tịch có câu : Hà-Đông mỹ-nhân thiên-đế tử, cơ-đỡ năm năm 玉指 ; 織成雲霧紫綃衣, 辛苦無歡容不理 ; 帝憐獨居無與娛, 河西嫁與牽牛夫. Dịch là : Gái đẹp Hà-Đông người thượng-giới, năm tháng đưa thoi tay ngọc mới, lụa tía tơ điều dệt móc mây ; lao-lung, trang điểm không màng tới. Trời thấy cô-đơn cũng ruột rầu, Hà-Tây cho sánh gả chăn trâu. (Cổ-Văn).

*Quân vương yếu dục tiêu nhân hận,
Ung hoán Kim-Hoa học-sĩ lai.*

DỊCH LÀ :

Quân-Vương vì phông cần tiêu muộn,
Hãy gọi Kim-Hoa Học-sĩ vào.

Nào là :

宴罷龍樓詩力倦
六更留待曉眠遲

*Yến bãi Long-lâu thi lực quỵên,
Lục canh lưu đãi hiều miên trì.*

DỊCH LÀ :

Tan tiệc lầu rồng thơ mệt tở,
Sáu canh châu-chực giấc nồng trưa.

Tôi nghĩ rằng những bậc sĩ quân-tử ở trong danh-giáo (1) vẫn có chỗ tìm thú vui, sao lại phải bịa không làm có, trở phải ra trái, khinh-xuất đem văn-chương ra mà đùa cợt như vậy !

Ông khách nói :

(1) — Tất-Trác 畢卓 đời Tấn là tay nghiện rượu. Cuối triều Đại-Hưng 大興 (318-321), làm chức Lại-Bộ-Lang. Một hôm nhà hàng xóm nấu rượu, vì quá say đang đềm lăn sang mò hũ rượu mức uống trộm, bị bắt trời. Sáng nhìn ra mới hay là quan Lại-Bộ họ Tất. Nhạc-Quảng cười nói rằng: « Trong danh-giáo cũng lắm trò vui ». (Thượng-hữu-lục).

— Nào phải chỉ riêng một mình phu-nhân mà thôi
đâu ? Xưa nay những người triu-liệt bị bức mình vì
ngôi bút trao-phúng biết bao nhiêu mà kể ? Kia như
Hằng-Nga là tiên nơi Nguyệt-điện mà có kẻ vịnh rằng :

姮娥應悔偷靈藥
碧海青天夜夜心

*Hằng-Nga ưng hối thâu linh-dược,
Bích-hải thanh-thiên dạ dạ tâm,*

DỊCH LÀ :

Trộm thuốc Hằng-Nga chùng hối-hận,
Đêm đêm than-thở nước cùng trời (1).

Lộng-Ngọc đã bay lên trời mà có người vịnh
thơ rằng :

如何後日秦臺夢
不見蕭郎見沈郎

*Như hà hậu nhật Tần đài mộng ?
Bất kiến Tiêu-Lang kiến Thẩm-Lang ?*

DỊCH LÀ :

Giấc mộng lâu Tần sao lạ nhỉ ?

(1) — Hằng-Nga là vợ Hậu-Nghệ lấy trộm thuốc trường-sinh
của bà Tây Vương-Mẫu ăn rồi bay lên không trung. Hậu-Nghệ
nắm áo lôi lại, nhưng nàng bay tuốt lên cung Thiềm. Câu «Bích
hải thanh-thiên dạ dạ tâm» là của Lý-Nghĩa-Sơn 李義山 đời
Đường vịnh (Liệt-truyện 列傳).

Tiêu-Lang đầu tá ? Thầm-Lang đây (1).

Vào cửa quyền mượn chuyện Lục-Châu (2); ché họ Vũ đem câu Hậu-Thổ 后土 (3); toàn là giọng nói càn, tán nhảm, động đến bút là bới móc. Ước gì đem được nước sông Lô để vì người xưa mà rửa gột sạch những câu thơ nhơ-nhuốc ấy đi.

(1) — Niên-hiệu Thái-Hòa đời Tấn (366-370), Thầm-Á-Chi 沈亞之 một hôm ra thành Trường-An, lúc ấy đương mùa xuân, nằm ngủ trong quán trọ, giữa ban ngày chiêm-bao thấy Tần Mục-Công cho vôi đến yết-kiến mà bảo rằng: « Con gái nhỏ quả-nhân đã lấy Tiêu-Sử 蕭史, không may chàng mất sớm, nay quả-nhân muốn gả cho đại-phu. Nói rồi gọi công-chúa ra làm lễ tương kiến, lưu Á-Chi ở lại trong cung, ngoài cửa đề ba chữ «Thủy-Vi-Cung 翠微宮» các cung-nhân gọi cung này là Thầm-Lang-Viện. Một năm sau, công-chúa không bệnh-tật gì mà chết, an-tàng ngoài thành Lạc-Dương. Mục-Công sai Á-Chi làm bài ca viếng nường và lập bài văn bia trên mồ nường. Sau khi an-tàng xong, Á-Chi từ về. Mục-Công cho xa-giá đưa ra ngoài cửa thành. Á-Chi giặt mình tỉnh dậy, thấy mình vẫn còn nằm tại quán trọ. (Thiên-Hạ Di-Kỷ).

(2) — Sự tích Lục-Châu đã chú-thích trong truyện Thủy-Tiêu.

(3) — Vi-An-Đạo 韋安道 đời Đường, một hôm ở thành Lạc-Dương ra đi sớm, gặp Hậu-Thổ phu-nhân kết làm vợ chồng. Phu-Nhân đưa An-Đạo đến một nơi, cung điện nguy-nga, Phu-nhân mặc triều-phục như nghi-vệ Thiên-Tử; có hàng trăm người đến triều-kiến, sau rồi có một người xưng là Đại-La Thiên-Nữ 大羅天女 vào triều sụp lạy dưới sân một cách rất kính-cần. Vi-An-Đạo ngồi bên phu-nhân trông ra thì Đại-La Thiên-Nữ chính là Thiên-Hậu 天后 (Võ Tắc-Thiên 武則天). Phu-nhân bảo Thiên-Hậu rằng: Ta vốn có túc-duyên cùng Vi-An-Đạo là người trong cung Thiên-Hậu, nên cùng chàng kết duyên đôi-lửa. Nay duyên-số đã hết, ta sẽ hoàn lại. An-Đạo về kinh ra mắt Thiên-Hậu thuật truyện, thì Thiên-Hậu nói cũng nằm mộng thấy đúng như vậy. Thiên-Hậu bèn phong cho An-Đạo làm chức Trường-Sử trong phủ Ngụy-vương.

Phu-nhân nghe xong, lau nước mắt nói :

— Nếu không có tiên-sinh hiểu rõ cho thì tôi mang tiếng là viển ngọc có vết, lấy gì mài cho trong, giũa cho sạch được ? Song đêm đẹp mau qua, tiệc vui mấy thuở. Nay có lang-quân tôi ngồi đây, lại được tiên-sinh đến họp mặt, chúng ta chẳng nói đến những chuyện đó nữa, cho thêm phiền-nã. Thế rồi quay sang bàn luận thơ-văn bản-triều (tức Triều Lê).

Ông khách nói :

— Tập thơ Chuyết-Trai 拙齋 (1) thanh-kỳ nhưng đượm vẻ buồn rầu ; tập thơ Xư-Liêu 樵寮 (2) cao xa mà kích-thích ; tập Tùng-Xuyên 松川 (3) như chàng trai xuất trận, nhưng hơi lộ vẻ thô-hào ; tập Cúc-Pha

(1) — Chuyết-Trai văn-tập (trong cuốn Văn-Học Sử-Yếu của Ô. Dương-quảng-Hàm chép là Chuyết-Am Văn-Tập) của Lý-Tử-Tấn (1378-1457). Ông nguyên là họ Lý, sau đổi ra họ Nguyễn (vì về đời nhà Trần, các người họ Lý đều phải đổi ra họ Nguyễn), chính tên là Tấn 結 tự Tử-Tấn 子晉, người xã Triều-Đông, huyện Thượng-Phúc (nay là phủ Thường-Tín, Hà-Đông), đậu Thái-Học-Sinh năm 23 tuổi (1400, Triều Hồ-Quý-Lý, Thánh-Nguyên nguyên-niên), theo vua Lê-Lợi, giúp việc Văn-Cáo, trải thờ ba triều (Thái-Tổ, Thái-Tôn, Nhân-Tôn), làm quan đến Hàn-Lâm-Viện Học-Sĩ. Thọ 80 tuổi.

(2) — Tập Xư-Liêu (cũng có người đọc là Vu-Liêu hay Hu-Liêu : xem cuốn Les chap. bibliog. de Lê-Quý-Đôn et de Phan-huy-Chú par Trần văn Giáp, trang 70) của Nguyễn-Trực (1417-1473) người xã Bối-Khê, huyện Thanh-Oai, Hà-Đông, đậu Trạng-Nguyên năm 26 tuổi (1442, triều Lê-Thái-Tôn, năm Đại-Bảo thứ 3), trải thờ hai đời (Lê Nhân-Tôn, Lê Thánh-Tôn) làm quan đến Hàn-Lâm-Viện thừa-chỉ, kiêm Quốc-tử-Giám Tế-Tử, có sang sứ Tàu. Thọ 57 tuổi.

(3) — Chưa biết tập này của ai.

菊坡 (1) như cô gái đương xuân, nhưng mềm yếu quá. Ngoài ra thơ họ Đỗ 杜 ở Kim-Hoa (2) họ Trần ở Ngọc-Tài 玉臺 (3) họ Đàm ở Ông-Mặc 翁墨 (4), họ Vũ 武 ở Đường-An 唐安 (5) không phải là không ngang-dọc vẫy-vùng. Nhưng cầu cho lời thông lý suốt, làm cho Phong, Nhã 風雅 (6) phải giật mình thì duy có mấy tập của ông Ưc-Trai 抑齋 họ Nguyễn là đầy vẻ trung-ái.

(1) — Nguyễn-mộng-Tuân, người huyện Đông-Sơn 東山 Thanh-Hoa, đỗ khoa Canh-Thìn (1400) đời nhà Hồ, làm quan nhà Lê đến chức Tả-nạp-ngôn, khinh-xa Đô-Úy, có tập thơ Cúc-Pha.

(2) — Đỗ-Nhuận, 杜潤 người làng Kim-Hoa, huyện Kim-Hoa (Kim-Anh) đỗ tiến-sĩ đời Quang-Thuận (1460-1469), làm quan đến Đông-Các Đại-học-sĩ, sung chức phó-nguyên-soái hội Tao-đàn của vua Lê-Thánh-Tôn.

(3) — Chưa biết là ai.

(4) — Đàm-thận-Huy 譚慎微 người làng Ông-Mặc, huyện Đông-Ngạn, Bắc-Ninh, đỗ tiến-sĩ đời Hồng-Đức, làm quan đến thượng-thơ. Khi nhà Mạc cướp ngôi, ông uống thuốc độc tự-tử.

(5) — Vũ-Quỳnh 武璣 người xã Mộ-Trạch 暮擇, huyện Đường-An, đỗ hoàng-giáp, làm đến thượng-thư.

(6) — Phong-Nhã: trong Kinh Thi có thiên Quốc-Phong và hai thiên Đại-Nhã, Tiểu-Nhã, hiệp lại gọi là phong-nhã (Thành-ngữ điền-tích).

lòng chẳng quên vua (1), có thể xứng-dáng là môn-hộ Thiếu-Lãng (2). Còn nói về giọng lưỡi tuôn ra như khói mây, lời văn quan-hệ đến phong-giáo thì lão-phu đây há chịu thua ai.

Cuộc đàm-luận thơ-văn như vậy có đến bốn, năm ngàn câu, nhưng Tử-Biên không nhớ hết được. Chàng đang đứng nghe trộm ở khe tường, dễ sảy ra tiếng sột-sạt bị ông khách nhận biết. Ông nói :

(1) — Nguyễn Trãi 阮應 hiệu Úc-Trai, người huyện Phượng-Nhân, Bắc-Giang, sau nhập-tịch làng Nhị-Khê 蘇溪 huyện Thượng-Phúc 上福 (Hà-Đông). Đậu tiến-sĩ đời nhà Hồ (1400) làm chức Ngự-Sử-Đài Chánh-Trưởng. Khi cha ông là bầy-nhân Nguyễn-phi-Khanh 阮飛卿 bị quân Minh bắt đem về Trung-Hoa thì ông đi ở ẩn trên núi Côn-Sơn, 崑山, ngày đêm hằng lo việc phục thù cho cha và cho nước. Sau ông cùng Trần-nguyên-Hãn 陳元暉 vào tìm đức Lê-Lợi 黎利 ở Lam-Sơn 藍山, bày mưu thiết kế đánh tan quân Minh. Chờng Lê-Thái-Tổ lên ngôi mới phong cho ông làm Hành-Khiển (Thủ Tướng), đứng đầu cả bên văn và giao cho ông trọn quyền coi cả bên võ, thiết là khai quốc công-thần đệ nhất. Làm quan ít lâu, ông cáo về tri-sĩ ở Tiều-Viên gần Bắc Ninh. Vì Triều-đình nghi Thị-Lộ, người hầu của ông, giết vua Thái-Tôn, nên ông bị xử tru-di tam tộc. Sau vua Lê-Thánh-Tôn rửa sự oan của ông, mới phong-tặng lại cho ông và cho tìm dòng-dõi phục quan tước lại. Ông không những là một ông tướng giỏi mà lại là một nhà đại văn-sĩ ở nước ta. Lúc còn đương làm quan thì một tay ông thảo các tờ cáo ở trong quân, sau, hiệp lại thành tập Quân-trung Tử-Mệnh. Khi dẹp giặc Minh rồi, ông có làm bài Binh-Ngô Đại Cáo đề bá-cáo việc dẹp quân Minh cho nhân-dân trong nước đều biết. Ông cũng có viết một bộ địa-dư-chí nước Nam, gọi là An-Nam Võ-Cống (Thành-Ngữ Cỗ-Tịch).

(2) — Thiếu-Lãng tức là Đỗ-Phủ 杜甫 đời Đường, một thi-sĩ đồng thời với Đỗ-Mục, lớn tuổi hơn Đỗ-Mục nên người bấy giờ thường gọi là Lão-Đỗ.

— Cuộc họp đêm nay thực là hi hữu, vậy mà hình như có kẻ nghe trộm, e rằng họ đem câu chuyện phong-lưu của ta đi đồn-đại. Tiên-sinh không hay biết gì ư?

Phu-nhân nói :

— Thì bất quá kẻ nho-sinh cầm bút sau này họ chỉ-trích bọn ta bàn-tán huênh-hoang là cùng, chứ có hề chi.

Tử-Biên không hiểu ý-từ câu nói đó ra sao, vội-vàng chạy tới trước mặt ba người sụp lạy và hỏi về thi-tử. Ông khách liền rút trong lòng ra một quyển sách dày độ trăm trang, trao cho chàng và nói :

— Cứ về xem quyển sách này sẽ có đư điều học hỏi trong đó, bắt-tắt phải tìm kiếm sách nào khác nữa.

Một lúc sau, bầu nghiêng chén cạn, chủ khách cùng nhau vái chào từ biệt. Ông khách ra về rồi. Tử-Biên cũng vào nằm ngủ. Đến lúc mặt trời mọc, Tử-Biên mới xốc áo vùng dậy, té ra mình nằm trên đám cỏ còn ướt, quần áo dầm sương. Giữa cảnh đồng nội hoang-vu, chàng ngó quanh chỉ thấy hai bên có hai ngôi mộ mà thôi. Chàng nhớ tới quyển sách liền mở ra xem thì toàn là giấy trắng cả, chỉ vền-ven có bốn chữ « Lã-Đường Thi-Tập 呂塘詩集 » nét mực hầy còn lấp-loáng, ngôi bút chưa khô. Bấy giờ chàng mới biết ông khách mình thấy đêm rồi tức Sái tiên-sinh Lã-Đường 蔡先生呂塘 (1) và hỏi thăm người ở vùng

(1) — Ông họ Sái tên Thuận 蔡順, người xã Liễu-Lâm, 柳林 huyện Siêu-Lợi 超類 (Thuận Thành, Bắc Ninh) đỗ tiến-sĩ năm Hồng-Đức thứ 6 (1475). Tập Lã-đường do con ông là Lã-Khác và học trò ông là Đỗ-chính-Mô sưu tập lại.

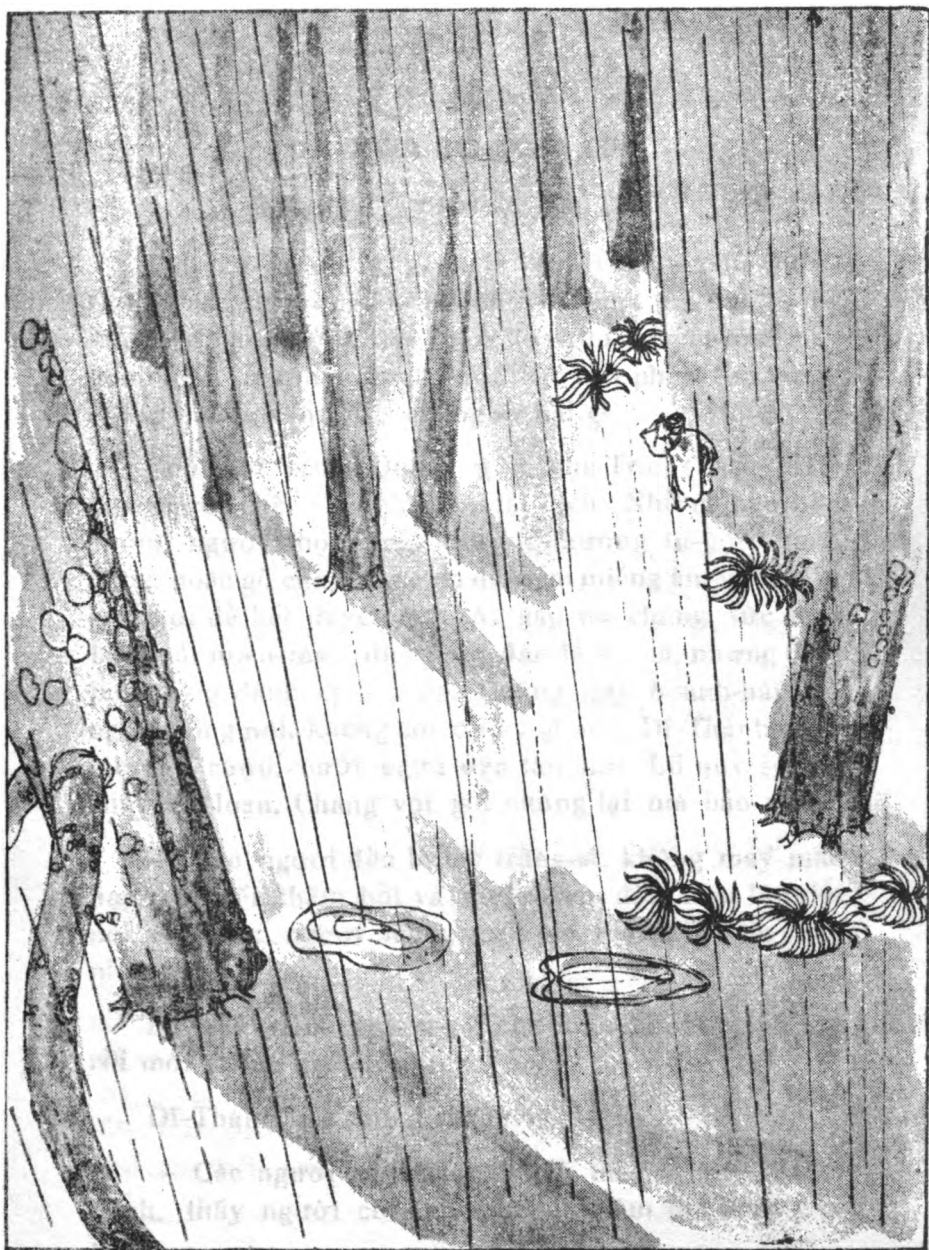
này mới biết rằng hai ngôi mộ đó là mộ vợ chồng quan, giáo-thụ họ Phù (1).

Tử-Biên bèn tìm đến làng Sái tiên-sinh, dò la tập Di-cảo Lã-Đường thi-tập. Chàng hỏi được nhưng bị gián nhấm một găm, mười phần không còn được chín. Chàng lại phải đi khắp xa gần cố sức tìm kiếm, bất luận là được nửa câu hay một chữ, chàng cũng ra công ghi-chép, cốp nhặt không sót chữ nào.

Từ nhà Lê dựng nghiệp, có đến hơn trăm nhà thơ, nhưng duy có tập thơ của Sái tiên-sinh là thịnh-hành hơn cả. Sở dĩ được như thế là nhờ công-sức của Mao Tử-Biên cả.

(1) — Ông Phù thúc Hoành người xã Phù-Lễ, huyện Kim-Anh, có làm chức Giáo-thụ và sau được thụ chức Hàn-Lâm Học-Sĩ.

Cuộc bình-luận thơ & Kim-Hoa



Tranh of **NUYÊN**

夜叉部帥錄

DA-XOA BỘ-SOÁI LỤC

TRUYỀN TUỐNG DA-XOA

Văn Dĩ-Thành 文以誠 là bậc kỳ-sỹ ở phủ Quốc-Oai 國威, Hà-Đông, tính-tình hào-hiệp, ma quỷ không thể mê-hoặc được. Bất luận hoa-yêu nguyệt-quái hay dâm-thần, lệ-quỷ không được liệt vào phép thờ cúng, chàng đều coi thường, chẳng sợ hãi gì.

Cuối đời Trùng-Qnang 重光 nhà Trần (1409-1417) lắm người chết vì binh-đao, tật dịch. Những oan hồn không người thờ cúng, thường-thường tụ-hợp thành đảng, hoặc gõ cửa hàng cơm để kiếm miếng ăn, hoặc đón gái chơi để kết duyên tạm. Ai gặp vĩa chúng, tức thời bệnh tật miên-man, dù có bày đàn lễ trừ tà, nhưng thầy bùa cũng đành chịu phép. Chúng quỷ hoành-bành ở ngoài đồng nội, không còn úy-ky gì nữa. Dĩ-Thành nhân lúc say rượu, cuời ngựa đến tận nơi. Lũ quỷ sợ-hãi chạy tán-loạn. Chàng vội gọi chúng lại mà bảo rằng :

— Các ngươi đều là tay trắng-sĩ, không may mắc nạn ; ta đến thăm hỏi và muốn đem điều hơn lẽ thiệt nói cho các ngươi nghe, can chi mà phải trốn chạy như vậy.

Lũ quỷ nghe chàng nói, lại dần-dần họp lại, lay rời mời chàng ngồi lên trên.

Dĩ-Thành hỏi chúng rằng :

— Các ngươi thấy người ta bị tai-nạn mà lấy làm thích, thấy người chết chóc mà lấy làm thú là có ý gì vậy ?

Lũ quý đáp :

— Muốn thêm quân cho chúng tôi đây.

Chàng nói :

— Các người được thêm quân mà thi nhau hại người sống là nghĩa làm sao ? Quân càng nhiều thì ăn uống càng thiếu hụt, người sống càng giảm bớt thì việc cúng-cấp cũng ít đi. Hỏi có lợi gì mà các người cứ thích làm như vậy ? Buông lòng tham thì khe ngài không đủ lấp ; dờ thói ác thì sỏi hùm chưa là dữ. Nếu mà lợi kỹ, dù áo manh giấy mảnh cũng không từ ; hoặc được no lòng, dù chậu vỡ vô tan đâu có thẹn. Hi-học đi tìm hớp rượu, lằng-xăng đi kiếm miếng ăn. Gieo vạ tra tai, trộm quyền tạo-hóa ; dòm nhà kêu nóc (1) nát dẫm nhân dân. Các người tưởng thế là hay, nhưng ta lấy thế làm thẹn. Huống chi, trời dùng đức chứ chẳng dùng uy, hiểu sinh mà không hiểu sát. Vậy mà các người tự làm họa phúc, quá đỗi kiêu dâm. Thương-đế không dung, hình-phạt phải đến ; các người còn chạy đầu cho khỏi vòng tru-lục ?

Lũ quý buồn rầu mà rằng :

— Chúng tôi chẳng qua vì sự bất-dắc-dĩ đó thôi chứ bản-tâm cũng không muốn vậy. Sống chẳng gặp thời, chết không tại số ; đói khát chẳng ai cấp dưỡng, lui về không chỗ tựa-nương ; xương trắng bụi cây, sấu quanh ngọn cỏ ; cát vàng trên nội, lạnh-lẽo gió thu. Cho nên đành phải hợp bè gọi bạn, xoay-xở miếng ăn. Huống chi vận đời gặp lúc suy-vi sắp có cuộc thay đổi lớn, nhà tan người chết, sự vật tiêu-ma. Bởi vậy âm-

(1) — Đã chú-thích trong truyện yêu-quái ở Xương-Giang.

cung cũng không cấm đoán, chúng tôi mới dám làm càn. E rằng sang năm còn tệ hơn nữa.

Thế rồi, nhà bếp sắp cỗ, mâm chén la-liệt. Hỏi đến thịt là thịt con trâu bắt ở thôn nọ; hỏi đến rượu thì rượu lấy ở làng kia. Dĩ-Thành ăn như rồng cuốn, nuốt như bão-táp.

Lũ quý mừng rỡ bảo nhau :

— Thật xứng đáng là chủ tướng bọn ta.

Rồi chúng xin với chàng :

— Chúng tôi là một lũ ô-hợp, mạnh ai nấy được, không người thống-suất, thế chẳng được lâu. Nay Sứ-quân có lòng huệ cố đến đây, thực là trời đem Sứ-quân đến cho chúng tôi đó.

Dĩ-Thành đáp :

— Ta đây văn-võ kiêm-toàn, dù hèn cũng làm được tướng. Nhưng u-minh cách-biệt, lại còn mẹ già ta đó, thì biết làm thế nào ?

Lũ quý đáp :

— Không, chúng tôi chỉ xin Sứ-Quân : oai-phúc cho nghiêm, lệnh truyền cho rõ. Còn chúng tôi : ngày thì chia khu ở tản, đêm lại sai kẻ về trình. Đâu dám phiền Sứ-quân phải về chín suối.

Dĩ-Thành nói :

— Như bất-đắc-dĩ mà dùng đến ta, thì trước hết các người phải thề rằng sẽ tuân theo đúng sáu điều của ta trong khi làm việc mới được.

Chúng đều vâng dạ, rồi xin đến đêm thứ ba lại đến chỗ đó lập đàn. Đứng kỳ, chúng quý đến họp đờng

đủ, chỉ có một tên quý giả đến chậm. Dĩ-Thành sai đem chém, chúng thấy vậy đều run sợ. Chàng ra lệnh rằng :

Các người phải :

- Không được coi thường mệnh-lệnh ta ;
- Không được quen thói dâm-ô ;
- Không được tác quái để hại mạng người ;
- Không được cướp bóc tài-sản và phải cứu nạn cho dân ;
- Không được đàn-dúm khi đêm tối ;
- Không được hiện hình lúc ban ngày.

Các người có vàng mệnh thì ta làm chủ-trưởng cho ; trái lệnh thì ta trừng-trị. Lời ta nói đây phải nghe cho rõ, đừng để hối-hận về sau.

Nói đoạn chia chúng ra từng bộ, từng tốt (1) và dặn chúng hãy gặp điều hay hay điều dở, nhất nhất phải về bẩm-bạch.

Dĩ-Thành ở đó hơn một tháng, một hôm đang ngồi chơi, chợt thấy một người xưng là sứ-giã dưới Diêm-cung đến mời đi. Chàng toan lần tránh thì người ấy nói :

— Đây là mệnh-lệnh của đức Diêm-Vương. Bởi thấy ông là người cương-nghị, Ngài muốn mời ông

(1) — Theo quân-chế đời xưa thì 5 người là một ngũ 伍. 50 người là một đội 隊 ; 2 đội là một khúc 曲 ; 2 khúc là một quan 官 ; 2 quan là một bộ 部 ; 2 bộ là một hiệu 校 ; 100 hiệu là một tốt 卒. (Vũ-Kinh).

xướng đề ban chức lớn chứ không làm phiền ông đâu. Xin ông đừng từ-chối. Có điều là ông được khoan hạn đôi chút để ông tự đến sau, tôi xin chờ ông ở dọc đường. Nói rồi biến mất.

Dĩ-Thành tức-tức đòi chúng quý về hỏi thì chúng đều thưa :

— Thưa, việc ấy quả có thực, chúng tôi chưa kịp bẩm Sứ-Quân đó thôi. Hôm nọ, đức Diêm-Vương nhận thấy thời-buổi không yên, có đặt ra bốn bộ Dạ-Xoa (1) mỗi bộ do một vị tướng-soái cầm quyền sát phạt, được giao phó tính-mạng sinh-linh, trách-nhiệm lớn-lao, quan chức khác bì thể nào được. Sứ-quân oai-danh lừng-lẫy đến tai Ngài đã lâu, chúng tôi lại hết sức tiến-cử, nên Ngài định trao chức lớn đó cho Sứ-quân.

Dĩ-Thành hỏi lại :

— Các người nói vậy là phúc hay là họa cho ta ?

Lũ quý đáp :

— Dưới Diêm-đình tuyển người không khác gì tuyển Phạt ; không phải dứt lột mà nên, may mắn mà được. Giữ lòng ngay-thắng, dù hèn mọn cũng dặng nâng lên ; ở nết gian-tà, dẫu quý-hiền không ai đếm-xía. Các trách-vụ quản-trị và dạy-dỗ đó, không Sứ-quân thì còn ai đáng nữa ? Nếu Sứ-quân còn quyền-luyện thế nhi, chần-chờ ngày tháng, tất sẽ về tay người khác, mà chúng tôi cũng phải thất-vọng mất.

(1) — Lý-toàn-Giao 李全交 làm giám-sát ngự-sử đời Đường, rất tàn-ác, nên người ta gọi là quý Dạ-xoa (Quần-Ngọc). Bộ Dạ-Xoa đây là bộ ở dưới âm-phủ đặt ra để thi-hành những đạo luật khốc-liệt với người trần-gian đã phạm nhiều tội ác.

Dĩ-Thành vụt đòi giọng, nói :

— Chết dù đáng ghét, danh cũng khó mua. Hưởng chi ngòi bút vì sắc nhọn mà mau cùn ; cây thông vì có cành mà bị chặt (1) ; chim trĩ nếu không có bộ lông đẹp thì việc gì mang vạ (2) ; con voi nếu không có đôi ngà dài đến nỗi phải đốt mình (3) ; chim hồng chim nhạn bị giết bởi lẽ không kêu (4) ; cây xư, cây lịch sống lâu chỉ vì vô dụng (5) ; Tu-vấn âm-phủ, Nhan-Hồi

(1) — Gặp năm hạn-hán, quan sai chặt cành thông giả làm xương con rồng để mong việc làm lễ cầu mưa được linh-nghiem (Viên-Cơ).

(2) — Chim trĩ còn gọi là cầm-trĩ hay cầm-kê (gà đẹp, như, gấm) có bộ lông rất tươi đẹp, năm sắc rực-rỡ. Trĩ rất ưa bộ lông của mình, suốt ngày đứng ngắm bộ lông bóng ánh xuống nước, đến nỗi lóa mắt sa xuống sông mà chết.

(3) — Sách Tả-Truyện có câu : Tượng hữu xỉ dĩ phần kỳ khu 象有齒以焚其軀, Nghĩa là Con voi vì có ngà mà bị cháy mình. Ý nói người ta giết voi là cốt để lấy đôi ngà nó.

(4) — Trang-Tử đến chơi nhà bạn. Thằng nhỏ hỏi chủ nhà : « Có hai con nhạn, một con biết kêu, một con không, giết con nào? ». Chủ nhà bảo nó giết con không kêu. Học-trò ông Trang-Tử hỏi ông rằng : « Con nhạn của ông chủ đây vì bất tài mà cũng bị giết. Vậy tiên-sinh tính ở vào địa-vị nào? Trang-Tử đáp : « Mình ở vào khoảng giữa chỗ có tài và chỗ bất tài là yên. (Quần-Ngọc).

(5) — Cây Xư 樗 (thường đọc là Hu hay Xu) gốc thì lớn quá, thợ không lấy được, cành lại nhỏ mà cong queo, nên không dùng được việc gì. Cây lịch 楮 to đến mấy người ôm không xuê lại thẳng mà cao ngất trời, vậy mà vô-dụng. Lấy gỗ đóng thuyền thì thuyền không nổi, làm quan quách thì chóng mục, làm đồ dùng cũng mau hỏng, làm cửa thì nhựa chảy ra ướt-rướt, làm cột lại bị mọt, thành ra không ai động đến, nên nó mới sống lâu. (Ấu-Học).

tuổi mới ba hai (1); viết ký Ngọc-lâu, Trường-Cát 大吉 trac ngoài hai chuc (2). Đã là trượng-phu ở đời, không làm nên đai vàng hải ngọc, cũng phải sao cho tiếng đề muôn đời, can chi cứ chui-rúc trong cuộc đời ó-trọc, khư-khư so tính thọ yểu làm gì?

Bèn thu xếp xong công việc trong nhà mấy hôm rồi chết.

Hồi đó có người làng là Lê-Ngộ 黎通 vốn là bạn tương-tri với Dĩ-Thành, phiêu-bạt sang hạt Quế-Dương 桂陽, ngụ trong một quán trọ. Một hôm, chừng hết canh một, Lê-Ngộ thấy có người cưỡi ngựa sắc tro cùng rất đông kẻ hầu người hạ lũ-lượt kéo đến xin ngủ trọ. Chủ quán vén màn ra đón tiếp. Chàng nghe ông khách nói hết tiếng Dĩ-Thành, nhưng nét mặt chỉ hao-hao mà thôi, thì lấy làm quái-lạ, muốn ra ngoài lảng-tránh, nhưng khách bảo :

— Cố-nhân nhận biết ông, mà ông không nhận ra cố-nhân là nghĩa làm sao?

Nhân kê rõ quê-quán, họ tên và nói mình làm quan to dưới âm-phủ, vì là chỗ cố-cựu nên đến thăm. Đoạn cởi chiếc áo cừu đang mặc cầm cho nhà hàng lấy rượu

(1) — Đã chú-thích trong truyện Phạm-tử-Hư lên chơi Thiên-tào.

(2) — Lý Hạ 李賀 đời Đường, tự là Trường-Cát, 7 tuổi đã biết làm thơ. Triều vua Hiến-Tôn, làm chức Hiệp-Luật-Lang. Một hôm, giữa ban ngày thấy một người mặc áo lụa đỏ, cưỡi con rồng đỏ, cầm một cái thẻ trên có chữ nói rằng : Thượng-Đế mới làm xong lầu Bạch-Ngọc, với Trường-Cát lên làm bài ký. Không bao lâu Hạ chết, năm mới 27 tuổi (Thượng-hữu-lục). Từ đấy khi nói về văn-nhân mất sớm, người ta thường dùng điển « Ngọc-lâu phó triệu ».

uống làm vui. Rượu được vài tuần, Lê-Ngộ hỏi Dĩ-Thành :

— Tôi bình sinh ở đời, vẫn đề tâm vào việc tu âm-dức, không hề nghĩ đến tư-ích cho mình, chứ đừng nói đến chuyện dầy người vào bước nguy-hiểm nữa. Dạy người thì tùy tài mà dẫn-dụ, tự học thì hết sức mà đui-mài ; chẳng mưu việc quá cao, không làm điều quá đáng. Vậy mà phải tha phương cầu thực, khách-địa có thân ; vợ kêu đói lòng, con la rét cật. Về thì thiếu túp lều đề che gió, đi thì không chiếc nón đề che mưa, bôn-tẩu đông-tây, ngày thêm cùng-quần. Thế mà bạn-hữu, thân-tinh cứ kể tiếp nhau đi làm quan cả. Kể về tài-năng thì chỉ sần-sần ngang nhau, mà đến bước tiền-trình thì hơn kém nhau gấp nghìn, gấp trăm lần ; kẻ sừng người khỏ cách nhau một trời một vực, là có làm sao ?

Dĩ-Thành đáp :

— Giàu sang không phải cầu mà được, nghèo hèn bởi tại số mà ra. Cho nên : vì núi đồng mà Đặng-Thông 鄧通 chết đói (1) ; tại tên Xe mà Chu - Thù khốn

(1) — Vua Hán Văn-Đế (179-157 tr. C. N.) sủng ái người bày tôi là Đặng-Thông. Một hôm có người thầy tướng xem tướng cho Đặng-Thông bảo là Thông sẽ bị chết đói. Văn-Đế nói : « Vậy ta làm cho Đặng-Thông trở nên rất giàu-có ». Đoạn ban cho Thông cả cái núi đồng ở đất Thục, cho phép đúc tiền tiêu. Thông thành giàu-có lớn. Nhưng sau Văn-Đế mất, Cảnh-Đế (156-141 tr. C. N.) lên nối ngôi, ghét Đặng-Thông, tịch-thu cả tài-sản. Thông phải đi ở nhờ và quả nhiên chết đói. (Thượng-Hữu-Lục).

cùng (1) ; có duyên thì gió nổi núi Mã-Đương 馬當 (2) ; vô phận hóa sét đánh tan bia Tiến-Phúc 薦福 (3). Nếu không vậy thì đức-hạnh Nhan-Hồi, 顏回 Mãn-Tử 閔子 (4) phải là nhẹ gót đường mây ; văn-chương

(1) — Chu-Thù nhà nghèo, chiêm-bao thấy Thượng-Đế thương mình. Ngài hỏi vị thần tư-mệnh : Nó có giàu được không ? — Tư-mệnh nói : Số nó nghèo lắm. Nhưng hiện có số tiền của thằng Xe, có thể cho nó mượn được, rồi đến kỳ thằng Xe nó sinh thì lại phải trả. Sau Chu khá giàu. Đúng đến kỳ hẹn, Chu xe tiền của chạy đi trốn. Buổi tối, Chu dừng xe nghỉ ở dọc đường, gặp một người đàn bà chữa xin tạm nằm nhờ ở dưới xe. Đêm hôm ấy người đàn bà để đứa con trai, vì nó để ở gằm xe, bèn đặt tên là thằng Xe. Từ đấy Chu làm gì cũng thất-bại, lại thành nghèo kiết (theo sách Suu-thần-ký 搜神記).

(2) — Vương-Bột 王勃 đời Đường theo cha đi làm quan, đậu thuyền ở dưới núi Mã-Đương, mộng thấy vua Thủy-Phủ giúp cho một trận gió. Hôm sau quả nhiên thuận buồm xuôi gió thẳng đến Nam-Xương làm bài tựa Đàng-Vương Các (Loại-Tụ).

(3) — Phạm-trọng-Yêm 范仲淹 đời Tống khi làm trấn-thủ Nhiêu-Châu 饒州, có người học-trò vào yết-kiến, nói tình cảnh đói rét nghèo khổ. Bảy giờ người ta đương mộ lối chữ đẹp của Âu-Dương Suất-Canh 歐陽率更 viết khắc ở tấm bia chùa Tiến-Phúc. Trọng-Yêm bèn mua giấy mực định cấp cho người học-trò ấy đến chùa rập lấy nghìn bản để đem về kinh bán lấy tiền. Giấy mực sắp sẵn cả rồi chưa kịp rập, thì một đêm kia, trời mưa gió âm ảm, tấm bia bị sét đánh vỡ tan. (Viên-Cơ). Về sau có câu « Thời lai phong tống Đàng-Vương Các ; Vận khứ lôi oanh Tiến-Phúc bi » là lấy ở hai điển này để nói người gặp bước và người vận xui.

(4) — Nhan-Huyền và Mãn-Tử-Khiên đều là cao-đồ đức Khổng-Tử.

Lư-Chiếu 盧昭, Lạc-Tân 駱賓 (1) sao chẳng yên thân dần bạc. Thế mới biết: những sự không làm mà được là bởi Trời, không hện mà nên là tự Số. Điều đáng qui ở kẻ sĩ là nghèo mà không nịnh, cùng lại thêm kiên; làm đúng phạm-vi, phải sao chịu vậy; còn về lẽ cùng thông, sắc nhạt, muốn đến đâu thì đến, biết làm thế nào được?

Khuya bần đã cạn, lại khêu đèn cùng nhau trò chuyện liêu-miên không biết mỏi. Hôm sau, lúc trưng biệt, Di-Thành đuổi hết mọi người ra rồi bảo Lê-Ngộ:

— Tôi vừa tuân mệnh đức Thượng-Đế, kiểm coi cả bốn quân chuyên đi giải tạt-dịch, chia làm việc ở các quận-huyện, lại thêm nạn đói khát, binh-lửa nữa, sinh-linh sẽ bị hao mòn, mười phần chỉ còn lại bốn năm. Người nào, nếu không nguồn phúc sâu-xa, e rằng ngọc đá đều ra tro hết (2). Nhà anh bạc-phước, hình như cũng không thoát khỏi. Anh nên kíp về quê-quán, đừng lâu-lữa mãi ở nơi đất khách quê người này nữa.

Lê-Ngộ hỏi:

— Tưởng anh thừa sức che-chở cho tôi chứ.

Di-Thành nói:

(1) — Lư-Chiếu-Lân 盧昭隣 và Lạc-Tân-Vương 駱賓王 là hai tay văn-chương nổi tiếng về đời Đường Cao-Tôn (650 - 683). Bùi-Hành-Kiệm 裴行儉 thường chê là những người nông-nổi, nóng-nảy, không phải là tướng người được hưởng tước lộc lâu bền. Về sau quả nhiên Lư vì mang ác-tật mà gieo mình xuống nước chết, còn Lạc thì vì dính-lưu vào vụ mưu phản cũng bị tru-lục đúng như lời Kiệm đoán (Đường-Sử).

(2) — Đã chú-thích trong truyện Gã Trà-Đông giáng-sinh.

— Không phải địa-hạt của tôi, tôi không dám vượt qua. Từ sông Trường-Giang ngược lên phía bắc do tới chưởng-quân, còn mé tây sông Trường-Giang về phần tướng-quân họ Đinh trông coi. Nhưng tôi đốc-suất đoàn quân áo đen thì chúng còn có từ-tâm ; chứ toàn quân mặc giáp trắng của họ Đinh, thì chúng nó phần nhiều là những tên ác-quỷ cả, anh cũng nên lo-liệu trước mới được.

Lê hỏi :

— Vậy phải làm thế nào ?

Dĩ-Thành đáp :

— Mỗi một bộ-soái, đêm đêm sai hàng ngàn tên quân chia khu ra mà đi rải bệnh ôn-dịch. Anh nên sắp-sửa rượu thịt, dọn sẵn ra đề ngoài sân. Bọn chúng xa-xôi ngàn dặm tới nơi, hẳn là đói khát, thấy cỗ bàn tất ăn uống ngay. Anh núp ở trong chỗ tối mà rình, chờ lúc chúng ăn uống gần hết, chạy ra sup lạy, nhưng phải nhớ rằng đừng kêu van gì cả. Như thế họa may cứu vẫn được phần nào chăng ?

Đoạn úa nước mắt chia tay từ-biệt.

Lê-Ngộ về đến quê-hương vừa gặp lúc tật-dịch đương hoành-hành dữ. Vợ con chàng mắc bệnh nằm liệt giường, hầu không nhận ra chàng nữa. Chàng bèn lập-tức sắp-sửa cỗ bàn rất hậu theo lời bạn dặn, đem bày ra sân. Quả thấy bọn quỷ chùng trên mười đứa từ trên không bay xuống nhìn nhau mà nói :

— Bọn ta đều đói cả, bỏ cỗ đây không ăn lại còn đi đâu ? Chưa từng thấy vì uống vài chén rượu mà phải tội bao giờ.

Chúng bèn quay quần lại ăn uống. Có một người mặc áo tía, chễm-chệ ngồi giữa, còn thì đều đứng chung-quanh, kẻ cắp búa rìu, người cầm sớ-sách. Thấy họ ăn uống gần xong, Lê-Ngộ chạy ra lạy như tế sao.

Người mặc áo tía nói :

— Ta đương chè-chén, gã kia đến đây làm gì ?

Chúng quý nói :

— Đây hẳn là chủ-nhân bày những mâm cỗ này, nhà hẳn có người ốm nặng, cầu xin chাম-chước.

Người mặc áo tía nổi giận, cầm quyền sớ ném xuống đất, nói :

— Đời thuở nào lại đem mâm cỗ sơ-sài đòi lấy năm mạng bao giờ ?

Chúng quý nói :

— Nhưng chả lẽ đã ăn của người lại mẫm-ngợ được sao ? Thôi thì : nếu cứu nó mà nên tội, dù có chết cũng cam lòng.

Người áo tía ngấm-nghĩ hồi lâu rồi lấy bút son bôi bỏ chừng trên mười chữ xong ra đi. Vài ba hôm sau toàn gia Lê-Ngộ bị bắt dần rồi khỏi hẳn.

Lê cảm ơn-đức Dĩ-Thành cứu mình, bèn lập miếu thờ ngay trong nhà, người làng đến kêu cầu cũng thường thấy ứng-nghiem.

PHẦN BÌNH-LUẬN

Than ôi ! Bè-ban là một trong ngũ-luân (1), có thể

(1) — Ngũ-luân là đạo ăn ở với nhau trong 5 bậc :
1. Vua, tòi. — 2. Cha, con. — 3. Anh, em. — 4. Vợ, chồng.
5. Bè-bạn.

coi rẻ được chăng? Câu truyện quý Dạ-Xoa này có thật hay không, bắt-tất hoài hơi bần cãi. Điều đáng nghị-luận là Dĩ-Thành lấy nghĩa sinh-tử ra kết bạn ; khi đã có người bạn chân-chính thì dù sống chết chẳng đổi lòng, hoạn-nạn cùng cứu-gỡ.

Trên đời có những kẻ vì chén rượu mà nên bạn, tâm-địa tráo-trở, hễ lâm vào đường lợi-hại thì lờ đi như người rưng, nghe chuyện này há chẳng chạnh lòng hồ-thẹn ư ?

H ẾT

Truyện Tướng Dạ-Xoa



Tranh of NGUYỄN

Danh-sách đại-lý bán sách
DO TRUNG-TÂM HỌC-LIỆU
BỘ GIÁO-DỤC XUẤT-BẢN

SỐ thứ tự	TÊN ĐẠI-LÝ	ĐỊA CHỈ	TỈNH
1	Trường-Son	173, Độc-lập	ĐÀ-NẰNG
2	Ái-Hoa	67, Trần-Hưng-Đạo	THỪA-THIÊN
3	Việt-Long	293, Gia-Long	QUI-NHƠN
4	Đông-Hà	7, Phước-Hải, Nhatrang	KHÁNH-HÒA
5	Khai-Trí	62, Lê-Lợi, Saigon	SAIGON
6	Việt-Băng	78, Lê-Lợi Saigon	SAIGON
7	Sông-Mĩ	372, Phan-đình-Phùng	SAIGON
8	Thế-Giới	117, Triệu-Quang-Phục	CHỢ LỚN
9	Hàng-Nga	6, Nguyễn-Đình-Chiều	LONG-AN
10	Phượng-Linh	44, Hàm-Nghi	KIÊN-GIANG
11	Văn-Nhiều	34, Ngô-Quyền	PHONG-DINH
12	Minh-Trí	32, Phan-Thanh-Giản	VĨNH-LONG
13	Gioan 23	7-B, Hùng-Vương	ĐỊNH-TƯỜNG
14	Thanh-Tâm	65, Nguyễn-văn-Thỉnh	VĨNH-BÌNH
15	Tùng-Son	16, Trần-Hưng-Đạo	QUẢNG-TRỊ
16	Nam-Ngãi	159 A, Quang-Trung	QUẢNG-NGÃI
17	Sanh-Hưng	250, Phan-Châu-Trình	QUẢNG-TÍN
18	Quảng-Thuận	101-103, Thông-Nhất	PHAN-RANG
19	Vạn-Kim	278, Trần-hưng-Đạo	TUY-HOÀ (P.Yên)
20	Nam-Phương	162, Quốc lộ 1 (Thị-xã)	CAM-RANH
21	Văn-Hóa	38 B, Phan-bội-Châu	DARLAC
22	Khải-Minh	19, Hàm-Nghi	ĐÀ-LẠT
23	Tuyên-Đức	1, Hòa-bình	ĐÀ-LẠT
24	Kinh-Đô	79, Trần-hưng-Đạo	PHÚ-BỒN

Số thứ tự	TÊN ĐẠI-LÝ	ĐỊA CHỈ	TỈNH
25	Xuân-Thu	37, Cách-Mạng	LÀM-ĐỒNG
26	Ngũn-Sống	40/1, Tinh lộ số 10	HẬU-NGHĨA
27	Minh-Phát	25/3, Quan-Âm-Các	TÂY-NINH
28	Khai-Tri	1, Bùi-Ngươn-Ngãi	BÌNH-DƯƠNG
29	Văn-Học	95, Nguyễn-Du	LONG-KHÁNH
30	An-Lộc	3/7, Trần-hưng-Đạo	BÌNH-LONG
31	Đông-Hoa	208, Ngô-Quyển	BÌNH-TUY
32	Thiên-Tử	18, Nguyễn-thị-Giang	BIÊN-HÒA
33	Minh-Quang	103, Trưng-Nhị	VŨNG-TÀU
34	Thái-Ngọc	54/3, Lê-Lợi	GÒ-CÔNG
35	Minh-Đức	16, Trưng-Trắc	AN-XUYÊN
36	Phạm-thị-Viện	6/2, Nguyễn-đình-Chiều	KIẾN-HÒA
37	Thanh-Quang	10, Trương-vĩnh-Kỷ	BẠC-LIÊU
38	Kim-Vân	40, Đỗ-công-Trang	KIẾN-PHONG (Khánh-Hưng)
39	Hoa-Quang	99, Hai-Bà-Trung	BA-XUYÊN
40	Yến-Phương	15, Phạm-hồng-Thái	AN-GIANG

TRÍCH

Bảng kê tên sách

Do TRUNG-TÂM HỌC-LIÊU, BỘ GIÁO-DỤC Xuất-bản
240, Trần-bình-Trọng, SAIGON V

Đ.T. 93.642 - 24.142

A - SÁCH ĐẠI-HỌC

ĐH 1.	Cây cỏ miền Nam Việt-Nam (<i>Phạm hoàng Hộ</i>)	
		tập I tái bản 2. 900\$
ĐH 12.	Vẽ bóng (<i>Ngô Khắc Trâm</i>)	
ĐH 14.	Nông-học đại-cương (<i>Tôn Thất Trình</i>)	140\$
ĐH 17.	Sân-khoa I (<i>BS Đặng hóa Long</i>)	300\$
ĐH 17.	Sân-khoa II (<i>BS Đặng hóa Long</i>)	400\$
ĐH 17.	Sân-khoa III, IV (<i>BS Đặng hóa Long</i>)	350\$
ĐH 18.	Mục-lục phân-tích Tạp-chí Nam-phong (<i>L.M.Ng. K.Xuyên</i>)	150\$
ĐH 19.	Lược-khảo Văn-học I (<i>Nguyễn văn Trung</i>)	65\$
ĐH 19.	Lược-khảo Văn-học II (<i>Nguyễn văn Trung</i>)	65\$
ĐH 20.	Danh-từ Hệ Thần-kinh Trung-ương (<i>B.S. Ng. Hữu,</i> <i>B.S. Ng. T. Long</i>)	200\$
ĐH 21.	Hiền-hoa bí-tử (<i>Phạm-Hoàng-Hộ</i>)	400\$
ĐH 22.	Le contrôle de l' exécution des dépenses du Budget de l'Etat au Việt-Nam (<i>Lé quế Chí</i>)	120\$
ĐH 24.	Giác-quan và danh-từ tổng-quát (<i>Nguyễn Hữu,</i> <i>Trần-tấn-Trọng</i>)	350\$

ĐH 25.	Giao-thoa (<i>Nguyễn-chung-Tú</i>)	105\$
ĐH 26.	Rong-biên V.N. (<i>Phạm hoàng Hộ</i>)	500\$
ĐH 27.	Nhiều-xạ (<i>Nguyễn-chung-Tú</i>)	150\$
ĐH 28.	Danh-từ đượç-học (<i>Nguyễn-văn-Đương</i>)	1.000\$
ĐH 29.	Điện-học (<i>Võ-đức-Diễn</i>)	400\$
ĐH 30.	Nho-giáo (<i>Trần trọng Kim</i>)	
ĐH 31.	Bệnh sốt rét tại V.N (<i>Đặng văn Đang — Nguyễn đấng Quê</i>)	
ĐH 32.	Phân-cực (<i>Nguyễn chung Tú</i>)	
ĐH 33.	Phồ-học (<i>Nguyễn-chung-Tú</i>)	

B — SÁCH TRUNG-HỌC

TrH 1.	Việt-nam Văn-học Sử-yếu (<i>Dương Quảng Hàm</i>)	25\$
TrH 2.	Việt-Nam Thi-văn hợp tuyển (<i>Dương Quảng Hàm</i>)	20\$
TrH 3.	Văn-học Việt-Nam (<i>Dương Quảng Hàm</i>)	20\$
TrH 5.	Việt-văn độc-bản đệ tam (<i>Trần trọng San</i>)	
TrH 6.	Việt-văn độc-bản đệ nhị (<i>Đàm xuân Thiều, Trần trọng San</i>)	
TrH 7.	Nữ thi-hào Việt-Nam (<i>Phạm xuân Đệ</i>)	
TrH 8.	Thượng-chi văn-tập I (<i>Phạm Quỳnh</i>)	35\$
TrH 8.	Thượng-chi văn-tập II (<i>Phạm Quỳnh</i>)	35\$
TrH 8.	Thượng-chi văn-tập III (<i>Phạm Quỳnh</i>)	35\$
TrH 8.	Thượng-chi văn-tập IV (<i>Phạm Quỳnh</i>)	35\$
TrH 8.	Thượng-chi văn-tập V (<i>Phạm Quỳnh</i>)	25\$
TrH 9.	Chương-trình Trung-học	100\$
TrH 16.	Hóa-học đệ tam (<i>Phạm Đình Ái</i>)	20\$
TrH 18.	Hóa-học đệ nhất (<i>Phạm Đình Ái</i>)	100\$
TrH 28.	Further readings for Vietnamese Students (<i>Trương văn Bình</i>)	
TrH 29.	Phương-pháp làm bài Nghị luận (<i>Ngô văn Phát</i>)	250\$

C — SÁCH TIỂU-HỌC

TH 1.	Quy-trình các trường Tiểu-học	
TH 2.	Chương-trình Tiểu-học	35\$
TH 40.	80 Trò chơi lành mạnh (<i>Nguyễn văn Chính</i>)	80\$
TH 42.	Toán lớp 5 mới (<i>C.N. Cảnh, P.V. Chiêu</i>)	100\$

D — SÁCH CHUYÊN-NGHIỆP

CN 2.	Dân-ca Việt-Nam (<i>Nguyễn hữu Ba</i>)	
CN 6.	Sư-phạm lý-thuyết (<i>Trần văn Quế</i>)	150\$
CN 7.	Sư-phạm thực-hành (<i>Trần văn Quế</i>)	100\$
CN 9.	Tâm-lý-học ứng-dụng (<i>Phạm xuân Độ</i>)	
CN 10.	Luân-lý chức-nghiệp nhà giáo (<i>Nguyễn gia Tường</i>)	50\$
CN 12.	Khái luận bóng tròn (<i>Nguyễn văn Chính</i>)	65\$
CN 13.	Tự học đánh máy chữ (<i>Tôn thố Y</i>)	120\$
CN 14.	Sư-phạm chuyên biệt (<i>Hồ văn Huyền</i>)	200\$

E — SÁCH-DỊCH

1) Pháp-văn

PV 1.	Les plaintes d'une odalisque (<i>Huỳnh khắc Dụng</i>)	100\$
PV 2.	Femme de guerrier (<i>Huỳnh khắc Dụng</i>)	80\$
PV 3.	Nhập môn nghiên-cứu y-khoa thực-nghiệm (<i>N.B. Trần văn Bảng</i>)	120\$
PV 21.	Những vinh nhục của César Birotteau (<i>Mặc Đỗ</i>)	350\$
PV 22.	Sự yên lặng của biển cả (<i>Trịnh huy Tiễn</i>)	100\$
PV 23.	Dòng-dội Roquevillard (<i>Trịnh xuân Ngạn</i>)	220\$
PV 24.	Kim-Van-Kiéou (<i>René Crayssac</i>)	248\$
PV 25.	Ông già Goriot (<i>Đào Đăng Vỹ</i>)	180\$
PV 26.	Triết-học nhập môn (<i>Lê-Tôn-Nghiêm</i>)	100\$
PV 27.	Ngữ-vựng nguyên-tử-năng (<i>UBQGSTDTCM</i>)	180\$

II) Anh-văn

- AV 4. Thùng rượu Amontillado (*Nguyễn văn Tạo*)
AV 6. Ông thị-trưởng Casterbridge (*Ô.B. Nguyễn Đăng Hải*)
AV 11. Từ-Hi Thái-Hậu (*Tôn Thất Hanh*) 350\$
AV 12. Cánh bướm ma (*Phạm Xuân Lương*) 30\$
AV 13. Laura (*Bích Chi Vũ Thượng Văn*) 30\$

III) Hán-văn

- HV 2. Lê-triều giáo-hóa điều-luật (*Trần Khái Văn*)
HV 3. Luận-ngữ, Tập I (*Lê Phục Thiện*) 200\$
HV 3. Luận-ngữ, Tập III (*Lê Phục Thiện*) 150\$
HV 11. Hồng-vũ Cầm-thư, tập II (*Nguyễn văn Minh*)
HV 14. Lê-Triển lịch-khoa tiến-sĩ đề danh bi-ký, tập IV
HV 16. Tang thương ngẫu lục I (*Đạm Nguyễn Nguyễn Đức Đạm*) 60\$
HV 16. Tang thương ngẫu-lục II (*Đạm Nguyễn Nguyễn Đức Đạm*) 70\$
HV 17. Tân-biên truyền-ký mạn-lục, (*Bùi Xuân Trang*)
HV 19. Đại-Việt quốc thư (*Hoàng văn Hoè*) 140\$
HV 20. Đại-học (*Phạm ngọc Khuê*) 50\$
HV 21. Thúy-kiều truyện trường-chú, quyển thượng
(*Chiêm Văn Thị chú đính*) 100\$
HV 21. Thúy-kiều truyện trường-chú, quyển hạ
(*Chiêm Văn Thị chú đính*) 100\$
HV 22. Mạnh Tử, tập thượng (*Nguyễn thượng Khôi*) 300\$
HV 22. Mạnh Tử, tập hạ (*Nguyễn thượng Khôi*) 300\$
HV23. Dịch kinh bản nghĩa, tập Thượng (*Nguyễn duy Tinh*) 180\$

HV 23.	Dịch kinh bản nghĩa, tập Hạ (<i>Nguyễn duy Tinh</i>)	250\$
HV 24.	Thi kinh tập truyện, tập I (<i>Tạ quang Phát</i>)	500\$
HV 24.	Thi kinh tập truyện, tập II (<i>Tạ quang Phát</i>)	400\$
HV 24.	Thi kinh tập truyện, tập III (<i>Tạ Quang phát</i>)	350\$
HV 25.	Tam khôi Bị lục (<i>Nguyễn hữu Tùng</i>)	120\$
HV 26.	Công Thần Lục (<i>Nguyễn thế Nghiệp</i>)	80\$
HV 27.	Nam-Quốc VI nhân truyện (<i>Cung thúc Thiêm</i>)	120\$
HV 28.	Thục An Dương-Vương sự tích (<i>Đình nho Linh</i>)	50\$
HV 29.	Kiến-văn-lục (<i>Đàm duy Tào</i>)	80\$
HV 30.	Nguyễn-Triều Long-Hưng sự tích (<i>Bùi Đản</i>)	50\$
HV 31.	Đảng-khoa lục sưu giảng (<i>Đạm Nguyễn</i>)	350\$
HV 32.	Lập-trai tiên-sinh hành trạng (<i>Hà ngọc Xuyên</i>)	140\$
HV 33.	Hùng-vương sự tích ngọc phá cò truyện (<i>Hà Ngọc Xuyên</i>)	50\$
HV 34.	Dã sử (<i>Hồ đắc Ý</i>)	160\$
HV 35.	Linh-Nam dật-sử I (<i>Bùi Đản</i>)	350\$
HV 35.	Linh-Nam dật-sử II (<i>Bùi-Đản</i>)	350\$
HV 36.	Xuân-thu tam-truyện I (<i>Hoàng-Khôi</i>)	400\$
HV 36.	Xuân-thu tam-truyện II (<i>Hoàng-Khôi</i>)	250\$
HV 37.	Cò-văn, tập I (<i>Hoàng Khôi</i>)	500\$
HV 37.	Cò-văn, tập II (<i>Hoàng Khôi</i>)	520\$
HV 37.	Cò-văn, tập III (<i>Hoàng Khôi</i>)	500\$

G— SÁCH PHỔ THÔNG

PT 2.	Nhân-vật Đông-Châu (<i>T.L. Võ ngọc Thành</i>)	250\$
PT 3.	Y-học tâm ca (<i>BS Nguyễn đình Cát,</i> <i>BS Nguyễn gia Quỳnh</i>)	150\$

H.V. 17



Giá: 400đ